TOUS LES ARTICLES SONT EN FRANÇAIS
avec traduction juxtalinéaire en Annamite pour la plupar

1923-24 — N° 3

Novembre-Décembre

REVUE DU F.E.A.

VIET NAM THANH NIEN TAP.CHI

Français-Annamite Pháp-Văn Việt-Văn



Cơ Quan Của **VIỆT NAM THANH NIÊN HỘI**

Hai tháng xuất bản một kỳ

Mỗi Số 0,40

Mua đồng niên 2$20

BULLETIN DU FOYER DES ETUDIANTS ANNAMITES

Autorisé par Arrêté en date du 6 mai 1922

(Bilingue & paraissant tous les deux mois)

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

VIỆT - NAM THANH - NIÊN HỘI

Công-cuộc mở-mang luân-lý cho thiếu - niên An-nam
Đứng hẳn ngoài những vấn-đề chính-trị và tôn-giáo

5, *Phố Vọng-Đức*, Hanoi, Tonkin. — Téléphone 328

HỘI BẢO-CHỦ

MM. MONGUILLOT, Thống-sứ Bắc-kỳ,
ROBIN, Phó-Toàn-quyền Đông-Pháp,
Bác-sĩ COGNACQ, Thống-đốc Nam-Kỳ,
BLANGUERNON, Học-hiệu Thanh-tra, Quyền Giám-Đốc Đông-Pháp Học-chánh,
MUS, Giám-Đốc Trường Sư-Phạm,
Đại-nhân : HOÀNG-CAO-KHẢI, Kinh-lược cũ Bắc-Kỳ,
THÂN-TRỌNG-HUỀ, Thượng-thư Bộ-Binh kiêm Bộ-Học,
HOÀNG-TRỌNG-PHU, Tổng-Đốc Hà-đông,
PHẠM-VĂN-THỤ, Thượng-thư Bộ-Hộ,
LÊ TRUNG-NGỌC, Tổng-Đốc, Cố-vấn Tòa Thượng-thẩm,
TRẦN-VĂN-THÔNG, Tổng-Đốc, Cố-vấn Tòa Thượng-thẩm.

Danh-dự Hội-Trưởng :
Quan Cai-trị Louis MARTY, Chánh-tòa Chính-trị phủ Toàn-quyền

PHÒNG ĐỌC SÁCH. — Có các thứ tạp-chí và các thứ báo : L'Illustration, Les Annales, Les Lectures pour tous, Je sais tout, La Nature, La Revue scientifique, La Revue Bleue, La Revue Mondiale, La Revue de Paris, La Revue Indigène, La Revue Métapsychique, La Revue Spirite, Lisez-moi, Le Message Théosophique, Le Temps, Les Annales Coloniales, Le Chasseur Français, Le Semeur, La Revue Indochinoise, Les Pages Indochinoises, Le Bulletin de l'Ecole Française d'Extrême-Orient, Le Bulletin général de l'Instruction publique, La Revue du Tourisme, Le Bulletin de l'Amicale de l'Université, Le Bulletin de l'Enseignement mutuel, Tạp-chí Nam-phong, Hữu thanh, khoa-học tạp-chí, France-Indochine, Le Courrier d'Haiphong, L'Indépendance Tonkinoise, l'Eveil Economique, Les Sports Indochinois, Trung-Bắc-Tân-Văn, Khai-Hóa nhật-báo, Thực-Nghiệp dân-báo, La Tribune Indigène, La Voix Annamite, Trung Hòa Nhật-báo, Đông-Pháp Thời-báo, Nam Kỳ Kinh-tế, vân vân...

BUỒNG CHƠI. — Có 200 bộ đồ chơi hội hợp, máy-hát, máy chớp ảnh
PHÒNG TRÀ NƯỚC. — NHÀ ĂN CƠM.
Ở LƯU-CHÚ. — Cả điện, nước, vòi tắm ; cơm ăn mỗi tháng 9$ hay là 13$50. (để riêng cho hội-viên).
THƯ-VIỆN. — Có 1000 quyển sách để cho hội-viên mượn (6 quyển trong tuần lễ) có gửi sách cho hội-viên các tỉnh, mượn, muốn mượn để tiền bảo-chứng rồi sau trả lại.
DIỄN-THUYẾT. — Giảng dạy về luân-lý và cách-trí phổ-thông.
DU-QUAN. — Đưa đi xem những lâu-đài cổ-tích và các sở công-nghệ
HỘI-HỌP ĐÀM-ĐẠO...,
Vân vân....
Tiền-lệ vào hội : 0$50. — Tiền nguyệt-cấp : 0$20.

REVUE DU F. E. A.

1923 - 24 — N° 3 **Novembre — Décembre**

VIỆT NAM THANH NIÊN

TẠP-CHÍ

Năm 1923 - 24 — Số 3 **Novembre — Décembre**

IN TẠI
NHÀ IN THỰC-NGHIỆP
43, Phố Hoàn-Kiếm, 43
HANOI

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

YẾU-MỤC

Trang

1. — NHO-GIÁO, *diễn-thuyết đọc tại Hội V.N.T.N.*; Trần-trọng-Kim soạn. 4
2. — VỊNH VĂN-MIẾU HÀ-NỘI, *vận-văn*, Nguyễn-văn-Tỉnh soạn. 88
3. — DU-KÝ Ở MẤY LÀNG ANNAM, P. Monet soạn . 90
4. — TƯ-TƯỞNG (Phần nhiều trích ở trong sách « *Livre de la sagesse* » của ông P. Sallet), Nhiều Nhà Trước Tác soạn. . . . . tạp
5. — VỆ-SINH NUÔI TRẺ, Justus soạn. 128
6. — MỘT BỨC THƯ NÊN SUY-NGHĨ của Dominique Tcheng; sau có tiếp theo *một bài đáp lại* của Etienne Tsu. 136
7. — KIẾP ĐI ĐẦY, Lamennais soạn, Nguyễn-Bân dịch ra thơ nôm. 148
8. — THÙ-NGHỊCH VÀ ĐỒNG-MINH CỦA TA, Ch. Wagner soạn, Đỗ-Quyên dịch. 152
9. — CHUYỆN BA DÒNG SÔNG, *ngụ-ngôn*, Nguyễn-Bân soạn. 164
10. — CON ẾCH MUỐN TO BẰNG CON BÒ, *ngụ-ngôn*, của La Fontaine, N.-N.-Xuân dịch ra thơ nôm . 168
11. — CHUYỆN DOMINIQUE, *tiểu-thuyết* của Fromentin, Nguyễn-Hòa dịch. 170
12. — KHÓC BẠN, *vận-văn*, Nguyễn-Ứng soạn. . . . 194
13 — ĐỘNG LIÊN-HOA, *vận-văn*, của Phạm-văn-Nghị, Nguyễn-Ứng dịch Pháp-văn. 196
14. — BẢNG DANH-DỰ CỦA NGƯỜI VIỆT-NAM, Tòa-Soạn ghi-chép 198
15. — A NOS AMIS FRANÇAIS (chỉ có Pháp-văn) P. Monet soạn. 204
16. — JUGEMENT PRONONCÉ POUR L'AFFAIRE DANDOLO-MONET (chỉ có Pháp-văn). 214
17. — THƯ-TÍN CỦA HỘI V.N.T.N. 232
18. — XÉT VIỆC TÀI-CHÍNH CỦA HỘI V.N.T.N. . 264
19. — SỔ LẠC-QUYÊN GIÚP HỘI V.N.T.N. (số trang riêng)

TRANH VẼ:

Hình « THIÊN-ĐỊA VỊ-PHÂN » và hình « BÁT-QUÁI ». . 9 và 11
TƯỢNG ĐỨC KHỔNG-TỬ (phụ-đồ). 10
BẢN-ĐỒ « KHỔNG-PHU-TỬ CHU-DU LIỆT-QUỐC ». 25
KHUÊ-VĂN-CÁC TẠI VĂN-MIẾU HÀ-NỘI, Mạnh-Hưng vẽ. (Phụ-đồ). 88
BỘ-GIÁNG XINH-ĐẸP, *tranh-vẽ khôi-hài*, của Mạnh-Hưng (phụ-đồ). 169

SOMMAIRE

Pages

1. — LA DOCTRINE DES NHO, *conférence donnée au F. E. A.* par Trần-trọng-Kim 5
2. —LE TEMPLE DE CONFUCIUS, *poésie* par Nguyễn-văn-Tỉnh 89
3. — QUELQUES VISITES A DES VILLAGES ANNAMITES par P. Monet. 91
4. — PENSÉES, par divers auteurs (extraites pour la plupart du « *Livre de la sagesse* » par P. Sallet). diverses
5. — L'HYGIÈNE INFANTILE, par Justus 129
6. — UNE LETTRE A MÉDITER, par Dominique Tcheng, suivie d'*une réponse* de Etienne Tsu. 137
7. — L'EXILÉ, par Lamennais, traduit en vers annamites par Nguyễn-Bân. 149
8. — NOS ENNEMIS, NOS ALLIÉS, par Ch. Wagner, traduit par Đỗ-Quyên 153
9. — LES TROIS FLEUVES, *fable* par Nguyễn-Bân. . 165
10. — LA GRENOUILLE QUI SE VEUT FAIRE AUSSI GROSSE QUE LE BŒUF, *fable* de La Fontaine, traduite en vers annamites par N.-N.-Xuân. . . 169
11. — DOMINIQUE, *roman*, par E. Fromentin, traduit par Nguyễn-Hòa 171
12. — PLEURS SUR UN AMI, *poésie*, par Nguyễn-Ứng. . 195
13. — LA GROTTE AUX NUNÉPHARS, *poésie* par Phạm-văn-Nghị, traduite par Nguyễn-Ứng 197
14. — TABLEAU D'HONNEUR ANNAMITE, par La Rédaction 199
15. — A NOS AMIS FRANÇAIS par P. Monet 204
16. — JUGEMENT PRONONCÉ POUR L'AFFAIRE DANDOLO-MONET 214
17. — BOITE AUX LETTRES DU F.E.A. 233
18. — EXAMEN DE LA COMPTABILITÉ DU F. E. A. . 264
19. — LISTES DE SOUSCRIPTIONS DU F. E. A. (pagination spéciale)

ILLUSTRATIONS:

LA MONADE et LE DIAGRAMME . . . . . 9 et 11
PORTRAIT DE CONFUCIUS (hors-texte). 10
CARTE DES VOYAGES DE CONFUCIUS (hors-texte) . 25
UN COIN DU TEMPLE DE CONFUCIUS, par Mạnh-Hưng (hors-texte) 88
LES BEAUTÉS DE LA PHOTOGRAPHIE *dessin humoristique* par Mạnh-Hưng, (hors texte) 196
COUVERTURE et ORNEMENTS GRAPHIQUES de Nam-Sơn.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

NHO-GIÁO

Bài diễn-thuyết thứ nhất về Nho-giáo của **ông Trần-Trọng-Kim** thanh-tra các trường Sơ-đẳng Bắc-kỳ đã soạn riêng cho hội V. N. T. N. ta và đã đọc tại bản-hội ngày 22 Octobre 1922.

Hôm nay tôi được cái hân-hạnh để cùng với các ông nói câu chuyện là nhờ có ông Monet đã có lòng nhiệt-thành gây-dựng lên cái hội « Việt-Nam-Thanh-Niên » này để cho thiếu-niên nước ta có nơi đi lại chơi bời, vừa có ích cho sự đoàn-thể và lại lợi cho sự học-tập. Ông Monet lại bảo tôi đem một vài chuyện thỉnh-thoảng đến nói chuyện để mở rộng thêm sự học. Vậy tôi không dám từ-chối, nhưng tôi xin nói trước để các ông biết rằng những chuyện tôi nói thì không có cái gì là có thể vui-cười được, vì tôi thiết-tưởng rằng các ông đây là đang vào lúc cần phải học-tập để mở-mang cái trí-khôn của mình, cho nên cần phải nói những chuyện gì có thể hợp với cái chủ-đích ấy.

* * *

Nay tôi xin nói về Nho-giáo là một cái đạo khởi-phát ở bên Tầu, mà cha ông mình đã sùng-kính hơn 2.000 năm nay, nghĩa là kể từ khi quân ông Triệu-Đà sang lấy nước Âu-lạc cho đến hết thế-kỷ vừa rồi, người mình cứ mỗi ngày một nhiều thêm cái tinh-thần Nho-học, mãi cho đến bây giờ nhân có cái phong-trào mới, sự Tây-học mở rộng ra thì đạo Nho mới suy dần-dần đi. Tuy vậy, cái hình-thức bề ngoài thì đã kém đi nhiều, nhưng cái thế-lực phảng-phất hãy còn mạnh, là vì người mình đã hấp-thụ cái Nho-học đã lâu đời lắm rồi, nó đã tiêm-nhiễm vào não-chất của mình sâu-xa lắm. Dẫu ngày nay có muốn bỏ dứt đi cũng chưa hẳn dễ chốc-lát đã làm mất hẳn đi được. Vả chăng Nho-giáo đã tạo-tác ra cái tinh-thần của mình và đã làm cho nước ta thành được một nước có tiếng văn-hiến ở phương Viễn-đông này, thì thiết-tưởng ta cũng không nên vội-vàng phá-hoại đi làm gì, không những là không nên bỏ hẳn đi, mà ta lại nên tham-bác điều hay điều dở rồi đem dung-hóa với cái học mới, thì có lẽ cũng thành được một học-phái rất có giá-trị, cũng chẳng kém gì những học-phái khác.

LA DOCTRINE DES NHO

1ère conférence sur ce sujet, préparée spécialement pour le F. E. A. par **M. Trần-Trọng-Kim**, inspecteur des Ecoles Primaires et donnée à notre Société le 22 Octobre 1922.

Si j'ai aujourd'hui le privilège de me trouver parmi vous pour cette causerie, je le dois à la bonté de M. Monet qui a fondé l'œuvre du Foyer des Etudiants Annamites pour que vous y trouviez un lieu de réunions vous permettant de vous fréquenter pour développer en vous l'esprit de solidarité et aider à votre progrès intellectuel. M. Monet m'a demandé de revenir ici quelquefois pour vous y donner des entretiens destinés à développer votre instruction. Je ne pouvais me refuser à une telle demande, et je suis venu. Mais avant toute causerie, je dois vous prévenir que les sujets dont j'aurai à vous entretenir ne sont pas de simples divertissements, car je pense que vous êtes à un âge où vous devez vous intéresser à des choses plus sérieuses et désirer surtout votre développement intellectuel.

* * *

Le sujet dont je voudrais vous entretenir aujourd'hui est la doctrine des Nho qui fut instaurée en Chine dès les origines et que nos ancêtres ont respectée et suivie depuis plus de deux mille ans, c'est-à-dire depuis l'époque où Triệu-Đà prit en mains le royaume de Âu-lạc jusqu'au siècle dernier ; l'esprit de cette doctrine n'a cessé de nous imprégner chaque jour davantage, et son action ne s'est atténuée que lorsque le grand courant de la civilisation occidentale est venu baigner notre pays ; l'affaiblissement de cette doctrine, qui date du développement de la nouvelle civilisation est d'ailleurs plus apparent que réel : elle exerce encore sur nous une influence profonde, car nous l'avons assimilée au cours de longs siècles et notre cœur ainsi que notre cerveau en sont profondément imprégnés. Il ne nous serait pas possible aujourd'hui, même si nous le voulions, de nous dégager brusquement de l'esprit de cette civilisation. D'ailleurs la doctrine des Nho a façonné notre cerveau et formé notre esprit ; c'est grâce à elle que notre pays a pu acquérir une civilisation élevée en Extrême-Orient, posséder de belles traditions et des ouvrages littéraires et moraux remarquables ainsi que des hom-

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Vậy Nho-giáo là một giáo-thuyết rất tôn-trọng ở nước ta từ xưa đến giờ. Nay ta thử xét xem cái tôn-chỉ của Nho-giáo là thế nào, nó khởi-phát từ bao giờ, ai tổ-chức thành ra một học-phái rất mạnh, nó biến-đổi từ đời nọ qua đời kia ra làm sao, và sự kết-quả về đường tiến-hóa lợi-hại thế nào.

* * *

Nho là « học-giả chi xưng », nghĩa là người đi học biết chữ gọi là Nho. Lại có nghĩa nữa là ai hiểu-biết được đạo Trời đất và đạo người thì gọi là Nho : (通天地人曰儒). Vậy thời đạo Nho là đạo của người đi học, biết xét nghĩa-lý phải chăng, biết giữ cương thường luân-lý.

Cứ như ý-kiến những người Nho-học thì đạo Nho khởi-đầu kể từ đời vua Phục-hi (4477-4363), nghĩa là kể từ ông

mes lettrés et vertueux. Pour toutes ces raisons, nous devons bien nous garder de la détruire. Et non-seulement nous ne devons pas rejeter cette doctrine, mais il nous faut encore l'étudier, afin de bien connaître ce qu'elle a de meilleur et de plus beau, et aussi ce qu'elle a d'imparfait, voire même de nuisible, pour en retenir alors les meilleurs éléments et les associer de façon heureuse avec tout ce qu'il y a de meilleur aussi dans la civilisation nouvelle que nous recevons aujourd'hui. En procédant ainsi, nous pourrons former dans notre pays une doctrine, un enseignement moral qui auront une très grande valeur, comparable à celle des doctrines les plus renommées.

La doctrine des Nho fut donc à la base d'un enseignement qui fut grandement en honneur dans notre pays, depuis le passé le plus lointain jusqu'à nos jours. Voyons quel est le principe de cet enseignement, quand il fut créé, qui l'organisa et le perfectionna pour en faire une doctrine si longtemps puissante ; nous observerons ensuite ses modifications successives au cours des différentes époques et verrons quels ont pu être les fruits bons ou mauvais qu'elle a produits et quelle influence elle a pu exercer sur notre civilisation au cours de notre évolution jusqu'à ce jour.

* * *

On désignait sous le nom de « Nho » tous ceux qui étudiaient, qui connaissaient la littérature, ceux qui étaient préoccupés du problème métaphysique des relations et actions réciproques du ciel, de la Terre, et de l'Humanité, (通天地人曰儒) considérés par cet enseignement comme étant les trois principales personnes de l'univers. La doctrine des Nho était donc une doctrine pratiquée par les étudiants, les lettrés, les savants, qui s'efforçaient à connaître les raisons ultimes des choses et qui s'appliquaient par l'observation d'une loi morale, à garder précieusement certains principes et à les mettre en application dans leur vie pour développer les vertus humaines.

Suivant les traditions des lettrés, la doctrine des Nho remonterait à l'Empereur Phục-Hi (4.477 à 4363 avant l'ère chré-

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

vua đầu-tiên nước Tầu mà đã đặt ra thư-khế để thay cái tục lấy dây thắt nút và chế ra bát-quái để giải-thích sự biến đổi của âm-dương. Từ đó về sau lấy bát-quái của vua Phục-Hi, cửu-trù của vua Đại-Vũ làm gốc triết học của Nho-giáo ; lấy *điển, mô, huấn, cáo*, là các lời khuyên-răn của những đế-vương thánh-hiền đời trước làm gốc luân-lý-học ; lấy điển-hình chế-độ của Nghiêu, Thuấn, lễ-nhạc của Chu-công làm gốc chính-trị-học. Bất-cứ việc gì cũng phải lấy những bậc đế-vương thánh-hiền ấy làm chuẩn-đích, để mọi người trông vào đấy mà noi theo, hễ không theo thì cho là trái đạo.

(Xem hình vẽ bên trang đối-diện)

太極未分

LE MONADE ÂM-DƯƠNG

(Image de la période chaotique avant la naissance des mondes)

THÁI-CỰC VỊ-PHÂN

陰 = Principe femelle (en noir) - ÂM

陽 = Principe mâle (en blanc) - DƯƠNG

Về đường triết-lý thì Nho-giáo nhất-thiết chỉ biết có hai cái nguyên-chất là khí âm và khí dương. Trời đất vạn-vật đều do ở hai khí ấy mà ra. Khi hai khí ấy chưa phân ra thì vũ-trụ hỗn-độn, không có gì cả, dần dần hai khí ấy phân-ly ra, cái khí khinh-thanh thì lên làm trời, cái khí trọng-trọc thì xuống làm đất. Ở trong khoảng trời đất, khí âm và khí dương hỗn-hợp với nhau sinh ra muôn vật. Vật nào bẩm-thụ được nhiều thanh-khí thì làm thần làm thánh, vật nào bẩm-thụ được ít thì phải chịu làm những vật đê-hạ.

tienne), premier empereur de la Chine. C'est aussi de cette époque que daterait l'invention de l'écriture et des livres, remplaçant l'usage des nœuds seuls employés jusque-là pour enregistrer les évènements mémorables; à cette époque aussi aurait été imaginé le diagramme bát-quái destiné à expliquer et commenter les phénomènes de la nature et les transformations diverses par l'action essentielle du double principe «femelle-mâle» (âm-dương) Depuis cette époque, le diagramme de l'empereur Phục-Hi et les neuf articles de la Grande Règle (cửu-trù) de l'empereur Đại-Vũ sont devenus les principes fondamentaux de la philosophie des Nho; les exemples, les enseignements, les modèles des sages empereurs formèrent la base de l'enseignement moral, et les vertus et les principes législatifs des empereurs Nghiêu et Thuấn furent considérés comme essentiels de toute politique. En toute chose, on prit comme modèle certain la conduite des empereurs et des sages, et tous ceux qui ne se conformaient pas à ces principes et ne suivaient pas ces exemples étaient considérés comme ennemis de la Doctrine et de la saine raison.

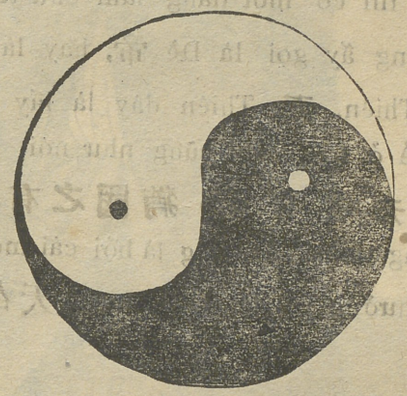

Au point de vue métaphysique, la doctrine des Nho proclamait l'existence de deux éléments essentiels: le principe femelle (âm) et le principe mâle (dương). Le ciel, la terre et les dix mille espèces dont ils sont peuplés furent engendrés par ces principes. Avant leur séparation, l'univers n'était que néant ou mélange confus; peu à peu les deux principes se séparèrent nettement : le plus léger s'éleva pour former le ciel; le plus lourd, le plus grossier descendit et forma la terre. Entre le ciel et la terre, les deux principes se sont conjugués de façons diverses pour donner naissance à toutes les espèces. Parmi celles-ci, les plus élevées sont celles qui ont reçu la plus forte proportion de principe pur; on y trouve les esprits les plus élevés et les plus saints; tandis que celles qui ont reçu plus de principe impur restent aux plus bas niveaux.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

(Xem hình vẽ bên trang đối-diện)

Ở trên trời thì có một đấng làm chủ-tể cả trời đất và muôn vật. Đấng ấy gọi là Đế 帝, hay là Thượng-Đế 上帝, hay là Thiên, 天. Thiên đây là lấy nghĩa bóng nói về đấng chủ-tể ở trên trời cũng như nói ông vua trong nước vậy: 昊天之有帝。猶國之有君。Việc gì phát-hiện ra ở trong thiên-hạ cũng là bởi cái mệnh của Thượng-Đế, cho nên thường gọi là Thiên-mệnh 天命 hay là Đế-mệnh 帝命.

(Xem hình vẽ bên trang đối-diện)

Association très usitée de la monade et des huit diagrammes

BÁT QUÁI - 八卦



KHỔNG-TỬ 孔子 CONFUCIUS

Université Côte d'Azur. Bibliothèques



Le ciel
Kiền - 乾

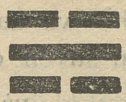

L'eau courante
Khảm - 坎

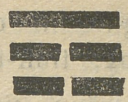

Les montagnes
Cấn - 艮

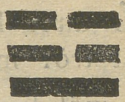

Le Tonnerre
Chấn 震

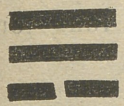

Le vent
Tốn - 巽

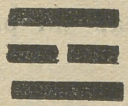

Le feu
Ly - 離

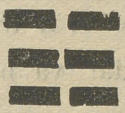

La terre
Khôn 坤



L'eau stagnante
Đoái - 兌

Les huit diagrammes divinatoires : Bát-quái – 八卦

Au ciel règne un personnage maître souverain de toutes les espèces appelé Đế 帝 (Dieu, ou Thượng-Đế 上帝 (Dieu du ciel) ou encore Thiên 天 (le Ciel), le mot Thiên désignant alors non plus seulement le ciel lui-même mais celui qui y règne comme un souverain dans son pays 昊天之有帝。猶國之有君. Tout évènement est considéré comme produit en exécution d'un ordre de ce Dieu céleste, d'où l'expression très usitée : l'ordre du ciel 天命 ou le dessein de Dieu 帝命.

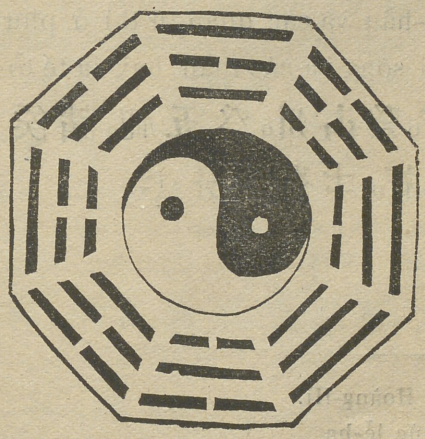

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Ở dưới Thượng-Đế thì có Hậu-thổ và bách-thần ; như là mặt trời mặt trăng, tinh-tú và sơn-suyên đều có thần cả. Mà mặt trời, mặt trăng, tinh-tú, tứ thời và sơn-suyên đều có cái ảnh-hưởng với sự làm ăn và sinh-hoạt của người đời, vậy nên người nào mà Thượng-Đế đã trao cho cái mệnh, được thay trời trị thiên-hạ, thì phải tỏ lòng tôn-kính mà tế trời đất và bách-thần.

Nhưng trong sự tế-tự đó phải có trật-tự, chứ không phải là ai muốn tế-tự thế nào cũng được. Vì rằng Thượng-Đế là đứng chí-minh chí-chính, không có điều gì là không biết mà lại có lòng chí-nhân và vô-tư (上帝至仁無私) thường cúi xuống xem xét bốn phương xem nhân-dân có bị điều gì thì cứu-giúp (皇矣上帝。臨下有赫。監觀四方。求民之莫) (1). Việc gì cũng cứ theo cái lẽ công mà thôi, chứ không có thiên-tư chút nào, bởi vậy người thường không phải cầu-nguyện, không nên lo sự lành-dữ họa-phúc làm gì, cứ hết lòng thành để thuận đạo trời là đủ (吾之於天。豈敢計吉凶禍福必之哉。惟盡在我之誠。以順天而已). Trừ những bực đế-vương là người thụ-mệnh của trời đất, thì phải tế trời đất, so với cái tôn-giáo khác thì những bậc ấy tựa như người giáo-chủ, được riêng giữ quyền tư-tế 司祭 mà thôi, còn chư-hầu và các quan-tư thì ở phương nào tế thần phương ấy, tế núi sông và các thần hay là tế tổ-tiên (天子祭天地。祭四方。祭山川。祭五祀。諸侯方祀。祭五祀。大夫祭五祀。士祭其先) (2)

(1) — Thi-Kinh : Hoàng-hĩ.
(2) — Lễ-ký : Khúc lễ-hạ.

Après le Dieu du ciel, viennent le dieu de la terre, puis des légions d'autres dieux, ou génies : il y a un dieu pour chaque chose : un pour le soleil, un pour la lune, d'autres pour les étoiles, les montagnes, les fleuves, etc. Puisque le soleil, la lune, les étoiles, les quatre saisons, les fleuves et les montagnes ont tous une influence sur la vie des hommes, celui qui a reçu du Dieu du ciel mission de le remplacer pour diriger les hommes doit donc témoigner de son respect en rendant un culte au ciel et à la terre et aux mille autres dieux.

Mais il est nécessaire que ce culte soit méthodique et ordonné, et non pas que chacun soit libre de le rendre à sa guise, à n'importe quel dieu. En voici la raison : le Dieu du ciel est parfaitement intelligent et juste, rien ne lui est caché, il est souverainement bon et impartial (上帝至仁無私) et il s'abaisse juqu'au plus humble des hommes pour connaître sa situation et le secourir au besoin (皇矣上帝。臨下有赫。監觀四方。求民之莫) (1). En toute chose, Dieu n'agit jamais que s lon la justice et selon la plus stricte impartialité. C'est pour cette raison que le peuple ne doit pas lui adresser de prières, ni se préoccuper de l'avenir heureux ou malheureux qui peut lui être réservé ; il doit se borner à suivre le chemin que Dieu lui a tracé, en s'appliquant seulement à garder un cœur pur (吾之於天。豈敢計吉凶禍福必之哉。惟盡在我之誠以順天而已). Seuls les souverains ayant reçu du Ciel et de la Terre mandat de gouverner les hommes ont qualité pour leur rendre le culte (la Terre désignant ici le dieu qui règne sur l'humanité). Ils sont donc considérés comme de véritables chefs de religions et possèdent ce privilège exclusif du culte au Ciel et à la Terre, tandis que les rois vassaux et les mandarins doivent rendre seulement le culte aux divinités locales, c'est-à-dire aux génies des montagnes, des fleuves, etc... et que les simples citoyens ont le devoir et le seul droit d'assurer le culte de leurs ancêtres (天子祭天地。祭四方。祭山川。祭五祀。諸侯方祀。祭五祀。大夫祭五祀。士祭其先。(2)

(1) Citation du Thi-kinh, chapitre Hoàng-hĩ.
(2) Du Lễ-Ký, Chapitre Khúc-lễ-Hạ.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Tổ-tiên là cỗi-rễ của mình ; bởi thế cho nên bất-kỳ vua quan hay là thứ-dân ai ai cũng phải thờ-cúng. Sự thờ-cúng ấy là do sự tin rằng lúc người ta chết rồi thì cái linh-hồn không mất. Cổ-nhân cho sự chết là cái hồn-phách phân-ly nhau ra ; phách là trọc-khí thì xuống đất, hồn là thanh-khí thì lên trời, tức là quỉ 鬼. Quỉ cũng thiêng-liêng như thần, có thể giận-dỗi hay là bênh-vực con cháu. Kinh **Thi** nói rằng: Tam hậu tại thiên 三后在天 (1) là ba vua Vương-Quí, Văn-Vương và Vũ-Vương ở trên trời, hay là nói rằng vua Văn-Vương lên xuống vẫn ở bên tả-hữu Thượng-Đế : 文王陟降.在帝左右 (2), đều là lấy cái nghĩa cho linh-hồn những bậc ấy vẫn ở trên trời vậy. Vì sự tin-tưởng như thế, cho nên sự thờ-cúng tổ-tiên là một sự rất quan-trọng trong Nho-giáo.

* * *

Nho-giáo là một đạo người ta công-nhận là chính-đạo, vì là đạo của đế-vương thánh-hiền, lấy sự nhân-từ trung-tín làm then chốt cho sự hành-động của người ở đời. Nhưng cái đạo chính ấy thì thường chỉ có những kẻ có học mới theo được thôi, còn nhân-chúng thì mờ-mịt, cứ bị cái vật-dục nó đun-đẩy, làm những việc vô-lý, và chìm-đắm vào những điều mê-hoặc, hay tin những việc quỷ-quái. Là vì lẽ rằng người ta sinh ra ở trần-thế này thường phải lắm sự đau-đớn cực-khổ, mà lắm lúc lại không hiểu được cái duyên-cớ tại đâu, tưởng như là thế-gian có đầy những hung-thần ác-quỷ, cứ hay xâm-phạm vào việc làm ăn của người đời và gây nên họa-phúc cho muôn dân. Bởi vậy mới có bọn vu-sử 巫史 là bọn đồng-cốt, thầy cúng, thầy pháp, v. v., dùng những phương-thuật huyễn-hoặc để đánh lừa những kẻ ngu dại, khiến cho thần-dân lẫn-lộn, đến nỗi nhà nào cũng có vu-sử.

(1) Thi-kinh : Hạ-võ.

(2) Thi-kinh : Văn-vương.

Tout homme quel qu'il soit, roi, mandarin ou simple citoyen doit rendre le culte à ses ancêtres qui sont les racines de la famille. Ce culte est fondé sur la foi en l'immortalité de l'âme. On considérait en effet la mort comme étant seulement la séparation de l'âme et du corps : le corps formé du principe grossier retourne à la terre ; l'âme, formée du principe léger, s'élance vers le ciel et devient un esprit. Ces esprits sont immatériels comme les génies. ils peuvent s'irriter contre leurs descendants ou bien les couvrir de leur protection. C'est ainsi qu'il est dit au Kinh Thi à propos des empereurs Vương-Quí, Văn-Vương et Vũ-Vương : « Les trois rois sont au ciel » (三后在天) (1). Ou encore : « L'empereur Văn-Vương va et vient, monte et descend ; il se tient à côté du Dieu du ciel » (文王陟降.在帝左右) (2). On indiquait ainsi que l'âme de ces empereurs existait toujours réellement dans le ciel. Fondé sur de telles croyances le culte des ancêtres tint une place fort importante dans la doctrine des Nho.

* * *

La doctrine des Nho était considérée comme doctrine de la Vérité, parce qu'elle était due aux empereurs et aux sages et basée sur la bonté et le respect considérés comme mobiles et freins essentiels des actions humaines. Mais cette doctrine de la Vérité, cette voie droite, ne peut être suivie que par les lettrés ; elle resta fermée à la foule emportée hors de la saine raison par ses passions et abîmée dans les supersitions, dans la crainte des démons et des mauvais génies. Les malheurs dont l'homme est accablé sur terre et dont il ignore les causes réelles l'ont porté à attribuer ses souffrances à l'action de démons mauvais, d'esprits malfaisants qui peuplent le monde et interviennent dans les affaires humaines pour apporter bonheur ou malheur à leur gré. De là sont sortis les vu-sử 巫史 : devins, sorciers, magiciens, etc . . . qui produisaient des phénomènes mystérieux pour exploiter la crédulité des ignorants ; il y avait dans presque chaque famille de tels sorciers et des

(1) Thi-Kinh, Chapitre Hạ-Võ.

(2) Thi-Kinh : Chapitre Văn-Vương.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

民神雜擾。家爲巫史。Vua phải sai quan tìm cách cấm-giữ đừng để cho những việc ở dưới đất thông với quỷ-thần trên trời, 命重黎絶地天通 (1), nghĩa là không cho dân tin nhảm những việc quỷ-thần, để việc người đi việc người, việc trời đi việc trời.

Tuy vậy, bọn vu-sử có cái thế-lực mạnh đến nỗi vua phải công-nhận, đặt quan để cai-quản chúng nó: 司巫掌群巫之政令 (2). Mà vua quan cũng phải tin-dùng chúng nó, xem như là khi vua đi thăm đi phúng chỗ tang-tế, phải cho vu-sử đi trước cầm cành-đào, đọc thần-chú để xua đuổi những tà-thần ác-khí: 王弔則與祝前 (3) Xem thế thì biết là cái đạo chính tuy tôn-nghiêm hơn, nhưng vẫn không có cái thế-lực mạnh bằng những điều huyễn-hoặc của bọn vu-sử.

Người đời xưa lại có cái tính không quả-quyết, việc gì cũng dùng đến bốc phệ 卜筮, nghĩa là bói mai rùa và bói cỏ thi. Xem như là ở thiên **Hồng-phạm** trong Kinh **Thư** nói rằng: Vua có điều gì nghi-ngờ thì trước hết tự trong bụng phải suy-nghĩ xem thế nào, rồi bàn với khanh-sĩ, hỏi những nhân dân, sau cùng thì hỏi bốc-phệ: 汝則有大疑。謀及乃心。謀及卿士。謀及庶人。謀及卜筮。Tuy rằng sự bốc-phệ để sau cùng, nhưng kỳ-thực thì việc gì cũng quyết ở bốc-phệ cả. Mà thường những việc quân-quốc hay việc cúng-tế, việc gì cũng phải bói rồi mới dám quyết, thành ra sự bốc phệ có cái địa-vị rất to trong sự hành-vi của người đời xưa. Vì rằng Nho-giáo vẫn cho là trăm sự ở thế-gian này đều bởi mệnh trời đã định rồi, vậy muốn

(1) Thư-kinh : Lữ-hình
(2) Chu-lễ: Tư-vu.
(3) Chu-lễ: Nam-vu

réunions de magie, et ce mélange des affaires des génies avec celles des humains causa de graves désordres 民神雜擾。家爲巫史. Les empereurs durent intervenir en ordonnant aux mandarins d'aviser aux moyens d'interdire toute communication entre les hommes et les dieux ou génies du ciel et de la terre 命重黎絶地天通. (1), de proscrire les superstitions, de défendre au peuple de s'occuper en rien de toutes questions concernant les dieux et les esprits, afin que les actions humaines puissent demeurer distinctes de l'action divine.

Mais en dépit de ces mesures de prohibition, l'action des vu-sử devint si considérable que les empereurs durent en tenir compte et instituer une catégorie de mandarins tout spécialement chargés de les surveiller 司巫掌群巫之政令 (2). Les mandarins, les empereurs même croyaient les vu-sử, comme l'atteste le fait suivant: lorsque l'empereur se rendait aux cérémonies funéraires, il se faisait précéder par un vu-sử qui tenait en main une branche de pêcher et récitait des prières pour mettre en fuite les mauvais esprits 王弔則與祝前 (3. Pour ces raisons, notre Doctrine, en dépit de sa supériorité marquée sur les autres, ne parvint pas à avoir une action aussi étendue que celle qu'exercèrent les vu-sử par leurs pratiques magiques et leurs supercheries.

Les hommes de jadis étaient accoutumés à ne jamais prendre d'eux-mêmes une décision quelconque avant d'agir. Ils se livraient d'abord à la consultation du bốc-phệ par l'observation d'une carapace de tortue et de l'herbe cỏ thi. La preuve nous en est fournie par le passage suivant du **Kinh Thư**, au chapitre **Hồng-Phạm**: « Lorsque l'empereur a quelque hésitation pour une décision à prendre, il doit d'abord interroger son cœur, puis demander conseil à ses mandarins, ensuite prendre avis du peuple, et enfin consulter le bốc-phệ: 汝則有大疑。謀及乃心。謀及卿士。謀及庶人。謀及卜筮。Aussi, bien que le bốc-phệ fût le dernier consulté, il était toujours le plus écouté, même pour les questions les plus importantes, telles que les cérémonies rituelles ou la conduite de la guerre. Le bốc phệ jouait ainsi un rôle prépondérant dans

(1) Thư-Kinh, Chapitre Lữ-hình.
(2) Chu-Lễ, chap. Tư-vu.
(3) Chu-Lễ, chap. Nam vu.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

biết cái mệnh trời thì phải lấy cái lẽ rằng việc gì cũng do ở âm-dương và ngũ-hành mà ra, hễ ai biết theo cái lẽ ấy mà suy-đoán, thì có thể biết được sự hung-cát của đạo trời. Tin như thế chưa chắc đã đúng với sự thực, nhưng người đời xưa lấy việc ấy làm quan-trọng lắm.

* * *

Đại-lược đạo Nho trước đời xuân-thu là thế. Về sau, từ khi nhà Chu phải dời đô về phía đông, nước Tầu loạn-lạc, mệnh lệnh nhà vua không ai theo, chư-hầu thì người xưng hùng, kẻ xưng bá, đánh giết lẫn nhau, nhân-dân thật là khổ sở. Lúc bấy giờ có những bậc hiền-triết xướng lên học-thuyết này, học-thuyết nọ, đều có ý mở trí dạy dân cả. Trong lúc ấy có một người thấy cương-thường đổ-nát, đạo thánh-hiền mờ tối, bèn lập-chí định dựng lại mối cương-thường, lấy vương-đạo xưa nay để làm kỷ-cương cho những kẻ có cái trách-nhiệm đến việc thiên-hạ. Người ấy là Khổng-phu-tử, ông thánh nước Lỗ.

Khổng-phu-tử không phải là ông tị-tổ đạo Nho, nhưng đạo Nho nhờ có ngài mới thành ra một học-phái rất có thế-lực về luân-lý phong-tục và chính-trị của những nước ở Viễn-đông này. Vậy nay ta xét đến đạo Nho thì ta phải biết lịch-sử Khổng-phu-tử và cái tôn-chỉ của ngài dạy người ta là thế nào.

la vie sociale des anciens. D'après la doctrine des Nho, toute chose arrive en ce monde par la volonté de Dieu, d'après les lois qu'il a déterminées à l'avance, par l'action réciproque des principes âm et dương (femelle et mâle) et des cinq éléments principaux. En conséquence, tout homme connaissant les lois de ces actions réciproques, basées sur le principe du âm-dương doit être capable de prévoir la succession des évènements futurs, heureux ou malheureux, ainsi déterminés par Dieu. Sans décider si une telle croyance correspond ou non à la réalité, nous devons constater que les anciens y attachaient une importance capitale.

* * *

Tels sont les traits essentiels de la doctrine des Nho qui était répandue avant l'époque de Xuân-thu. Mais après le transfert à l'Est de la Chine de la capitale des Chu, l'Empire tomba dans l'anarchie. Les ordres de l'empereur étaient méconnus; les princes vassaux et les mandarins se proclamaient libres et souverains, s'émancipaient, s'entredéchiraient en des guerres meurtrières, plongeant les populations dans la misère et les souffrances de toutes sortes. En cette époque troublée surgirent des philosophes et des sages qui s'efforcèrent par leurs enseignements et leurs exemples d'éclairer les esprits. L'un d'entre eux, surtout, constatant cet abandon de tout principe, de toute loi morale, voyant que le sens même des doctrines des anciens sages échappait aux esprits obscurcis des nouvelles générations, décida de restaurer ces principes en édictant des règles de gouvernement basées sur les exemples des sages empereurs d'autrefois et destinés à tous ceux à qui incombait la responsabilité du gouvernement. Cet homme était Confucius (Khổng-tử) sage originaire de la principauté de Lou.

Confucius ne fut donc pas le fondateur de la doctrine des Nho; il restaura seulement cette doctrine et sut en faire un enseignement très important de morale individuelle et sociale, de politique, dont l'influence sur tous les pays extrême-orientaux fut capitale. Avant de poursuivre l'étude de la doctrine des Nho, il nous faut donc voir ce que furent la vie de Confucius, son idéal et le but de son enseignement.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Khổng- phu-tử người làng Xương-bình huyện Khúc-phụ (nay thuộc về phủ Duyện-châu, phía nam tỉnh Sơn-đông bên Tầu). Ngài là dòng-dõi người nước Tống (Hà-nam), đến ông tổ ba đời mới dời sang ở nước Lỗ.

Ông thân-phụ ngài là Thúc-lương-Ngột làm quan võ, lấy vợ trước để được chín người con gái, mà không có con trai. Người vợ lẽ để được đứa con trai tên là Mạnh-Bì, nhưng lại có tật ở chân. Đến lúc đã già, ông Thúc-Lương-Ngột mới lấy bà Nhan-thị sinh ra ngài. Ngài sinh vào tháng mười năm Canh-tuất là năm 21 đời vua Linh-vương nhà Chu, sánh với lịch tây là năm 551 trước Thiên-chúa Gia-tô.

Cứ cái lẽ tự-nhiên thì ai cũng sinh-trưởng như nhau cả, nhưng thường hễ ai đã làm được công-nghiệp gì to-tát, hay là đã sáng-lập ra cái tôn-giáo nào, thì hậu-thế hay bịa-đặt ra lắm chuyện lạ-lùng, để làm cho khác với người thường. Đến những bậc như Khổng-phu-tử là người lấy sự thực trước mắt mà dạy thiên-hạ, thế mà cũng còn có những chuyện như là bà Nhan-thị trước lúc sinh ra ngài thấy có con kỳ-lân nhả tờ ngọc-thư có chữ đề rằng: « Thủy-tinh chi tử, kế suy Chu vi tố-vương, 水精之子繼衰周爲素王», nghĩa là con nhà thủy-tinh, kế nhà Chu đã suy, mà làm vua không ngôi. Bà Nhan-thị thấy vậy lấy làm lạ bèn lấy dây lụa mà buộc sừng con kỳ-lân lại. Được mấy hôm rồi nó đi mất. Lại có chuyện rằng khi sinh ra ngài thì có hai con rồng xuống quấn chung-quanh nhà, và có năm ông lão là năm vì sao trên trời xuống đứng giữa sân, mà ở trong phòng bà Nhan-thị thì nghe trên trời có nhạc-âm, và có tiếng nói rằng: « Thiên cảm sinh thánh - tử 天感生聖子 » nghĩa là trời cảm cái lòng cầu-nguyện cho sinh ra con thánh.

Confucius naquit au village de Xương-bình, huyện de Khúc-phụ. (Aujourd'hui dans le phủ de Duyện-châu, au Sud de la province du Chantoung). Sa famille était originaire de la principauté de Song, mais son arrière-grand-père s'était fixé dans la principauté de Lou.

Le père de Confucius s'appelait Thúc-Lương-Ngột ; c'était un mandarin militaire ; il avait eu, de sa première femme, neuf filles et pas de fils, et, de sa deuxième, un seul fils boiteux de naissance. Au seuil de la vieillesse, il prit une troisième femme nommée Nhan-thị qui donna le jour à Confucius. Celui-ci naquit au deuxième mois de l'année de Canh-tuất, 21ème année du règne de l'empereur Linh-Vương de la dynastie des Chu (551 avant l'ère chrétienne).

Il semble bien que, d'après les lois immuables de la nature, tous les hommes viennent au monde de la même façon ; cependant des légendes se forment habituellement autour de la naissance des grands hommes d'autrefois, des auteurs d'actions héroïques ou d'œuvres exceptionnelles, et des fondateurs de religions. Les hommes des générations postérieures obéissent peut-être ainsi au désir de distinguer ces grands hommes du passé de la foule des disparus. Confucius qui n'eut cependant d'autre soin que d'enseigner à tous la vérité, de leur apprendre à l'aimer dans sa simplicité, n'échappa pas à cette règle. De nombreuses légendes se développèrent autour de sa naissance, telle que celle de la licorne qui apparut quelques jours avant sa venue au monde, à sa mère Nhan-thị. La bouche de l'animal fabuleux aurait laissé choir un message écrit portant ces mots : « Enfant de Thủy-tinh, remplaçant la famille des Chu en décadence, empereur sans trône 水精之子繼衰周爲素王 ». Ce qui signifie que Confucius, de la race de Thủy-tinh, règnera réellement à la place de l'empereur de la dynastie des Chu, mais sans avoir de titre. Nhan-thị fut vivement surprise à la vue de cet animal : elle lui fixa une écharpe de soie à la corne, mais l'animal disparut mystérieusement quelques jours après. Il est encore bien d'autres légendes, telles que celles qui nous disent que deux dragons veillèrent autour de la maison où sa mère accouchait, ou bien que cinq étoiles qui se transformèrent en cinq vieillards descendirent du ciel dans la cour, et que dans la chambre natale on entendit

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Những chuyện ấy có cần phải nói là chuyện huyền người ta đặt ra không ? Thiết-tưởng ai đã là người đi học, biết suy-nghĩ, thì chắc cũng hiểu là thế-tục hay ưa những sự quái-lạ, chứ thánh-nhân chỉ hơn người ta về sự thông-minh trí-tuệ mà thôi, còn về đường sinh-hóa thì ai cũng phải ở trong cái công-lệ của lẽ tự-nhiên cả. Dẫu đức Phu-tử cũng vậy, ngài sở-dĩ là ông thánh không phải là tại có những điềm lạ ấy, nhưng vì ngài biết lấy lẽ phải mà dạy người, biết đem cái đạo của Đế-vương đời trước để làm tiêu-biểu cho thiên-hạ. Ấy ngài là thánh chỉ bởi có thế mà thôi.

Vì lúc trước bà Nhan-thị có lên cầu-tự ở trên núi Ni-khâu, cho nên mới nhân điều ấy mà đặt tên cho ngài là Khâu 丘. Có sách lại chép rằng ngài sinh ra trán cao và gồ lên, cho nên mới đặt tên là Khâu, tên chữ là Trọng-Ni 仲尼.

Ngài lên ba tuổi thì ông thân-phụ mất. Còn sự học-hành dạy dỗ thế nào thì sử không chép rõ, chỉ có một chỗ nói rằng : thuở ngài hãy còn nhỏ, chơi với trẻ thường hay bầy những đồ lễ-bái và bắt chước những cách cúng-tế. Ấy là một điều nhỏ-mọn, nhưng thật là một cái ý-tưởng khiến cho ta hiểu được cái bản-tính của ngài trọng về lễ-nghi, mà cái đạo của ngài dạy người ta cũng cốt ở lễ-nghi hơn cả.

venir des cieux une musique mystérieuse et une voix qui disait « Le ciel miséricordieux permet de naître au sage enfant, 天感生聖子 » c'est-à-dire que Dieu, touché des prières des parents leur accordait un fils qui serait un sage.

Nous n'avons pas besoin d'indiquer que ces histoires sont de pures inventions superstitieuses. Tout homme instruit et réfléchi le comprend aisément, tandis que les ignorants ont une prédilection pour les récits extraordinaires. En réalité, tous les hommes viennent au monde suivant la loi naturelle générale, les sages et les saints ne sont supérieurs au commun de l'humanité que par leur esprit et leurs vertus. Il en est ainsi pour Confucius : ce qui a fait de lui un grand sage, ce ne sont pas ces présages, mais bien le fait qu'il sut enseigner la Vérité aux autres hommes, et recueillir et rassembler les principes de gouvernement, ainsi que les exemples des sages empereurs et philosophes des générations passées pour les ériger en règles générales de conduite. C'est à cela, et à cela seulement, que Confucius dût de devenir un grand sage.

Avant d'être enceinte de Confucius, sa mère Nhan-thị était un jour allé prier au sommet d'une colline appelée Ni-khâu. C'est pour cette raison que ses parents donnèrent à Confucius le nom de Khâu 丘. Il est dit ailleurs que Confucius reçut ce nom de Khâu parce qu'il avait, en venant au monde, un front très haut. Le pseudonyme littéraire de Confucius est Trọng-Ni 仲尼.

Confucius perdit son père à l'âge de trois ans. L'histoire n'a pas gardé le souvenir des détails de son enfance, de son instruction ni de son éducation. Le seul passage relatif à l'enfance de Confucius nous dit ce qui suit : « Lorsque Confucius était encore enfant, il se plaisait à jouer avec les objets du culte qu'il disposait avec ordre ; il s'exerçait aux cérémonies rituelles, imitant ce qu'il en avait vu. » Le trait peut paraître puéril... et pourtant il est bien caractéristique du grand sage dont tout l'enseignement fut basé sur cette qualité essentielle : l'amour de la correction et de la ponctualité rituelles.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Năm 19 tuổi thì thành gia-thất, nhưng nhà cũng bình-thường, mà có phần nghèo thì phải, cho nên ngài nhận chức Uỷ-lại 委吏, là người trông sự gạt thóc ở kho, rồi lại làm Tư-chức-lại 司職吏, là người coi chỗ nuôi bò dê để dùng về việc cúng-tế.

Bấy giờ tuy ngài còn trẻ tuổi, chức còn nhỏ, nhưng đã nổi tiếng là người sành về việc lễ-nghi, cho nên quan nước Lỗ là ông Trọng Tôn-Cổ cho con là bọn Hà-Kị và Nam-Cung Quát đến học lễ ở ngài.

Tính ngài vốn trọng về đường lễ-nghi, và sùng-kính những phép-tắc đời xưa, cho nên sự học của ngài chuyên về mặt khảo-cổ. Thuở ngài 28, 29 tuổi, ngài muốn đi xem chỗ Kinh-sư là chỗ vua nhà Chu đóng ở Lạc-ấp, (tức là thành Lạc-dương tỉnh Hà-nam bây giờ). Nhưng vì đường đi xa, mà có lẽ phí-tổn cũng nhiều, cho nên ngài phải trù-tính việc đi Kinh. Học trò ngài là Nam-Cung Quát đem việc ấy bẩm với Lỗ-hầu, Lỗ-hầu cho xe ngựa đưa ngài đi.

Vào đến Kinh thì ngài đến nhà Minh-đường khảo-cứu những luật-phép, những tượng cổ và đồ cổ để chứa trong nhà ấy. Nhà Minh-đường là nhà của ông Chu-công lập ra, cũng tựa-hồ nhà *Musée* của Tây bây giờ để chứa những luật-phép, những đồ-đạc và tượng của các bậc thánh-hiền đời trước. Ngài lại đi xem những chế-độ ở nơi miếu-đường và những đồ tế Giao tế Xã. Phàm ở đâu có việc gì quan-hệ đến sự tế-lễ là ngài cũng đi xem xét tường-tận, và bấy giờ ở Kinh có ai là người có danh-tiếng thì ngài cũng đi đến hỏi mà học về lễ-nhạc. Ngài đến hỏi lễ ông Lão-tử, hỏi nhạc ông Tràng-Hoằng. Chỗ này sách sử-ký của ông Tư-Mã Thiên có chép rằng : Khổng-tử đến hỏi Lão-tử về lễ, thì Lão-tử đáp rằng : « Người quân-tử gặp thời thì đi xe, không gặp thời thì đội nón lá mà đi chân không. Ta nghe : Người buôn bán

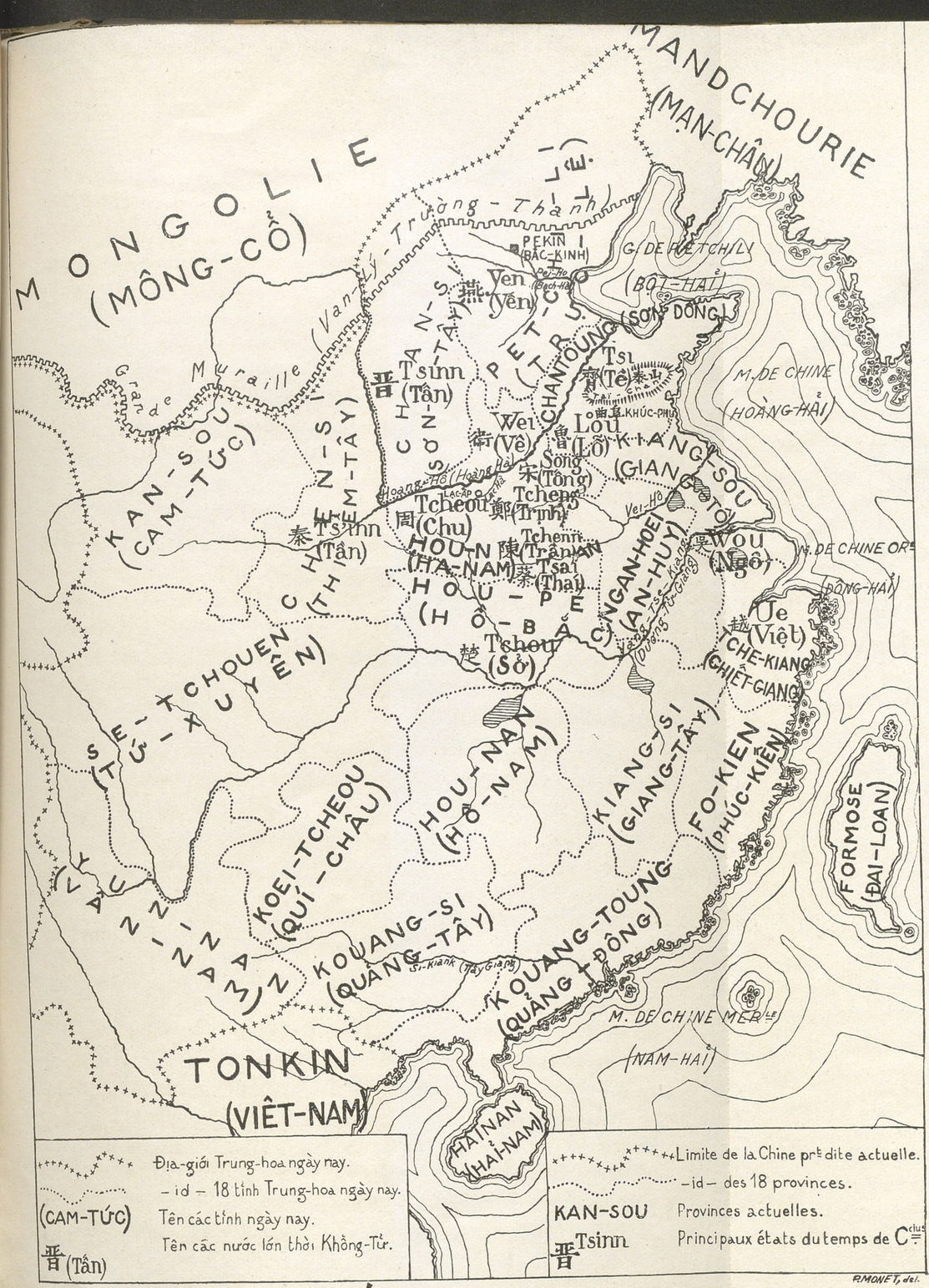

TRUNG-QUỐC — CHINE PROPRE DITE

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Confucius se maria à 19 ans ; sa famille n'était probablement pas riche, car il accepta à cette époque les modestes fonctions de Ủy-lại 委吏, ou contrôleur des entrées et sorties du riz aux magasins de l'Etat ; il exerça ensuite les fonctions de Tư-chức-lại 司職吏, ou inspecteur de l'élevage des animaux destinés aux cérémonies rituelles.

Confucius, bien qu'encore jeune, était déjà renommé à cette époque par sa science des rites et de toutes les règles de la politesse en général. Un mandarin de la principauté de Lou, nommé Trọng Tôn-Cổ, lui confia ses enfants Hà-Kị et Nam-Cung-Quát pour leur apprendre les rites.

Confucius était profondément respectueux des rites et des traditions ; pénétré de la supériorité des lois civiques et morales des anciens, il s'appliquait à l'étude des documents et des monuments du passé. A l'âge d'environ vingt-huit ans il projeta d'aller visiter la capitale de Lạc-Ấp, où se trouvait la cour de la dynastie des Chu (c'est aujourd'hui la citadelle de Lạc-Dương, dans la province du Hou-Nan). Le voyage devant être long et coûteux, il lui fallut faire quelques préparatifs et disposer d'une certaine somme. Un de ses disciples nommé Nam-Cung-Quát, exposa son projet et sa situation au prince de Lou qui lui fournit chevaux et voiture.

Arrivé à la capitale, Confucius se rendit aussitôt au palais de Minh-Đường où il étudia les anciens textes de loi et observa attentivement les statues antiques et tous les objets et monuments anciens. Ce palais de Minh-Đường, fondé par Chu-Công (duc de la famille impériale des Chu) était une sorte de musée d'antiquités analogue à ceux qui existent aujourd'hui dans les pays occidentaux. On y conservait les anciens recueils législatifs, des antiquités de toutes sortes, les statues des rois et des sages du passé. Confucius visita aussi le palais du culte impérial (temple des empereurs de la dynastie des Chu), les lieux du culte à Dieu (tế Giao) et au dieu de la terre (tế Xã). Il allait partout, poursuivant son enquête minutieuse sur les rites et cérémonies diverses, s'instruisant aussi de la musique et des chants auprès de

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

giỏi khéo chứa của, như người không có gì ; người quân-tử có đức tốt, coi diện-mạo như người ngu. Ngươi nên bỏ cái khí kiêu-căng và lòng ham-muốn cùng cái sắc-dục và cái dâm-chí đi, những cái ấy đều là vô-ích cho ngươi.» Khổng-tử về bảo đệ-tử rằng : Chim, thì ta biết nó bay được, cá, ta biết nó lội được, giống thú, ta biết nó chạy được ; chạy, bay, lội, ta có thể chăng lưới mà bắt được, đến như con rồng thì ta không biết nó cưỡi gió cưỡi mây bay lên trời lúc nào. Ta nay thấy Lão-tử như con rồng vậy. 見老子其猶龍邪.» Xem mấy lời ấy thì đã rõ đạo Nho và đạo Lão khác nhau thế nào, mà tuy Lão-tử xem có bộ khinh-bỉ, nhưng Khổng-tử vẫn có ý tôn-trọng Lão-tử lắm.

* * *

Phu-tử ở Kinh được ít lâu rồi trở về nước Lô. Từ đó cái tiếng Ngài đã vang lừng khắp cả mọi nơi, cho nên học-trò ngài càng ngày càng đông. Nhưng cái chủ-nghĩa của ngài là muốn giúp đời, chớ không muốn chuyên một nghề dạy học, ngài muốn lấy sự hành-vi mà làm gương cho người đời, chớ không muốn lấy lời nói để khuyên bảo mà thôi. Đạo ngài không phải chủ sự ẩn-dật, cầu sự hư-tĩnh vô-vi như đạo Lão, hay sự tĩnh-mịch từ-bi như đạo Phật. Đạo của Khổng-phu-tử là chủ sự hành-động, làm người ở đời

tous ceux qui étaient renommés pour leur compétence en ces questions. C'est ainsi qu'il consulta Lão-tử sur les rites et Tränh-Hoằng sur la musique. Le livre historique de Tư-Mã-Thiên nous dit à ce sujet que lorsque Confucius s'en fut consulter Lão-tử sur les rites et les règles de politesse, celui-ci lui répondit : « Le sage sort en carosse lorsque sa situation est prospère, et il va à pied, en chapeau de paysan, lorsqu'elle ne l'est pas. Le commerçant habile qui sait faire fortune vit très modestement, le sage dont les vertus égalent la science ne fait pas plus étalage de celle-ci que s'il était le plus ignorant des hommes. Renonce donc au désir de paraître ou de parvenir, à la recherche de la beauté comme à toutes les passions. Tout cela ne te sert de rien.» Revenu chez lui, Confucius dit à ses disciples : « Je sais que les oiseaux volent, que les poissons nagent, que les quadrupèdes courent : tous ces animaux qui volent, nagent et courent, nous pouvons les capturer au filet.... Mais le dragon, puis-je savoir quand et comment il disparaît au fond des nues?.. Lão-tử m'apparut aujourd'hui comme le dragon. 見老子其猶龍邪.» Le sens profond de ces paroles nous est une indication de la grande différence entre la doctrine des Nho et les principes de Lão-tử ; mais malgré le ton condescendant dont usa celui-ci envers Confucius, ce dernier ne cessa de lui témoigner le plus grand respect.

* * *

Après un certain séjour à la capitale, Confucius regagna la principauté de Lou. Dès lors, il fut universellement renommé et le nombre de ses disciples s'accrut de façon considérable. Mais son désir était de se consacrer au relèvement social dans son ensemble, et non pas seulement à l'éducation de la jeunesse. Il ne voulait pas enseigner seulement par exhortations et démonstrations, mais encore mener une vie publique qui pût être érigée en exemple. Sa doctrine ne le conduisait pas à se retirer du monde pour trouver, comme Lão-Tử, la paix dans l'inaction, ou bien à s'efforcer à la compassion par une méditation solitaire, comme le Bouddha. La doctrine de Confucius

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

thì phải đem cái tri-tuệ của mình mà làm những điều có ích cho nhân-loại, bởi vậy suốt đời ngài là chỉ muốn gặp được ông vua biết dùng ngài, để ngài đem thi-hành cái đạo của ngài. Mà cái đạo ấy thì ngài chắc là hay, cho nên ngài cả-quyết mà nói với môn-đệ rằng: « Ai dùng ta thì trong một năm đã nên được việc lớn, mà trong ba năm thì việc gì cũng hoàn-toàn được 苟有用我者期月而已可也。三年有成。(1) »

Nay ta muốn biết cái sự-trạng của Khổng-phu-tử, thì ta phải biết cái tình-thế nước Tầu lúc bấy giờ là thế nào. Nước Tầu về đời nhà Chu thì chỉ có một quãng ở vùng sông Hoàng-hà mà thôi, nghĩa là vào độ 5, 6 tỉnh ở phía bắc bên Tầu bây giờ. Lúc đầu nhà Chu mới được thiên-hạ thì chia nước ra phong cho những con cháu và những công, thần cả thảy đến hơn 70 nước làm chư-hầu. Đến đời xuân thu tính cả nhớn nhỏ đến 160 nước. Những nước ấy to thì bằng một vài tỉnh của ta, nhỏ thì bằng một phủ một huyện gì đấy. Hãy xem về sau nói rằng Khổng-phu-tử đi qua nước Tề, nước Vệ, nước Trịnh, nước Trần, v. v., người không biết thì tưởng đi nước nọ qua nước kia như thế, có lẽ xa-xôi lắm, nhưng xem trong bản-đồ bây giờ thì chẳng qua cũng chỉ quanh-quẩn ở trong tỉnh Sơn-đông và tỉnh Hà-nam mà thôi. Những nước chư-hầu được quyền tự-chủ trong nước, chỉ phải triều-cống vua nhà Chu, và khi có sự chinh-phạt gì thì các nước chư-hầu phải theo mệnh-lệnh Thiên-tử mà đem binh đi tòng-chinh. Ấy lúc Chu thịnh thì chế-độ là thế, về sau nhà Chu suy nhược, chư-hầu mạnh lên, nước nọ kiêm-tính nước kia, nhà vua cũng chịu, không sao mà ngăn-cấm được.

(1) Luận-ngữ : Tử-lộ

est essentiellement une doctrine d'activité : elle veut mettre tous les hommes au service actif de l'humanité en orientant leur intelligence vers un travail utile à tous. C'est pour cette raison que Confucius cherchait toujours à se placer au service de quelque souverain afin de pouvoir mettre sa doctrine en pratique. Il avait une foi absolue dans la vérité et l'efficacité supérieures de cette doctrine ; c'est ainsi qu'il dit à ses disciples « Si je pouvais, comme fonctionnaire, mettre mes théories en application, je suis certain de ce que, au bout d'un an j'aurais déjà des résultats appréciables, et au bout de trois ans, des résultats complets. 苟有用我者期月而已可也。三年有成(1) »

Pour comprendre ce que fut l'action de Confucius, il nous faut connaître tout d'abord la situation de la Chine à cette époque. Au début de la dynastie des Chu, la Chine ne comprenait que les territoires du bassin du Hoang-Hô (Fleuve jaune), soit environ cinq ou six provinces de la Chine actuelle. Après la conquête, l'empereur fondateur de la dynastie des Chu répartit les terres entre ses enfants et petits-enfants et ses principaux généraux, formant ainsi environ soixante-dix circonscriptions dont chacune reçut le nom de principauté; elles se multiplièrent plus tard, et l'on en comptait environ cent-soixante à l'époque de Xuân-Thu : les plus étendues de ces principautés égalaient en superficie une ou deux de nos provinces, les plus petites valaient environ un phủ ou un huyện. En lisant dans l'histoire que Confucius parcourait les pays de Tsi, de Wei, de Tcheng, de Tchenn, etc... on pourrait croire qu'il fit de longs voyages; mais si l'on interroge une carte, on s'aperçoit que toutes ces randonnées avaient pour théâtre les provinces chinoises du Chantoung et du Hounan. Les principautés s'administraient de façon autonome; elles devaient seulement apporter leurs tributs et présenter leurs hommages de vassalité à l'empereur des Chu et le soutenir de leur alliance et de leurs troupes en cas de guerre extérieure ou d'expédition répressive chez les états vassaux qui avaient mérité un chatiment impérial. Telle était la situation politique sous la dynastie des Chu à l'époque de sa puissance ; mais plus tard la cour des Chu tomba en décadence et perdit toute espèce d'autorité; les états vassaux, devenus plus puissants qu'elle, se querellaient, se faisaient la guerre, se dépouillaient mutuellement de leurs territoires, tandis que l'empereur, réduit au rôle de spectateur impuissant devait laisser faire et se résigner.

(1) Luận-Ngữ, chap. Tử-Lộ.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Các nước chư-hầu hễ nước nào khoẻ là nước ấy làm bá cả một phương, như nước Tề, nước Tấn, nước Tống, nước Tần, nước Sở, nước Ngô, nước Việt, v. v. Sự chiến-tranh mỗi ngày một nhiều, hết nước này đánh nước nọ, thì nước nọ đánh nước kia. Thiên-tử thì bị chư-hầu áp-chế ; chư-hầu lại bị quan đại phu áp-chế. Dân thì bị giặc-giã giết-hại tàn-phá, cực-khổ vô-cùng, trong thiên-hạ không còn có kỷ-cương gì nữa cả. Ấy là một buổi đại-loạn trong nước Tầu vậy.

Phàm các xã-hội nào đã bị một lúc loạn-lạc rất mực như thế, lòng người ngao-ngán, thường hay sinh ra lắm cái tư-tưởng mới-lạ. Có người thấy thế-sự điên-đảo quá nỗi, không thiết gì nữa, chỉ vụ lấy sự ẩn-dật để cho yên thân và qua đời thì thôi. Nhưng Khổng-phu-tử thì ngài không nghĩ thế ; ngài cho cái bụng yếm-thế là một cái tội đối với xã-hội. Vì người ta ai cũng có nghĩa-vụ đối với đời, mà trốn không làm cái nghĩa-vụ của mình tức là một điều không hợp với đạo làm người. Ngài càng thấy cuộc đời loạn-lạc, phong-tục bại-hoại ngài lại càng muốn ra sức đổi loạn ra trị. Ngài nói rằng : « Nếu thiên-hạ đã thịnh-trị rồi, thì ta đây có cần gì phải thay-đổi nữa. 天下有道丘不與易也(1)

(1) Luận-ngữ : Vi-tử

Les principautés les plus fortes, telles que Tsi, Tsinn, Song, Tchinn, Tchou, Wou, Ue, etc... s'étaient érigées en suzeraines des plus faibles. Les guerres allaient se multipliant, lorsqu'elles s'éteignaient ici, c'était pour se rallumer là. L'empereur était dominé par les princes et les marquis, dominés à leur tour par les grands mandarins. Les habitants étaient dépouillés ou exterminés par les pirates et les soldats et le pays en proie à la plus grande misère ; on ne connaissait plus règles ni lois... La Chine tomba, à cette époque, dans la pire anarchie.

Dans tous les pays ou le peuple est en proie aux souffrances de l'anarchie, des guerres et des fléaux de toute sorte, il se trouve des hommes qui, par une vive intelligence alliée à une grande sensibilité en ressentent une profonde impression. De tels hommes furent nombreux en Chine à cette époque. Certains, en présence du bouleversement social, étaient envahis d'une profonde tristesse et d'un découragement complet ; ils ne songeaient plus qu'à fuir la société des autres hommes et à terminer leurs jours dans un lieu retiré ignoré de tous. Confucius n'était pas de ceux-là ; il considérait le dégoût de la société comme un crime envers celle-ci ; l'homme a des devoirs essentiels envers la société ; en ne les accomplissant pas, il manque aux plus beaux des devoirs humains, il trahit la loi morale de la vraie doctrine. Pour Confucius, plus il voyait la société profondément bouleversée par les guerres et les malheurs de toutes sortes, plus il sentait s'exalter en lui le désir de la réorganiser, d'y restaurer l'ordre, de la policer. Il disait ceci : « Si tout était parfait dans l'ordre social, pourquoi m'occuperais-je de modifier et réorganiser ? » 天下有道丘不與易也. (1)

(1) : du Luận Ngữ, chap. Vi-tử.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Muốn làm việc thay đổi trong thiên-hạ thì tất phải có quyền-thế mới làm được, chớ chỉ lấy lời nói không, thì chẳng bao giờ thành công. Ngài hiểu cái lẽ ấy cho nên ngài cố tìm cách ra hành-chính, ngài muốn gặp được ông vua nào biết ngài, mà giao cho ngài cái quyền-bính để sửa-đổi phong-tục và chính-trị, làm cái gương cho các nước khác bắt-chước. Có rõ cái ý ấy thì mới hiểu cái lẽ tại làm sao mà ngài không chịu giữ cái địa-vị cao-thượng làm ông thầy dạy học, mà lại cứ đi hết nước này sang nước nọ để cầu lấy một chút tước-vị. Cái chủ-ý của ngài là vụ lấy việc hành-đạo, chớ có phải là cầu danh-lợi đâu. Cũng bởi cái lẽ ấy cho nên học-trò ngài là thầy Tử-Lộ nói rằng : « Người quân-tử ra làm quan là làm việc nghĩa, 君子之仕也行其義也 ; không làm quan là trái với nghĩa 不仕無義 (1). »

Khốn thay ! ông trời đã sinh ra đấng thánh-nhân, mà lại không cho đấng thánh-nhân được cơ-hội để thi-hành cái đạo của mình, thành ra từ khi ngài ở kinh về nước Lỗ, vua nước Lỗ không biết dùng ngài. Được mấy năm trong nước có loạn, ngài phải bỏ sang nước Tề. Vua Tề là Tề-hầu đón ngài đến hỏi việc chính-trị, ngài nói chuyện gì cũng vừa ý Tề-hầu. Tề-hầu đã toan lấy đất Ni-khê mà phong cho ngài, nhưng quan đại-phu nước Tề là Yến-Anh không thuận, can ngăn Tề-hầu không cho. Ngài thấy thế, bèn bỏ nước Tề trở về nước Lỗ. Bấy giờ ngài đã 35, 36 tuổi rồi, ngài về nước nhà dạy học-trò và tu-luyện thêm cho hoàn-toàn cái đạo của mình.

(1) Luận-ngữ : Vi-tử.

Mais pour modifier et réorganiser la société, il faut posséder la puissance, avoir en main les moyens de réaliser ces réformes ; réduit aux seules exhortations, on risque fort de demeurer impuissant et de ne jamais rien réaliser. Confucius s'en rendait parfaitement compte, et c'est pour cette raison qu'il chercha toujours à conquérir une influence politique en s'efforçant de gagner l'estime et la confiance de quelque souverain qui lui donnât le pouvoir de diriger les affaires de l'Etat, de réorganiser la société, de restaurer la politique, de policer les mœurs populaires, en un mot de renouveler le pays moralement et politiquement afin d'y ramener l'ordre et la paix ; Confucius espérait que les exemples qu'il donnerait ainsi seraient suivis par les princes des autres états vassaux. Il faut connaître ce plan de Confucius pour comprendre à quel mobile il obéissait en parcourant les diverses contrées à la recherche d'une fonction lui conférant quelque titre et, par suite, quelque pouvoir politique : son véritable but était de mettre en application la pure doctrine morale, et nullement de parvenir aux honneurs ou à la fortune. C'est parce qu'il était pénétré de cette vérité qu'un de ses disciples, Tử-Lộ a pu écrire : « Lorsque le sage exerce une fonction publique, c'est uniquement pour mieux remplir son devoir social : 君子之仕也行其義也 ; c'est en n'exerçant pas cette profession qu'il manquerait à ce devoir : 不仕無義. (1)

Malheureusement, le Ciel, en créant le sage, ne lui a pas toujours donné la situation nécessaire pour mettre en pratique sa doctrine. C'est ainsi qu'après le retour de Confucius au pays de Lou le prince de ce pays ne sut pas l'employer. Au bout de quelques années, cette principauté étant déchirée par la guerre, Confucius la quitta pour se rendre au pays de Tsi. Le marquis de Tsi, souverain de ce pays, le reçut fort bien, l'interrogea sur la politique et se montra fort satisfait de ses réponses ; il conçut le projet de lui conférer le mandarinat pour lui confier l'administration des territoires de Ni-Khê. Mais un des hauts mandarins de la cour de Tsi, nommé Yến-Anh s'y opposa absolument. Confucius, ayant été mis au courant de ces faits, quitta le pays de Tsi et revint au pays de Lou, il était alors âgé d'environ 35 ans ; il demeura dans son pays, s'appliquant à instruire ses disciples et à perfectionner sa doctrine.

(1) — Du Luận-Ngữ, chap. Vi-tử.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

* * *

Năm thứ 19 đời vua Kính-vương nhà Chu, bấy giờ Khổng-phu-tử đã 51 tuổi rồi, vua nước Lỗ mới dùng ngài làm quan Trung-đô-tể, tức như là quan phủ-doãn ở chỗ kinh-thành. Cách một năm thì ngài cải-chức lên làm quan Đại-tư-khấu, tự-hồ bây giờ là quan Thượng-thư bộ Hình.

Bấy giờ thật là một cái cơ hội để thi-hành cái đạo của ngài. Ngài đặt ra luật-lệ để cứu giúp kẻ nghèo khổ, lập ra phép-tắc để tống-táng người chết ; lớn nhỏ phân-biệt, trai gái không lẫn lộn, trong nước thịnh-trị, người đi ngoài đường thấy của rơi không nhặt, kẻ gian-phi không có, hình-phép đặt ra không hề dùng đến. Ngài làm Đại-tư-khấu được 4 năm, vua nước Lỗ cho ngài nhiếp-tướng-sự, nghĩa là cho ngài quyền-nhiếp việc quan tể-tướng. Được 7 ngày ngài giết người Thiếu-chính-Mão là một người gian-ác thời bấy giờ. Được 3 tháng thì việc chính-trị của ngài thành được cái hiệu-quả rất to : việc gì cũng có trật-tự, con trai thì chuộng trung-tín, con gái thì chuộng trinh-thuận. Cái cảnh thịnh-trị thật là rực-rỡ lắm.

Đấy là lời chép ở trong sử như thế, còn sự thực, có được như thế hay không, thì ta không dám quyết. Dẫu thế nào mặc lòng, lúc ấy chắc nước Lỗ cũng có cái thế cường-thịnh được, cho nên nước lân-bang như nước Tề, sợ nước Lỗ thịnh lên thì thiệt-hại cho mình, mới tìm cách để phá-hoại những công việc của Khổng-phu-tử. Nước Tề chọn lấy 80 người con gái đẹp, múa hát rất giỏi, và 30 con ngựa tốt đem sang bày ở cửa nam thành nước Lỗ, để dâng cho Lỗ-hầu.

* * *

L'an 19 du règne de Kính-Vương, de la dynastie de Chu, Confucius étant âgé déjà de 51 ans, il reçut, du prince de Lou, le titre de Trung-đô-tể, (commandant du territoire de Trung-Đô). Un an après, il était élevé au grade de Đại-tư-khấu (ministre de la justice).

C'était là, pour Confucius, une occasion admirable de mettre sa doctrine en application. Il édicta des lois d'assistance aux pauvres, publia des règlements relatifs aux funérailles ; il mit de l'ordre en toute chose et chacun à sa place : grands ou petits chacun avait ses attributions bien délimitées, jeunes gens et jeunes filles étaient soigneusement séparés... Le pays connut la prospérité, l'ordre et la loi furent respectés par tous : le voyageur ne songeait pas à s'approprier l'objet trouvé sur la route, les pirates et les malfaiteurs avaient disparu, et les peines établies restaient inappliquées faute de condamnations à prononcer.... Lorsque Confucius eût exercé pendant quatre ans les fonctions de Đại-tư-Khấu, le prince de Lou le nomma grand ministre intérimaire. Sept jours après cette nomination, Confucius condamnait à mort Thiếu Chính Mão, le plus cruel mandarin de cette époque. Au bout de trois mois d'application de ses principes politiques, les résultats obtenus furent remarquables : l'ordre régnait partout, les hommes s'appliquaient à remplir fidèlement leurs devoirs de citoyens, tandis que les femmes pratiquaient les vertus d'obéissance et de pureté. Le progrès politique et administratif était vraiment merveilleux.

Tels sont les renseignements que nous a transmis la tradition sur les résultats obtenus par la politique de Confucius : Bien que nous ne possédions pas la preuve certaine de l'authenticité de ces récits, nous connaissons cependant un fait historique qui nous montre bien que le pays de Lou se développa considérablement sous l'influence de Confucius : En effet, un des pays voisins, la principauté de Tsi, craignant que la puissance de Lou lui portât ombrage, s'ingénia à détruire l'œuvre de Confucius. La cour de Tsi choisit alors quatre-vingts jeunes filles d'une beauté magnifique et trente

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Thời bấy giờ các nước chư-hầu có nhiều nước có vua và lại có quan đại-phu là một bậc quyền-thần trong nước, cũng hơi giống như vua Lê chúa Trịnh của ta ngày trước, quan đại-phu nước Lỗ là Quí-Tôn-Tư ra xem hai ba lần và có ý muốn nhận những đồ ấy, bèn vào bẩm với Lỗ-hầu và đem Lỗ-hầu ra xem. Lỗ-hầu xem lấy làm thích lắm, bỏ việc ba ngày không ra thính-chính.

Khổng-phu-tử thấy vua vì sự vui chơi bỏ trễ việc nước như thế, chắc là việc gì cũng hỏng cả, ngài bèn từ-chức rồi bỏ sang nước Vệ. Ngài cũng tưởng rằng vua nước này không dùng được ngài, có lẽ vua nước khác dùng được, cho nên ngài đi hết nước nọ qua nước kia. Trong mấy ông vua đã đón rước ngài, ông thì thấy công việc to quá, sợ làm không nổi, nói thoái-thác là tuổi đã già rồi, thi-hành cái đạo của ngài không kịp nữa. Ông thì bị quan đại-phu sợ ngài tranh-đoạt mất quyền-lợi, xui đừng dùng ngài.

Lại có một lẽ tại làm sao mà vua các nước chư-hầu không dám dùng ngài — mà lẽ này dễ thường mạnh hơn cả — là

superbes chevaux et les fit conduire à la porte du Sud de la citadelle de Lou pour être offerts en hommage au prince de ce pays.

A cette époque, les principautés étaient gouvernées par un prince ou un marquis qui en était le souverain; mais à la cour se trouvait aussi, le plus souvent, un grand mandarin đại-phu, dignitaire de grade élevé, qui jouissait d'une grande autorité. C'était un usage analogue à celui de la cour des Lê au pays d'Annam où se trouvaient simultanément un roi de la famille de Lê et un seigneur de la famille de Trịnh qui exerçaient l'un et l'autre le pouvoir. Le Đai-phu de Lou s'appelait alors Quý-Tôn-Tư. Etant allé reconnaître les présents apportés par la cour de Tsi, il résolut de les accepter; il alla donc en informer le marquis de Lou et le conduisit au lieu où étaient déposés ces présents. Le marquis, charmé à cette vue, accepta ces dons avec grande joie . . . et, comme première conséquence de cette acceptation, il négligea les affaires de l'Etat pendant trois jours consécutifs.

Confucius ayant constaté que le marquis de Lou délaissait le gouvernement pour s'adonner à la débauche, en conclut que, désormais, tout irait mal à la cour ; il donna la démission de ses fonctions et alla au pays de Wei. Il espérait que, si certains souverains ne savaient pas l'employer, il pourrait s'en trouver d'autres dont il serait connu et qui lui demanderaient ses services. C'est pourquoi il parcourut les différents pays à la recherche de quelque prince ou marquis qui le connût. Mais parmi tous ceux qui le reçurent et s'entretinrent avec lui, les uns craignaient que son projet n'eût trop d'envergure et qu'ils ne puissent pas l'entreprendre ou arriver jamais au but; ils refusaient alors en prétextant par exemple leur âge avancé qui ne leur permettrait plus de voir les résultats; les autres étaient détournés de ce projet par leurs Đai-phu qui, craignant d'être supplantés par Confucius, conseillaient à leur souverain de l'écarter des affaires de l'Etat.

Une autre raison encore — la meilleure peut-être — empêchait tous les marquis d'accepter les bons offices de Confucius. Tous ces

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

thời bấy giờ các nước chư-hầu còn muốn lấn quyền của Thiên-tử, mà cái chủ-nghĩa của ngài thì lại cốt tôn-phù ngôi thiên-tử, giảm bớt cái quyền của chư-hầu. Ngài nói rằng: «天下有道.則禮樂征伐自天子出.天下無道.則禮樂征伐自諸侯出, nghĩa là thiên-hạ trị, thì việc lễ-nhạc và việc chinh-phạt do ở thiên-tử ; thiên-hạ loạn, thì việc lễ-nhạc và việc chinh-phạt do ở các nước chư-hầu». Cái chủ-nghĩa của ngài như thế thì thật là tương-phản với cái lòng tư-lợi của các nước chư-hầu, cho nên ngài đi đến đâu bề ngoài tuy vua các nước vẫn tỏ ra lòng hoan-nghênh, nhưng kỳ-thực là không ai ưa.

Ngài ở nước Vệ được 10 tháng, vua nước Vệ không dùng ngài định đi sang nước Trần, mà khi đi qua đến nước Khuông, bị người nước ấy đem quân ra vây đánh, nhận lầm ngài là Dương Hổ là một đứa tàn-bạo ai cũng ghét. Lúc ngài bị vây, học-trò ngài là thầy Tử-Lộ muốn ra chống-cự, nhưng ngài không cho, bảo thầy Tử-Lộ lấy đàn đánh và hát, để ngài họa theo. Người nước Khuông nghe tiếng đàn hát biết là lầm liền giải vây rút quân về.

* * *

Ngài thấy đi mà gặp sự ngăn-trở như thế, lại trở về ở nước Vệ. Bấy giờ vua nước Vệ có người vợ tên là Nam-tử, nhan-sắc rực-rỡ, nhưng dâm đãng vô-cùng. Nàng ấy muốn tiếp ngài, trước ngài đã từ chối, nhưng sau bất-đắc-dĩ ngài phải vào hầu chuyện, vì theo tục bấy giờ hễ ai đã đến nhận chức gì ở nước nào, thì phải vào ra-mắt vợ ông vua nước ấy. Thầy Tử-Lộ thấy ngài vào hầu nàng Nam-tử,

petits souverains étaient plus ou moins désireux, à cette époque d'empiéter sur les pouvoirs de l'empereur, tandis que le désir de Confucius était au contraire de rétablir la prépondérance impériale, de faire respecter cette autorité, et de diminuer en conséquence l'influence des marquis. Il disait: « Lorsque l'ordre règne dans l'Etat, les cérémonies rituelles et la musique aussi bien que la guerre et les expéditions répressives doivent être réglés par l'empereur ; mais si le désordre règne, si le pays est en proie à l'anarchie, ce sont les marquis qui dirigent tout cela :天下有道。則禮樂征伐自天子出。天下無道。則禮樂征伐自諸侯出。». Le plan de Confucius était donc inévitablement opposé à l'ambition des marquis; aussi ceux-ci n'éprouvaient ils pour lui aucune sympathie sincère, alors même qu'ils affectaient de le recevoir fort convenablement.

Après que Confucius eut séjourné dix mois au pays de Wei, ce marquis ne s'étant pas décidé à le prendre à son service, le sage passa au pays de Tchenn. Traversant le pays de Khuông, il fut entouré par une troupe de soldats qui voulaient lui faire un mauvais parti, le prenant par erreur pour Dương-Hổ, un des hommes les plus cruels et les plus détestés de cette époque Un de ses disciples Tử-Lộ voulut alors défendre son maître en combattant ces soldats. Mais Confucius le lui interdit et lui ordonna de prendre un instrument de musique et d'en jouer, ce qui fut fait, puis il répondit à ce morceau de musique par un autre qu'il joua lui-même sur un deuxième instrument. . . . Au son de la musique de Confucius, les habitants de Khuông, touchés et comprenant leur erreur, se dispersèrent.

* * *

A la suite de cet incident, Confucius revint au pays de Wei. A cette époque, le marquis de Wei avait une femme nommée Nam-Tử dont la beauté était incomparable mais la conduite parfaitement scandaleuse. Elle voulut recevoir Confucius chez elle; celui-ci refusa d'abord de s'y rendre, puis il pensa qu'il devait le faire pour remplir son devoir rituel: d'après les règles, en effet, tous ceux à qui le marquis avait décerné un

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

lấy làm không bằng lòng. Ngài phải thề rằng : «Nếu ta có làm điều gì không phải, thì trời bỏ ta ! trời bỏ ta ! 予所否者天厭之天厭之 »

Vua nước Vệ lại chiều nàng Nam-tử, bắt ngài đi xe theo sau ra chơi chỗ thành-thị, người ta trông thấy ai cũng cười, có người chế-báng rằng : « Kìa cái đạo-đức chạy theo cái nhan sắc kia kìa ! » Ngài cũng lấy làm xấu-hổ mà than rằng : « Ta chưa thấy ai yêu điều đạo-đức được như là yêu cái nhan-sắc vậy. 吾未見好德如好色者也»

Ngài ở nước Vệ phải những điều khó chịu như thế, cho nên được ít lâu ngài sang ở nước Tống, lại bị quan Tư-mã nước Tống là Hoàn-Khôi muốn giết ngài, ngài lại bỏ sang nước Trần. Ở nước Trần được 3 năm, vua nước Trần đãi ngài cũng tử-tế, nhưng nước ấy cứ bị giặc-giã luôn ngài lại trở về nước Vệ. Vua nước Vệ tuy vẫn trọng đãi ngài, nhưng vẫn không dùng ngài.

Lúc bấy giờ xem chừng như ngài có ý buồn-bực lắm. Sách **Khổng-tử-gia-ngữ** chép rằng : Một hôm ngài đi sang nước Trịnh, thầy trò lạc mất cả, ngài đi vơ-vẩn một mình ở ngoài cửa thành. Thầy Tử-Cống đi tìm, gặp một người hỏi thăm, thì người ấy nói rằng : « Ở đàng cửa đông có một người hình-dáng là thế, mà **luy-nhiên như táng gia chi cẩu** 纍然如丧家之狗, nghĩa là ngơ-ngác như con chó mất chủ. » Thầy Tử-Cống sau đem chuyện ấy thuật lại

titre ou qu'il avait investi d'une fonction, devaient présenter en personne, à sa femme, leurs hommages respectueux. Un des disciples de Confucius nommé Tử-Lộ lui ayant laissé voir son mécontentement de cette démarche, le sage dut attester par serment la pureté de ses intentions: « Que le Ciel m'abandonne ! que le ciel m'abandonne ! s'écria-t-il par deux fois, si je n'ai pas agi en parfaite conformité à mon devoir ! » 予所否者天厭之天厭之

Le marquis de Wei voulant se conformer au désir de sa femme, obligea un jour Confucius à suivre sa voiture alors qu'il se promenait à travers les rues de la ville. A cette vue, les habitants riaient et se moquaient en disant : « Voici la vertu qui court après la beauté ! » Confucius en fut blessé et s'en plaignit en ces termes : « De toute ma vie, je n'ai pu rencontrer une personne dont l'attachement pour la vertu fût comparable à la passion que suscite la beauté : 吾未見好德如好色者也»

En raison de ces difficultés, Confucius ne demeura pas longtemps au pays de Wei, il passa au pays de Song où un haut officier du titre de Tư-mã projeta de le tuer. Il dut alors quitter cette contrée pour se rendre au pays de Tchenn où il séjourna pendant trois ans. Le marquis de Tchenn le reçut avec honneurs et lui fit un accueil sympathique; malheureusement, à cette époque, le pays était constamment troublé par les troupes et les pirates, et Confucius dut regagner encore le pays de Wei. Bien que le marquis de Wei eût pour lui les plus grands égards, il ne se décida pas à le prendre à son service.

Confucius fut alors envahi par une profonde tristesse. Le livre de Khổng-Tử Gia-Ngữ (Entretiens familiers de Confucius) nous dit à ce sujet: Confucius voyageant au pays de Tcheng fut un jour séparé par hasard de ses disciples et s'égara, il errait seul ainsi, en dehors des murailles de la citadelle. Un de ses disciples, Tử-Cống, parti à sa recherche, rencontra en route un passant auprès de qui il se renseigna sur son maître et qui lui répondit : « J'ai vu un homme qui errait du côté de la porte de l'Est ; il avait tel visage, telle allure. Il paraissait troublé, indécis, inquiet et

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

cho ngài nghe, ngài thở dài rồi mỉm cười mà nói rằng : « Hình-dáng thì không đúng, nhưng nói giống như con chó mất chủ thì thật phải, thật phải! » Nghe lời ấy thì biết cái bụng ngài buồn-bã là bao nhiêu ! Ngài đi hết nước này qua nước nọ chỉ muốn đem cái đạo của mình ra giúp đời, mà mãi không thành-công gì cả, thì cũng buồn thật. Ngài đi đi về về nước Vệ đã ba lần rồi mà vua nước Vệ vẫn không dùng.

Ngài thời một tuổi một già, có lúc ngài bực mình đã toan sang giúp người bạn-thần là Phật-Bật. Bấy giờ có thầy Tử-Lộ hỏi ngài rằng : « Ngày trước đệ-tử được nghe Phu-tử dạy rằng : Người quân-tử không có nhập-đảng với người nào đã làm điều bất-thiện, nay ngươi Phật-Bật lấy đất Trung-mâu, làm sự phản-nghịch mà Phu-tử lại định sang giúp là nghĩa làm sao ? » Ngài trả lời rằng : ta có nói điều đó thật, nhưng ta cũng có nói rằng : vật gì đã cứng thì dẫu có mài cũng không mòn được, mà vật gì đã trong-sạch thì dẫu có dấn vào chỗ đen chỗ bẩn, cũng không đen và bẩn được. Ta đây há lại là quả dưa chỉ để treo mà không ăn được hay sao ? » Ý ngài nói rằng ngài là người ngay người chính, tuy có theo giúp ngươi Phật-Bật là người phản thần để khiến nó bỏ tà theo chính, thì cái lòng ngay chính của ngài có mất đâu. Vả người ta có cái tài-trí, thì phải đem ra mà dùng, chứ để bỏ mất không hay sao. Ngài nói thế nhưng rồi ngài cũng không đi. Sau ngài lại định sang với quan đại-phu nước Tấn là Triệu-Ưởng, nhưng đi đến sông Hoàng-hà nghe tin ngươi Đậu Minh-Độc và ngươi Thuấn-Hoa chết, ngài lại trở về nước Vệ.

malheureux comme un chien qui a perdu son maître 纍然如喪家之狗 » Tử-Cống ayant rapporté ces paroles à Confucius, celui-ci soupira, puis dit en souriant : « Le portrait que cet homme a fait de moi n'était pas très ressemblant, mais s'il a dit que j'étais comme un chien sans maître, il a bien eu raison ! ». Que de mélancolie dans ce propos de Confucius ! Il avait déjà parcouru de nombreux pays dans l'espoir d'y trouver l'occasion d'appliquer sa doctrine et d'être utile aux hommes, et il avait dû aller de déception en déception sans pouvoir réaliser son projet. Il avait déjà séjourné trois fois au pays de Wei, et le souverain de ce pays persistait à ne pas vouloir accepter ses services. Il était déjà d'un âge avancé, et se sentait parfois accablé de chagrin.

Confucius voulut un jour rendre service à un nommé Phật-Bật. Son disciple Tử-Lộ lui dit alors : « Cher maître, vous nous avez enseigné que le sage ne doit jamais se faire l'auxiliaire des gens non vertueux. Aussi je vous demande comment il est possible que vous vouliez venir en aide à ce Phật-Bật qui a offensé la morale en usurpant par la force les territoires de Trung-Mâu sur lesquels il n'avait aucun droit ? » Confucius répondit : « Il est vrai que je vous ai parlé ainsi ; mais je vous ai dit aussi qu'un corps de dureté parfaite ne peut être usé par le frottement ; il en va de même pour un corps parfaitement pur, propre, et bon ; il ne saurait être souillé au contact des impuretés. Pensez-vous que je doive rester comme un melon qu'on suspendrait pour le contempler sans en manger jamais ? » Confucius entendait par là qu'étant droit et vertueux il pouvait venir en aide à un homme aussi mauvais que Phật-Bật pour tenter de le ramener dans le bon chemin sans que sa droiture et sa vertu risquassent d'en être compromises ; en outre l'homme qui possède science et vertu doit les mettre au service du bien et non les laisser stériles. Confucius donna ces explications à son disciple, mais renonça néanmoins à obliger Phật-Bật. Quelques temps après, il résolut d'aller aider Triệu-Ưởng, Đại-phu du pays de Tsinn ; mais parvenu aux rives du Hoang-Ho, il y apprit la mort de Đậu-Minh-Độc et de Thuấn-Hoa, et retourna au pays de Wei.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Ngài ở nước Vệ lần này được non ba năm, một hôm vua nước Vệ mời ngài đến bàn việc binh. Đang ngồi nói chuyện, vua nước Vệ thấy đàn chim nhạn bay trên trời, ngửa lên trông, không để tâm nghe chuyện ngài nói. Ngài thấy vua nước Vệ không có ý dùng ngài, ngài bèn bỏ sang nước Trần. Ngay năm ấy quan đại-phu nước Lỗ là Quí-Tôn Tư mất, dặn con là Quí-Tôn Phì đón ngài về làm tướng giúp nước. Quí Tôn Phì không nghe lời dặn ấy lại cho đón người học trò ngài là thầy Nhiễm-Cầu. Được ít lâu ngài bỏ nước Trần sang nước Thái, qua đến nước Diệp thì vua nước Sở cho người đi đón ngài và định lấy 700 dặm đất mà phong cho ngài, nhưng lại bị quan lệnh-doãn là Tử-Tây can ngăn đi, ngài lại trở về nước Vệ, lần này nữa là lần thứ năm.

Từ đó ngài thấy đi nước nào cũng chẳng thành công gì, ngài bèn ở nước Vệ đến năm sáu năm, và không đi đâu nữa. Sau Quí-Tôn Phì cho người sang đón ngài về nước Lỗ. Lúc ấy ngài đã 68 tuổi, ngài bỏ nước Lỗ đi tất cả là 14 năm. Bấy giờ ngài cũng biết mình đã già rồi ; cho nên ngài cũng không cầu ra làm quan nữa. Ngài chỉ chuyên về việc dạy học-trò và làm sách. Ngài soạn lại kinh **Thư**, là một bộ sách cổ nhất nước Tầu, sếp đặt lại kinh **Thi**, chính lại kinh **Lễ** và kinh **Nhạc**. Ngài cắt nghĩa kinh **Dịch** là sách yếu-trọng của Nho-giáo về đường lý-học. Ngài làm ra kinh **Xuân-Thu** là bộ sách sử của nước Lỗ. Khi ngài đang làm bộ sách này, thì người nước Lỗ đi săn bắt được con kỳ-lân què một chân, ai cũng cho là điềm không lành, đem bỏ ra ngoài đồng. Ngài đi xem trông thấy thì bưng mặt mà khóc rằng: « Ngô đạo cùng hĩ 吾道窮矣 », nghĩa là cái đạo của ta cùng rồi. Kinh **Xuân-thu** chép đến chuyện ấy là hết.

Il y fit cette fois un séjour de près de trois ans. Le marquis de Wei l'invita un jour à venir s'entretenir avec lui de questions relatives à la guerre. Au cours de cet entretien, le marquis, ne prêtant aucune attention aux propos de Confucius, leva la tête pour suivre du regard un troupeau d'oies sauvages qui traversait le ciel. Confucius comprit que le marquis n'avait pas un désir bien sincère d'employer ses services ; il quitta alors le pays de Wei et se rendit au pays de Tchenn. La même année, un Đại-phu du pays de Lou, nommé Quý-Tôn Tư, vint à mourir. Avant sa mort, il recommanda à son fils, Quý-Tôn-Phì, d'aller trouver Confucius et de lui demander d'accepter le poste de ministre pour affermir le gouvernement. Malheureusement Quý-Tôn-Phì désobéit et fit nommer à cet emploi un des disciples de Confucius nommé Nhiễm-Cầu. Confucius quitta le pays de Tchenn après un certain séjour pour se rendre au pays de Tsai. Parvenu au pays de Diệp, le roi de Tchou lui délégua un mandarin pour l'inviter à venir à sa cour, lui proposant l'administration d'un territoire de 700 stades. Malheureusement, le grand ministre, ou lịnh-doãn, nommé Tử-Tây s'y opposa, et Confucius revint au pays de Wei pour la cinquième fois.

Confucius comprenant alors que les vicissitudes qu'il avait éprouvées dans ces différents pays lui laissaient peu d'espoir d'un succès meilleur dans la réalisation de ses projets se fixa au pays de Wei où il demeura pendant près de six années. Au bout de ce temps, Quý-tôn-Phì fit inviter Confucius à revenir au pays de Lou ; il avait alors soixante-huit ans et avait quitté ce pays depuis quatorze ans. Se sentant trop âgé, il renonça à tout espoir d'exercer des fonctions administratives, et, à partir de ce moment, se consacra exclusivement à l'enseignement de ses disciples et à la composition d'ouvrages littéraires. Il composa entièrement de nouveau le Kinh Thư, qui était le plus ancien monument littéraire chinois, remania le Kinh Thi, et révisa complètement le Kinh Lễ, et le Kinh Nhạc, gardant ce qui était juste et supprimant ce qui était faux. Il expliqua le Kinh Dịch, ouvrage essentiel de la métaphysique des Nho. Il écrivit le Kinh Xuân-Thu, historique

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Khi chưa sinh ngài thì có kỳ-lân ra nhả ngọc-thư, đến khi ngài sắp mất thì kỳ-lân ra mà lại què mất một chân. Vậy con kỳ-lân ấy quan-hệ đến số-mệnh của ngài là thế nào thì ta không biết. Mà con kỳ-lân ấy là con vật thế nào thì dễ thường cũng khó lòng mà biết rõ được.

Học-trò ngài ba nghìn người (3000), mà những bậc tinh-thông được lục-nghệ thì bảy mươi hai người (72). Ai cũng tôn-kính và yêu-mến ngài như là cha sinh ra vậy.

Một buổi sáng thầy Tử-cống trông thấy ngài vắt tay sau lưng kéo lê cái gậy, thủng-thỉnh đi ngoài cửa mà ngâm rằng:

Thái-sơn đổ,
Lương-mộc nát,
Triết-nhân sắp đã nghèo tàn hay sao ?

Hát xong ngài vào, bệnh mỗi ngày một nặng, được bảy ngày thì mất. Bấy giờ là năm thứ 41 đời vua Kính-vương nhà Chu (tức là năm 478 trước Thiên-chúa Gia-tô giáng-sinh).

Học-trò ngài thương tiếc vô-cùng để tâm-tang ba năm. Thầy Tử-Cống làm nhà trên mộ ở hết sáu năm mới thôi. Mộ ngài nay ở Khổng-Lâm, cách huyện Khúc-phụ hai dặm, có cây-cối sầm-uất, nay những người ngoại-quốc đi lại viếng thăm cũng nhiều.

de la principauté de Lou. Alors qu'il travaillait encore à la rédaction de cette histoire, il arriva qu'un chasseur captura une licorne boiteuse. Tout le monde ayant vu dans ce fait un mauvais présage, on lâcha la bête dans un champ. Confucius s'y rendit, mais à la vue du malheureux animal, il cacha son visage dans ses mains et se mit à pleurer, disant: « Hélas, notre doctrine aussi est à bout de forces ! 吾道窮矣 » Le Kinh Xuân-Thu s'arrête au récit de ce fait.

Avant la naissance de Confucius apparut une licorne qui vomit une lettre, et à la fin de sa vie apparut une licorne boiteuse. Nous ne pouvons savoir au juste ce qu'était cet animal ni quelle influence il exerça sur la vie de Confucius.

Les disciples de Confucius étaient au nombre de trois mille dont soixante-douze étaient gens cultivés connaissant les six arts libéraux. Tous l'aimaient et le respectaient comme leur propre père.

Un matin, l'un de ses disciples, Tử-Cống, vit Confucius franchir péniblement sa porte, d'un pas lourd, appuyé sur son bâton, et l'autre main derrière le dos ; tout en marchant ainsi, il récitait en soupirant les sentences suivantes : « Les Monts Célestes s'écroulent, l'arbre bienfaisant s'abîme sur le sol ... Le sage ne va-t-il pas aussi terminer ses jours ? »

Avant prononcé ces mots, Confucius rentra dans sa maison ; son mal empira, et au bout de sept jours, il quitta ce monde. C'était en la 41e année du règne de Kinh-Vương de la dynastie des Tcheou (478 avant J.-C.).

Ses disciples le pleurèrent et le regrettèrent profondément. Ils en portèrent le deuil pendant trois ans. Le disciple Tử-Cống se fit construire une maison à côté de la tombe et y demeura pendant six ans pour garder la sépulture et rendre le culte à son maître. Le tombeau du grand sage existe encore aujourd'hui à Khổng-Lâm, à deux stades de Khúc-phụ ; il est entouré d'arbres sombres et majestueux. De nombreux étrangers viennent toujours le visiter.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

* * *

Một người lúc sinh-bình cũng hành-động như mọi người, mà rồi về sau bao nhiêu những công việc của mình đã làm, bao nhiêu những lời của mình dạy-bảo, thành ra luật-phép cho non năm trăm triệu người ở phương Viễn-Đông, trong khoảng hơn 2 nghìn năm nay, mà cái đức-vọng cứ càng ngày càng tôn-trọng thêm lên, thì người ấy là người thế nào ? Nếu không phải là bậc chí-thánh thì sao được như thế. Bậc chí-thánh ấy cũng không có tự-xưng mình là thánh là thần gì cả. Ngài thường nói rằng : « Ta không phải sinh ra là biết, nhưng chỉ thích việc đời xưa và cố sức mà tìm-tòi kê-cứu đấy thôi (我非生而知之者.好古敏以求之者也) (1)» ! Hay là : « Ta dám đâu nhận là bậc thánh hay là bậc nhân. Ta chỉ cố làm việc nhân mà không chán, cố dạy người mà không mỏi, ấy ta biết ta chỉ được có thế mà thôi (若聖與仁則吾豈敢.抑爲之不厭.誨人不倦.則可謂云爾已矣 (2)». Mà ngài cũng nhận là không có sáng tạo ra điều gì. Ngài nói rằng : « 述而不作 » (3), nghĩa là ta thuật cái đạo của thánh-hiền đời trước để dạy người, chớ không có đặt ra cái gì mới lạ cả.

(1), (2), (3) Luận-ngữ : Thuật-nhi.

* * *

Que peut-on penser d'un homme qui vécut jadis avec simplicité parmi les autres hommes, mais dont les exemples et les préceptes devinrent après sa mort les principes moraux et les lois politiques que suivirent près d'un demi milliard d'hommes en Extrême-Orient pendant plus de deux mille ans, et qui reçut de ces hommes un culte de respect, de vénération qui a persisté à travers cette durée... Que peut-on penser d'un tel homme ? S'il n'avait été le vrai sage, le sage parfait, aurait-il laissé tant de choses admirables après lui ? Et n'est-elle pas sublime la modestie de ce grand maître qui pouvait dire, se défendant d'être sage ou intelligent: « Je n'ai reçu de naissance aucun don spécial ; je ne dois le peu de science que je possède qu'à l'étude appliquée des enseignements des hommes du passé et à la recherche persévérante de la vérité qu'ils nous donnent. 我非生而知之者。好古敏以求之者也 » (1). Ou encore : « Comment serais-je assez insensé pour me croire investi de la parfaite sagesse ? Je ne suis qu'un homme qui s'applique à vivre en homme et à instruire ses semblables pour leur faire aimer le bien, sans me laisser décourager par les difficultés et les déceptions. Je ne suis que cela, 若聖與仁則吾豈敢。抑爲之不厭。誨人不倦。則可謂云爾已矣 » (2). Il affirma qu'il n'avait rien créé ou inventé de lui-même, disant : « Je n'invente pas : j'imite seulement 述而不作 » (3). Ce qui signifie : je ne crée rien de nouveau ou d'extraordinaire ; je me contente d'imiter les grands sages du passé ; je les vénère, j'étudie leur vie et j'y cherche des exemples à citer à mes semblables pour leur enseigner le bien.

(1), (2) et (3) : Du Luận-Ngữ, chap. Thuật-nhi.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Tóm lại mà nói thì đạo của ngài chỉ có mấy câu sau này: «祖述堯舜. 憲章文武. 上律天辰. 下襲水土» (1) nghĩa là tổ-thuật cái đạo vua Nghiêu vua Thuấn, lấy cái đạo vua Văn vua Vũ làm khuôn-phép, trên thì hợp với cái lẽ trời đất, dưới thì thủy-thổ nào cũng dùng được. Ngài xếp đặt cái đạo ấy thành ra có mối-mạnh, và giảng-giải một cách rất rõ-ràng, khiến cho từ đấy về sau trở nên một học-phái có thế-lực rất mạnh. Bởi thế cho nên tuy ngài không sáng-tạo ra đạo ấy, mà hậu-thế vẫn tôn ngài như một bậc giáo-tổ vậy.

Đạo của Khổng-phu-tử là một cái đạo nhật-dụng thường-hành, chủ về đường luân-lý. Lấy nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, làm ngũ thường mà dạy người ta, lấy vua-tôi, cha-con, vợ-chồng làm tam-cương mà giàng-buộc cái nhân-luân trong xã-hội. Nghĩa là ngài chủ lấy những điều thiết-thực quan-hệ đến sự người ta làm ăn ở đời mà dạy người, chớ không nói đến sự viển-vông khó khăn, hay là điều cao-xa kỳ-dị. Môn-đệ ngài nói rằng: « Phu-tử không nói đến những sự quái lạ, những việc bạo-hành, những việc phản-bội và những việc quỉ-thần (子不語怪·力亂神) (2) cái nền luân-lý của ngài là ở trong tâm-tính người ta, chớ không ở đâu xa. Muốn sửa người ta, thì lấy những việc người ta hằng làm đến, hằng trông thấy mà dạy người ta. Ngài nói rằng: « Đạo không xa cái tính tự-nhiên của người ta, hễ vì đạo mà làm cho người ta xa cái tính tự-nhiên của mình, thì không phải là đạo (道不遠人·人之爲道而遠人·不可以爲道) (3) ».

(1) Trung-Dung.
(2) Luận-Ngữ : Thuật-nhi.
(3) Trung-Dung.

En résumé, la doctrine de Confucius peut être présentée de la façon suivante, d'après un de ses commentateurs: «Suivre les principes que nous ont légués les empereurs Nghiêu et Thuấn, ériger en lois les règles de conduite exemplaire des empereurs Văn et Vũ; savoir tout adapter: en haut, aux temps différents que nous donne le ciel, en bas, aux climats variés que nous offre la terre (c'est-à-dire: savoir, dans les applications, se prêter aux circonstances les plus diverses par un talent d'adaptation): 祖述堯舜。憲章文武。上律天辰。下襲水土。» (1). En effet, Confucius a recueilli, étudié et commenté la doctrine des Nho; il l'a rénovée et perfectionnée et en a fait une doctrine importante, mais simple et claire, qui exerça une grande influence sur la vie sociale pendant de longs siècles après lui. Aussi les générations suivantes vénérèrent sa mémoire et le considérèrent comme le fondateur de la doctrine.

L'objet principal de la doctrine de Confucius est l'enseignement des règles morales que l'homme doit observer au cours de sa vie. C'est donc essentiellement une doctrine morale. Son but est de développer en l'homme les cinq vertus cardinales: humanité, justice, urbanité, science et fidélité. Elle fixe trois rapports moraux indispensables au maintien de l'ordre social: 1° : entre le roi et les sujets, 2° : entre les parents et les enfants, 3° : entre le mari et la femme. Confucius s'efforçait donc de donner aux hommes des principes simples et clairs d'une application pratique aux faits réels de la vie quotidienne; il n'abordait pas les questions transcendantes, subtiles, abstraites et d'une intelligence difficile, non plus que l'étude des phénomènes surnaturels qui auraient pu troubler les esprits. Ses disciples disaient: « Notre maître ne nous parlait jamais ni de choses mystérieuses, ni de force brutale, ni de bouleversements sociaux, ni des génies ou des esprits (子不語怪。力° 亂 神)。» (2). Le fond de la morale qu'il enseignait est en nous; c'est le fond même de notre cœur où prennent naissance nos sentiments. Pour améliorer les hommes, il faut leur présenter des exemples pris dans la vie courante. Confucius disait encore ceci: « La doctrine n'est pas éloignée des sentiments innés en l'homme, tout enseignement qui s'éloigne de nos sentiments innés n'est pas la vraie doctrine (道不遠人。人之爲道而遠人。不可以爲道) ». (3)

(1). — De Trung-Dung.
(2). — Du Luận-Ngữ, chap. Thuật-nhi.
(3) — De Trung-Dung.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Vậy cái đạo của Khổng-phu-tử, tức là cái đạo Nho mà tôi đã kể lược ở trên kia. Ngài cũng tin có trời, có quỷ-thần. Ngài nói rằng : « Có trời đất nhiên-hậu mới sinh vạn-vật (有天地然後萬物生焉) (1), mà trời đất đã sinh vạn-vật rồi, thì cứ nhân cái tài-lực của nó mà đôn-đốc thêm vào. Cái gì có thể vun trồng được thì vun trồng cho ngay lên, cái gì nghiêng lệnh thì đánh đổ đi (天之生物. 必因其材而篤焉。故栽者培之. 傾者覆之. (2). Đối với muôn sự trong thế-gian thì việc gì cũng có Trời làm chủ-tể và đã có mệnh định trước, cho nên người quân-tử không bao giờ oán trời mà cũng không trách người, cứ tự-nhiên mà đợi cái mệnh (上不怨天. 下不尤人. 居易以俟命. (3). Cái mệnh ấy là sự xếp-đặt của trời, ta lấy làm kinh sợ lắm. Có biết kinh sợ mệnh trời thì mới là người quân-tử.

Còn như quỷ-thần là bậc thiêng-liêng ở trong trời đất, tuy mắt ta trông không thấy được, tai ta nghe không thấy được, nhưng quỷ-thần thấu cả muôn vật, không sót cái gì. Đâu đâu cũng hình như là ở trên đầu trên cổ ta, ở bên tả bên hữu ta vậy, mà lúc nào cũng có ở trước mắt ta mà ta không biết (4). Bởi vậy người ta phải tế thần như thần tại (5) Tế quỷ-thần là lấy sự tận thành để tỏ cái lòng tôn-kính, nhưng không nên gần, nghĩa là không nên nay cầu-khấn, mai cầu-khấn để cốt lấy sự tư-lợi của mình. Người ta sinh ra ở đời, cứ lẽ

(1) Dịch : Tự-quái.
(2) Trung-dung.
(3) Trung-dung.
(4) Trung-dung.
(5) Luận-ngữ : Bát-dật

La doctrine de Confucius n'était donc autre que la doctrine des Nho dont nous avons parlé précédemment. Confucius croyait aussi à l'existence de Dieu, des esprits, des âmes, il disait : « Il faut bien que le Ciel et la Terre aient existé avant qu'aient été créés le monde et les espèces 有天地然後萬物生焉». (1) Et lorsque le Ciel eut créé toutes les espèces, il les aida dans leur développement, selon les forces et l'intelligence qu'il leur avait réparties. Le créateur prodigue ses soins aux espèces qui ont en elles des possibilités de parfait développement, tandis qu'il fait périr celles dont le développement est orienté dans une mauvaise direction. 天之生物。必因其材而篤焉。故栽者培之。傾者覆之。» (2) Tous les êtres, tous les évènements de l'univers sont suscités et dirigés par Dieu le créateur, et toute destinée a été d'avance réglée par lui. Aussi le sage doit-il ne jamais se plaindre de Dieu ni s'irriter des hommes ; il doit attendre dans le calme et la confiance l'exécution de la volonté divine. 上不怨天。下不尤人。居易以俟命» (3). Cette volonté met chaque chose à la place qu'elle doit occuper ; nous devons nous incliner devant elle; le vrai sage est celui qui sait respecter le dessein de Dieu.

Bien que nous ne puissions voir ni entendre les esprits et les génies qui appartiennent à des espèces immatérielles, ils voient et comprennent ce qui appartient à notre monde matériel. Il semble que leur présence soit universelle, qu'ils vivent au milieu et au dessus de nous, bien que nous ne les voyions pas. C'est pour cette raison que nous devons leur rendre le culte avec les mêmes témoignages de respect sincère que ceux que nous leur donnerions si nous pouvions les voir réellement devant nous. Ce culte que nous leur rendons a pour seul objet d'exprimer ces sentiments de vénération que nous avons à leur égard, mais nous ne devons pas aller en quelque

(1) du Kinh-Dịch.
(2) du Trung-Dung.
(3) du Trung-Dung.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

phải mà làm, đừng làm điều gì gian-ác, việc bổn-phận của mình thế nào thì mình cứ cố gắng mà làm cho trọn-vẹn, rồi tất có trời đất và quỷ-thần chứng-minh cho, chớ hà tất phải có kêu-cầu thì trời đất và quỷ-thần mới biết hay sao ? Vậy nên Khổng-phu-tử dạy rằng : Vụ dân chi nghĩa, kính quỷ-thần nhi viễn chi (務民之義。敬鬼神而遠之) (1).

Chính ngài cũng tự-mình làm gương cho người ta : một khi ngài đau nặng, thầy Tử-lộ xin để cầu-nguyện thượng-hạ thần-kỳ cho ngài. Ngài nói rằng : « Ta cầu-nguyện đã lâu rồi. (丘之禱久矣) (2) » Lấy cái lẽ rằng khi người ta cầu-nguyện điều gì là xin bỏ điều lỗi và làm điều lành. Thế mà chung-thân ngài chỉ lo có bấy nhiêu, vậy thì lúc nào là ngài chẳng cầu nguyện.

Về đường sinh-tử, thì Khổng-phu-tử cũng một ý như mọi người thời bấy giờ, cho người ta có hồn và có phách. Sống là hồn phách hợp làm một, mà chết là hồn-phách phân-ly nhau ra. Chết rồi thì cái cốt-nhục chôn xuống đất dần dần tan nát đi, còn cái khí tinh-anh thì bốc lên khoảng không-gian, sáng rỡ rực-rỡ (死必歸土。骨肉斃於下。陰爲野土。其氣發揚於上。爲昭明。) (3), nghĩa là chết thì chỉ mất có cái hài-cốt mà thôi, còn cái linh-hồn không mất được. Cái linh-hồn còn, nhưng có cảm giác được như người ta nữa hay không, thì không biết. Một hôm thầy Tử-cống hỏi ngài rằng: « Người chết có biết gì không? — Ngài trả lời rằng : Nếu ta nói

(1) Luận-ngữ : Ung-giã
(2) Luận-ngữ: Thuật-nhi
(3) Lễ : Tế nghĩa

sorte vers eux en leur adressant des prières réitérées pour implorer d'eux des faveurs personnelles. Le devoir de l'homme au cours de sa vie est d'agir toujours suivant sa conscience et la saine raison, d'éviter soigneusement toute action méchante ou malhonnête; s'il s'applique à faire en toute chose son devoir, il n'a pas à supplier les génies de le favoriser ; s'il s'est efforcé de bien faire, le Ciel, la Terre, les esprits et les génies sauront bien s'en rendre compte et l'approuver sans qu'il ait à leur adresser des prières pour attirer leur attention. C'est ce que Confucius a enseigné comme suit: « Il faut que l'homme s'applique à ses devoirs d'homme; il doit respecter les esprits, mais ne pas les approcher. 務民之義。敬鬼神而遠之(1). »

Confucius a donné lui-même l'exemple de cette façon d'agir. Un jour qu'il était gravement malade, un de ses disciples Tử-Lộ lui demanda l'autorisation de prier les dieux du ciel et de la terre pour obtenir leur bénédiction. Confucius lui répondit : « Il y a bien longtemps que je prie. » (丘之禱久矣) (2) Puisque le seul objet de la prière doit être de demander la force de renoncer au mal et de revenir au bien, Confucius n'ayant eu d'autre soin tous les jours de sa vie n'avait donc cessé de prier.

Pour tout ce qui concerne la vie et la mort de l'homme, Confucius avait les mêmes opinions que ses contemporains et pensait que l'homme a une âme et un corps : la vie est leur union, la mort leur séparation. Après la mort, la chair et les os enfouis dans la terre se décomposent et disparaissent, tandis que le principe spirituel s'élève dans l'espace. (死必歸土。骨肉斃於下。陰爲野土。其氣發揚於上。爲昭明 (3) » Ce qui signifie qu'après la mort le corps seul est décomposé, tandis que l'âme est indestructible. L'âme continue donc à exister après la mort sans qu'on puisse dire si elle est, comme pendant la vie, douée de sentiment, ou bien si elle devient insensible. Un jour

(1) du Luận-Ngữ, chap. Ung-giã
(2) du Luận-Ngữ, chap. Thuật-nhi.
(3) du Lễ: Tế-nghĩa.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

người chết mà có biết, thì sợ những con cháu hiền-thảo liều mạng để theo ông cha. Nếu ta nói người chết mà không biết gì thì sợ con cháu bất-hiếu, cha mẹ chết bỏ không chôn. Ngươi muốn biết người chết có biết hay không biết, chuyện đó không phải là chuyện cần-kíp bây giờ, về sau ngươi sẽ biết (1) ». Dẫu thế nào mặc lòng, mình đối với người chết, bao giờ vẫn có cái cảm-tình riêng: không có thể cho như là mất hẳn, mà cũng không có thể cho như là vẫn còn sống được. Ngài nói rằng : « Nếu cho người chết là mất hẳn, không tưởng nhớ gì đến, là bất-nhân, mà cho như là còn sống thì là bất-tri, đều là không phải cả (之死而致死之。不仁。而不可爲也。之死而致生之。不知。而不可爲也(2). Phải thờ người chết, phải cúng-tế tổ-tiên, để tỏ lòng tôn-kính, nhưng đừng có thờ bậy. Nếu không phải là bậc mình đáng thờ, không phải cha-ông tổ-tiên mình, mà mình thờ-cúng thì gọi là siểm (非其鬼而祭之諂也)(3)

(1) Khổng-tử gia-ngữ
(2) Lễ : Đàn-cung.
(3) Luận-ngữ : Vi-chính.

un de ses disciples demanda à Confucius: « Les morts sont-ils doués de sentiment ? » Confucius répondit : « Si je dis que les morts sont sensibles comme les vivants, je crains que les enfants pieux ne viennent à se suicider pour épargner à leurs ancêtres la douleur de la séparation ; mais si je dis que les morts sont insensibles, je crains que les enfants dénués de piété filiale ne laissent leurs parents sans sépulture. Si tu veux savoir si les morts sont doués ou non de sentiment, il te faut attendre encore ; tu le sauras plus tard, mais aujourd'hui tu n'en as nul besoin (1) » Quelle que soit la vérité sur ce point, notre fidélité aux disparus ne nous permet pas de croire que la mort les a complètement anéantis; mais nous ne pouvons pas non plus imaginer qu'ils sont demeurés semblables aux vivants. Confucius disait: « Si nous croyons que les morts sont complètement perdus et si nous ne gardons pour eux ni mémoire ni regrets, nous sommes inhumains. Mais si nous les supposons semblables aux vivants, nous sommes des ignorants. Ces deux opinions sont également erronées. 之死而致死之。不仁。而不可爲也。之死而致生之。不知。而不可爲也(2). » Nous devons rendre le culte aux morts et assurer les cérémonies aux ancêtres pour témoigner de la déférence que nous éprouvons envers eux. Mais nous ne devons pas rendre le culte à n'importe quel esprit ou génie, car si nous rendons ce culte à des esprits de classe élevée envers qui nous n'avons pas ce devoir, ou bien si nous l'adressons à des âmes qui n'appartiennent pas à nos propres ancêtres, nous agissons en vil flatteur qui cherche, par des adulations, à conquérir les bonnes grâces d'un personnage puissant (非其鬼而祭之諂也) (3).

(1) de Khổng-Tử Gia-Ngữ.
(2) du Lễ : Đàn-cung.
(3) du Luận-Ngữ, chap. Vi-chính.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Nhưng ta phải biết rằng việc quỷ-thần và việc sinh-tử là việc u-ẩn, uyên-áo, thật là khó hiểu. Cái lẽ ta phải thờ cúng thì cứ thờ-cúng, song chỉ cốt lấy lòng thành-thực cung-kính mà thôi, chớ biết thế nào hết được mọi lẽ mà nói. « Chưa có thể thờ được người, thờ quỷ-thần sao được! (未能事人. 焉能事鬼) »; — « Mà sự sống còn chưa biết, biết thế nào được sự chết. (未知生. 焉知死) (1).»

* * *

Phàm những việc siêu-việt cao-xa là Khổng-phu-tử không giải-quyết điều gì cả, mà ngài cũng không hay nói đến, vì rằng cái đạo của ngài chỉ ở trong vòng nhân-sự mà thôi. Làm con thì phải hiếu-đễ, làm người thì phải trung thứ, ấy là những điều ngài thường dạy người ta ở đời.

Hiếu-đễ là cái lòng kính-mến thảo-thuận của những con em ở với cha mẹ anh em trong nhà. Bên Nho-giáo lấy sự hiếu trọng hơn cả các đức-tính khác, cho nên Khổng phu-tử nói rằng : « Đối với cha mẹ thì phải ăn ở cho cha mẹ bao giờ cũng được thỏa lòng, dẫu phải ăn rau uống nước lã, mà làm cho cha mẹ được vui vẻ, ấy là hiếu (啜菽飲水。盡其歡。斯之謂孝) (2)

1 Luận-ngữ : Tiên-tiến
(2) Lễ ; Đàn-cung.

Mais nous devons savoir que tout ce qui touche aux esprits est obscur, profond, mystérieux, et échappe presque entièrement à l'intelligence humaine. Nous assurons leur culte conformément à notre devoir ; nous devons comprendre que le seul but de ce culte est de témoigner de nos sentiments de respect et de fidélité au souvenir, mais que nous ne devons pas discuter le fond de ces questions relatives aux esprits, car elles sont inaccessibles à notre intelligence. « Si nous ne savons observer les règles dans nos rapports avec les vivants, comment pourrons-nous assurer le culte aux morts 未能事人。焉能事鬼, ». — « Si nous ne savons pas ce qu'est la vie, comment pouvons-nous supposer ce qu'est la mort ? 未知生。焉知死 » (1)

* * *

Si Confucius se refusait à toute discussion et à toute hypothèse sur les questions transcendantes, sur les choses en dehors la vie réelle ; s'il n'en parlait que fort rarement, c'est que sa doctrine ne s'appliquait qu'à tout ce qui est enfermé dans le cercle des actions humaines : Dans la famille, soyez pieux et soumis, dans la société soyez humain et loyal, voici ce que Confucius enseignait chaque jour aux hommes.

Etre pieux et soumis dans la famille, c'est avoir et témoigner des sentiments d'affection et de respect obéissants aux parents et aux aînés. La doctrine de Confucius considérait la piété filiale comme la vertu essentielle ; c'est pourquoi il a dit : « Il faut agir envers ses parents afin de leur donner à tout instant toute satisfaction ; savoir vivre, s'il le faut, très pauvrement, en se contentant d'eau, de riz et de légumes; telle est la vraie piété filiale 啜菽飲水。盡其歡。斯之謂孝 (2)

(1) du Luận Ngữ, chap. Tiên-tiến.
(2) du Lễ, chap. Đàn-cung.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Phu-tử lấy điều giữ toàn thân-thể làm một điều yếu trọng trong sự hiếu. Ngài bảo rằng : « Giữ thân-thể của mình không hư hỏng, đừng để cho thân mình phải đê-nhục, vì rằng thân của mình là bởi cha mẹ sinh ra, cũng như cái cây mọc cành vậy, lẽ nào mà mình dám không kính ? Không kính tức là phạm đến cha mẹ (不能敬其身是傷其親) (1). Vậy nên cha mẹ sinh mình ra cho mình được cái thân-thể hoàn-toàn thì mình phải giữ cho hoàn-toàn mà chết, thế gọi là hiếu (父母全而生之。子全而歸之。可謂孝矣) (2).

Sự chí-hiếu là cha mẹ đã tôn-kính ai là mình phải tôn-kính người ấy, đã yêu-mến ai là mình phải yêu-mến người ấy, mà thờ cha mẹ là phải lúc chết cũng như lúc sống, lúc mất rồi cũng như lúc hãy còn 敬其所尊。愛其所親。事死如事生。事亡如事存。孝之至也 (3). Lúc cha mẹ còn không nên đi đâu xa, mà có đi đâu cũng phải cho cha mẹ biết chỗ mình đi, để lỡ có việc gì có thể tìm gọi được. Đại-khái, hiếu là lúc sống phải nuôi-nấng tử-tế, lúc chết phải tống-táng theo lễ, và cúng tế theo lễ. Mà lễ là tùy cái sức nhà mình (稱家之有無) (4) mà làm những điều phải phép, chớ không phải có làm ma-chay linh-đình mới là theo lễ đâu.

(1) Lễ : Ai-công-vấn.
(2) Lễ : Tế nghĩa.
(3) Trung-dung.
(4) Lễ : Đàn-cung.

Confucius considérait la conservation d'un corps sain par la pratique de l'hygiène physique et morale comme un des côtés importants du devoir de piété filiale. Il disait à ce propos: « Il faut prendre soin de son corps afin qu'il ne soit pas dégradé par les infirmités ou l'usure prématurée, car notre corps comme toute notre personne nous ont été donnés par nos parents, et les enfants demeurent unis à leurs parents comme les branches de l'arbre à son tronc. Sachant cela, comment ne respecterions-nous pas notre corps et toute notre personne ? Ne pas les respecter, c'est manquer au respect dû à nos parents. 不能敬其身是傷其親 » (1). « Nos parents nous ayant mis au monde avec un corps sain, nous devons le conserver tel et mourir sans infirmités : c'est un pevoir de piété filiale 父母全而生之。子全而歸之。可謂孝矣。(2)

« L'accomplissement parfait du devoir de piété filiale oblige les enfants à aimer et respecter les personnes qui sont aimées et respectées de leurs parents ; les enfants doivent rendre le culte à leurs parents après leur mort avec les mêmes sentiments que du vivant de ceux ci, après leur disparition comme pendant leur vie terrestre 敬其所尊。愛其所親。事死如事生。事亡如事存。孝之至也 » (3). Tant que nos parents sont vivants, nous devons éviter les voyages lointains et, en cas de nécessité, nous devons tenir sans cesse nos parents au courant de nos déplacements afin qu'ils puissent nous appeler aussitôt lorsqu'ils ont besoin de nous. En résumé, le devoir de piété filiale consiste à nourrir et à soigner nos parents pendant leur vie, à leur assurer funérailles et culte suivant les rites après leur mort. Il nous est d'ailleurs recommandé d'observer ces rites pour les cérémonies d'une façon raisonnable, c'est-à-dire conformément à nos moyens et non pas en faisant par ostentation des cérémonies exagérées. 稱家之有無。(4)

(1) du Lễ, chap. Ai-công-vấn.
(2) — id — Tế-nghĩa.
(3) du Trung-Dung.
(4) du Lễ : chap. Đàn-cung .

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Người nào đã biết lấy lòng hiếu mà thờ cha kính mẹ thì chắc là một người ngay lành, không làm điều bậy bao giờ, bởi thế cho nên ở phương Viễn-đông ta thường lấy sự hiếu làm quan-trọng lắm.

Về đường tu-thân, thì Khổng-phu-tử dạy người ta phải sửa mình cho thành người có phẩm-hạnh. Việc tu-thân thì cốt ở sự **Thành** 誠. Ngài nói rằng : « Sự hoàn-toàn là đạo của trời, sự cố gắng cho được hoàn-toàn là đạo của người (誠者天之道也。誠之者人之道也) (1). » Vậy người ta bao giờ cũng phải gắng sức để nên người hay người lành. Phu-tử tin rằng người ta sinh ra ai cũng có tính lành như nhau cả, chỉ vì sự tập-quán mà thành ra khác nhau (性相近也。習相遠也) (2). Vậy nếu mình chịu học-tập để giữ lấy cái bản tính của mình, đừng để cho cái tình-dục nó đè nén mất, thì cái lòng lành có thể càng ngày càng phát-minh ra được. Hễ mình biết giữ được cái ý chí của mình cho hoàn-toàn, cái bụng của mình cho ngay chính, cái thân của mình cho trong-sạch, 誠其意。正其心。修其身。(3) thì chắc là người ta có thể dần-dần lên tới bậc chí-thiện chí-đạo được. Vì rằng ai đã giữ được cái ý-chí của mình hoàn-toàn, thì việc gì ác là mình không làm, mà việc gì thiện là mình không bỏ, thành ra mình không dối mình vậy 誠其意無自欺也 (4). Khi cái ý của mình đã thành, cái chí của mình đã định, thì dẫu ở trong đám ba quân có thể bắt được ông tướng, chớ cái chí của một người không ai cướp đi được 三軍可奪帥也。匹夫不可奪志也。(5). Mạnh-mẽ thay lời dạy của Phu-tử ! Khiến lòng người phấn-chấn mà làm điều hay điều lành vậy.

(1) Trung-dung.
(2) Luận-ngữ : Dương-hóa.
(3) Đại-học.
(4) Đại-học
(5) Luận-ngữ : Tử-hãn

L'homme qui accomplit ponctuellement tous ses devoirs de piété filiale étant certainement honnête et bon et pratiquant le bien, cette piété est considérée en Extrême-Orient comme étant d'importance capitale.

Quant au devoir de perfectionnement moral personnel, Confucius a enseigné que l'homme a l'obligation de se corriger de ses défauts pour arriver à la vertu. Ce perfectionnement moral implique avant tout une ferme volonté. Il disait : « La réalisation du souverain Bien est l'œuvre du Ciel, mais les efforts continus pour y parvenir sont l'œuvre de l'homme. 誠者天之道也。誠之者人之道也 (1). » C'est pour cette raison que l'homme doit s'efforcer à devenir bon et vertueux. Confucius pensait que tous les hommes naissent foncièrement bons, mais que leurs dispositions naturelles vers le bien sont altérées par le contact de ceux qui ont déjà contracté de mauvaises habitudes : « 性相近也. 習相遠也 (2) ». Ainsi, si nous nous appliquons par l'étude et l'entraînement à entretenir et développer nos sentiments innés afin de ne pas nous laisser dominer par les passions, notre cœur, orienté vers le bien, deviendra chaque jour meilleur et, en quelque sorte, plus lumineux. Si nous savons garder « une volonté ferme, un cœur droit et une personne pure ; 誠其意。正其心。修其身 (3) », nous deviendrons meilleurs de jour en jour et parviendrons enfin à la perfection morale la plus élevée. Car celui qui saura garder « une volonté ferme ne commettra pas de mauvaises actions, ne délaissera pas les œuvres de bien, et se gardera ainsi de l'erreur : 誠其意無自欺也 (4). » — « Lorsque notre résolution est bien prise, notre volonté bien affermie, les forces les plus redoutables — fût-ce même celle des meilleures armées qui sauraient vaincre les plus habiles généraux — ne sauraient

(1) du Trung-Dung
(2). du Luẫn-Ngữ, chap. Dương-hoa
(3) du Đại-học.
(4) — id. —

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Đạo của Phu-tử thường hay lấy hai thứ người để đối với nhau : một thứ là người quân-tử 君子, một thứ là người tiểu-nhân 小人. Người quân-tử thì dẫu bần-cùng khổ-sở cũng là quân-tử, mà người tiểu nhân tuy giầu-có sang-trọng cũng vẫn là tiểu-nhân. Người quân-tử ăn-ở hoà-thuận với mọi người mà không làm những việc mọi người vẫn làm ; người tiểu-nhân thì vẫn làm những việc mọi người làm mà không hoà-thuận với ai 君子和而不同。小人同而不和 (1) — Người quân-tử bao giờ cũng trông cậy vào sức mình, mà người tiểu-nhân thì chỉ trông cậy vào sức của người ta.君子求諸已。小人求諸人。(2) — Người quân-tử đối với thiên-hạ không câu-nệ điều gì mà cũng không a-dua theo ý người nào, việc gì cũng cứ lấy cái nghĩa công-nhiên để làm chuẩn-đích mà theo君子之於天下也。無適也。無莫也。義之與比(3) — Người quân-tử vẫn biết mình có cái hơn người, mà không có tranh hơn kém với ai, vẫn quần-tụ với mọi người mà không theo bè-đảng nào cả. 君子矜而不爭。群而不黨(4) — Làm việc gì thì người quân-tử cũng trọng nghĩa mà người tiểu-nhân thì chỉ trọng lợi. 君子喻於義。小人喻於利。(5). — Người quân-tử chỉ lo không theo được đạo, chớ không lo sự nghèo đói,君子憂道不憂貧。(6) — Bởi vậy những kẻ chí-sĩ nhân-nhân không có ham sống mà hại việc

(1) Luận-ngữ : Tử-lộ.
(2) Luận-ngữ : Vệ-linh-công
(3) Luận-ngữ : Lý-nhân
(4) Luận-ngữ : Vệ-linh-công
(5) Luận-ngữ : Lý-nhân.
(6) Luận-ngữ : Vệ-linh-công

fléchir cette volonté, abattre cette résolution : 三軍可奪帥也。匹夫不可奪志也(1) Que d'énergie dans ces paroles de Confucius, et que de force et de courage elles savent nous inspirer pour l'amour du Bien !

Au cours de son enseignement, Confucius se plaisait souvent à opposer deux types : le sage et le mauvais. Le sage reste toujours un sage, même dans la situation la plus misérable, tandis que le mauvais reste vil même au milieu des richesses et des honneurs. Le sage vit en bons termes avec chacun, mais ne suit pas aveuglément tous les exemples : le mauvais imite ce qu'il voit faire, mais il est sans amis : « 君子和而不同。小人同而不和2) ». Le sage compte toujours sur son effort personnel, le mauvais sur l'appui des autres : « 君子求諸已。小人求諸人 (3) » Le sage est sans préjugés comme sans entêtement et cependant il n'épouse pas aveuglément les opinions d'autrui : en chaque chose il ne cherche que la justice qui est le seul mobile de toutes ses actions : « 君子之於天下也。無適也。無莫也。義之與比(4) » Le sage n'ignore pas qu'il possède quelque chose de supérieur à ce que possèdent les autres hommes, mais il n'entre pas en rivalité avec eux pour affirmer sa supériorité, en société, il est toujours d'accord avec chacun, mais ne suit aucun parti : «君子矜而不爭。群而不黨 (5) En toute chose, le sage ne recherche que la justice, tandis que le mauvais n'a jamais en vue que son intérêt personnel ; « 君子喻於義小人喻於利 (6) » Le sage n'a d'autre crainte que de ne pouvoir parvenir à la vertu, il ne redoute pas la misère « 君子憂道不憂貧(7). » Aussi ceux qui possèdent la vraie scien-

(1) du Luận-Ngữ, chap. Tử-lãm.
(2) du Luận-Ngữ chap. Tử-lộ.
(3) du Luận-Ngữ, chap. Vệ Linh-Công.
(4) du Luận-Ngữ, chap. Lý-Nhân.
(5) du Luận-Ngữ, chap Vệ Linh-Công.
(6) du Luận-Ngữ, chap. Lý-nhân.
(7) du Luận-Ngữ, chap. Vệ Linh-Công.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

nhân; có khi xả-thân mà làm cho trọn đạo. 志士仁人無求生以害仁。有殺身以成仁 (1) — Người ta đối với sự phú-quý thì ai chẳng muốn, nhưng nếu theo đường chính mà không được, thì không nên cầu làm gì; người ta đối với sự bần-tiện ai chẳng sợ, nhưng nếu theo đường chính mà phải bần-tiện, thì cũng không nên sợ 富與貴是人之所欲也。不以其道得之不處也。貧與賤是人之所惡也。不以其道得之不去也。(2). — Người quân-tử không bao giờ thấy điều lợi mà quên được việc nghĩa. Thường làm sự phi nghĩa mà được phú-quý, thì đành chịu bần-tiện còn hơn. Bởi vậy Phu-tử nói rằng : « Ăn gạo xấu, uống nước lã, gấp cánh tay làm gối nằm, như thế mà vẫn vui-vẻ, chớ cái phú-quý bởi sự bất-nghĩa mà được, thì ta coi như đám phù-vân vậy. 飯疏食飲水。曲肱而枕之。樂在其中矣。不義而富且貴於我如浮雲(3)

Đại-khái là sự cử-động của người quân-tử có thể làm cái đạo cho thiên-hạ, công-việc của người quân-tử có thể làm khuôn phép cho thiên-hạ, lời nói của người quân-tử có thể để làm mực-thước cho thiên-hạ, người ở xa thì trông mong muốn đến gần, mà người ở gần thì không bao giờ chán — 君子動而世爲天下道。行而世爲天下法。言而世爲天下則。遠之則有望。近之則不厭(4)

Tóm lại mà nói, quân-tử là một bậc người đáng tôn đáng kính, mà tiểu nhân là một thứ người đáng khinh đáng bỉ. Vậy làm người thì bất-kỳ ở cái địa-vị nào, dù sang dù hèn thế nào mặc lòng, cũng phải cố gắng mà tu-tỉnh để gây nên một cái nhân-phẩm cao-thượng. Đấy là cái lý-tưởng cực-điểm của Nho-giáo vậy.

(1) Luận-ngữ : Vệ-linh-công.
(2) Luận-ngữ : Lý-nhân
(3) Luận-ngữ : Thuật-nhi
(4) Trung-dung.

ce, qui sont parfaitement humains, ne tiennent pas à conserver la vie s'il doit leur en coûter le sacrifice du devoir et de la vertu; s'il le faut ils savent sacrifier leur existence pour le salut de la doctrine : « 志士仁人。無求生以害仁。有殺身以成仁 (1) ». Tout le monde peut désirer la richesse et les honneurs ; mais s'il faut, pour les atteindre, suivre un chemin tortueux, on doit y renoncer sans hésitation ; tout le monde peut redouter la misère ; mais s'il faut la rencontrer en suivant le droit chemin, on doit l'accepter sans regrets : « 富與貴是人之所欲也。不以其道得之不處也。貧與賤是人之所惡也。不以其道得之不去也(2) ». Le sage ne sacrifie pas la justice à ses intérêts : il aimerait mieux vivre dans la misère que de commettre une injustice. C'est pourquoi Confucius disait : « Je me contenterais de mauvais riz pour nourriture, d'eau pour boisson, et de mon bras replié sous ma tête pour oreiller, je me plairais même dans cette humble situation ; tandis que je me sentirais instable sur une richesse mal acquise comme sur des nuages flottants. 飯疏食飲水。曲肱而枕之。樂在其中矣。不義而富且貴。於我如浮雲 ». (3)

En résumé, la conduite du sage peut indiquer la direction à suivre par tous ; ses actions peuvent être données en exemple à chacun, ses paroles peuvent être érigées en préceptes moraux ; ceux qui sont loin de lui désirent l'approcher et ceux qui sont près de lui ne s'en lassent point : « 君子動而世爲天下道。行而世爲天下法。言而世爲天下則。遠之則有望。近之則不厭 » (4)

En somme, le sage est le type de l'homme digne du respect universel, le mauvais est le type de celui qui ne mérite que mépris. Aussi, en quelque situation qu'il se trouve, l'homme doit sans cesse travailler à son perfectionnement moral, pour s'élever chaque jour plus haut dans ce domaine, conquérir les qualités les plus nobles de l'homme, atteindre la véritable dignité humaine. Tel est l'idéal de la doctrine des Nho.

(1) du Luận-Ngữ, chap. Vệ Linh-Công.
(2) du Luận-Ngữ, chap. Lý-nhân.
(3) du Luận-Ngữ, chap. Thuật-nhi.
(4) du Trung-Dung.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Khổng-phu-tử trước hết xướng lên cái nghĩa thân-ái của nhân-loại. Ngài nói rằng : « Người ta ở trong thiên-hạ, ai ai cũng là anh em cả 四海之內皆兄弟 »(1), ta nên đem lòng thân-ái mà đối đãi với nhau. Bởi thế môn-đệ ngài nói rằng : « Đạo của Phu-tử chỉ cốt có hai điều là **trung** và **thứ**, nghĩa là cái gì cũng cứ ngay thẳng và ở với người ta thì bụng mình muốn thế nào mình cũng đãi người ta như thế, 夫子之道忠恕已矣(2).» Ngài dạy rằng : « Hễ điều gì mà mình không muốn người ta làm cho mình, thì mình đừng làm cho ai bao giờ 已所不欲勿施於人(3)», thật là một lời quý-hóa mà trước chưa thấy có ai đã nói ra một cách rõ-ràng như thế.

* * *

Khổng-phu-tử cho những công-việc của người ta ở đời quan trọng hơn cả là việc chính-trị, vì ngài tin rằng sự trị loạn trong thiên-hạ, sự hay dở của nhân-quần đều bởi việc chính-trị mà ra cả. Ngài lại cho việc gì cũng phải lấy sự kinh-nghiệm làm gốc, bởi vậy ngài sùng-bái những bậc thánh-quân hiền-tướng đời trước lắm, vì những bậc ấy đã lấy sự nhân-nghĩa mà làm cho thiên-hạ được thái-bình sung-sướng. Nay ta nên lấy những bậc ấy làm chuẩn-đích, làm việc gì cũng phải trông vào những việc đã qua rồi mà bắt-chước. Song phải biết rằng những bậc ấy bao giờ cũng là cái phần ít trong loài người ta, bởi vậy bao giờ cũng nên lọc lấy cái phần ít rất hay rất tốt mà giao cho giữ lấy quyền-bính để trị thiên-hạ, như là giao cho cầm bó đuốc để soi cho thiên-hạ biết đường mà đi vậy. Cái phần ít ấy tức là bậc thượng-lưu trong xã-hội, tức là người học rộng tài cao, người đạo-đức, biết lấy điều nhân-nghĩa mà ăn ở với người ta. Cái phần ít ấy là người hiểu được thiên-lý và suốt được nhân-sự, cho nên phải để cho cái phần ít ấy sai khiến người ta.

(1) Luận-ngữ: Nhan-uyên
(2) Luận-ngữ: Lý-nhân
(3) Luận-ngữ: Nhan-uyên.

Confucius a proclamé avant tout la fraternité humaine. Il disait: « Entre les quatre mers tous les hommes sont frères 四海之內皆兄弟» (1). Nous devons donc nous aimer, nous traiter comme tels. C'est pourquoi ses disciples disaient. « La doctrine de notre maître peut être résumée en ces deux simples mots: Justice, Charité. Justice, c'est-à-dire que nous devons être droits, intègres, impartiaux, loyaux et consciencieux. Charité, c'est-à-dire que devons traiter les autres comme nous-mêmes, nous montrer bons, indulgents et tolérants : 夫子之道忠恕已矣 » (2). Confucius enseignait : « Ne faisons jamais aux autres ce que nous ne voudrions pas qu'on nous fît à nous-mêmes : 已所不欲勿施於人 » (3). Ce précepte précieux entre tous n'avait jamais été énoncé aussi clairement avant Confucius.

* * *

Confucius plaçait la politique au premier rang des questions sociales, car il estimait que la prospérité nationale ou l'anarchie sont les résultats bons ou mauvais du gouvernement. Il pensait qu'en politique les principes fondamentaux doivent aussi être déduits des expériences acquises ; aussi vénérait-il les sages empereurs et les bons ministres du passé, parce qu'ils avaient su gouverner suivant l'amour des hommes et l'esprit de Justice, et réalisé ainsi, par la paix sociale, le bonheur de l'humanité. Nous devons donc imiter leur conduite, nous conformer à leurs exemples, nous inspirer de leurs lois, et profiter en toutes choses des expériences qu'ils avaient pu faire. Il faut cependant reconnaître que de tels sages sont plutôt rares et savoir choisir dans cette petite minorité ceux à qui l'on peut confier ce soin de la direction des hommes, comme on leur remettrait le flambeau qui doit éclairer la route. Cette minorité constitue l'élite de la société, composée de ceux qui ont beaucoup étudié et qui sont riches en talents et en vertus et savent agir envers leur prochain avec charité

(1) Luận-Ngữ : chap. Nhan-Uyên
(2) Luận-Ngữ, chap. Lý-nhân
(3) Luận-Ngữ, chap. Nhan-Uyên.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Còn cái phần nhiều là người thường-dân, trí-tuệ không được sáng-suốt, học-thức không được rộng-rãi, tự mình không có thể hiểu biết được đủ mọi việc, vậy nên phải noi-theo cái phần ít ấy mà ăn ở. Phu-tử nói rằng : « Có thể khiến dân theo mà làm những điều nhân-nghĩa, chớ không có thể khiến nó hiểu-biết được những điều nhân-nghĩa 民可使由之。不可使知之 » (1). Chính là cái nghĩa như thế. Ai đã được giữ cái quyền chính-trị mà biết lấy những điều nhân-nghĩa làm gương cho người ta theo, thì tự-khắc người ta thành ra hay, chẳng khác gì ngôi sao Bắc-cực đứng yên một chỗ, để các ngôi sao khác cứ theo đấy mà đi chung quanh 爲政以德。譬如北辰居其所。而衆星共之。(2) ». Hễ người trên làm điều lành điều phải, thì dân cũng noi theo đấy mà làm, vì rằng cái đức của người trên thì như ngọn gió, mà cái đức của những người dưới thì như cây cỏ, gió thổi thì cỏ phải lướt xuống mà theo, 君子之德風。小人之德草。草上之風必偃 (3). Người quân-tử làm việc chính thì không nên vội-vàng, và không nên cầu lấy cái tiểu-lợi. Làm vội thì thường hỏng việc, mà cầu lấy tiểu-lợi thì đại-sự không xong (4). Vậy nên những người làm vương làm tướng phải chuyên-tâm giữ-gìn và lo-sợ đủ mọi điều, đừng có tưởng rằng mình được quyền làm vương làm tướng thì muốn làm gì thì làm Mình được quyền thống-trị thiên-hạ là do cái mệnh trời định cho những người chí-thiện để làm việc ích-lợi cho muôn dân. Nhưng cái mệnh ấy không có nhất-định : ai cố gắng mà làm điều lành thì trời mới cho, mà không làm điều lành thì trời cất đi không cho nữa. 惟命不于常。道善則得之。不善則失之。(5) Vậy làm ông vua hay là ông tướng, tuy rằng có cái oai-quyền rất to, cái thế-lực rất mạnh, nhưng trời vẫn không

(1) Luận-ngữ : Thái-bá.
(2) Luận-ngữ : Vi-chính
(3) Luận-ngữ : Nhan-uyên.
(4) Luận-ngữ : Tử-Lộ
(5) Đại-học

et justice ; ceux-à comprennent la volonté divine et les mobiles humains. ce qui leur confère le devoir de commander et diriger les autres hommes. La majeure partie de la société comprend au contraire la grande masse du peuple, les hommes ordinaires et les médiocres dont l'instruction est faible et l'esprit peu éclairé. Ceux-ci ne comprennent pas la vie ; incapables de se conduire seuls, ils doivent suivre l'élite qui leur montre le chemin. Confucius a dit : « Il est possible d'amener la foule à agir selon la charité et la justice, mais il est impossible de lui faire comprendre la raison de telles actions 民可使由之。不可使知之 » (1). Ceci est conforme à la saine raison. Celui à qui incombe le gouvernement pourra, s'il sait payer d'exemple, rendre les hommes meilleurs ; il sera comme l'étoile polaire qui, fixe en un point du ciel, voit toutes les autres tourner autour d'elle : « 爲政以德。譬如北辰居其所。而衆星共之 » (2). Si ceux qui sont en haut savent donner de bons exemples, ils seront toujours imités par ceux qui sont en bas, car la vertu des grands exerce une forte influence sur les petits, de même qu'un vent puissant vient courber la frêle tige des herbes : lorsqu'il souffle, toutes doivent s'incliner dans la même direction : « 君子之德風。小人之德草。草上之風必偃 » (3). Le politique sage ne doit pas décider à la hâte ni rechercher quelque intérêt particulier. Il se produit souvent qu'une hâte inconsidérée vient tout gâter, et que les grandes choses ne peuvent être réalisées lorsqu'on n'a en vue que de mesquines questions personnelles (4). Aussi les rois et leurs ministres doivent-ils être doués de patience et de persévérance et veiller à tout instant à leur conduite personnelle, au lieu de croire que tout leur est permis parce qu'ils détiennent le pouvoir. Ce pouvoir ne leur est donné que parce qu'ils ont reçu de Dieu la mission d'assurer le bonheur

(1) Luận-Ngữ, Chapitre Thái-bá.
(2) Luận-Ngữ, chap. Vi-chính.
(3) Luận-Ngữ, chap. Nhan-Uyên.
(4) Luận-Ngữ, chap. Tử-Lộ.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

cho được dùng cái oai-quyền cái thế-lực ấy mà làm điều ác điều bậy. Ông vua ông quan đã chịu mệnh trời mà trị dân là bao giờ cũng phải lấy dân làm trọng. Bởi thế cho nên vua Vũ-vương nhà Chu ngày trước nói rằng : « Trời thương dân, hễ dân muốn điều gì, trời cũng theo 天矜于民。民之所欲天必從之。(1), » và muốn biết lòng trời thì cứ xem lòng dân : « Dân trông thấy là trời trông thấy, dân nghe thấy là trời nghe thấy 天視自我民視。天聽自我民聽。» (2) theo lòng dân mà làm lợi cho dân ấy là theo cái mệnh trời vậy.

Chính-trị của Khổng-phu-tử tuy là chính-trị quân-chủ, nhưng tựu-trung vẫn để một phần dân-quyền rất to. Cũng vì thế cho nên các ông vua những nước theo Nho-giáo, tuy là chuyên-chế, nhưng không có mấy ông chuyên-chế thái-quá như các vua nước khác. Ngài ghét cái hà-chính là cái chính-trị bạo-ngược. Một hôm ngài đi qua cạnh núi Thái-sơn, có người đàn bà ngồi ở cái mộ khóc một cách thương-sót lắm. Ngài đứng lại nghe, rồi sai thầy Tử-Lộ hỏi xem tại làm sao. Người ấy nói rằng : « Ngày trước bố chồng tôi bị hổ ăn, đến chồng tôi cũng bị hổ ăn, nay con tôi lại bị hổ ăn, cho nên tôi thương-khóc » — Ngài bảo rằng : « Sao không đi chỗ khác mà ở ? » — Người ấy đáp lại rằng : « Ở đây không có hà-chính » — Ngài ngảnh lại bảo học trò rằng : « Các con ghi lấy ; cái hà-chính đáng sợ hơn hổ vậy 苛政猛於虎也。» (3).

(1-2) Thư : Thái-thê-trung

(3) Lễ : Đàn-ung-hạ

du pays. Mais ce mandat n'est pas irrévocable; Dieu le réserve à celui qui s'applique à faire le bien, et le retire à celui qui agit mal: « 惟命不于常。道善則得之。不善則失之» (1). Ainsi, bien que Dieu ait donné aux rois et aux ministres une puissance considérable, il ne leur permet pas de la mettre au service du mal. Les rois et les mandarins à qui incombe cette mission de gouverner le peuple doivent avoir pour celui-ci tous les égards dus à un personnage important. C'est pour cette raison que l'empereur Vũ-Vương de la dynastie des Chu a dit: « Le Ciel a beaucoup de considération pour le peuple, il se conforme à tous ses désirs : 天矜于民。民之所欲天必從之» (2), et pour connaître la volonté de Dieu, il faut écouter les désirs du peuple : « Ce que le peuple voit est ce que Dieu voit ; ce que le peuple entend est ce que Dieu entend: 天視自我民視。天聽自我民聽» (3). Suivre les désirs du peuple pour lui faire du bien, c'est obéir au dessein de Dieu.

La politique de Confucius était basée sur le principe monarchique, mais atténué en fait par une grande considération de la volonté populaire. C'est pour cette raison que les souverains qui pratiquaient la doctrine des Nho étaient gardés des abus du pouvoir despotique que n'évitèrent pas toujours les rois qui ignoraient cette doctrine. Confucius était l'ennemi du despotisme qui est la politique des méchants. Un jour qu'il passait près des Monts Célestes, il aperçut une femme qui pleurait et gémissait près d'un tombeau. Il s'arrêta et demanda à son disciple Tử-Lộ d'aller interroger cette femme sur les causes de son chagrin. Elle répondit: « Mon beau-père fut naguère dévoré par les tigres; puis il en fut de même pour mon mari, et mon fils, enfin, vient d'avoir le même sort. . . . C'est pour cela que je les pleure. » Confucius lui demanda : «Mais pourquoi ne quittez-vous pas ce pays dangereux pour aller en habiter un autre ? » Et elle dit : « Je reste dans ce pays parcequ'il n'est pas gouverné despotiquement. » Confucius, se retournant alors vers ses disciples, leur dit: « Noubliez jamais, mes chers enfants, que la tyrannie est plus redoutable que le tigre lui-même 苛政猛於虎也 (4) »

(1) Đại-học.

(2-3) Thư, Thái-thê-trung.

(4) Lễ, chap. Đàn-ung-Hạ.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Bao giờ ngài cũng cho sự chính-trị phụ-thuộc vào luân-lý. Dẫu chính-trị hay đến đâu mà phong-tục không tốt, trật-tự không rõ-ràng, tôn-ti không phân-biệt, thì không sao tránh khỏi được sự biến-loạn. Bởi vậy, nl ất-thiết điều gì ngài cũng lấy lễ-nghi làm quan-trọng.

Lễ-nghi là cái kỷ-luật từ đời xưa, thánh hiền đặt ra để giàng-buộc phong-tục, và để chuẩn-đích cho sự cử-động hành-vi của người ta ở trong xã-hội, khiến bao giờ cũng có nề-nếp phân-minh. Có lễ-nghi thì đạo-đức nhân-nghĩa mới thành, vua tôi trên dưới, cha con anh em mới định rõ được cái trật-tự. Bởi thế cho nên việc gì cũng cần phải có lễ-nghi. Mà dùng lễ-nghi thì phải có cung kính một cách rất thành-thực mới được, chớ không có cung-kính, thì thành ra sự giả-dối, ép-uổng rất là không hay. Vì rằng luật phép nghiêm-khắc đến đâu, thì cũng chỉ làm cho người ta sợ hãi ở bề ngoài mà thôi, chớ trong bụng người ta không phục. Hễ người ta đã không kính-phục, thì làm gì cũng giả-dối mà thôi, chớ không phải là đạo-đức nữa. Vậy nên Khổng phu-tử dạy rằng : « Hễ việc gì mà không phải lễ thì không trông, không phải lễ thì không nghe, không phải lễ thì không làm, 非禮勿視。非禮勿聽。非禮勿言。非禮勿動。(1)». Giữ được lễ, tức là giữ được mọi nết tốt của người ta.

(1) — Luận-ngữ : Nhan-uyên

Confuciuses timait que la politique est toujours en étroite dépendance de la morale. Un pays, même doté d'un bon gouvernement suivant une bonne politique, ne saura éviter les troubles intérieurs si ses habitants ont de mauvaises mœurs, et si chacun n'y reste à sa place suivant une hiérarchie de classes sociales raisonnablement établie. Aussi Confucius attachait il une très grande importance aux considérations d'ordre et de justice pour toutes ces questions.

L'ordre et la justice furent les principes essentiels des lois que rendirent de grands sages pour améliorer les mœurs et instaurer de bonnes coutumes, pour obtenir l'union des efforts de tous les citoyens vers un but unique, pour maintenir la cohésion et la discipline sociales. Il est nécessaire que règnent l'ordre et la justice pour que puisse se poursuivre l'œuvre de développement moral qui doit répandre la vertu, et pour que règnent la discipline et le respect entre supérieurs et inférieurs, entre roi et sujets, père et enfants, aîné et cadets, seuls l'ordre et la justice peuvent attribuer nettement à chacun la place qui lui revient. Ces qualités essentielles sont donc nécessaires en toutes choses. Mais il faut aussi que les rites, formes extérieures de ces qualités, soient pratiqués avec un respect sincère, sinon ils ne sont que de vains simulacres et des obligations contraignantes dont les effets sont néfastes. Quelles que puissent être la sévérité des règlements et la rigueur avec laquelle ils sont appliqués, ils peuvent effrayer en apparence, mais ne sont pas réellement respectés si cette sincérité n'existe pas. Et si les hommes n'ont pas, au fond du cœur, un bien sincère respect, toute leur attitude ne sera que fausse affectation et non véritable vertu. C'est pourquoi Confucius a dit : « Il ne faut rien regarder, rien écouter, rien discuter, rien faire, qui ne soit conforme aux rites. 非禮勿視。非禮勿聽。非禮勿言。非禮勿動» (1). (C'est-à-dire que notre conduite doit être en tous points conforme à nos sentiments de respect de l'ordre établi). Celui qui sait agir vraiment suivant les rites peu seul conserver et développer ses qualités morales.

(1) Luận-ngữ, chap. Nhan-Uyên.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Song nếu chỉ có lễ không mà thôi, thì thành ra nghiêm-khắc, khó chịu, làm cho nhân-quần ở với nhau phân-biệt quá-chừng, bởi vậy phải có cái gì có thể hòa trên với dưới được, khiến người ta ở với nhau tuy phân nhưng vẫn hợp, tuy trên dưới khác nhau, nhưng vẫn là một đoàn-thể. Cái để hòa trên với dưới ấy tức là nhạc. Nhạc là dùng cái thanh-âm để khêu-gợi cái tâm-tình êm-ái, làm cho trên dưới cùng được vui-vẻ thỏa-thuận. Bởi vậy **lễ** thì phải lấy kính làm gốc, mà **nhạc** thì phải hòa làm gốc. 禮以敬爲本。樂以和爲本. Hễ có kính mà có hòa thì việc gì cũng dịu-dàng ôn-thỏa, không có cái gì là cái phiền-phức cả.

* * *

Rút lại mà nói, đạo của Khổng phu-tử là một đạo xử-thế rất hay rất phải, không có điều gì là điều cao-xa kỳ-dị. Cái chủ-đích của ngài là muốn lấy những điều bình-thường giản-dị để dạy người ta, để ai cũng có thể hiểu được, và lại bao giờ cũng có thể thích-hợp với sự thực, hơn là nói những chuyện siêu-việt viển-vông. Ngài thường hay viện cái thế-lực của cổ-nhân để khiến người ta làm những điều lành và điều hay. Ngài lấy những việc thánh hiền đời xưa đã làm rồi để làm gương cho người ta bắt chước. Tuy vậy, cái đạo của ngài không phải là cái đạo thủ-cựu. Ngài muốn cải-lương, muốn mọi người ai cũng như vua Thang ngày trước để vào cái thùng tắm rằng : « Cẩu nhật tân, nhật nhật tân, hựu nhật tân. 若日新。日日新。又日新。» (1) nghĩa là : một ngày là một mới, ngày ngày càng mới thêm, đã mới rồi lại mới nữa. Thực là ngài muốn sự tiến-hóa nhưng tiến-hóa một cách từ từ cho đến chí-thiện, chí-mỹ, chớ ngài không muốn bạo-động. Việc gì cũng phải tùy-thời : ở vào thời nào phải theo thời ấy mà biến-đổi cho hợp thời. Bởi vậy ngài nói rằng : « Cái nghĩa biết theo thời to lắm thay 隨時之義大矣哉。(2) »

(1) Luận-ngữ : Nhan-uyên.
(2) Dịch : Quẻ-tùy.

Toutefois, les rites réduits au strict accomplissement des cérémonies seraient trop rigides, trop sévères ; ils rendraient peu agréables les rapports entre des hommes qu'ils risquent de séparer en les classant en catégories distinctes. Il faut donc qu'autre chose intervienne qui établisse un rapport plus intime entre supérieurs et inférieurs afin que les uns et les autres puissent être unis entre eux comme les diverses parties d'un même corps, bien que différenciés par leurs attributions distinctes. C'est la musique qui devait faire ce rapprochement. L'harmonie des instruments musicaux émeut le cœur humain et éveille en lui des sentiments d'amour qui établissent la communion des âmes et suppriment les distances en faisant tomber les barrières sociales. Les rites créent le respect, l'harmonie musicale engendre l'harmonie des sentiments 禮以敬爲本。樂以和爲本. Si le respect et l'harmonie règnent simultanément, la vie sera douce, paisible et agréable, toute gêne, toute contrainte disparaîtront.

* * *

En résumé, la doctrine de Confucius est une méthode modèle de savoir-vivre social ; elle ne contient rien de transcendant ou de merveilleux. Le seul but de Confucius était, en effet, d'apprendre aux hommes les solutions simples des problèmes de la vie quotidienne afin que chacun pût les appliquer aisément en restant toujours en parfait accord avec la vérité, et non pas de discourir de choses subtiles, extraordinaires ou merveilleuses. Confucius renforçait toujours son enseignement en l'étayant sur les exemples des grands hommes du passé afin d'encourager par eux ses contemporains à l'amour et à la pratique du bien. Il leur présentait ces exemples des sages et des saints d'autrefois afin qu'ils pussent les avoir sous les yeux au moment de l'action. Et cependant sa doctrine ne fut jamais l'apologie de la routine. Il était au contraire fort partisan du progrès, et aurait voulu que chacun suivît l'exemple de l'empereur Thang qui avait fait graver cette inscription autour de sa piscine : « Si nous voulons nous rénover, il faut travailler chaque jour à notre progrès, et après toute modification, tout perfectionnement, il faut encore et toujours des modifications, des perfectionnements nouveaux. 苟日新。日日新。日又新» (1). Confucius voulait donc sincèrement le progrès, mais il aimait que celui-ci fut prudent et gradué afin d'arriver à la perfection, et non pas qu'il se réalisât par sauts brusques et violents en recourant à des stimulants artificiels qui auraient finalement provoqué des troubles nuisibles. Il estimait qu'il faut savoir, pour toute entreprise, attendre le moment favorable, une réforme ne pouvant être bien adoptée que si elle arrive en son temps. Il disait ainsi : « Combien il est difficile de savoir s'orienter dans la bonne direction suivant les conditions du moment 隨時之義大矣哉». (2)

(1) Luận-Ngữ, chap. Nhan-Uyên.
(2) Dich, chap. Quẻ-Tùy.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Khổng-phu-tử thường dạy người ta những sự khiêm-nhượng từ-tốn. Ngài nói rằng : « Cái gì biết, biết rằng mình biết ; cái gì không biết, biết rằng mình không biết, thế mới thật là biết 知之爲知之。不知爲不知。是知也。(1) ». Hay là : « Đừng có lo người ta không biết mình, chỉ lo mình không làm được những việc đáng cho người ta biết mà thôi 不患人之不已知。患其不能也(2) ». Việc gì ngài cũng lấy lẽ trung-dung làm chuẩn-đích, chớ không muốn điều gì thái-quá hay là bất-cập. Ngài nói rằng : « Người quân-tử phải tùy cái địa-vị mình mà khiến sự ăn ở của mình, đừng có muốn điều gì quá ra ngoài cái cảnh-ngộ của mình : phú-quý, thì mình ăn ở theo cái cảnh-ngộ phú-quý, bần-tiện, thì mình ăn ở theo cái cảnh-ngộ bần-tiện, ở với mọi-rợ, thì phải ăn ở hợp với cái cảnh-ngộ mọi-rợ, lâm hoạn-nạn thì phải theo cái cảnh-ngộ hoạn-nạn. Bất-kỳ ở đâu, người quân-tử vào cái cảnh-ngộ nào cũng giữ được trọn cái bổn-phận của mình cả 君子無入而不自得焉 (3).

Việc gì cũng phải lấy đạo trung-dung làm đầu. Một người hỏi Phu-tử rằng : « Lấy đức mà báo oán thì sao ? » — Ngài trả lời : « Thế thì lấy gì mà báo đức ? Chỉ nên lấy sự thẳng mà báo oán, lấy đức mà báo đức 以直報怨。以德報德 (4) ». Điều ấy thật là vừa phải, thật là trung-dung. Nói rằng lấy đức mà báo oán thì cao quá, e người ta không theo được ; nói rằng lấy oán mà báo oán thì thấp quá, không phải việc người quân-tử nên làm. — Người ta nói rằng : Nghĩ ba lần rồi hãy làm 三思而後行. Ngài bảo rằng : Nghĩ hai lần ấy cũng là đủ rồi 再斯可矣 (5). Làm việc gì,

(1) Luận-Ngữ : Vi-chính.
(2) Luận-Ngữ : Hiến-vấn.
(3) Trung-Dung.
(4) Luận-Ngữ : Hiến-vấn.
(5) Luận-Ngữ : Công-dã-tràng.

Confucius aimait enseigner à tous la réserve et la modestie. Il disait : « Ce qu'on sait, savoir qu'on le sait, c'est bien ; mais, ce qu'on ne sait pas, savoir qu'on ne le sait pas : voilà le vrai savoir. 知之爲知之。不知爲不知。是知也 » (1). Ou encore : « Nous ne devons pas nous préoccuper de ce que les autres ne nous connaissent pas, mais seulement de ce que nous n'ayons aucune qualité qui nous mérite d'être connus d'eux 不患人之不已知。患其不能也 » (2). En toute chose, Confucius aimait tenir le juste milieu ; il redoutait également les deux extrêmes de la violence et de la faiblesse. Il disait : « Le sage doit vivre suivant sa situation et ne pas envier ce qui n'est pas conforme à celle-ci. Si nous sommes dans l'abondance, conformons-nous à notre situation en vivant comme les riches ; si nous sommes dans le dénuement, conformons-nous à notre situation en sachant vivre dans la pauvreté. Si nous sommes au pays des barbares, sachons nous en accomoder. S'il nous survient quelque accident ou infortune, vivons selon cet accident ou cette infortune. En tout lieu et en toute situation, le sage vit selon son devoir 君子無入而不自得焉 » (3).

Cette position du juste milieu est en toute chose d'une importance essentielle. Quelqu'un demanda un jour à Confucius : « Que dites-vous de l'homme qui rend le bien pour le mal ? » Confucius répondit : « Que rendra donc cet homme à celui qui lui a fait le bien ? Il faut rendre la justice pour le mal et le bien pour le bien ; 以直報怨。以德報德 » (4). Cette opinion est bien celle du juste milieu. S'il avait affirmé que l'homme doit rendre le bien pour le mal, c'eût été trop élevé et impraticable pour la majorité des hommes, s'il avait prescrit de rendre le mal pour le mal, c'eût été là attitude vile indigne d'un sage. Un autre disait : « Il faut réfléchir

(1) Luận-Ngữ, chap. Vi-chính.
(2) Luận-Ngữ, chap. Hiến-vấn.
(3) Trung-Dung
(4) Luận-Ngữ, chap. Hiến-vấn

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

thì cũng phải nghĩ-ngợi rồi hãy làm, nhưng đừng nghĩ quá mà thành ra quẩn, và cũng đừng hấp-tấp mà làm hỏng việc, cứ trung-dung là phải hơn, bởi vậy ngài nói rằng : « Cái đạo trung-dung mới rất mực thay ! 中庸其至矣乎 » (1).

Đạo của Khổng-phu-tử êm-ái dịu-dàng như thế cho nên những lời của ngài dạy người ta thấm-thía vào trí-não biết bao nhiêu, mà đối với những môn-đệ của ngài thì bao giờ ngài cũng hết lòng thành-thực mà dạy-bảo. Một hôm ngài bảo học-trò rằng: « Các anh tưởng thầy có đạo gì mầu-nhiệm muốn giấu các anh hay sao? Không, thầy không giấu gì các anh cả. Thầy không làm việc gì là không nói cho các anh biết, 二三子以我爲隱乎。吾無隱乎爾。吾無行而不與。二三子者是丘也 (2) ». — Vì cái tính êm-ái ấy, cái lòng thành-thực ấy, cho nên những môn-đệ ngài kính-mến ngài một cách lạ-thường. Mà không những là người đương-thời kính-mến ngài mà thôi, đến muôn đời về sau ai đã biết ngài, đã học cái đạo của ngài thì càng ngày càng tôn-kính hơn lên. Dẫu đến bây giờ là cái thời-đại người ta còn đang say mê vào cuộc tranh hơn tranh kém, xô đẩy nhau ở chỗ quyền-lợi, ai ai cũng muốn bỏ cũ theo mới, muốn thay đổi hết cả mọi đường, thế mà có nhiều người thay đổi xong rồi, ngẫm-nghĩa cái cảnh đời cũng chẳng thấy hơn gì, ngẫm-nghĩ lại tiếc cái đạo của Phu-tử không thi-hành khắp được mọi nơi.

(1) Truug dung.
(2) Luận-ngữ : Thuật-nhi.

trois fois avant d'agir 三思而後行 ». Confucius répondit : « Réfléchir deux fois est suffisant 再斯可矣 » (1). Il est bon de réfléchir avant d'agir, mais il ne faut pas trop réfléchir, car on reviendrait alors à l'erreur première, tandis que si l'on agit avec trop de hâte, on risque de mal faire et de ne pas atteindre le but. Il est donc plus sage d'agir doucement et d'avancer progressivement. C'est pourquoi Confucius a dit : « La théorie du juste milieu est de toutes la meilleure : 中庸其至矣乎 » (2).

La doctrine de Confucius était agréable, sa parole douce et convaincante, et il se montrait toujours plein d'attentions pour ses disciples et entièrement sincère avec eux. Il leur dit un jour : « Croyez-vous, mes chers amis, qu'il y ait dans ma doctrine quelque côté mystérieux que je vous tienne caché ? Non, je ne vous cache rien, mes chers amis, et je n'agis jamais sans vous en donner l'explication : 二三子以我爲隱乎。吾無隱乎爾。吾無行而不與。二三子者是丘也 » (3). En raison de cette douceur et de cette sincérité, ses disciples l'aimaient profondément. Et non seulement il fut aimé de ses contemporains, mais encore de tous les hommes des générations postérieures qui, l'ayant étudié, l'ont connu. Et plus on le connaît, plus on éprouve pour lui une plus grande vénération. Aujourd'hui même, les hommes sont profondément divisés par des querelles d'intérêts personnels, on veut tout transformer, tout réformer.... mais après les bouleversements sociaux, si l'on considère les résultats, on constate qu'ils ne sont pas toujours en progrès sur le passé, et l'on se prend à regretter parfois que la doctrine de Confucius ne soit pas universellement appliquée.

(1) Luận-Ngữ, chap. Công dã-Trường.
(2) Trung-Dung.
(3) Luận Ngữ, chap. Thuật-nhi.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

* * *

Song cứ bình-tĩnh mà xét, thì đạo của Khổng phu-tử tuy hay lắm thật, nhưng vẫn không được hoàn-toàn, là vì đạo ấy chỉ chuyên dạy về những điều thực-hành mà thôi, bó-buộc người ta vào những điều tầm-thường nhỏ-mọn ở thế-gian chớ không cho cái tinh-thần của người ta được bay-bổng lên chỗ cao-xa, được vẫy-vùng ở ngoài cái cõi có hình có sắc, mà cái tâm-tình của người ta thường vẫn mơ-màng tưởng-vọng đến luôn. Người ta tuy chìm đắm lăn-lóc ở đám bụi trần này, nhưng vẫn tưởng-nhớ đến cái cảnh thanh-cao ở đâu đâu mà không thể nói ra được. Hễ lúc nào quên mất cái cảnh ấy đi, thì xem mình hình như còn thiếu mất cái gì, chưa đủ là người thật. Cũng vì thế cho nên ta thường ngậm-ngùi chán-ngán về cái cảnh hiện-tại, không đủ làm cho thỏa cái tâm-trí của mình. Vậy nên bất-kỳ đạo nào, hễ còn bỏ sót cái phần u-ẩn nó làm cho đời người ta có cái thú-vị riêng ấy, thì vẫn là còn có khuyết-điểm.

Sau đây, trước khi dứt câu chuyện, tôi xin lấy mấy lời của một ông giáo-sư nước Pháp tên là **Hovelaque** đã từng khảo-cứu về học-thuật bên Tầu và đã phê-bình đạo của Khổng phu-tử như sau này:

« Khổng phu-tử là một bậc tuyệt-luân trong những người trí-tuệ, biết yêu nhân-quần, biết mến đạo-đức, mà lại biết làm cho người ta cũng biết yêu nhân-quần, biết mến đạo-đức như mình. Nhưng có một điều rất kỳ-diệu là một người mà khiến được cả một dân-tộc kính-phục, khiến được một phần tư nhân-loại trong thế-gian tôn làm ông thánh-sư non hai mươi lăm thế-kỷ đến giờ, như thế thật là cổ-kim hãn-hữu. Kể trong nhân-loại tự xưa đến nay chưa ai đã từng có cái thế-lực vừa lan rộng ra, vừa được lâu dài bằng cái thế-lực của Phu-tử, thực là một cái hiện-trạng rất lạ-lùng trong lịch-sử vậy. Cũng vì lẽ rằng trong các tôn-giáo, duy có đạo của Phu-tử là thuần không có dính-dáng gì đến thần-quyền. Đạo của ngài là một môn triết-học không có lẫn tý gì là thần-bí mập-mờ, chỉ chuyên lấy cái chính-lý và cái nghĩa cư-xử ở đời mà

* * *

Et cependant un examen impartial nous montre que la doctrine de Confucius, en dépit de ses très grandes beautés n'atteint pas la perfection. Elle est imparfaite en se sens qu'elle est absolument terre-à-terre et ne laisse pas à l'esprit humain la possibilité de s'élever plus haut et de planer au-dessus du monde matériel selon son éternelle aspiration. Bien que l'homme soit perdu, cahoté, noyé en ce bas-monde de douleur et d'impureté, il poursuit sans relâche son rêve d'un séjour enchanté, de quelque situation supérieure indéfinissable et inexprimable . . . . et lorsqu'il vient à se détourner de cette pensée, il lui semble qu'en lui quelque chose de vital soit brisé . . . C'est alors que naissent en son cœur la satiété, l'amertume et le dégoût d'une vie qui n'a pas su répondre à ses aspirations les plus élevées. Si belle donc que puisse être une doctrine, elle demeure imparfaite tant qu'elle laisse dans l'ombre ce domaine mystérieux, car c'est là seulement que l'âme humaine trouvera ce qui peut donner à la vie la véritable douceur, la suprême satisfaction.

Avant de terminer cette causerie, permettez-moi de citer un passage d'un auteur français. M. Hovelaque, qui a beaucoup étudié la Chine, et qui a apprécié la doctrine de Confucius dans les termes suivants :

« C'est un aristocrate de l'intelligence qui a su faire aimer les hommes et la vertu comme il les aimait lui-même. Qu'une race tout entière, un quart de l'humanité l'ait choisi comme guide et pendant vingt-cinq siècles suivi docilement, voilà qui touche au miracle. Son influence par l'extension et la durée dépasse toutes les influences personnelles que l'humanité a jamais connues ailleurs. Elle constitue le phénomène le plus extraordinaire de l'histoire. Car cette religion est la seule qui soit purement laïque. A cette philosophie, je l'ai déjà dit, ne se mêle aucun élément mystique ni trouble. Elle ne s'adresse qu'à la raison et au sens social de l'homme. Aucune mystérieuse absurdité, nulles terreurs n'ont donné à ce culte la face auguste et terrible des religions qui

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

dạy người. Không có điều gì là điều huyền-bí vô-lý, không có cái gì là cái sợ-hãi ghê-gớm như các tôn-giáo khác vẫn thường dùng để làm cho có oai-linh dữ-dội mà đè-nén người đời. Đạo ngài không có dọa nạt mà người ta phải theo; không nói đến thiên-đường địa-ngục để cổ-hoặc lòng người, mà cũng không biết đến sự thưởng-phạt họa-phúc gì cả. Đạo ngài là một đạo hùng-kiện công-chính, chỉ thuần về sự nhân-loại, thờ-phụng nhân-loại mà thôi. Những người theo đạo ngài đều là bởi cái lẽ tự mình xét ra nên theo, bởi cái lòng tự mình thuận muốn theo, chớ không có gì cưỡng-bách cả. Đạo ngài cũng như các đạo khác, sở-dĩ sinh-hoạt được là bởi ở lòng người ai cũng mến, trí người ai cũng phục. Nhưng đạo ngài cũng như các đạo khác, lâu ngày thành ra như cái khô-cốt, chỉ còn trơ cái hư-văn, mất cả tinh-thần, mà người đời thì cứ nhắm mắt theo liều, để cho những bọn, tuy không hiểu đạo nhưng vẫn chuyên-nhận lấy nghề giảng-diễn về đạo, để cầu danh-lợi riêng cho mình. Dù thế mặc lòng, cái tinh-túy của đạo vẫn có người hấp-thụ được mà theo đúng cái tôn-chỉ và tuyên-bá ra được công-nghiệp hay.

Song cái đạo của khổng phu-tử không làm cho nước Tầu được đủ mọi điều hay. Mà đây là tôi nói về tinh-túy đạo của ngài, chớ không nói đến cái ảnh-hưởng của bọn sĩ-phu làm sai mất cái tôn-chỉ, biến đổi mất nguyên-hình của đạo. Cái đạo ấy tuy đã làm cho nước Tầu có cái văn-minh bền-chặt vẻ-vang thật, nhưng cũng làm cho người Tầu bỏ mất lòng tư-tưởng về cái lẽ vô-cùng vô-tận, mất cái ý nghĩa về những điều huyền-bí và những cái gì ra ngoài cái chính-lý và cái thường-thức đều là bỏ mất cả, nghĩa là phàm những điều gì cao-thượng uyên-áo là không thiết đến, chỉ biết những cái tầm thường trước mắt mà thôi. Ở Nhật-bản thì đạo Khổng chỉ có phần hay, chớ không có phần hại, là vì đối với cái đạo thực-thành thực-tiễn ấy, có đạo Thần và đạo Phật vẫn giữ được sự sùng-bái những lẽ huyền-diệu thần-bí để khiến cho cái phần tinh-vi, cao-thâm và u-viễn của tâm-linh tính-tình người ta được thỏa-thích, khiến cho lòng người phấn-chấn về những điều mà cái thường-lý không biết đến được. Ở bên Tầu thì không thế. Ở một nước trọng sự thực-hành như nước Tầu, mà lại có đạo Khổng soi sáng một cách chói-lói quá chừng, thì

ailleurs ont dominé les hommes. Elle ne s'impose par aucune menace. Elle ne fait à l'homme aucune promesse surnaturelle. Elle ne connaît ni sanctions ni récompenses. Elle est simplement la religion virile et franche, mieux, le culte tout humain de l'humanité. Ses croyants lui viennent par libre choix de leur raison convaincue et de leur cœur consentant. Comme toutes les religions, elle n'est vivante que dans le cœur et le cerveau de ceux qui la retrouvent en eux-mêmes. Comme toutes les religions, elle s'est ossifiée à la longue, a dégénéré parfois en formules vides, en pratiques mécaniques, a été vidée de toute vie par ceux qui sans la comprendre faisaient métier de la prêcher et de la commenter, et l'exploitaient pour leur profit. Mais dans son essence elle n'a jamais cessé d'être appliquée avec fidélité et de répandre ses bienfaits.

« Elle n'a pas apporté à la Chine que des bienfaits. Et je ne parle pas de l'influence stérilisante des Lettrés, ni de ses déformations, mais de son essence. Si elle a fait la cohésion et la grandeur de la Chine, elle l'a détournée du tourment de l'infini, du sens du mystère, de tout ce qui dépasse la raison et le bon sens. Au Japon, le Confucianisme n'a été que bienfaisant, parce que le Shintoïsme et le Bouddhisme vivants ont maintenu quand même devant ce culte pratique et positif la survivance des cultes mystiques qui donnent satisfaction aux parties délicates obscures et hautes de l'âme et de la sensibilité, aux élans du cœur que la raison ne connaît pas. Rien de semblable en Chine. La sublime métaphysique de Lao-Tze (Lão-Tử) les adorables effusions du Bouddhisme dans ce pays positif et sous la clarté crue du Confucianisme n'ont pu subsister: elles sont devenues le secret vite perdu d'une aristocratie intellectuelle ou un bas fétichisme de foule ignare. Il a manqué à la Chine du Nord et à son grand fils Confucius ce que la Chine du Sud par Lao-Tze et l'Inde par le Bouddhisme auraient pu leur donner: le

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

những đạo cao-kỳ siêu-việt như đạo Lão, từ-bi bác-ái như đạo Phật, không sao thịnh-hành được. Những đạo ấy hoặc thành ra một môn bí-mật riêng của những bậc cao-thượng, hoặc thành ra một sự mê-tín đê-hạ của bọn ngu-dân. Thành thử phương bắc nước Tầu và một người đại-biểu rất rực-rỡ phương ấy là Khổng phu-tử vẫn thiếu mất những điều mà Lão-tử đã phát-minh ở phương nam nước Tầu và Phật Thích-ca đã đề-xướng ra ở Ấn-độ : Thiếu là thiếu cái ý-nghĩa về những điều không thể trông thấy được, không thể nói ra được và việc thần-minh để hỗn-hợp với những cái hiện-trạng của thế-gian và nhân-loại. Nhưng nếu được đủ mọi điều như thế thì nước Tầu không phải là nước Tầu, mà Khổng-phu-tử lại không phải là bậc chí-thánh trong những bậc thánh-nhân nữa. » (1).

Mấy lời phê-bình ấy thì thật là chính-đáng, thật là tinh-vi, tôi thiết-tưởng ta nên ngẫm nghĩ cho kỹ để hiểu rõ những điều hay điều dở. Ta nay sinh-trưởng vào cái thời-đại khó-khăn, chưa hầu dễ chốc-lát đã bỏ được cái cũ, mà cũng chưa hầu dễ chốc-lát bắt-chước được cái mới. Vả chăng những điều cũ cũng không chắc đã dở cả, mà những điều mới cũng không chắc đã là hay cả ; chi bằng ta nên kê-cứu cho tường-tận rồi tham-bác cái mới, cái cũ với nhau để giữ lấy cái quốc-túy của người mình. Ấy là cái nghĩa-vụ chung của bọn thiếu-niên ta ngày nay vậy. Nên gắng sức lắm thay !

CẢI CHÍNH

Trang 8, chỗ giải nghĩa hình vẽ bên trang đối-diện :
đọc là «**la** monade» chớ không phải «le monade»

Trang 11, hình quẻ Đoài 兌 :
đọc là ䷹ chớ không phải ; ䷜

— id — dòng t ứ 2 ;
đọc là (Dieu) ou Thượng-đè, chớ không phải (Dieu ou Thượng-đế.

(1) « La Chine » par Hovelaque, page 139

sens de l'invisible, de l'ineffable, du divin, en même temps que de ce monde et de l'humanité. Mais alors ils n'auraient plus été la Chine, ni le sage des sages. » (1)

Ces critiques sont parfaitement judicieuses, et exprimées avec tact et clarté; il nous faut les méditer pour savoir apprécier les qualités et les défauts de la doctrine. Nous traversons aujourd'hui une période difficile où nous ne pouvons rejeter brutalement le passé ni assimiler en un jour les idées modernes. Il est d'ailleurs contestable que tout ce qui provient du passé soit mauvais, et que tout ce qui est nouveau soit toujours excellent. Il vaut mieux étudier soigneusement les deux faces pour en bien connaître les meilleures parties afin de pouvoir conserver et développer notre génie national par une heureuse conjugaison des meilleurs éléments anciens et [illegible]. Tel est le devoir de toute notre jeunesse. Qu'elle

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

những đạo cao-kỳ siêu-việt như đạo Lão, từ-bi bác-ái như đạo Phật, không sao thịnh-hành được. Những đạo ấy hoặc thành ra một môn bí-mật riêng của những bậc cao-thượng, hoặc thành ra một sự mê-tín đê-hạ của bọn ngu-dân. Thành thử phương bắc nước Tầu và một người đại-biểu rất rực-rỡ phương ấy là Khổng phu-tử vẫn thiếu mất những điều mà Lão-tử đã phát-minh ở phương nam nước Tầu và Phật Thích-ca đã đề-xướng ra ở Ấn-độ : Thiếu là thiếu cái ý-nghĩa về những điều không thể trông thấy được, không thể nói ra được và việc thần-minh để hỗn-hợp với những cái hiện-trạng của thế-giau và nhân-loại. Nhưng nếu được đủ mọi điều như thế thì nước Tầu không phải là nước Tầu, mà Khổng-phu-tử lại không phải là bậc chí-thánh trong những bậc thánh-nhân nữa. » (1).

Mấy lời phê-bình ấy thì thật là chính-đáng, thật là tinh-vi, tôi thiết-tưởng ta nên ngẫm nghĩ cho kỹ để hiểu rõ những điều hay điều dở. Ta nay sinh-trưởng vào cái thời-đại khó-khăn, chưa hầu dễ chốc-lát đã bỏ được cái cũ, mà cũng chưa hầu dễ chốc-lát bắt-chước được cái mới. Vả chăng những điều cũ cũng không chắc đã dở cả, mà những điều mới cũng không chắc đã là hay cả ; chi bằng ta nên kê-cứu cho tường-tận rồi tham-bác cái mới, cái cũ với nhau để giữ lấy cái quốc-túy của người mình. Ấy là cái nghĩa-vụ chung của bọn thiếu-niên ta ngày nay vậy. Nên gắng sức lắm thay !

ERRATA (Cải-chính)

Page 13,	ligne **18**,	**lire :**	selon la justice ;	au lieu de	S lon la justice.
— **13**,	— **18**,	—	la plus stricte,	—	selon la plus stricte
— **61**,	— **14**,	—	devoir,	—	pevoir
— **64**,	— **22**,	—	lo,	—	o
— **65**,	— **17**,	—	justice,	—	tustice
— **75**,	— **1**,	—	Confucius estimait,	—	Confuciuses timait
— **76**,	— **1**,	—	lễ,	—	lê
— **77**,	— **35**,	—	o又 日 新	—	日o 又 新
— **83**,	— **3**,		en ce sens,		en se sens.

sens de l'invisible, de l'ineffable, du divin, en même temps que de ce monde et de l'humanité. Mais alors ils n'auraient plus été la Chine, ni le sage des sages. » (1)

Ces critiques sont parfaitement judicieuses, et exprimées avec tact et clarté; il nous faut les méditer pour savoir apprécier les qualités et les défauts de la doctrine. Nous traversons aujourd'hui une période difficile où nous ne pouvons rejeter brutalement le passé ni assimiler en un jour les idées modernes. Il est d'ailleurs contestable que tout ce qui provient du passé soit mauvais, et que tout ce qui est nouveau soit toujours excellent. Il vaut mieux étudier soigneusement les deux faces pour en bien connaître les meilleures parties afin de pouvoir conserver et développer notre génie national par une heureuse conjugaison des meilleurs éléments anciens et modernes. Tel est le devoir de toute notre jeunesse. Qu'elle apprenne donc à s'y appliquer.

ERRATA

Page 8, légende de la figure de la page suivante : lire « **la** monade » au lieu de « **le** monade »

Page 11, dernier diagramme ; l'eau stagnante : lire ☱ au lieu de ☵

— id — 2e ligne : lire (Dieu) ou Thượng-Đế au lieu de (Dieu ou Thượng-Đế.

1) « La Chine » par Hovelaque, p. 139.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

VỊNH VĂN-MIẾU HANOI

Vận-văn

Nguyễn-văn-Tĩnh soạn

Nghìn năm văn-vật đất Thăng-Long, (1)

Thanh-Giám (2) còn truyền giấu học-cung.

Triều Lý mở-mang giời rực-rỡ ;

Đạo tạ vần-chuyển đất xoay-vòng.

Chữ bia tiến-sĩ mờ rêu biếc,

Từng gác Khuê-văn cách bụi hồng.

Đại-Pháp văn-minh thêm vẻ sáng,

Việt-nam tôn-cổ rạng Phương-Đông.

---

(1) Tên tỉnh Hanoi ngày xưa.
(2) Tên Văn-Miếu ngày xưa.

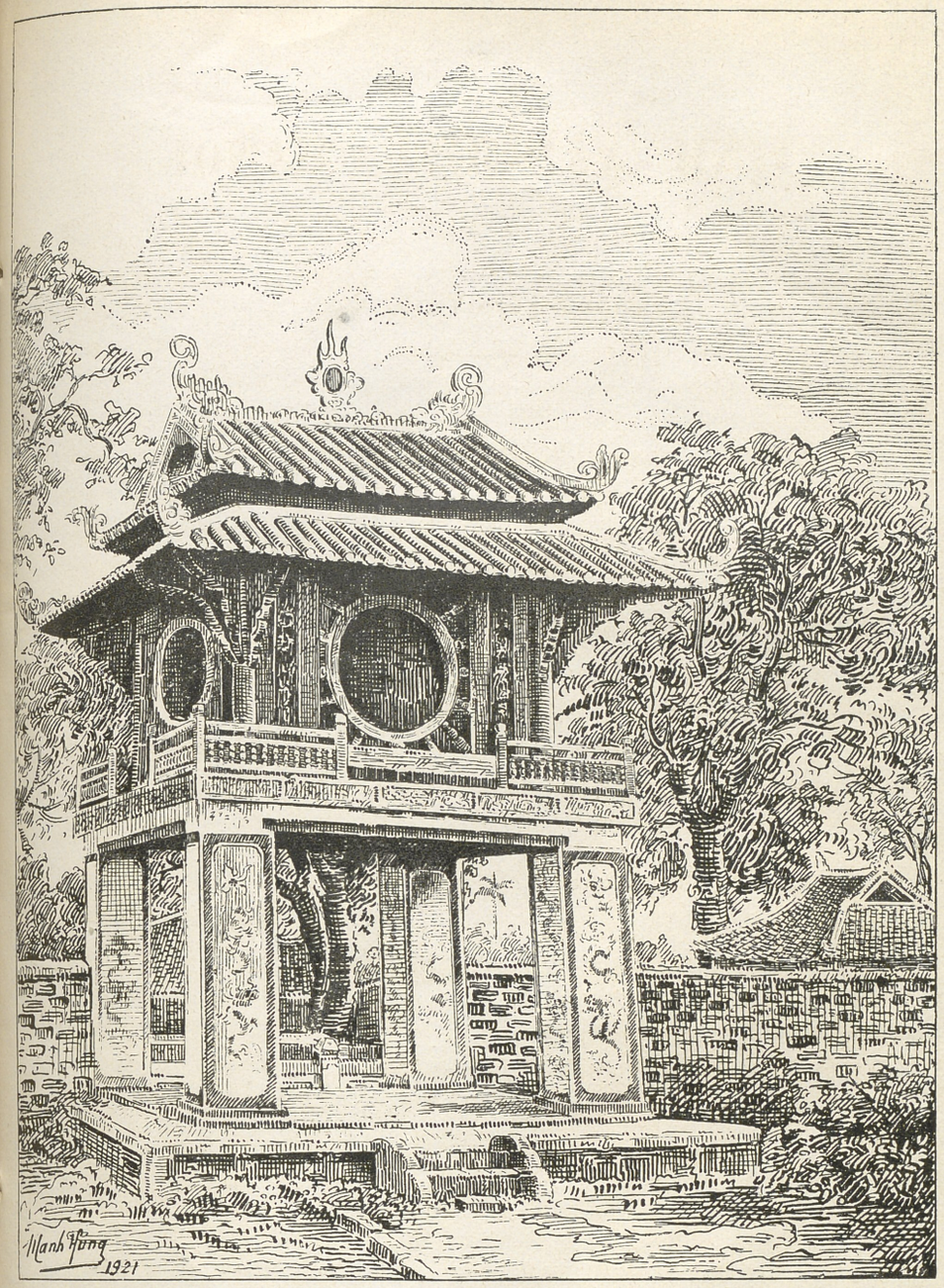

KHUÊ-VĂN
Ở VĂN-MIẾU HÀ-NỘI

MIRADOR
AU TEMPLE DE CONFUCIUS DE HANOI

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

LE TEMPLE DE CONFUCIUS A HANOI

Poésie

par **Nguyễn-văn-Tĩnh**

Notre ville de Thăng-Long (1) fut célèbre il y a mille ans
[par son corps de lettrés,

Une trace en subsiste encore : c'est le temple littéraire de
[Thanh-Giám (2)

La dynastie des Lý a construit ce temple qui illumina
[notre ciel,

Et la doctrine du grand Sage dure toujours, comme la
[terre qui tourne sans connaître de repos.

Bien que les mousses vert foncé recouvrent aujourd'hui les
[stèles où furent gravés les noms des lauréats.

L'étage de la tour « Khuê-văn » domine la poussière du chemin,
[C'est la trace des étudiants de la civilisation passée. . .

Le soleil de la civilisation française se lève aujourd'hui sur
[nous,

Et notre pays, fidèle aux souvenirs du passé, en est tout
[illuminé.

---

(1) Ancien nom de Hanoi.
(2) Ancien nom du temple de Confucius.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Du-ký ở mấy làng Annam

Paul Monet soạn

Năm ngoái, nhân cuộc du-quan mấy làng An-nam, chúng tôi có viết bài ký này, tưởng đăng lên bản-chí cũng bổ-ích cho chư-tôn độc-giả.., là vì trong ấy có nhiều bài học hay, và những kết-quả chúng tôi đã chứng-kiến bấy giờ cùng hi-vọng mai-sau xem có nhiều điều khuyến-khích cho tâm-trí người ta lắm.

Trước hết, chúng tôi cùng mấy người quý-hữu Việt-nam đến chơi làng Thượng-cát, tỉnh Hà-đông, ở ven sông Nhị-hà, cách phía Đông-bắc thành-phố Hà-nội chừng 15 ki-lo-mét.

Làng ấy giữ-gìn rất sạch-sẽ, khi chúng tôi đi xem qua cả rồi thì tới một cái cửa trang-hoàng đẹp-đẽ, trên đề mấy chữ to như sau này : «Công-nghệ-trường ». Chúng tôi lần theo một con đường mới sửa-sang lại thì tới một lớp nhà sạch-sẽ sáng-sủa và địa-thế rất tốt. Tầng dưới nhà ấy rộng-rãi và để dạy nghề thêu thùa, học-trò toàn là trẻ con, chỗ thì có ông giáo chuyên-môn dạy cho học-biết nghề thêu là nghề rất khó-làm, nơi thì đã biết những việc đăng-ten rất tỷ-mỷ rồi.

Học-trò thì ăn-ở tại nhà mình, còn trường thì nay mai mở thêm một lớp dạy làm mũ, một lớp dạy khâu giầy nữa. Trường sở-dĩ lập-thành là nhờ cái sáng-kiến vẻ-vang của các kỳ-mục trong dân, nhưng nhất là của một người trong đám kỳ-mục ấy mà chúng tôi sẽ nói đến dưới này. Những người sáng-lập trường đã hết sức đề-phòng để mai-sau khỏi sẩy ra những việc sai mục-đích, vì phần nhiều những công-cuộc như thế, hay có người mưu-lợi, tiếng rằng lấy trẻ vào cho chúng học nghề nhưng kỳ-thực thì bắt chúng làm việc quá-sức để bán được đồ hàng nhiều lãi mà không tốn mấy tiền công. Bởi thế, việc quản-trị công-nghệ-trường đã trao cho một người

Quelques visites à des villages Annamites

par **Paul Monet**

Nous avons fait, l'an dernier, à des villages annamites quelques visites dont le récit que nous avions rédigé à cette époque pourra intéresser, pensons-nous, les lecteurs de notre Revue. Car ces récits sont instructifs et grandement encourageants par les résultats qu'ils nous ont montrés et ceux qu'ils nous permettent d'attendre de l'avenir.

Nous sommes allés d'abord, accompagnés de quelques excellents amis annamites, au village de Thượng-Cát situé au bord du Fleuve Rouge, à environ 15 kilomètres au N. — O. de Hanoï, dans la province de Hadong.

Après avoir traversé ce village très coquettement entretenu, nous nous trouvons devant une porte joliment ornée au-dessus de laquelle se trouve en grosses lettres le titre « École Professionnelle ». Nous suivons un chemin récemment restauré et nous arrivons à une maison propre, claire et bien située, dont une vaste pièce au rez-de-chaussée est occupée par des métiers à broder où de jeunes enfants apprennent cet art difficile sous la direction de maîtres habiles ; d'autres s'exercent au crochet et au filet et exécutent des travaux déjà délicats.

Cette école professionnelle, dont les élèves logent dans leurs familles, et qui va s'accroître prochainement d'une section de chapellerie et d'une section de cordonnerie, vient d'être fondée par une initiative très heureuse des notables de ce village, et particulièrement par l'un d'eux dont nous reparlerons. Toutes les précautions ont été prises pour qu'elle ne dégénère pas, ainsi qu'il arrive trop facilement pour les œuvres de ce genre, en une garderie où les enfants, sous prétexte d'apprentissage, seraient soumis à un surmenage intensif pouvant enrayer leur développement, et indignement exploités par des gens intéressés qui vendraient à bon prix un travail obtenu avec une main-

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

quản-lý ; người này phận-sự là phải giữ-gìn nhà học cho học-trò đủ ăn, đủ vật-liệu cần-dùng để học-tập, nhưng tới khi bán các đồ chế-tạo của nhà trường đi thì phải không thiếu tiền bù-đắp vào những món chi-phí kia mới được. Vả chăng người quản-lý phải ở dưới quyền kiểm-sát của Hội-đồng kỳ-mục, nghĩa là phải trình Hội-đồng xem-xét sổ-sách cho thường luôn. Hễ Hội-đồng xét thấy trường có ít nhiều tiền lãi thì sẽ cho bỏ cả vào công-quỹ làng.

Chúng tôi không cần phải chú-thuyết những công-cuộc trọng yếu như thế, ai là người không biết rằng đó là một sự tối-cần cho dân-tộc này. Đông-Pháp và Đại-Pháp ta cũng phải một nỗi đau-đớn như nhau : phần nhiều các kỹ-nghệ xưa thì rất mở-mang thịnh-hành vì có những tay công-nghệ đích-đáng, chuyên-môn học-tập ngay từ khi còn bé ; mà nay chỉ vì hiếm trường tập-nghệ thành ra các nghề-nghiệp ấy mỗi ngày một suy-lụt đi. Mà những kỹ-nghệ ấy càng thuộc về mỹ-thuật bao nhiêu như kỹ-nghệ ta vừa nói ở trên kia thì đến lúc suy-lụt càng nguy-biến bấy nhiêu. Cả những nhà thuộc-địa thâm-niên tại Đông-Pháp cũng như chúng tôi, đã nhiều lần nghiệm thấy một cách thương-tâm rằng các kỹ-nghệ có đặc-tính về mỹ-thuật ở đây xưa kia thì mở-mang thịnh-hành lắm, mà trong khoảng 20 năm nay chỉ thấy mỗi ngày một suy-đồi lụn-bại mãi đi thôi. Chúng tôi không phải là không biết đến những công-trình lợi-ích lớn-lao của Chính-phủ Bảo-hộ đã lo về đường ấy cùng những công cuộc sửa-sang hệ-trọng của các quan-lại bản-xứ cao-minh như quan Tổng đốc Hà-đông, nhưng chúng tôi ý muốn nói rằng những sáng-kiến về hương-thôn như đang bàn-luận đây thì đáng chú-trọng đến một cách đặc-biệt : đáng chú-trọng đến không phải là chỉ vì đó là sức gắng-gỏi đáng khen của mấy người nhà quê tài sản cố-nhiên chẳng có là bao mà thôi, nhưng còn vì rằng những sáng-kiến ấy được nhiều chỗ noi gương bắt chước thì sẽ mau bành-chướng ra, đào-tạo đủ thợ-thuyền chuyên môn tài-khéo mà không phải bắt những kẻ tập-nghề ấy cách-ca cửa-nhà.

d'œuvre des plus économiques. Pour cela, la direction de l'école a été confiée à un gérant, qui est chargé de pourvoir à la nourriture des élèves et à l'entretien du local, ainsi qu'à la fourniture des matières premières nécessaires aux travaux, dont le prix de vente doit assurer ces différentes dépenses. Une surveillance est d'ailleurs exercée par le conseil des notables sur ce gérant qui est tenu de présenter ses comptes régulièrement. Dans le cas où la vérification de ceux-ci ferait ressortir un bénéfice dépassant une certaine somme, celui-ci serait versé à la caisse communale.

Nous n'avons pas besoin de souligner la nécessité de telles œuvres; tous savent combien elles répondent ici à un besoin. L'Indochine souffre du mal dont souffre aussi la France: l'insuffisance des écoles d'apprentissage amène progressivement le déclin de telles industries, autrefois florissantes, parce que les ouvriers qui s'y adonnaient étaient des artisans au sens propre du mot, initiés dès l'enfance à tous les détails de la technique de leur métier. Cette crise est particulièrement grave lorsque ces métiers ont un caractère artistique très marqué, comme ceux que nous citons plus haut. Tous les anciens coloniaux d'Indochine ont pu comme nous constater maintes fois en la déplorant, la décadence de ces arts indigènes autrefois si florissants, et qui n'ont cessé depuis une vingtaine d'années, de s'abâtardir et de dégénérer. Nous n'ignorons pas les efforts très intéressants qui sont faits dans ce sens par le Gouvernement du Protectorat, non plus que les améliorations des plus importantes qui ont déjà été obtenues par des fonctionnaires indigènes éclairés, et que M. le Tổng-đốc de la province de Hadong. Mais les initiatives communales comme celle que nous citons ici sont tout particulièrement intéressantes, non seulement en raison de l'effort très méritoire qu'elles représentent de la part de modestes villageois, dont les ressources sont nécessairement des plus limitées, mais encore parce que seules ces initiatives, si elles sont imitées, pourront assurer, à la formation d'ouvriers habiles par un apprentissage ne les éloignant pas de leur famille une diffusion assez grande pour que le nombre de ces apprentis puisse correspondre à celui des besoins.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Ở cạnh trường công-nghệ, có một miếng đất đã sửa-sang sẵn-sàng để xây một trường Pháp-Việt. Bản-đồ và kê-giả xây-đắp đã nghiên-cứu kỹ-càng lắm, Hội-đồng kỳ-mục đã ưng-thuận cả và đã đệ-trình quan tỉnh Hà-đông thẩm-sát và chuẩn-y rồi. Tiền chi-phí về việc xây-đắp ấy đã dự-định trước và không quá cái số tiền để không trong công quỹ, vậy chẳng bao lâu nữa, làng sẽ có một nhà trường làm kiểu bản-xứ, mà hợp với phép vệ-sinh hiểu-biết rõ ràng.

Sau nữa, ở đàng xa một chút, có miếng đất rộng để dành (1) làm Ấu-trĩ-viên mà độc-giả chư-tôn chắc cũng đã được nghe tiếng. Ấu-trĩ-viên ấy là chủ-ý của Hội Khai-trí tiến-đức tổ-chức ra. Chắc độc-giả cũng đã biết rằng Ấu-trĩ-viên mục-đích để tụ-hội con-trẻ nhà quê trong lúc ban ngày là lúc cha mẹ chúng phải làm ăn ngoài đồng, không thể ở nhà săn-sóc đủ phép vệ-sinh cho chúng được. Trong công-cuộc đang nói tới đây, không phải việc cãi nhau những tiếng « Sự nghèo-khổ », « Dân khốn-cùng » mà là chủ-động đâu, việc mục-kích quả-tang là cha mẹ nghèo-khó trong một ngày giời, không có thời-giờ trông-nom con-cái đủ phần thiết-dụng, thành ra chúng mắc nhiều chứng đẹn-sài nguy-hiểm và rất chóng lây, như chứng toét-mắt, chứng đau-ruột,

(1) — Sau khi viết bài này ít lâu, trường Pháp-Việt đã thành-lập và khánh-thành ngày tháng mars năm nay. Trường có hơn hai trăm học trò, chia làm hai lớp. Các giáo-viên thì Nhà-nước bổ về và trả lương cho, còn đồ-đạc trong trường đã có tỉnh Hà-đông cấp cho.

Ấu-trĩ-viên hiện nay đang làm, chỉ trong độ ba tuáng nữa là hoàn-công về việc trông-nom trẻ thì làng đã cử một bà có tuổi trong làng để làm bảo mẫu.

Còn như trường công-nghệ thì nay đã mở-mang to-tát lắm. Trường chia ba lớp (lớp vẽ, lớp thêu, lớp làm đồ gỗ) mỗi lớp có một ông thầy chuyên-môn dạy-bảo, lương tháng trích ở sổ chi-tiêu hàng tỉnh.

Bao giờ Ấu-trĩ-viên xong sẽ có lễ khánh-thành cả ba công-cuộc ấy làm một. Khi nào có, bản chí sẽ kíp báo-cáo cho độc giả biết ngay.

À côté de cette école professionnelle s'étend un terrain tout préparé et destiné à recevoir une école primaire Franco-Annamite dont la construction va être entreprise incessamment sur des plans et devis soigneusement étudiés, qui, après approbation du conseil des notables, ont été présentés au résident de la province et approuvés aussi par lui. Les dépenses ayant toutes été minutieusement prévues, elles n'excéderont pas les disponibilités communales, et le village sera bientôt doté d'une école construite dans le style local, mais en tenant compte des nécessités d'une hygiène bien comprise.

Enfin, un peu plus loin, s'étend un vaste terrain qui va prochainement être aménagé (1) lui aussi, pour recevoir un de ces jardins d'enfants dont nos lecteurs ont certainement entendu parler, et dont le projet et l'organisation ont été conçus par l'Association pour la Formation Intellectuelle et Morale des Annamites. Nos lecteurs savent déjà que ces formations sont destinées à rassembler pendant la journée, les petits enfants des nhaqués qui, devant passer tout le jour dans la rizière, sont absolument empêchés de donner pendant ce temps, à leurs enfants, les soins les plus élémentaires. Il importe fort peu, qu'il s'agisse là de pauvreté ou de paupérisme ; ce sont là vaines querelles de mots ; le fait flagrant c'est que la misère empêche ces parents de

(1) Depuis que ceci a été écrit, l'école projetée a été construite et inaugurée en mars dernier. Elle compte déjà plus de deux-cents élèves répartis en deux cours. Les instituteurs ont été fournis et sont appointés par le Protectorat, le mobilier scolaire a été offert par la Province de Hadông.

Le jardin d'enfants est en construction et sera terminé dans trois mois environ. Une femme âgée a été choisie parmi les habitants du village pour remplir les fonctions de Bao-mâu.

Quant à l'école professionnelle, elle s'est considérablement développée et comporte actuellement trois sections (dessin, broderie, menuiserie) pourvues chacune d'un professeur technique appointé par le budget provincial.

Une inauguration collective de ces trois œuvres doit avoir lieu lorsque le jardin d'enfants sera terminé. Nous l'annoncerons si possible dans notre Revue.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

chứng sài - mòn, vân vân, toàn là những chứng hại cho sự sinh - trưởng nòi - giống, và tai - họa lớn cho quốc-gia xã-hội. Đối với trạng-huống như thế, việc cưu-mang giúp-đỡ của các hội-hè tương-tế là tối-cần, vì nó biểu-hiệu ra cái nghĩa-vụ nhân-loại cao-thượng nhất, là cái nghĩa-vụ đoàn-thể hợp-quần. Vả chăng ta không thể nói được rằng công-cuộc ấy làm cho người ta sinh lười bởi vì sức gắng-gỏi của một vài người can-sự trong những việc như thế bao giờ cũng chỉ vô-quả bất-thành mà thôi ; cái gương nhỡn-tiền là người nông-phu đi làm ăn suốt ngày ở ngoài đồng-áng, xa cách cửa nhà, còn thời-giờ đâu chăm-nom con cái nữa. Cảnh-huống đó cũng như cảnh-huống các nhà thợ thuyền bên Pháp ta trong những lúc suốt ngày làm ăn ở công-xưởng. Vậy nên những « dưỡng-dục-đường » cần cho người thợ bên Pháp cũng như « ấu-trĩ-viên » cần cho người nông ở đây, chỉ có đặc-tính khác nhau là ấu-trĩ-viên đã do sự thâm-hiểu dân-tình đích-đáng và đã cốt để thực-dụng cần thiết cho bản-xứ mà thành-lập đó thôi. Thực rõ rằng những công-cuộc như thế đã chẳng sui lòng người ta không biết tự-mình cố-sức, chỉ biết nhờ tay Nhà-nước làm thay phận-sự cho thôi, mà lại còn mục-đích dạy-bảo mở-mang cho dân sự cả những làng cỏn-con biết cái tinh-tình đoàn-thể hợp-quần, cái tập-quán đề-phòng tổ-chức và tỏ cho họ biết rằng cái động-lực chung có thể bổ-ích được như thế nào. Vậy làng Thượng-cát đã hiến cho ta một cái gương rất nhiều bài học hay về việc vừa nói đó.

Thật thế, làng Thượng-cát đã gồm có được ba công-cuộc ấy thì tức là đã có một đoàn-thể cung đủ sự cần-thiết cho dân-làng mở-mang thân-thể và tinh-thần đàn niên-thiếu, như ấu-trĩ-viên thì cho trẻ con bé-bỏng mở-mang được tài-lực mà không mắc phải những bệnh-tật gớm-ghê đã làm cho chúng chết-chóc rất nhiều, như trường Sơ-đẳng thì giúp cho trẻ con đã hơi lớn mở-mang hoàn-toàn thân-thể và

consacrer à leurs enfants, au cours de la journée, les quelques instants nécessaires pour leur donner les soins indispensables, et que, de ce manque de soins, résultent des maladies infantiles graves, et très généralement répandues, telles que l'ophtalmie purulente, l'entérite, le rachitisme, etc, qui nuisent gravement au développement de la race, et constituent ainsi de véritables fléaux sociaux. Dans de tels cas, l'intervention de la communauté est absolument nécessaire, et elle est la manifestation du devoir le plus élevé de tout être humain : le devoir de solidarité. On ne saurait prétendre, d'ailleurs, qu'elle tende à émasculer les énergies individuelles, puisque dans de tels cas, l'effort des principaux intéressés ne peut qu'être et rester nul : il est et il sera toujours matériellement impossible au cultivateur, que la tâche quotidienne maintient toute la journée éloigné de sa demeure, de s'occuper de ses enfants. C'est le même cas que celui qui se présente dans nos pays pour l'ouvrier et l'ouvrière que leur travail retient toute la journée à l'usine ; les crêches répondent chez nous à ce besoin, et les jardins d'enfants correspondent ici à ces œuvres, mais avec des caractères spéciaux qui les adaptent, grâce à une remarquable connaissance pratique du Tonkin, aux besoins particuliers de ce pays. Bien loin, donc, d'inviter les individus à éviter tout effort personnel en s'en remettant entièrement à l'Etat de l'accomplissement de leurs devoirs, de telles œuvres ont donc pour premier résultat d'éveiller et de développer chez les habitants des moindres villages, le sentiment de la solidarité, de les habituer à la prévoyance et à l'organisation, et de leur montrer combien l'effort en commun peut être fructueux. Le village de Thượng-Cát nous fournit à ce sujet un exemple fécond en enseignements.

En effet, par la réunion de trois œuvres, ce village va se trouver doté d'un groupe qui répond immédiatement et entièrement à tous les besoins de la commune concernant le développement de la jeunesse : le jardin d'enfants permettra aux tout petits de se développer en échappant aux périls qui les menacent et les déciment, l'école primaire accueillera des enfants déjà vigoureux dont elle complètera le développe-

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

khai-sáng các khiếu thông-minh trí-tuệ ra; sau nữa, như trường công-nghệ thì làm trọn nốt công-cuộc trường tiểu-học vì trường ấy dùng lối dạy thực-hành mà tạo--thành con trẻ nên những hạng thanh-niên tráng-kiện thông-minh, sành nghề thạo việc, có thể giúp cho dân làng được những công quả sứng-đáng. Nhưng có lắm người cả-nghi nói rằng: «Một mình các làng An-nam không tài nào sáng-khởi được những công-cuộc ấy. Việc Hợp-quần đoàn-thể mà ông khoe-khoang cùng chúng tôi chẳng qua chỉ có bề ngoài, vì muốn thành-lập nên phải có trợ-cấp rất nhiều mới được. Mà cho được thế, phải nhờ Chính-phủ, thế là chỉ lại một mình Chính-phủ hành-vi thôi.». Về phương-diện lý-tài đó, cái gương như ta sẽ kể đây rất là bổ-ích cho người nào đã biết lưu-tâm xem-xét đến: công-cuộc to lớn nhường kia mà chỉ do lưng-vốn dân-làng đạt-thành được thì cũng hình như dị-thường thật, nhưng quả đã có như thế. Nay ta nhân việc hiển-nhiên đó sát-khảo xem những tiền-tài kia làm cách nào mà có được, vì như thế tức là rộng mở nhỡn-giới cho ai nấy cũng biết rằng nếu một làng nhỏ-mọn đến đâu mà có Hội-đồng quản-trị hương-chính công-minh thì cũng có thể làm được những việc quan-trọng.

Làng Thượng-Cát có hai giải đất phù-sa, một giải chừng 100 mẫu, trước cho một người tư-bản thuê giá dẻ quá là 120 đồng bạc ba năm sau Hội-đồng hương-chính xin chuộc và đền phí-tổn tất cả cho người ấy 400 bạc, rồi lại cho thuê đấu-giá lấy ngay 1000 bạc mỗi năm bỏ vào công-quỹ làng để dự phòng các món chi-tiêu vừa nói trên kia. Rồi thường năm sẽ lấy món tiền này để chi-phí Ấu-trĩ-viên đã định lập.

Còn giải đất kia, chừng 120 mẫu, trong khoảng mấy năm trước, chia cho dân nội-tịch trong làng. Sự phân-phát hơi bần-tiện ấy kết-quả như sau này: Mỗi người dân nội-tịch được một miếng đất độ 2 sào, cũng có khi ba người được chung một miếng khoát chừng một trượng. Đất chia nát như vậy mất cả giá-trị vì cầy-bừa giồng-giọt khó mà cho thuê cũng không được tiền. Vả lại, những người có thế-lực trong

ment physique et assurera le développement intellectuel ; l'école d'apprentissage, enfin, complètera à son tour l'œuvre de l'école primaire, par un enseignement tout-à-fait pratique, permettant alors aux enfants de rendre aussitôt à leur commune les services dont seront capables de jeunes hommes robustes, instruits et connaissant parfaitement leur métier. « Mais, diront les esprits chagrins, il est impossible que de telles œuvres soient mises sur pied par les villages annamites eux-mêmes. Cette action solidaire que vous nous vantez, n'est qu'une apparence ; il faut que de larges subventions soient accordées pour rendre possibles de telles créations. C'est l'Etat seul, qui intervient, c'est lui seul, qui agit ! ». C'est là qu'un exemple, comme celui que nous citons, est tout particulièrement instructif ; si extraordinaire que cela puisse paraître, un tel effort n'a été accompli qu'avec les seules ressources de la commune elle-même, et il est intéressant d'étudier comment, dans ce cas concret, ces ressources ont pu être obtenues : une telle étude ouvre de singuliers horizons sur les possibilités qu'une administration communale judicieuse, peut procurer au village le plus modeste.

Le village de Thượng-Cát possède deux bandes de terrains alluvionnaires, la première d'une supperficie d'environ 100 mẫu était louée à un particulier au prix dérisoire de 120 piastres pour trois ans : le conseil communal demanda et obtint l'autorisation de la reprendre, moyennant une indemnité de 400 piastres au locataire, puis, il reloua immédiatement ce terrain en adjudication publique au prix de mille piastres par an, et cette somme importante fut immédiatement versée à la caisse communale, en prévision des dépenses en question. C'est cette somme qui doit être affectée annuellement à l'entretien du jardin d'enfants projeté.

L'autre bande de terrain, d'une superficie d'environ 120 mẫu, avait été, pendant les années antérieures, répartie entre tous les inscrits du village. Le résultat de cette conception égalitaire un peu puérile avait été le suivant : chaque inscrit obtenait une parcelle d'environ deux sào, trois personnes recevaient parfois en commun, une bande de terrain mesurant seulement un trượng (4 m, 4) de largeur, et la propriété ainsi

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

dân hay quen thói giở, chiếm-đoạt những phần đất của người hèn-yếu mà những phần ấy thì còn chưa giồng-giọt được, nên sinh ra lắm sự chẳng hay, như mỗi năm đến kỳ nộp thuế, phần nhiều dân-sự không có tiền đóng, lý-trưởng phải vay chỗ khác bù vào. Nhưng, phúc-đức may-mắn làm sao ! năm nay làng đã cho thuê đấu-giá giải đất ấy, tiền cho thuê được đã nộp đủ thuế, không phải vay mượn đâu, lại còn thừa trong công-quỹ 500 bạc để phòng chi-tiêu các việc công-ích.

Một vài sự cải-lương đáng khen nữa cũng làm cho công-quỹ làng Thượng-cát tăng thêm lên ít nhiều : Như xưa kia, một năm có hai kỳ tế-lễ thánh-hiền thì phí-tổn đang-cai lần-lượt các người văn-thân trong làng phải chịu, món chi-tiêu ấy chừng ngót 6 chục bạc. Nay theo luật mới về việc cai-trị của Nhà-nước thì việc đang-cai ấy đổi ra cách phải đóng tiền, có ba hạng như sau này : Hạng 20 đồng, hạng 15 đồng, hạng 12 đồng. Tiền đóng thu cả ngay một lúc được 400 bạc bỏ vào công-quỹ làng, còn như sự ăn uống, trước kia tốn-kém nhiều, nay chỉ chi-tiêu 12 đồng bạc mà cũng sứng-đáng lắm.

Tất-cả những lợi-tức đó cộng với tiền bán ngôi chức, tiền cho thuê hồ-ao đất-ruộng công, được là hơn 4000 bạc. Hơn 4000 bạc ấy đã giúp cho làng sửa-sang lại đường-sá, xây giếng, xây hai cái cổng trường, chữa lại hai bên nhà cánh đình, xây trường công-nghệ như đã nói trên kia thay vào văn-miếu làng và dự-định làm trường Pháp-Việt với Ấu-trĩ-viên.

Những kết-quả ấy chẳng qua thành-đạt như thế là nhờ sự hành-vi khôn-khéo của kỳ-mục, nhưng một điều ta phải

morcelée perdait toute valeur, car le travail en était difficile, et la location infructueuse. De plus, les habitants les plus influents du village avaient contracté la mauvaise habitude de s'emparer des portions presqu'inexploitées des plus faibles, et le résultat de cet état de choses était le suivant : chaque année, à l'époque du versement de l'impôt, beaucoup d'habitants étaient incapables de le payer, et le lý-trưởng devait tous les ans contracter un emprunt pour combler le déficit. Par une heureuse innovation, ces terrains furent loués cette année par une adjudication publique, et le résultat fut tel que, non seulement l'impôt put être intégralement payé sans emprunt, mais qu'une somme de plus de cinq cents piastres resta encore disponible pour des dépenses d'intérêt public.

Quelques autres réformes intéressantes virent encore augmenter les ressources du village : c'est ainsi que deux fois chaque année, lors de la fête célébrée en l'honneur des anciens sages, un grand repas était donné, dont les frais supportés à tour de rôle par les lettrés du village, ne s'élevaient pas à moins d'une soixantaine de piastres. Conformément à la nouvelle règlementation administrative, l'obligation de préparer ce repas fut convertie en une contribution pécuniaire comportant trois classes de 20, 15 et 12 piastres. Cette valeur de rachat, versée en une seule fois, rapporte au village une somme totale de 400 piastres, tandis que la cérémonie, si coûteuse autrefois, est célébrée fort dignement... avec 12 piastres de frais !

Tous ces nouveaux revenus, ajoutés à ceux que représentent la vente des places de préséance et l'affermage des terres et des lacs communaux, s'élèvent à un total de plus de 4000 piastres qui a permis à ce village de remblayer les routes, de construire un puits et deux portes d'entrée à l'école communale, de réparer les deux ailes du temple communal, de transformer le temple littéraire en école professionnelle dont nous avons parlé, enfin de projeter la construction de l'école Franco-Annamite et du jardin d'enfants.

Ces résultats ont pu être obtenus grâce à l'activité intelligente des notables de ce village, mais cette activité, il faut

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

biết là sự hành-vi đó hoạt-động phấn-khởi được cũng nhờ nhất ở một ông kỳ-mục trong làng, quý-danh là Trần-Thủy, biệt-hiệu Cát-thành, thương-gia tại Hà-nội và là Tán-trợ hội-viên V. N. T. N. Ông Cát-thành vốn là người đã am-hiểu rằng cách dùng đích-đáng nhất những món tiền lợi của ông buôn-bán được là để xây-đắp vào nền hạnh-phúc của đồng-bào. Ông là người làng Thượng-cát, chính ông đã quyết-định được nhiều sáng-kiến rất ích cho việc cải-lương, bao giờ có sổ lạc-quyên mà ông gửi cho lưu-hành đi thì tên ông cũng biên hàng mấy trăm bạc đứng đầu ; như việc công-thải Đông-Pháp năm nào, tuy ông không sẵn tiền mà ông cũng đảm-đang nhận mua hết cả cho làng cái số phiếu mà làng vui lòng định mua. Nay ta cũng nên biết qua rằng ông là người An-nam học rộng, thông-hiểu đạo nho. Xem đó thì biết : khi một người có tấm lòng cao-thượng đã nhuần-thấm được Khổng-giáo thì kết-quả đến những thế nào... Dẫu rằng ta nói đây có chạm đến lòng khiêm-tốn rất thành-thực của ông, song ta không thể đừng được, là vì ta cần cho nhiều người thấu tới những cái gương tốt đó, là những gương khuyến-miễn cho người An-nam, vì người An-nam cũng như ta, cũng cả-tin rằng dân tộc An-nam có sức mở-mang tiến-hóa được. Nay ta tưởng-tượng xem các làng Bắc-kỳ cùng cải-lương cả như làng Thượng-cát thì ta sẽ lượng-biết rằng sự tiến-hoá lớn-lao của xứ này không là một cái ảo-tưởng hư-vô đâu. Một cái tấm gương như vậy là đặc-biệt, vì nó tỏ cho ta hiểu rằng kết-quả của nó có thể được đến thế nào, mà đã được thế, trước là nhờ sáng-kiến của một người kỳ-hào đích-đáng, lại được hội-đồng kỳ-mục cùng giúp-đỡ, nhưng cũng nhờ ở chính-sách luật-lệ mới đã cho phép thực-hành những công việc cải-lương, cùng là ở gương tốt người trên, ở công-lao khôn-khéo của quan phụ-mẫu đã biết lưu-tâm đến và trợ-lực cho, sau cùng là nhờ các quan-chức Tây đã chuẩn-y và tưởng-lệ các công-việc cải-lương ấy, vì có thế thì bao giờ cũng mới thắng được những sự phản-đối của hạng người mưu-đồ lợi riêng, hoặc tưởng mình vì đó mất thể-diện, hoặc vì hủ-lậu cưỡng-kháng. Đó là một cái gương chứng rằng hễ sáng-kiến của một người nào mặc-dầu mà nhờ chính-sách nhân-từ quảng-đại của quan-chức Tây, Nam bảo-hộ cho

bien le reconnaître, a été accrue et stimulée par l'un des principaux d'entre eux, M. Trần-Thủy dit Cát-Thành, commerçant à Hanoi, Membre Bienfaiteur du F.E.A. qui a su comprendre que le meilleur emploi à faire des quelques économies qu'il a pu réaliser sur son commerce, était l'amélioration du sort de ses compatriotes. C'est lui qui sut déterminer toutes les initiatives qui ont amené les heureuses réformes du village de Thượng-Cát dont il est originaire, n'hésitant jamais à s'inscrire pour des sommes de plusieurs centaines de piastres en tête des listes de souscriptions qu'il faisait circuler, allant même jusqu'à prendre à lui seul, la totalité de l'emprunt indochinois que son village désirait vivement souscrire, sans que ses disponibliités le lui permissent. Remarquons en passant que cet Annamite est un homme cultivé, un lettré, versé dans l'étude des caractères chinois, et que nous avons là, une fois de plus, un exemple frappant des résultats que la culture confucianiste peut donner quand elle s'adresse à un cœur élevé. Dût en souffrir la modestie très réelle de cet Annamite, nous n'avons pas hésité à le citer ici, car nous estimons que de tels exemples doivent être portés à la connaissance de tous. Ils sont des plus encourageants pour ceux qui ont, comme nous, la plus grande confiance dans les capacités de développement du peuple annamite. Qu'on imagine l'extension à tous les villages du Tonkin des réformes qui ont été adoptées à Thượng-Cát, et l'on pourra se rendre compte du progrès immense qui serait réalisé par tout le pays. Un tel cas est typique, il nous permet de voir quels résultats peuvent être obtenus, et de nous rendre compte de ce que, s'ils l'ont été, c'est d'abord grâce aux initiatives d'un bon citoyen, secondé par un conseil de notables avisés, mais c'est aussi grâce aux règlementations administratives nouvelles qui ont permis l'adoption de ces réformes, et grâce aussi à l'exemple venu d'en haut, à l'activité intelligente d'un mandarin qui sait s'intéresser à de telles œuvres auxquelles lui-même n'hésite pas à se consacrer, enfin grâce à l'appui de fonctionnaires français qui, par leur approbation et leurs encouragements aident beaucoup pour l'adoption de réformes qui ont toujours à vaincre l'opposition d'intérêts particuliers se croyant lésés, ou simple-

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

thì các công-cuộc ích-nước lợi-dân sẽ được dồi dào to-tát như thế : nói tóm lại, đó là một cách bảo-hộ nhân-từ vậy.

* * *

Cách đó ít lâu, chúng tôi lại đến chơi làng Phương-trung, cuộc đi chơi này cũng chẳng kém gì cuộc du-quan trước. Làng Phương-trung còn tên nữa gọi là làng Chương, là một làng to lớn nhất trong hạt Thanh-oai, làng ấy cách phía Nam thành-phố Hà-đông 18 ki-lô-mét.

Chúng tôi khi ấy tới làng vào khoảng ba giờ chiều, nên dân-sự ra đón chúng tôi hầu-hết là người già-nua, tàng-tật, thơ-ấu ; những người này vì không làm-lụng gì được nên ngồi ở nhà, chớ hạng người mạnh-khỏe thì ra làm ăn ngoài đồng hết. Mà những người già-lão trẻ-thơ kia hầu hết cùng đem theo một vài đứa bé để trông-nom vì cha mẹ chúng cùng vắng nhà cả. Bởi vậy, chúng tôi trông thấy những đứa nhỏ-nhỡ hoặc dắt ở tay, hoặc bẫm ở nách đến mấy trăm đứa bé con tý-teo. Những đứa ấy xem ra không có cốt-cách giưỡng-sinh nào cả, thực là hình-ảnh rõ-ràng của một dân-tộc như dân-tộc này. Chúng tôi xin thú-thực rằng cái cảnh-tượng đó quả là một cảnh-tượng khả-bi, trong một trăm đứa, có đến chín mươi đứa thân-thể gầy-còm, lắm đứa lại đầu-danh gai-gạo., coi rất thương-tâm. Cũng có nhiều đứa mắt sưng đỏ gay, một vài đứa mắt uhử đầy nhèm, khôn đường mở được, có đứa đã trột rồi. Bệnh toét mắt gớm-ghê ấy là cái gốc sinh tật mù tật trột rất lắm ở xứ này, bệnh hay lây đáng sợ ấy phá hại dân-chủng có lẽ từ trước khi ta chú-ý đến đã nhiều, mà gốc bệnh cũng không phải khó gì mới tìm ra được. Những người già-nua thơ-ấu không thể lúc nào cũng dắt, cũng bẫm con em luôn ở tay, ở nách được, nên cũng nhiều khi bỏ mặc chúng chơi ở trong chỗ bùn-lội nhơ-bẩn. Họ đã không hiểu-biết một chút vệ-sinh rất sơ-lược gì, thì tài nào họ giữ trẻ được khôn-khéo ; vì vậy trẻ hay chơi bẩn, thò tay vào rác, vào phân, rồi đưa lên mắt, thành ra mắc bệnh. Đó cũng lại là cái nguyên-cố sinh ra các ung sẩy chốc lở mà

ment d'esprits routiniers. Voici, croyons-nous, un excellent exemple d'initiatives individuelles, donnant leur plein rendement pour la chose commune à la faveur d'une bonne réglementation et de l'aide bienveillante des autorités française et annamite : Voici, en un mot, du bon protectorat.

* * *

Une autre visite non moins instructive est celle que nous avons faite peu de temps après la précédente au village de Phương-Trung, encore appelé Chương, situé à 18 kilomètres au sud de la ville de Hadong, dans la circonscription de Thanh-Oai, dont il est le plus important.

Il était environ trois heures de l'après-midi lorsque nous arrivâmes dans ce village. Aussi la foule accourue à notre rencontre était elle presque uniquement composée de vieillards, d'enfants ou d'infirmes que leur incapacité retient à la chaumière pendant que la partie valide de la population est occupée à travailler au dehors. Ces enfants et ces vieillards accompagnaient presque tous un ou plusieurs très jeunes enfants dont la garde leur est confiée pendant l'absence des parents. Nous avions là sous les yeux plusieurs centaines de ces tout petits, tenus à la main par leurs aînés, ou portés sur la hanche de ceux-ci, selon la mode annamite. Ils n'avaient fait l'objet d'aucune sélection, et donnaient bien l'image exacte de ce qu'est une telle population. Nous devons à la vérité de déclarer que le spectacle qu'ils nous offraient était des plus lamentables : les neuf-dixièmes, au moins, d'entre eux étaient dans un état physique déplorable, la plupart avaient la tête couverte de croûtes suppurantes, de furoncles, d'abcès, etc, etc. Un très grand nombre avaient les yeux rouges, gonflés, quelques-uns presque complètement fermés, souvent atteints d'une suppuration assez abondante. Beaucoup d'entre eux étaient déjà borgnes. La terrible ophtalmie purulente, cause presque unique du grand nombre d'aveugles et de borgnes que nous voyons autour de nous dans ce pays, sans peut-être y prêter suffisamment attention, ayant déjà fait ses ravages. L'origine de cette affection aux effets si redoutables, et si couramment répandue ici, est facile aussi à discerner. Les jeunes frères ou

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

những trẻ khốn-nạn kia thường hay mắc phải đau-đớn mà lại mặc những quần áo rách-rưới bẩn-thỉu là tổ sinh ra bệnh-hoạn các thứ. Vả thường khi cũng không ai trông-coi đến chúng nữa, buổi sáng ngày ra thì mẹ nhốt con một nơi kín-mít, mặc con muốn làm gì cũng không biết, thế là chẳng ai nhìn-nhận chúng cho đến tận chiều-hôm.

Những đứa trẻ lớn — nhưng thường cũng mới lên sáu, lên mười tuổi thôi — ẵm em hàng giờ ở bên nách, coi chừng cũng lấy làm khó chịu lắm. Chúng bế em nặng-nề như vậy, đứa nào cũng ra giáng nhọc-nhằn trông thấy. Chúng phải nỗ hết lực ra mới ẵm em luôn được như thế, thành ra vẹo cả háng, lệch cả người. Mặt chúng cũng đầy rỗ, đầy sẹo, phần nhiều đứa coi gầy-gò thảm-hại quá. Chúng còm-yếu thế không phải vì nhịn ăn, nhịn mặc, nhưng vì không biết cách vệ-sinh thực-phẩm thành ra kém ăn-uống những thứ bổ-lành. Tuy nhiên, trong những khuôn mặt chúng, đôi con mắt (khi chưa bị tật-bệnh làm cho mờ-tối) thì đen nhánh như hai viên ngọc-thạch nhìn dán vào chúng tôi một cách lạ-lùng trông ra giáng thông-minh và khả-ái, đó tức là biểu-hiệu cái khí sinh-hoạt lạ-hay của dân-tộc An-nam là dân-tộc sinh-tồn được cũng nhờ có những đức-tính đặc-biệt vậy. Cuộc sinh-tồn của dân-tộc ấy dù sự ngu dốt cùng sự dị-đoan đã đè-nén khốn-nạn biết bao thế-kỷ nay, nhưng vẫn chứa-chan đầy giẫy những hi-vọng về tiền-đồ.

Đàn trẻ thơ khốn-nạn đáng thương ấy không có bụng nghi-ngờ sợ-hãi chúng tôi chút nào, theo chúng tôi, chen chúng tôi gần ngạt hơi trong buổi giời nồng-nực hôm

sœurs ainsi que les vieillards ne peuvent pas toujours tenir ces petits enfants par la main ou à califourchon sur la hanche : ils doivent alors les laisser s'amuser librement dans la poussière ou la boue. Totalement ignorants des notions d'hygiène les plus élémentaires, ils ne peuvent les surveiller avec l'intelligence voulue, ces petits portent en jouant leurs mains sur les ordures, sur leurs excréments, touchent ensuite leurs yeux, et les contaminent; telle est aussi l'origine de ces furoncles, de ces anthrax volumineux dont sont affligés ces pauvres enfants, vêtus de haillons sordides et rarement lavés, exposés aux dangers de toutes les infections. Il arrive souvent même que la surveillance exercée sur eux est tout-à-fait nulle, faute de personnes pouvant se charger de ce soin, et qu'ils sont simplement placés le matin par leur mère dans une enceinte fermée où ils restent livrés à eux-mêmes pendant toute la journée.

Les aînés — âgés seulement eux-mêmes, quelquefois de six à dix ans — qui portent ainsi pendant des heures, leur petit-frère ou sœur à califourchon sur la hanche, souffrent aussi gravement de ces habitudes. Ils peinent visiblement sous le fardeau trop pesant qu'ils supportent. Leurs hanches sont déviées, et leurs corps déformés sous l'effort trop grand et continu. Leurs visages aussi portent souvent les affreux stigmates de ces infections diverses, et sont parfois émaciés non pas par les privations, mais par la nutrition insuffisante résultant d'une hygiène alimentaire mal comprise. Mais dans tous ces visages enfantins, luisent deux escarboucles noires (lorsque leur feu, hélas n'a pas encore été éteint par la conjonctivite !) dont le regard brillant s'attache sur nous avec une curiosité intelligente et sympathique, affirmation de la vitalité extraordinaire de ce peuple, dont la vie se maintient grâce à ses qualités si particulières et se manifeste même pleine de belles promesses pour l'avenir en dépit du fardeau que depuis des siècles ont fait peser sur ses épaules l'ignorance et la superstition.

Suivis de cette foule miteuse et calamiteuse dont la confiance sympathique la portait à nous serrer de près, au point de nous empêcher de respirer par cette journée torride,

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

ấy cho đến mãi tận một cái cổng trên đề ba chữ : Ấu-trĩ-viên (vườn trẻ con). Chúng tôi bỏ đàn trẻ đứng ngoài, vừa vào trong đó thì được mấy người ra tiếp : giăm người kỳ-mục với hai người đàn-bà chừng 40 tuổi chuyên riêng về việc giữ-gìn con trẻ trong Ấu-trĩ-viên là một công-cuộc mà tất cả Bắc-kỳ ta ai cũng đã từng biết.

Ở dưới bóng cây mát, chúng tôi trông thấy lũ trẻ đang vui-đùa náo-nhiệt, rộn-rã cười reo, đám thì chơi vòng, chơi đu, lũ thì chơi cầu, chơi bóng.., rồi cùng nhau chạy lại đón chúng tôi.

Lũ trẻ đang vui-đùa chung-quanh chúng tôi đó với lũ trẻ đứng tựa ngoài hàng rào kia, thực là khác nhau xa quá. Trẻ ở trong vườn rất sạch-sẽ, đứa nào cũng mặc áo ngắn, quần ta bằng vải xanh rất chỉnh-tề vừa-vặn. Mặt-mũi chúng sáng-sủa thông-minh, không có những sẹo-rỗ ghê-gớm hay là mụn-sẩy thối-hôi, những tật-bệnh ấy làm cho xấu-xí gần hết cả những đàn trẻ Việt-Nam mà chúng tôi đã trông thấy từ trước đến giờ. Nhiều đứa trẻ trong vườn, mặt còn vết sẹo, chứng rằng mới khỏi bệnh xong ; nhất là mắt chúng thì đen nhánh và thông-minh sáng-sủa lắm, chớ không viền đỏ và sưng hủ như mắt lũ trẻ ngoài kia đã làm cho chúng tôi trông thấy mà luống những đau lòng. Người ở đó có đưa cho chúng tôi xem một đứa bị trột vì bệnh toét, còn một mắt đã sắp khỏi như thường, ta hi-vọng rằng thằng ấy sẽ không đến nỗi đăng thêm vào cái đội-quân ăn-mày mù-đui khốn-nạn kia đã từng phen làm ta khó chịu về những lời kêu ca thảm-thiết ê-chề. Quả vậy, trẻ ở quanh chúng tôi với trẻ đứng ngoài kia khác nhau một giời, một vực, tưởng hầu như chúng không phải cùng giống-nòi mà ở cách-xa nhau lắm vậy. Sự mà chúng tôi chứng-kiến đó thực là một sự kỳ-diệu, chẳng tốn-kém gì mà có công-hiệu. Những người đàn-bà gọi là bảo-mẫu để chăn-coi lũ trẻ thơ ấu kia cũng đã học-biết được ít nhiều điều sơ-lược về cách vệ-sinh nuôi trẻ rồi. Mỗi buổi sáng, bà bảo-mẫu tiếp nhận các con-trẻ mà những người cha-mẹ trước khi ra làm đồng-áng đã đem lại ký gửi suốt ngày cho bà ấy. Bà bảo-mẫu đem trẻ ra tắm-gội và thay-đổi áo quần sạch sẽ, rồi rửa-ráy những mụn-sẩy bằng một vị

nous arrivâmes jusqu'à un portique sur lequel étaient tracés les mots : Ấu-Trĩ-Viên (jardin d'enfants). Laissant cette foule dehors, nous pénétrâmes dans l'enceinte où nous fûmes reçus par quelques notables et par deux femmes annamites d'une quarantaine d'années spécialement préposées à la garde des enfants pour cette œuvre bien connue de tous les Tonkinois.

Dans un vaste terrain ombragé, de jeunes enfants jouent avec animation et en poussant des cris de joie à des jeux variés: cerceaux, balançoires, balles, etc, et s'empressent au devant de nous.

Le contraste entre ces enfants qui s'ébattent joyeusement autour de nous et ceux qui, restés au dehors, se pressent en foule contre la barrière d'enceinte, est vraiment saisissant. Les enfants du jardin sont propres et bien tenus ; ils sont vêtus très convenablement d'une veste et d'un pantalon annamite en cotonnade bleue. Les visages de ces petits enfants sont nets et proprets ; ils sont débarrassés des tares affreuses, pustules furonculeuses, ou croûtes suppurantes qui déshonorent presque tous les petits Annamites que nous avons vus jusqu'à présent. Les cicatrices des plaies fermées sont apparentes chez beaucoup d'entre eux, montrant que la guérison est encore toute récente, mais surtout les beaux petits yeux noirs brillants sont nets et sains, débarrassés de l'auréole enflammée et suppurante qui nous a tant peinée chez les enfants de l'extérieur. On nous montre l'un d'eux dont un œil a déjà été détruit par le terrible ophtalmie, le deuxième, en bonne voie de guérison, a déjà presque repris un aspect normal, et l'on peut espérer que ce petit bonhomme ne viendra plus maintenant grossir le bataillon de ces misérables mandiants aveugles qui nous affligent trop souvent de leurs demandes lamentables. Vraiment, le contraste est extraordinaire entre les enfants que nous avons sous les yeux et ceux que nous avons laissés au dehors. On croirait presque qu'ils appartiennent à des populations tout-à-fait différentes et probablement bien éloignées l'une et de l'autre. C'est un véritable miracle que nous avons sous les yeux et qui a été réalisé à bien peu de frais. Les femmes charitables appelées bảo-mẫu auxquelles

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

thuốc thông-thường rất kỳ-diệu, lại rất không tốn mà tiếc vì người Nam không biết đến, vị thuốc ấy là... nước đã đun sôi vậy. Nếu bệnh nặng hơn thì đã có thuốc rửa (eau blanche) mà bệnh đau mắt thì có nước boriquée (thuốc rửa mắt); đó là tất cả những vật-liệu đã lập-thành cái bệnh-viện tuy rằng dản-dị, nhưng rất công-hiệu ấy. Đến cơm nước thì trẻ được ăn mỗi ngày hai bữa, mỗi bữa đủ ăn thôi, nhưng ăn rất tử-tế chớ không như phần nhiều đứa trẻ đáng thương khác mỗi buổi sáng bị cha-mẹ mớm-nhồi đâu ! Chỗ chúng có thể chơi thoả-thích được thì rào chung quanh không để một đồ-vật gì nguy-hiểm ở đó cả và có một lớp nhà rạp lợp ngói để chúng chơi những khi giời làm mưa lội. Trong những cuộc chơi ấy cũng có bà bảo-mẫu trông-coi chỉ-dẫn cho đàn trẻ ngây-thơ được tự-do chạy-nhảy chơi-đùa, mở-mang tài-lực mà trở nên những người thiếu-niên anh-tuấn, chớ không thành ra những kẻ còm-cõi khốn-nạn như chúng tôi lấy làm buồn-rầu mà vừa đã trông thấy ngoài kia.

Chúng tôi không biết lấy gì sứng-đáng mà ngợi-khen những công-cuộc ấy, mục-đích quyết-nhiên là cải-lương thành-hiệu cho chủng-loại Việt-Nam về đường thân-thể vật-chất, và sau lại nhân đó về đường đạo-đức tinh-thần nữa. Công-cuộc Ấu-trĩ-viên do sáng-kiến Hội K. T. T. Đ. thành lập ra đủ chứng cho ta biết rằng đó là một cách thâm-hiểu người An-nam, thâm-hiểu tình-thế hiện-thời và mọi đường sở-thiết của người An-nam, và cả những cách-thức rất hay để đạt-thành các sự ấy nữa. Cũng nhờ có sự am-hiểu đó, người ta đã lập-thành được bao những công-cuộc, tốn-kém ít mà kết-quả nhiều như thế : người bảo-mẫu thường tuyển trong những người đàn-bà An nam nhiệt-thành vì nghĩa-vụ, bẩm-sinh đã có cái lạc-thú bỏ mình làm đầu nhân-đức rồi. Những người ấy đã chẳng đem đức-tính làm tôi

fut confiée la surveillance des enfants, ont reçu quelques principes très élémentaires d'hygiène infantile. Elles reçoivent le matin ces petits que les parents leur amènent avant de partir aux champs pour toute la journée. Elles les lavent soigneusement, et changent leurs vêtements crasseux contre une blouse propre puis elles lavent les plaies avec ce remède universel et merveilleux — et surtout si économique — malheureusement totalement inconnu des Annamites qui est. . . . l'eau bouillie. Un peu d'eau blanche dans les cas plus graves, et de l'eau boriquée pour les yeux, constituent tout l'arsenal thérapeutique de cette modeste, mais très bienfaisante institution. Puis les enfants sont pourvus d'un repas suffisant mais intelligemment donné et qui, devant être renouvelé deux fois dans la journée, n'a rien de commun avec le gavage forcé auquel ces malheureux petits êtres étaient soumis par leurs parents, au début du jour. L'espace dans lequel ils peuvent s'ébattre est enclos, soigneusement débarrassé de tout accessoire dangereux, et pourvu d'un hangar couvert en tuiles pour les jeux en temps de pluie. Ces jeux des enfants sont toujours surveillés et guidés par les bảo-mẫu et ils peuvent courir et jouer, se développer, s'épanouir en toute liberté pour devenir des adultes forts et sains et non ces malheureux rachitiques dont la vue nous a consternés tout-à-l'heure.

Nous ne saurions trop faire l'éloge de telles fondations qui sont appelées certainement à donner les résultats les plus importants, relativement à l'amélioration physique, et par suite intellectuelle et morale, de la race annamite. La façon dont ces jardins d'enfants ont été conçus par l' A. F. I. M. A. prouve une connaissance profonde du peuple annamite, de sa situation actuelle, de ses besoins, et des moyens les meilleurs pour y satisfaire. C'est grâce à une telle connaissance que peuvent être fondées des œuvres semblables, qui permettent d'obtenir le maximun de résultats, avec le minimun de frais : les bảo-mẫu sont choisies parmi ces femmes annamites, dévouées, qui consacrent toute leur existence à la satisfaction du désir inné qu'éprouvent naturellement leurs bonnes âmes, de « làm phúc » (faire du bien, créer du bon-

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

cửa chùa mà thủ việc đèn-nhang, lại biết lợi-dụng làm điều có ích hơn và đối với chúng tôi thì — khôn-ngoan hơn, tức là hi-sinh cho cái tính-mệnh, cho cái sinh-hoạt của đàn con ấu-trĩ kia vậy.

Người bảo-mẫu dù rằng học được mấy điều sơ-lược về phép vệ-sinh nuôi trẻ, song đối với dân nước cũng là quảng-bác lắm rồi ; vì đã mấy mươi thế-kỷ sinh-hoạt nay, dân nước có biết tý gì đến những sự tối-thường ấy đâu. Các bảo-mẫu thì do kỳ mục tuyển lấy ở trong người làng, và mỗi người bảo-mẫu được lĩnh mỗi tháng bốn, năm đồng bạc công, Ấu-trĩ-viên trả. Những nơi để lập Âu-trĩ-viên thường là đất công của làng; cũng có nhiều khi người ta tuỳ-tiện dùng nhà cánh ở đình chùa cũng được, vì những nơi ấy, ngoài các ngày hội-đồng kỳ-mục rất hiếm ra, thì cho trẻ hưởng được nhiều chỗ rộng-rãi có lát gạch hay lợp nóc ; làm như thế, không phải bỏ tiền ra mà cũng thành-lập được Ấu trĩ-viên. Người ta tính đồ-đồng rằng tiền công một người bảo-mẫu, một người coi vườn, tiền mua đồ làm bếp, đồ chơi (thuốc đã có I-tế cho) với tiền chi-tiêu về sự ăn-mặc cho trẻ chỉ tốn mỗi đứa độ hai su trong một ngày thôi. Món chi-phí ấy, làng có thể gánh-vác ít nhiều được. Nay cứ dùng theo tài-sản công-dân mà biết cách tằn-tiện khôn-khéo như làng Thượng-Cát trên kia thì cũng không khó gì mới thu được tiền làm các công-cuộc phí-tổn độ thế thôi. Xem thế biết rằng những món tiền lớn từ xưa đến giờ đã chỉ vì chễ nải biếng-lười hay là khoe-khoang dở-dói mà bầy-đặt hội-hè, vẽ-vời ăn-uống, chi-tiêu hoang-phí một cách dại-dột đi mất cả. Những công-cuộc kia không những là có ích-lợi trực-tiếp mà thôi, lại là những học-đường dạy người ta biết nghĩa làm dân nữa ; đối với hết cả dân làng thì ấy là một cách giáo-dục hoạt-động, một nơi dạy vệ-sinh và học đoàn-thể bắt-buộc khắp người bản-xứ phải lưu-tâm để-ý đến những « vết thương xã-hội » là những sự đau-đớn đã bành-trướng ra và reo họa tầy-đình cho họ, mà họ chỉ vì cái ngu-dốt nguy-độc kia vẫn coi như việc giời làm, không sao lánh khỏi được vậy. Nhờ cái gương hữu-ích ấy, những việc hành-động về đường vệ-sinh đã lan rộng ra các làng-mạc chung-quanh như thể một vết dầu

heur) mais au lieu d'appliquer ces belles dispositions à l'entretien des pagodes et des objets du culte, elles les emploient d'une façon beaucoup plus utile et, à notre point de vue, plus intelligente, en se consacrant à la santé, à la vie de toute cette enfance.

Elles reçoivent une instruction d'hygiène infantile, qui, pour très sommaire qu'elle soit, n'en représente pas moins un acquis considérable par rapport à la masse du peuple qui vit depuis des siècles dans une ignorance totale touchant les plus élémentaires de ces notions. Ces bảo-mẫu sont choisies dans le village même par les notables, elles reçoivent un salaire d'environ quatre à cinq piastres par mois, qui leur est assuré par l'œuvre des Ấu-trĩ-viên. Les emplacements réservés aux jardins sont le plus souvent mis gratuitement à leur disposition par la commune ; autant que possible on utilise comme locaux, des annexes du đình, qui, en dehors des rares réunions des notables, offre de grands emplacements dallés et en partie couverts qui permettent, sans bourse déliée, de procéder aussitôt à l'installation du jardin. On estime que le salaire de la bảo-mẫu et d'un domestique pour l'entretien du jardin, l'achat de quelques ustensiles de cuisine et jeux (les médicaments étant fournis gratuitement par l'Assistance médicale), la nourriture et l'habillement des enfants, représentent une dépense moyenne d'environ deux cents par jour et par enfant. Cette dépense peut être couverte par le village, en plus ou moins grande partie. Suivant l'importance de ses ressources, et au moyen d'économies bien comprises comme celles que nous avons exposées au sujet de Thượng-Cát, il peut arriver à trouver l'argent nécessaire pour réaliser des œuvres d'une telle portée. Il entrevoit ainsi l'importance des sommes perdues jusqu'alors par l'incurie et la négligence ou bien follement gaspillées en des cérémonies destinées à satisfaire la plus puérile vanité. Non seulement de telle œuvres ont la plus grande utilité en soi, mais encore elles créent de cette façon, de véritables écoles civiques. Elles sont pour le village entier un enseignement vivant, une véritable école d'hygiène et de solidarité obligeant les populations indigènes à considérer les plaies sociales dont l'étendue fait de véri-

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

loang-thấm và cả trong các gia-đình cũng thấm-thía được nhiều phép vệ-sinh sạch-sẽ yếu-cần lắm. Những cách ấy rồi sẽ làm cho dân-tộc Annam đạt tới những bước tiến-bộ to-tát mà hưởng lấy những điều hạnh-phúc lớn-lao đó.

Nhiều người Việt-nam thấy con cháu mình từ khi gửi lại Ấu-trĩ-viên của làng, đã không ốm-đau, lại thêm mạnh giỏi thì lấy làm ngạc-nhiên, cùng nhau đến hỏi bà bảo-mẫu tại cách-thức bí-mật huyền-diệu gì mà làm được kết-quả hay như thế. Vì vậy, họ biết rằng nước đã đun sôi, sự ăn-uống sạch-sẽ vệ-sinh, v.v, đều có những đức-tính rất hay, mà họ càng tự-ý đến hỏi như thế, họ được chứng-kiến những sự kết-quả ở ngay trước mắt, thì họ càng được biết hưởng-dụng nhiều. Mỗi ngày họ hiểu-biết những sự ích-lợi của công-cuộc Ấu-trĩ-viên và học-tập lưu-tâm chủ-ý đến dần-dần mãi.

Mới rồi tại làng Phương-trung có đứa trẻ bốn tuổi ở nhà một mình, còn cha mẹ làm-lụng ngoài đồng, thành ra ngã xuống ao chết đuối. Kỳ-mục trong làng liền bảo cha mẹ đứa bé chết oan kia biết rằng việc tuy rất đáng thương-tâm nhưng chính là lỗi cha mẹ, vì nếu biết gửi con lại Ấu-trĩ-viên cho bà bảo-mẫu thì đâu đến nỗi thế.

Sau nữa là việc thực-hành công-cuộc ấy cũng thừa chứng tỏ rằng đã không dục lòng dân bản-xứ trở nên lười-biếng như mấy kẻ đa-nghi tưởng nhầm, lại dạy-bảo cho họ biết phép vệ-sinh, biết cách phòng-bị, biết đường tổ-chức, và lại khiến ta hi-vọng những kết-quả rất bổ-ích của công-cuộc ấy nữa; vì những kết-quả ấy hoặc có trực-tiếp, hoặc là ảnh-hưởng ra ngoài mà nhiều người noi gương bắt chước.

Vả chăng, nhỡ khi dân làng không đủ tiền chi-tiêu về việc ấy, đã có công-cuộc Ấu-trĩ-viên là công-cuộc dưới quyền bảo-chủ của Hội K. T. T. Đ. đỡ dần cho.

tables fléaux et que l'ignorance fataliste des Annamites leur a toujours fait considérer comme toute naturelle et inévitable. Grâce à cet exemple fécond, leur action salutaire s'étend comme une tache d'huile bien en dehors de leur zône, et fait pénétrer dans toutes les familles des notions d'hygiène et de propreté qui permettront de réaliser les immenses progrès dont le pays d'Annam tirera le plus grand bénéfice.

Beaucoup d'Annamites, surpris par l'amélioration extraordinaire de l'état de leurs enfants depuis qu'ils fréquentent le jardin d'enfants de leur village viennent demander à la bảo-mẫu, par quelle recette secrète, par quel procédé magique, elle peut obtenir de tels résultats. Et ils découvrent ainsi les vertus remarquables de l'eau bouillie, de la propreté, de l'hygiène alimentaire, etc, et profitent d'autant mieux de cet enseignement qu'ils sont venus le demander spontanément, pour avoir eu d'abord sous leurs yeux l'exemple de ses merveilleux résultats. De plus en plus, ils comprennent les bienfaits de telles œuvres, et apprennent à s'y intéresser.

Au village de Phương-Trung, dernièrement, un enfant de quatre ans, laissé seul à la maison, pendant que ses parents étaient à la rizière, tombait dans une mare et se noyait. Les notables firent remarquer aux parents que, pour cruel que fut cet accident, ils ne devaient pas moins comprendre que leur responsabilité était gravement engagée, puisque, pour l'éviter, il leur aurait suffi de confier l'enfant à la bảo-mẫu.

Enfin la pratique de cette œuvre prouve déjà surabondamment que bien loin de pousser les Annamites à l'incurie comme ont voulu le prétendre certains esprits chagrins, elle est au contraire pour eux une excellente école d'hygiène, de prévoyance et d'organisation, et que les résultats les plus fructueux peuvent en être attendus, tant pour ceux qu'elle obtiendra d'une façon directe, que pour ceux qu'elle permettra de réaliser par ses heureux effets de répercussion.

En cas d'insuffisance des ressources locales, le complément du budget de recettes est assuré par l'œuvre des Ấu-trĩ-viên qui est patronnée comme on le sait, par l'A.F.I.M.A.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Ta cũng nên biết thêm rằng : vì một điều dự-định mới đây (1) mỗi buổi sáng, bà Bảo-mẫu phải đọc ở trước mặt trẻ con mấy lời cầu-nguyện thần-thánh ra phúc cho các nhà nhân-đức đã giúp vườn Ấu-trĩ mở-mang sinh-trưởng được : như thế tưởng cũng không phải không là một cái học-đường dạy cho người ta biết đoàn-thể hợp-quần vậy ; và ta lại rất ngợi-khen những người rộng đường nhỡn-giới, cả đức khoan-dung đã định rằng hễ ở làng nào có đạo Catholique thì phải làm đơn xin với cố để ngài tự đến Ấu-trĩ-viên đọc lời cầu-nguyện cho. Cái biệt-kiến khoan-dung một cách cao-thượng nó đứng chủ-động cho công-cuộc này, cái phép thực-hành đích-đáng mà công-cuộc ấy đã biết lợi-dụng vào việc tối-cần cho dân bản-xứ, cùng với những kết-quả công-nhiên là tốt đẹp đã thành-đạt rồi khiến cho ta yên-tâm hi-vọng rằng cái mục-đích đã tự theo đuổi kia cũng chẳng bao lâu mà đạt tới được ! Vả chăng công-cuộc ấy đã được cả người Tây, Nam đồng-thanh hiệp-lực giúp-giặp đỡ-đần cho kia mà....

Sau nữa đành rằng quan Tổng-đốc Hà-đông, là sáng-lập hội-viên V. N. T. N. ta, người rất khiêm-tốn, sẽ phải thất-ý vì ngài đã ân-cần ta đừng ca-tụng ngài, nhưng ta cũng không thể nào lại nén nỗi lòng mà không nói đến những công-đức nhiệt-thành minh-mẫn của ngài đã chiếu-cố đến sự mở mang « Ấu-trĩ-viên » ấy cho được. Khi đó, chúng tôi cùng ngài đến thăm làng Phương-trung, được dịp thấy con dân một bụng tín-yêu, một lòng kính-cẩn mà cùng súm-sít chung-quanh ngài, chúng tôi lấy thế làm cảm động lắm. Kể ra thực còn nhiều điều đáng ca tụng về cái công-đức của ngài và của Quý-phu-nhân đối với tỉnh Hà-đông được đặc-ân ấy, nhưng chỉ e rằng mấy lời chúng tôi không thể sao nín được kia cũng đủ khiến ngài bận lòng rồi.

* * *

Khi ở ấu-trĩ-viên ra, chúng tôi trông thấy mấy lớp nhà ở gần đấy, mới-mẻ và xinh-đẹp, biệt hẳn ra với những nhà bên cạnh. Chúng tôi lại gần thì có người ra tiếp-mời rất tử

(1) Bài này viết từ tháng septembre năm 1922

Ajoutons enfin que d'après un projet récent (1), les bảo-mẫu réciteront chaque matin devant les enfants quelques formules appelant la bénédiction des esprits supérieurs sur toutes les personnes charitables, dont l'intervention permet à leur œuvre de vivre et de se développer : ce n'est pas là non plus, croyons-nous, une mauvaise école de solidarité, et nous ne pouvons qu'applaudir à la largeur de vue et à l'esprit de tolérance de ceux qui ont décidé que dans les villages catholiques une demande serait adressée au missionnaire pour que lui-même récitât de telles prières au Jardin d'enfants. L'esprit idéaliste hautement tolérant qui préside à cette œuvre, la façon essentiellement pratique dont elle sait s'adapter aux nécessités locales, aussi bien que les résultats vraiment magnifiques obtenus déjà nous font espérer qu'elle atteindra parfaitement le but qu'elle s'est proposé. Elle a d'ailleurs trouvé l'assentiment et l'appui unanime des Français aussi bien que des Annamites.

Enfin, bien que sa modestie dût en souffrir, et malgré ses insistances pour que nous ne parlions pas de lui, nous ne pouvons nous empêcher de rendre hommage au grand dévouement et à l'activité très éclairée avec laquelle M. le Tổng-đốc de Hadong, membre Fondateur du F. E. A. se consacre au développement de ces œuvres. Il a bien voulu nous accompagner au cours de cette visite à Phương-Trung, et nous avons été profondément touché de voir avec quelle confiance charmante mais très respectueuse, tous ces enfants reconnaissants s'empressaient autour de lui. Nous aurions bien des choses à dire sur le rôle admirable que remplissent dans cette province privilégiée notre éminent ami et Mme Hoàng-trọng-Phu, mais nous craignons déjà d'avoir à encourir leurs reproches pour ces quelques mots que nous n'avons pas su taire à leur sujet.

* * *

Lorsque nous eûmes quitté le Jardin d'enfants, notre regard fut attiré par un groupe de bâtiments assez proche, neuf et pimpant, tranchant avec les habitations voisines. Nous étant

(1) Ceci a été écrit en Septembre 1922.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

tế lịch-thiệp. Chúng tôi bèn lần-lượt vào xem trường học, nhà hội-đồng kỳ-mục, nhà chữa bệnh của làng cùng liền-ngay đó, rồi đến nhà hộ-sinh.

Nhà trường làm từ năm 1920, chi-phí toàn bằng tiền công-dân cả, tiền ấy dùng cách nào có được, lát nữa chúng tôi sẽ nói đến. Nhà trường thật là sáng-sủa sạch-sẽ làm theo cách vệ-sinh lắm. Trường có hai lớp, mỗi lớp chừng 50 học trò, vừa là trẻ trong làng, vừa là trẻ các làng bên cạnh cũng nô-nức kéo nhau đến học. Trường dạy chữ quốc-ngữ và một vài chữ tây. Học-trò thì đứa nào cũng sạch-sẽ, ăn-mặc chỉnh-tề và có giáng thông-minh chăm-chỉ lắm. Khi chúng tôi đến, học-trò cùng đứng dậy khoanh tay một cách rất lễ-phép. Chúng tôi trông thấy đàn trẻ thông-minh khả ái cùng một lòng siêng-năng quây-quần chung-quanh ông giáo để kiếm chút học-thức cho thành-nhân thì không thể sao lại không nhớ đến một vị công-sứ mà chúng tôi mới được tiếp-kiến ít lâu nay đã ta-thán về nỗi tỉnh nhà thiếu trường sở-đẳng. Nhưng chúng tôi tưởng rằng nếu mấy ngài biết hết sức thực-hành câu phương-ngôn « Mình có giúp mình, thì giời mới giúp », chớ đừng trông ở lệnh quan trên hoặc xa, hoặc gần truyền-định cho, thì cái vấn-đề kia cũng có lẽ giải-quyết được. Nếu các ngài không chỉ lấy hàng rào tòa-sứ làm giới-hạn thôi mà biết thường đi thăm-coi các làng trong hạt để xem-xét ngay tại đó những muôn ngàn sự cải-lương cỏn-con rất lợi có thể tăng số tiền công-dân lên gấp mười lần trước, và lại biết tưởng-lệ các việc tổ-chức công-ích cùng là cổ-vũ các quan-lại An-nam, các kỳ-hào dân-xã nên mở-mang những việc ấy, thì chắc không mấy nỗi các ngài sẽ gây dựng được nhiều công-cuộc trọng-yếu cho các ngài lắm ; còn như cái tài-lực rất ít cần để phụ thêm vào cho đạt thành kết-quả, thì tưởng cũng không phải khó gì, các ngài mới xin được. Tuy-nhiên, đó cũng là những điều khuyến-miễn mà chúng tôi không dám rậm nhời, vì cái ý-kiến về đường chuyên-môn của chúng tôi rất hẹp, vả lại, phần nhiều quan công-sứ ta cũng thừa biết cái chức-trách quý-hóa đã đảm-nhiệm như thế rồi.

approché, nous fûmes courtoisement invité à y pénétrer et successivement nous visitâmes l'école, la salle de réunion du conseil des notables avec l'infirmerie communale qui y était attenante, puis la maternité.

L'école a été construite en 1920 avec les seules ressources des fonds communaux, obtenus comme nous le dirons tout-à l'heure. Elle est claire et propre, et bâtie suivant les règles de l'hygiène. Elle comprend deux classes comptant chacune environ cinquante élèves, recrutés autant parmi les enfants du village que parmi ceux des villages environnants qui accourent avec empressement pour y recevoir l'instruction. Ils y apprennent l'écriture du quốc ngữ, ainsi que les éléments de la langue française. Ils sont tous propres, bien tenus et paraissent fort intelligents et disciplinés. Ils se lèvent tous ensemble à notre approche et se tiennent bras croisés dans une attitude déférente. Nous ne pouvons nous empêcher en voyant tous ces petits visages si sympathiques et intelligents tous groupés dans un même zèle autour de l'instituteur pour recevoir de lui l'instruction qui en fera des hommes, de songer aux plaintes de tel résident que nous vîmes dernièrement et qui déploraient le manque presque total des écoles primaires dans sa province. Et nous croyons que le problème serait sans doute plus vite résolu, si certains fonctionnaires appliquaient, dans la mesure du possible, le proverbe : « Aide-toi, le ciel t'aidera », au lieu d'attendre toute solution d'un pouvoir central plus ou moins éloigné, s'ils se rendaient fréquemment dans les villages mêmes au lieu d'être fixés par leur grandeur au rivage de la résidence, et s'ils étudiaient sur place et par eux-mêmes les mille petites réformes extrêmement fructueuses qui peuvent décupler les ressources de ceux-ci, si enfin ils préconisaient telles ou telles créations d'intérêt public et orientaient vers elles mandarins et notables ; ils arriveraient ainsi bien vite, dans la plupart des cas, à mettre sur pied une grande partie des œuvres dont ils ont besoin, et le secours complémentaire bien réduit qui leur serait nécessaire pour parachever l'œuvre leur serait sans doute, le plus souvent, facilement et rapidement accordé ; mais ce sont là suggestions sur lesquelles nous n'insistons

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Gần trường có một cái nhà kiểu an-nam, trước nhà có vườn đẹp, trông vừa ưa nhìn, vừa tiện ở. Trong nhà có một vài cái tủ đựng-xếp những giấy-má sổ-sách của làng, với ít bàn-ghế lim đóng dản-dị mà sạch-sẽ. Mỗi tháng, kỳ-mục hội-đồng hai lần ở đấy để bàn-định các việc trong làng. Đó tức là nơi đã phát-động ra những việc đại-sự trong dân mà ghi-tích còn ở trong vở biên-bản sao-chép rõ ràng cẩn-thận, lại có giấu ký nhận-thực từng kỳ-hạn của quan phụ-mẫu nữa ; vở biên-bản kia cũng là một sự mới-lạ trong việc quan vậy. Đấy tức lại còn là nơi để kỳ-mục kỳ-hào học luận-bàn những việc công-dân, học giữ-gìn sổ-sách kế-toán cho cẩn-thận để tự quản-trị lấy (ấy lại là một sự mới-lạ nữa, chúng tôi rất vui lòng ngợi-khen !) và học lưu-tâm chú-ý dần dần đến những vấn-đề công-ích cao-rộng mênh-mang hơn là cái giới-hạn hành-vi chật-hẹp thường ngày của họ.

Một sự mới-lạ nữa mà chúng tôi lấy làm ngợi-khen hết sức, là phòng-chữa-bệnh công-dân cùng ở liền với nhà hội-đồng kỳ-mục. Phòng ấy thực là một cái cơ-quan mới-mẻ nhất, người An-nam từ xưa đến nay tuyệt nhiên chưa từng biết đến bao giờ. Trong phòng chứa các vị thuốc cần dùng, như thuốc chữa các thương-tích, thuốc chữa mắt, thuốc tẩy, thuốc đau bụng, nhức đầu, v. v. cùng là những vật-liệu để buộc thương-tích như bông, sô buộc, nệm buộc, v. v. Có một quyển sổ biên các vị thuốc rất thứ-tự, lại biên cả quốc-ngữ và chữ nôm để chú-nghĩa nữa. Một người kỳ-mục trong làng đã ra học việc tại Nhà-thương Hà-đông về giữ phòng-chữa-bệnh ấy để phân-phát thuốc-men và dặn-bảo những điều cần-yếu cho người ốm-đau. Chắc chẳng cần phải nói ai cũng biết rằng phòng thuốc ấy không chỉ lợi-dụng cho làng thôi, lại còn bổ-ích cho khách qua đường bất-hạnh gặp sự chẳng may nữa, một người bộ-hành bị thương có thể vào đấy buộc tạm một miếng thuốc để đợi lang-y được. Thuốc-men trong phòng hết đã có làng mua ; như thế, mỗi tháng làng tốn thêm chừng mười đồng bạc.

pas, car notre compétence en la matière est trop peu étendue, et au reste, la plupart de nos résidents comprennent certainement ainsi la belle tâche qui leur est attribuée.

Près de l'école se trouve un pavillon de style annamite précédé d'un joli jardin, le tout très coquet et très confortable. Il s'y trouve quelques armoires où sont rangées avec soin les archives de la commune, et un mobilier en bois de lim, simple et propre. Le conseil communal s'y réunit deux fois par mois pour délibérer sur les affaires de la commune. C'est là que se déroulent les évènements importants de la vie communale dont la trace subsiste sur le cahier des procès-verbaux ; ce cahier bien rédigé et régulièrement tenu porte le visa périodique du mandarin provincial dont il est une des heureuses innovations. C'est là aussi que les notables apprennent à discuter sur les affaires de leur village, à les gérer eux-mêmes par une comptabilité bien tenue (innovation encore et que nous admirons!) et s'habituent peu à peu à s'occuper de questions d'intérêt dépassant le cercle étroit de leurs préoccupations journalières.

Une innovation encore que nous apprécions très vivement est celle de l'infirmerie communale, attenante à la salle des délibérations. Cette infirmerie est un organisme tout-à-fait nouveau, parfaitement inconnu jusqu'à ce jour autant que nous sachions, parmi les Annamites. Elle renferme les médicaments les plus usuels: teinture d'iode, sulfates de zinc, de soude, quinine, collyre, élixir parégorique ainsi que des objets de pansement: coton, bandes, compresses, etc. Les médicaments sont indiqués sur une liste bien établie accompagnée de notices explicatives en quốc-ngữ, et en caractères sino-annamites. Un notable formé à l'hopital de Hadong est attaché à cette institution pour distribuer gratuitement des médicaments aux malades, et leur donner les renseignements nécessaires. Il est inutile de dire que le poste de secours en question profite non seulement aux habitants du village, mais encore aux voyageurs victimes d'un accident quelconque, le blessé pouvant s'y faire appliquer un pansement aseptique sommaire, en attendant les soins du médecin. Le ravitaillement en médicaments est assuré par le village lui-même, à qui il coûte encore une dizaine de piastres par mois.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Những sở cứu chữa như thế là tối-cần cho dân sự nhà quê, vì không cứ rằng lợi-ích trực-tiếp cho họ thôi, lại cũng như việc lập Ấu-trĩ-viên mà ta đã nghiệm thấy trên kia, dạy cho họ học biết những phép vệ-sinh, những cách phòng-bị thuốc-thang, vì xưa nay họ tuyệt-nhiên chưa từng biết đến các việc ấy.

Mong rằng trong khắp các làng và nhất là ở các nơi dân làng to xa-cách những nhà chữa thuốc, cũng lập được những phòng-chữa-bệnh như thế thì hay lắm.

Ở xa một ít, có một cái nhà nhỏ, trước mặt có vườn ; ấy đó là một công-cuộc ích-lợi vào bậc nhất mà mãi tới bây giờ chúng tôi mới trông thấy có ở Bắc-kỳ là một, nhưng tiếc thay, chúng tôi không thể kỹ-thuật được tinh-tường lắm. Nguyên là một cái nhà hộ-sinh bé-nhỏ, chừng mươi cái giường trở lại, có một cô-đỡ ở ngạch Y-tế bổ về trông-coi với vài người đầy-tớ phục-dịch. Đàn-bà An-nam càng ngày càng được chứng-kiến cái hiệu-quả những phương-pháp thái-tây như thế, thành ra rất vui lòng đến đó ở cữ : người nào thật rõ là nghèo-khó thì làng cho một đồng bạc để trả tiền ăn trong tuần-lễ với một cái áo cho đứa con mới đẻ. Nay cứ tính đồ-đồng thì mỗi tháng ở nhà hộ-sinh ấy có chừng mươi người đến ở cữ. Những công-cuộc ấy ích-lợi cho dân-sự nhà quê không biết bao nhiêu mà kể ; vậy chúng tôi rất nhiệt-thành công-bố ra cho mọi nơi theo gương bắt chước để những công-cuộc ích-lợi ấy cứ tăng-tiến mãi lên cho nhiều hết sức.

Nay trước khi từ-biệt làng Phương-trung, ta cũng nên nhớ rằng làng ấy đã nhờ đàn-anh trong dân sẵn lòng khai-hóa mà có được một cái chợ sạch-sẽ và tiện-lợi. Tiền công-dân cũng không có mấy, nên không thể ngay một lúc xây được một cái chợ lớn-lao như thế, làng bèn định cứ dần dần mỗi năm xây một ít vậy. Vì thế hễ mỗi năm bao nhiêu túp gianh phá-bỏ đi thì lại thấy bấy nhiêu nhà ngói xây-thành nên. Ở dưới những túp gianh trước kia thì

Les postes de secours de ce genre sont extrêmement utiles à la population rurale, non seulement par les services qu'ils rendent d'une façon immédiate, mais encore, parce qu'ils constituent, ainsi que nous l'avons constaté pour les ấu-trĩ-viên, une école d'hygiène et de prévoyance médicale pour les paysans annamites qui ignorent totalement ces questions.

Il est à désirer que de telles installations soient faites dans tous les villages et particulièrement dans les agglomérations importantes éloignées de toute formation sanitaire.

Un peu plus loin encore se trouve une petite maison précédée d'un jardin où est installée une des œuvres les plus intéressantes, qu'il nous ait été donné de voir jusqu'à ce jour au Tonkin, et sur laquelle nous regrettons vivement de ne pouvoir nous étendre davantage. C'est une petite maternité d'une dizaine de lits environ, à laquelle sont attachés une sage-femme diplômée et fournie par l'Assistance médicale, ainsi qu'un personnel domestique approprié. Les femmes annamites qui se rendent de plus en plus compte de l'efficacité des méthodes occidentales, viennent très volontiers dans cet établissement pour y faire leurs couches; celles qui sont reconnues indigentes par la commune, reçoivent de celle-ci la somme d'une piastre, destinée à assurer leur nourriture pendant une semaine, ainsi qu'une robe remise gratuitement au petit nouveau-né. La moyenne actuelle des accouchements à la maternité est de dix par mois. De telles œuvres sont appelées à rendre d'immenses services à la population des campagnes; nous ne saurions trop les faire connaître, afin d'éveiller les initiatives en vue de leur multiplication aussi grande que possible.

Notons encore avant de quitter le village de Phương-Trung les dispositions très heureuses qui ont été prises par les autorités communales pour le doter d'un marché propre et confortable. Ses ressources ne lui auraient pas permis d'édifier en une seule fois une construction de cette importance, aussi a-t-il été décidé de procéder progressivement par une série de constructions annuelles. Chaque année un certain nombre de petites paillotes sous lesquelles s'abritent

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

người ngồi hàng được sao hay vậy mà nay thành nhà ngói thì để cho những nhà hàng quen thuê ngồi. Thuế học hàng năm cũng giúp cho làng được một món tiền khá lớn.

* * *

Xem đó thì ta lại thấy một cái gương tốt cũng giống như gương làng Thượng-cát, là cái gương tỏ rõ ra rằng những làng nhà quê An-nam kia chỉ nhờ một số trợ-cấp chẳng thấm vào đâu, thường khi lại hầu như không có vậy, mà kết-quả được những công-cuộc sửa-sang giá trị như thế. Chúng tôi nay không cố-ý nói về những cách cải-lương đã đạt-thành kết-quả hoàn-toàn ấy, vì cũng cùng một loại với những cách đã nói ở trên kia thôi. Song có một điều nên biết, là làng Phương-trung 1.500 người, nay phần nhiều chuyên về nghề làm nón và nghề buôn nứa lá, thì trước đây mươi năm tình-cảnh thật là thảm-thương quá : dân làng chia nhau từng cánh, từng bè, lúc nào cũng kiện-tụng lẫn nhau, tiền công-dân đã ít lại phải tiêu về việc kiện-cáo, còn bao nhiêu chỉ đủ cung vào các hội-hè rước-sách do một hủ-tục bắt-buộc mà thôi. Đến năm 1910, quan tỉnh Hà-đông thấy sự-tình làng Chương nguy-biến làm vậy, bèn hết sức can-dự chỉnh-đốn. Quan-tỉnh theo ý quyết-định mới khiến được cho làng mở công-quỹ, giữ sổ-sách và cải-lương hương-tục, những ngày tế-lễ ăn uống linh-đình thì nay đổi ra những bữa ăn giản-tiện và mỗi người phải góp một món tiền thuế-thân ít nhiều tùy theo với tài-sản. Việc chi-tiêu vô-ích đã bỏ hết, việc kiện-cáo lôi thôi đã cạn ngòi, dân làng đã có thể bình-yên làm ăn được, thì cái tình-hình kinh-tế trong làng cũng được mỗi ngày một sửa-sang lại, một tăng-tiến lên. Nhờ về lý-tài thịnh-đạt, dân-xã đồng tâm, trong khoảng mười năm giời, làng đã thực-hành được những việc cải-lương ích-lợi, như những việc đường-xá thông-hành cùng những việc tổ-chức này khác mà chúng tôi đã nói trên kia. Đã có cải-lương hương-chính thì cần phải mở-mang những công-cuộc ấy ngay, vì sự lợi-ích nhỡn-tiền, dân làng ai cũng trông thấy. Vả chăng đó lại là một cách khuyến-

tant bien que mal les marchands, est remplacé par un nombre équivalent de compartiments en briques qui sont loués aux habitants du marché. Le prix de ces locations annuelles représente déjà pour la commune une source de revenus assez importante.

* * *

Voici donc un exemple à rapprocher de celui de Thượng-Cát, et qui est des plus probants quant aux améliorations tout-à fait remarquables qui peuvent être apportées à de telles communes rurales annamites moyennant un apport de fouds du dehors tout-à-fait négligeable sinon nul. Nous n'insisterons pas aujourd'hui sur la nature des réformes qui ont pu permettre toutes ces heureuses créations, car elles sont à peu près du même ordre que celles dont nous avons parlé plus haut. Constatons seulement que le village de Phương-Trung, dont la population qui compte environ 1.500 contribuables et se livre en grande partie à la fabrication des chapaux indigènes et au commerce des bambous et feuilles de latanier, vivait il y a une dizaine d'années, dans une situation déplorable : les habitants étaient divisés en plusieurs partis, constamment en procès les uns contre les autres, et les maigres ressources communales déjà bien diminuées de ce fait, ne servaient qu'à couvrir les frais élevés des festins et des cérémonies imposés par une coutume déraisonnable. En 1910 les autorités provinciales de Hadong, frappées de cet état de choses, intervinrent pour s'efforcer de mettre de l'ordre dans les affaires de cette commune. Agissant par la persuasion, elles parvinrent à décider les habitants à créer un budget communal, à tenir une comptabilité claire et précise et à réviser leurs coutumes en remplaçant notamment ces festins rituels par des repas plus réduits et par une taxe personnelle relativement modique. Les dépenses inutiles ayant été supprimées, les sources de procès ayant été taries, chacun peut aujourd'hui travailler paisiblement, et la situation financière de la commune s'améliore de jour en jour. Grâce à la prospérité des finances et à la bonne entente entre les habitants, le village est parvenu dans l'espace de ces dix années, à réaliser de nombreuses réformes très utiles

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

khích rất mạnh cho dân-làng thực-hành những công-việc cải-lương nữa, vì dân-làng đã hiểu là rất ích-lợi to-tát. Xem đó, ta lại có thêm một cái gương rất rõ-ràng rằng nếu được các quan cai-trị biết dự vào công-việc các làng một cách mật-sảo và nếu nhờ những công-cuộc công-minh như những công-cuộc do Hội K. T. T. Đ. bảo-chủ đỡ-đần cho thì có thể đạt tới kết-quả như thế nào. Những cách can-dự chỉnh-đốn ấy đã không làm triệt mất lòng mãnh-miễn, làm loà sáng-kiến, mà lại làm cho phấn-khởi lên, tỏ-rạng ra và đưa-dẫn vào những đường-lối tiện-lợi cho chóng đạt tới cái mục đích mà nghĩa-vụ bảo-hộ của Mẫu-quốc đã ủy-thác cho ta vậy.



telles que des travaux de voierie importants et les différentes créations dont nous avons parlé. Il est excellent que de telles réformes intérieures soient accompagnées aussitôt de créations de telles œuvres dont l'intérêt pratique est évident pour les habitants du village et qui constituent ainsi pour lui un puissant encouragement à réaliser ces réformes dont il comprend bien alors toute la bienfaisante fécondité. Nous avons encore dans ce cas un exemple bien frappant de tout ce qui peut être obtenu par l'intrusion discrète et adroite des autorités administratives supérieures dans les affaires communales, et l'intervention d'œuvres particulières éclairées telles que celles qui sont patronnées par l'A.F.I.M.A. Bien loin d'émasculer les énergies et d'éteindre les initiatives, ces interventions au contraire, les stimulent puissamment, les éclairent et les orientent dans les directions les plus favorables pour atteindre au plus vite et au mieux le but que notre devoir de nation protectrice nous a désigné.



Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Vệ-sinh nuôi trẻ

Justus soạn

Báo « *France-Indochine* » ngày 7 Octobre 1923 có đăng một bài rất hay nhan-đề là « Vệ-sinh nuôi trẻ », Bản-chí xin trích đăng ra đây để tiếp nghĩa với bài «du ký ở mấy làng An-nam» trên này, tưởng cũng không phải là vô-ích vậy.

Công-cuộc y-tế của ta quả-nhiên là một công-cuộc đã giúp thế-lực cho ta nhiều hơn cả. Ấy cũng vì những kết-quả đặc-biệt của công-cuộc ấy mà các dân-tộc đều kính-phục ta, mà người bản-xứ dẫu lòng chẳng muốn nhưng cũng phải công-nhận rằng có ta thì chủng-loại họ mới tấn-tới về đường thể-dục. Những nhà thuộc-địa thâm-niên ở đây được thấy công-cuộc của ta tiến-hóa từ trước đến giờ thì ai cũng phải lấy làm ngạc-nhiên là vì xứ này xưa kia là xứ yểm-nhiễm rất nhiều cổ-tục hay kháng-cự phản-đối cùng ta mà rồi nay cũng đến phải chịu tòng-phục ta cả. Ta thắng được họ như thế cũng rất khó, vì cái phần dân ngu của họ mãi đến mấy năm vừa rồi còn chịu ảnh-hưởng của các nhà hán-học cùng lang-y bản-xứ nhiều lắm.

Ta đã phải cạnh-tranh vất-vả bấy lâu mới thắng được lòng người bản-xứ ; sự đó tuy rằng kết-quả đã mãn-nguyện lắm, nhưng cũng chưa hẳn đã hoàn-toàn. Mà muốn biết những kết-quả kia quan-trọng và mở-mang nhanh chóng ngần nào thì phải làm ăn gần-gụi bên mình họ luôn luôn mới được. Sự mở mang các ngạch quan tây về y-tế với lòng giúp-đỡ nhiệt-thành các viên thầy-thuốc thí-sai do trường-thuốc gây-dựng nên là trường có ích hơn cả các học-đường đã lập tại xứ này toàn là những sự đã đem cái tia sáng khoa-học của ta chiếu tỏ ra khắp các nơi cùng-hẻm đến nỗi thấu tới cả những chỗ rất khó thụ-nhập những cách mở mang về đường xã-hội của ta. Hiện nay không có địa-hạt nào là nơi những quan thầy thuốc

Hygiène Infantile

par **Justus**

Nous croyons intéressant de rapprocher du récit précédent l'intéressant article ci-dessous publié par le Journal « *France-Indochine* » du 7 octobre dernier.

C'est un fait indéniable que notre œuvre d'assistance médicale est celle qui revêt, au point de vue de notre influence, le plus d'intérêt. C'est elle qui, par le caractère de ses résultats, frappe le plus vivement l'esprit des populations et oblige, comme malgré eux, les indigènes à reconnaître qu'au point de vue du relèvement physique de la race, notre présence parmi eux est génératrice de bienfaits évidents. Les vieux coloniaux, qui ont pu suivre l'évolution de cette œuvre, sont eux-mêmes surpris des progrès réalisés chez un peuple, dont la résistance d'abord opposée à tous nos efforts l'avérait comme trop fortement imprégné de ses vielles coutumes pour se rendre aux idées que, malgré tout, nous avons réussi à faire triompher. Le succès semblait d'autant plus difficile à obtenir que la masse crédule subit jusqu'en ces dernières années, l'influence impérieuse de ses lettrés et de ses empiriques.

La lutte a été longue et dure pour assurer cette victoire qui, à l'heure actuelle, n'est pas encore complète, quoique les résultats acquis soient déjà considérable. Il faut vivre assez près des indigènes pour savoir à quel point les progrès réalisés sont importants, surtout avec quelle rapidité ils se développent. Le développement des cadres français de l'Assistance, le concours dévoué des médecins auxiliaires formés par notre École de Médecine qui est bien, certes, la meilleure de toutes les institutions par nous créées en ce pays, ont fait rayonner jusqu'au fond des régions les plus éloignées, les plus fermées et les plus réfractaires à notre action d'amélioration sociale, les bienfaits de notre science. Il n'est plus

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

không đi tới, không có nơi đô-hội nào là nơi không có nhà chữa bệnh, nhà khám bệnh không mất tiền để người ốm có thể chắc dạ đến là đủ thuốc chữa bệnh, đủ chốn dưỡng thân, lại được những lời dăn dạy về các cách vệ-sinh cứ càng ngày người theo càng lan rộng mãi ra nữa.

Nhưng sự vệ-sinh nuôi trẻ mới tức là sự mà người ta nghiệm thấy mở-mang một cách kỳ-diệu hơn cả. Ai là người đã ở Bắc-kỳ độ 20 năm giời — dẫu rằng chẳng lạ gì những sự kết-quả thành-hiệu ấy — song cũng phải lấy làm ngạc-nhiên về những việc cải-cách đã tiến-đạt ở trong đám dân-sự này. Tôi rất lấy làm vui mà nói rằng sự cải-cách đó là sự cực-may, là sự mỗi ngày một thêm quang-minh tỏ-rạng. Dẫu ở thành-phố hay quanh vùng tỉnh-thành, ta không thể nào lại không nhận-thấy được những sự kết-quả lớn-lao về khoa vệ-sinh nuôi trẻ. Nếu ở trong các tỉnh, sự kết-quả đó chưa to-tát mấy, song cũng không phải là không đáng ngợi-khen, và sự tấn-tới cũng mở-mang nhanh-chóng chẳng kém gì ở các nơi dưới quyền trực-tiếp các quan y-tế.

Nay tưởng đến những công-việc khó-nhọc cùng những vật-liệu hiếm-hoi của các người khai-đường mở-lối khi xưa thì sự cải-cách chủng-loại ấy hiển-hiện ra như một sự kỳ-diệu mà quả-nhiên đã là một công-cuộc mở-mang lợi-ích hơn cả của ta vậy. Đó là một sự tiến-bộ hữu-ích nhất mà ta đã đạt-thành kết-quả, mà dân-sự đã đồng-thanh thực bụng tỏ ơn cùng ta hơn hết ; sau nữa đó lại là một sự tiến-bộ mà ta cần phải để ý mở-mang cho hoàn-mỹ ; vậy muốn thế, ta phải giúp tâm-lực những người đã đạt-thành công-việc cho ta đến thế, hoặc về phương-diện vật-chất, hoặc về phương-diện tinh-thần mới được.

Ngày nay những người già-lão tưởng như không bao giờ chuyển lòng được cũng nhiệt-thành cổ-động cho y-khoa, bệnh-viện ta vì đã được chứng-nghiệm kết quả rành-rành, thì ở các làng nhỏ-mọn, dân-sự cũng phải biết bỏ những cách trị-bệnh cổ-xưa hủ-lậu, những lối tin-sằng hiểm-độc gian-nguy mà thực lòng noi theo những phương-pháp vệ-sinh nuôi trẻ của ta gắng sức dạy-dăn cho ấy. Không phải rằng những ông lang-y Tây cùng những người Nam giúp-đỡ chỉ

de province, aujourd'hui, qui ne soit parcourue par nos médecins ; plus de grand centre qui ne soit pourvu de dispensaire ou de clinique gratuite où les malades aient la certitude de trouver avec les soins que nécessite leur état, les médicaments nécessaires à leur guérison, ainsi que les conseils d'hygiène dont l'observation s'étend de plus en plus.

Mais c'est surtout au point de vue de l'hygiène infantile que l'on peut constater une amélioration étonnante. Ceux qui ont connu le Tonkin d'il y a vingt ans, sont surpris — quoique n'ignorant rien des efforts accomplis — des changements survenus à cet égard dans l'état de la population. Changements heureux, je prends plaisir à le dire, et qui s'accentuent chaque jour. Que ce soit en ville ou dans la banlieue des grands centres, il est impossible de ne pas remarquer les résultats considérables réalisés, en puériculture. Si dans les provinces, ces résultats ne sont point tout à fait aussi importants, ils sont néanmoins appréciables, et le progrès s'étend, aussi rapide que dans les localités placées directement sous la direction des médecins.

Cette rénovation de la race, véritable miracle quand on songe au patient labeur qu'elle a exigé et au peu de moyens dont purent disposer ceux qui ouvrirent la voie, représente, incontestablement, le meilleur de notre œuvre. C'est le progrès le plus utile que nous avons réalisé, celui dont la population nous est le plus unanimement, le plus sincèrement reconnaissante : celui, enfin, au perfectionnement duquel nous devons nous consacrer en aidant, par l'attribution des moyens matériels et moraux indispensables, le dévouement de tous ceux à qui nous sommes redevables des améliorations déjà acquises.

De même que, par les constatations qu'ils ont pu faire, des vieillards que l'on eût pu croire irréductibles, se font aujourd'hui les propagandistes fervents de notre médecine et de nos établissements hospitaliers, il faut que, dans les moindres villages, les habitants, enfin convaincus, renoncent à leurs pratiques empiriques, à leurs méthodes, à leurs superstitions dangereuses pour se soumettre de bon gré aux règles de puériculture que nous nous efforcons de leur enseigner.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

chuyên mở mang về đường vệ-sinh phổ-thông mà ta rất nên ghi-nhớ mà thôi, các ngài lại nhờ các cô-đỡ An-nam phụ-trợ mà đem hết tài-lực cải-lương khoa vệ-sinh nuôi trẻ ; các cô đỡ ấy rất nhiều và cũng hoàn-toàn tư-cách làm phận-sự mình đối với xã-hội lắm.

Bây giờ hầu hết các nơi tỉnh-lỵ đâu đâu cũng có một nhà hộ-sinh dưới quyền quan thầy-thuốc ở đó trông nom. Nhất là ở miền Trung-châu, nhiều làng đã trích tiền công ra lập nhà hộ-sinh để cô-đỡ có văn-bằng bổ về coi-sóc. Những kết-quả ấy tức là một cách cổ-động rất hay cho ta, còn như những công việc hữu-ích vì cái ý-kiến riêng kia đã lập thành thì hiện nay rất nhiều nơi noi gương bắt chước. Việc lập « Ấu-trĩ-viên » tuy mới trong buổi sơ-đầu mà đã chỉ thấy có thanh-lương ích-lợi thôi. Nói tóm lại, ở đâu cũng thế, sau cái thời-kỳ cứ đành sao chịu vậy, hay cứ phản đối ngấm ngầm thì người Nam nhờ thấy những kết-quả hoàn-toàn của bên nước lân-bang sớm tỉnh-ngộ hơn, đã biết thực-tâm chú-ý, hăng-hái mở-mang những y-viện mục-đích bảo-hộ cho đàn trẻ thơ, nghĩa là bảo-hộ cho cái thân-thể chúng, vì chúng đã bao lâu nay làm mồi cho muôn ngàn thứ bệnh gớm ghê, mà những thứ bệnh ấy đã cổ-nhiên là rất có thể tránh khỏi được.

Chính-phủ Bảo-hộ cũng hiểu rõ rằng việc đi khai-hóa văn-minh ấy là có thế-lực ích-lợi nhiều. Vì vậy, Chính-phủ rất rộng lòng tùy theo cái sức kinh-tế có thể được đến đâu thì cũng mở mang các bệnh-viện ra đến đấy, là vì kinh-tế còn cần phải san-sẻ đi nhiều vấn-đề khác nữa. Ngay như người An-nam với nhau cũng đã nhờ có một vài nhà nhân đức thông minh nhiệt-thành cổ-vũ mà các làng đã có sáng-kiến hoàn-hảo. Nào là nơi giầu-có thì xin Chính-phủ cho phép lập hộ-sinh, bệnh-viện là những sở tối cần, còn các nơi kém phần phong-phú thì cầu Chính-phủ giúp đỡ, Chính-phủ cũng không mấy khi làm lơ chẳng giúp. Lời nói hay đã nẩy mầm, việc làm quả-quyết rắn-rỏi của các quan thầy-thuốc đã thấy kết-quả rõ-ràng, ta có thể nói được

Si nos médecins français et leurs auxiliaires annamites ont réussi à obtenir, au point de vue de l'hygiène générale, les progrès énormes que nous pouvons tous enregistrer, ils ne manquent pas de s'attacher avec autant de science et de zèle, à rénover la puériculture, aidés par les sages-femmes indigènes, nombreuses, elles aussi, et parfaitement aptes à remplir avec succès le rôle social qui leur est assigné.

Presque tous les chefs-lieux de province sont actuellement dotés d'une maternité, fonctionnant sous la direction du médecin régional. Dans le delta surtout, de nombreux villages ont fait établir à frais communs des maternités desservies par des sages-femmes diplômées. Les résultats obtenus constituent la meilleure des propagandes et ces actes si utiles de l'initiative privée, trouvent d'ores et déjà des imitateurs nombreux. L'œuvre des jardins d'enfants à peine à ses débuts, a fait jusqu'ici une besogne aussi saine qu'utile. De toutes parts, en un mot, après une longue période de passivité ou de sourde résistance, les préoccupations des Annamites, encouragés par les succès obtenus sous leurs yeux par des voisins mieux inspirés, se manifestent avec une louable activité dans le sens du développement intensif de ces institutions destinées à assurer à l'enfance la meilleure protection qui soit: celle d'une existence trop longtemps menacée par une foule de maux dont l'évidence prouve, d'une façon éclatante, qu'ils sont facilement évitables.

L'administration locale a parfaitement compris le puissant intérêt que présente cette partie d la mission civilisatrice. Avec une générosité dont il faut lui savoir gré, elle facilite ces créations d'institutions hospitalières, suivant un programme dont chaque année s'exécute une part aussi large que le permettent des possibilités financières sollicitées par tant d'autres questions. Chez les Annamites eux-mêmes, grâce à l'impulsion donnée par quelques hommes aussi généreux qu'éclairés, l'initiative des villages agit de la façon la plus heureuse. Tandis que les plus favorisés sollicitent l'autorisation de créer pour les accouchées et pour les nouveaux-nés ces maternités, ces cliniques, ces asiles si utiles, d'autres, moins riches, font appel à l'administration qui rarement tarde à leur donner

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

rằng dẫu ta ngẫu-nhiên vô-ý mà nhầm-nhỡ một vài điều đáng tiếc về sự ấy, công-cuộc đạt-thành kia cũng vẫn làm vẻ vang cho ta nhiều hơn cả.

Ta tự bắt ta phải có phận-sự làm cho dân tộc An-nam thành một dân-tộc sứng-đáng với lịch-sử của giống-nòi để mở-mang trong đường tiến-hóa với nhân-loại, vì dân-tộc ấy có những tư-chất thông minh và tính tốt hiền-nhiên bắt buộc phải tiến-tới. Muốn vậy, tưởng không gì bằng ta phải trông coi đến đàn ấu-trĩ, thì đàn ấy sau lớn lên mới có đủ lực sứng-đáng mà lợi-dụng cái tư-chất thông minh và các tính tốt của dân-tộc ; vì không có sức ấy, việc mở mang đường xã-hội tinh-thần không thể sao hoàn-mỹ được. Nhưng việc là việc to, mà muốn cho hoàn-thành không phải là chóng. Ta còn phải làm nhiều việc lắm mới đạt tới cái mục-đích đại nhân nghĩa mà ta đã đảm-đang ấy. Nghĩa là ta phải tùy theo cảnh-ngộ bắt buộc mà biết hi-sinh quyền-lợi cho người ; đó là một môn chính-trị cao-thượng nhất mà ta có thể đem thực-hành tại xứ này vậy.

Hãy chăm-chỉ làm nghĩa-vụ cho hoàn-toàn, chớ có bao giờ mong lợi-lộc.

Đừng làm nghĩa-vụ để lấy lợi lộc, nhưng chớ vì thế mà trốn-tránh không làm nghĩa-vụ.

Khốn-nạn cho những kẻ cầu-mong khen-thưởng !

(Bhagavad-Gita, 2, 47 và 49.)

satisfaction. La bonne parole a germé ! L'action persuasive et patiente de nos médecins a porté ses fruits et l'on peut dire que, si nous avons par ailleurs commis, de la meilleure foi du monde, d'ailleurs, des erreurs regrettables, sous ce rapport du moins, l'œuvre accomplie nous fait le plus grand honneur.

Nous nous sommes donné pour mission de faire de l'Annamite un peuple digne de son histoire, digne de remplir dans l'évolution mondiale, le rôle que lui assignent son intelligence et ses indéniables qualités. Nous ne pouvions mieux l'y préparer qu'en veillant de près sur ses enfants, c'est-à-dire sur ceux qui, plus tard, pourront mettre au service de cette intelligence et de ces qualités, une santé physique parfaitement équilibrée, sans laquelle leur développement social ne saurait être complet. Mais la tâche est vaste et loin d'être achevée. Il reste encore, au contraire, beaucoup à faire pour atteindre au but si humain que nous nous sommes assigné. Il nous appartient de faire, pour cela, tous les sacrifices que peuvent exiger les circonstances. C'est la meilleure de toutes les politiques que nous puissions suivre en ce pays.

Sois attentif à l'accomplissement de tes œuvres, jamais à leurs fruits.

Ne fais pas l'œuvre pour le fruit qu'elle procure, mais ne cherche pas pour cela à éviter l'œuvre.

Malheureux sont ceux qui aspirent à la récompense !

(Bhagavad Gita, 2.47 et 49)

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Một bức thư nên suy-nghĩ

Của Dominique **Tcheng**

Dưới có tiếp thêm một bức thư trả lời của Etienne **Tsu**.

Báo « *Courrier d'Haiphong* » ngày 14 Octobre 1923 có đăng một bài nhan-đề là « Một bức thư nên suy-nghĩ », bản-chí xin trích-dịch một vài đoạn ra sau đây. Tuy bức thư ấy có nhiều điều quá-đáng, song cũng lắm ý đích thực có thể dạy cho thiếu-niên Việt-nam ta biết giữ mình khỏi nguy khốn về tính ích-kỷ, tính gian-tham và lại biết nhân đó học được ít nhiều bài ích-lợi về những sự đã sảy ra ở bên nước lân-bang ta nữa. Ta coi gương đó có thể thấu hiểu thêm rằng ta đội ơn rất lớn của nước Pháp và ta còn nhờ nước Pháp, còn nhờ ở ta mà hi-vọng nhiều sự mở-mang khác nữa, nhưng ta phải biết tin ở nước Pháp để nước Pháp chỉ-dẫn cho mà hưởng-thụ những cách giáo-huấn của nước Pháp mới được.

Hải-phòng, ngày 11 Octobre 1923

Thưa ông chủ-bút báo « Courrier d'Haïphong »,

Xin ngài làm ơn cho tôi nhờ ngài vài cột báo để tôi được tỏ cho đồng-bào tôi biết một đôi sự đích-đáng như sau này:

Tôi vốn quê ở Nam-kinh, khi lên tám tuổi, cha mẹ tôi cho sang Pháp học, tôi ở bên ấy mãi đến năm 1920. Năm 1917 và năm 1918, tôi tòng-quân ở đội *Lê-dương* và đến năm 1920, sau khi tôi đã đậu bằng nông-phố kỹ-sư thì nhà tôi gọi về.

Tôi về nước nhằm hồi loạn-lạc năm 1920-1921. Nhà tôi bị tàn-hại cả cha tôi vì buồn-dầu mà tự-tận, hai chị tôi đâu mất không biết, anh em tôi thì bị giết hại, tất cả bảy người vừa khoẻ mạnh, vừa thông-minh, chỉ còn một tôi với em út tôi là đứa dã nhờ người Pháp cứu-trợ cho thôi. Người Pháp lại có lòng quảng-đại cho em tôi vào học một trường dòng để kiếm chút trí-thức tối-cần ở thời buổi nay. Thế là trong một nhà giầu-sang thịnh-vượng, còn trơ hai đứa con khốn khổ này thôi.

Une lettre à méditer

par Dominique **Tcheng**

Suivie d'une réponse de **Etienne Tsu**

Nous donnons ci-dessous quelques extraits d'un article publié sous ce titre dans le " *Courrier d'Haiphong* " du 14 Octobre dernier. Malgré quelques exagérations, il contient des constatations fort intéressantes pour notre jeunesse annamite qui ne saurait trop être mise en garde contre les méfaits de l'égoïsme, de l'ambition et de la cupidité et qui doit tirer d'utiles enseignements de ce qui se passe chez nos voisins. Puissent de tels exemples nous faire comprendre encore tout ce que nous devons à la France et tout ce que nous pouvons espérer d'elle et de nous-mêmes si nous savons profiter de ses enseignements en nous laissant guider avec confiance.

Haiphong, le 11 Octobre 1923

A Monsieur le Directeur du Courrier d'Haiphong,

Je vous serai très reconnaissant de m'accorder l'hospitalité de vos colonnes, afin de me permettre de faire connaître à mes très nombreux compatriotes quelques vérités.

Originaire de Nam-kin, je fus envoyé en France dès l'âge de huit ans par ma famille afin de faire mes études ; je restai en ce noble pays jusqu'en 1920 ; en 1917 et 1918 je servis à la Légion et en 1920 ma famille me rappela, après que j'eus obtenu mon diplôme d'ingénieur agronome.

Je revins en mon pays, lors des troubles de 1920-1921. Ma famille fut ruinée, mon père se suicida de douleur, mes deux sœurs disparurent, mes frères ont été massacrés. De sept garçons pleins de santé, instruits, il ne reste que moi, et mon plus jeune frère, à qui des mains françaises portèrent secours, et qui grâce à ces cœurs généreux que sont vos compatriotes, reçoit dans un établissement religieux l'instruction indispensable aujourd'hui ; d'une famille riche, et prospère, il ne reste que deux malheureux fils.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Nay tôi đi qua quý thành-phố, vì tôi lại trở sang Pháp, mà có lẽ tôi ở mãi bên ấy, nhân đêm hôm nọ tôi thấy rước-sách linh-đình, nào đèn, nào pháo, nào thanh-la, nào chũm-chọe, v. v. thì tôi không thể sao lại không lấy làm ngạc-nhiên một cách đau-đớn và khinh-bỉ cho được.

Chẳng hay họ mừng ai? họ mừng gì thế?

Cứ như các ngài là người Pháp, các ngài ăn mừng ngày 14 Juillet là ngày khai-sáng ra cái thời-kỳ mới-mẻ, ra cái tự-do, phát-minh ra bao sự kỳ-diệu mà ta được hưởng dụng ngày nay thì là sứng-đáng lắm.

Lại ngày 11 Novembre, các ngài kỷ-niệm sự kết-liễu vẻ-vang của một cuộc tranh-chiến gớm-ghê xưa nay có một ở dưới giời và sự toàn-thắng của công-lý đối với cường-quyền mọi-dợ không hai ở trên đất, kỷ-niệm như thế cũng là đích-đáng lắm, và ai là người cũng có bổn-phận vui-mừng.

Nhưng mà chúng tôi là người Trung-hoa đây, chúng tôi lấy lẽ gì mà vui-mừng riêng được? Chúng tôi há lại vô-lương-tâm đến thế ư ? !

. . . . . .

. . . . . .

Thật là ở đâu mà có phấp-phới bóng cờ ba sắc thì nhân-dân ở đấy được sung-sướng; cứ nhìn thấy mặt-mũi đầy-đà, áo-quần sạch-sẽ của họ là cái biểu-chứng cho sự thịnh-vượng kia thì ta chỉ có một điều là tạ-ân Giời đã sinh ra nước Pháp thôi.

Nhưng chẳng hay những người Trung-hoa phất cờ ngũ-sắc có nghĩ như thế không, hay họ còn chưa biết đến cái ân-đức của Đại-quốc đã cho họ được no-ấm ấy?

Ôi, Giá mà họ được xem như trong một cái dây-ảnh những thảm-trạng hiện-thời của Trung-hoa là nước văn-minh cũ nhất thế-giới mà cứ dần-dần quay lại dã-man cổ-lỗ thì hay lắm nhỉ!

Khắp cả nước loạn-lạc, lính-tráng thì táp-nham rách-rưới, toàn-thị giết-dóc phá-hại những kẻ lương-dân, tướng-tá thì phần nhiều mới hôm qua là phường cướp-giặc đáng khinh,

De passage en votre ville, car je retourne en France, et pour toujours je crois, ce n'est pas sans une douloureuse surprise mêlée d'indignation que j'ai vu l'autre soir, cette brillante procession, lanternes, pétards, gongs, etc...

Et en l'honneur de qui ? et pour quoi ?

Que vous, Français, fêtiez le 14 Juillet, qui fut l'aurore des temps nouveaux, de la Liberté, créatrice de toutes ces merveilles dont nous profitons aujourd'hui, oui, cela se comprend.

Que le 11 Novembre, vous commémoriez la fin glorieuse de la plus terrible des guerres que le monde ait vues et la victoire du Droit sur la force la plus brutale qui soit, cela est juste, et tout homme ne fait que son devoir de participer à cette fête.

Mais nous, Chinois, de quoi pouvons-nous nous réjouir ? Se peut-il que nous soyons inconscients à ce point.

. . . . . .

. . . . . .

Oh ! Comme on est bien par tout où flotte le pavillon tricolore ; à voir ces figures pleines, ces vêtements propres, indices de prospérité, on ne peut que remercier le Ciel d'avoir créé une France.

Mais y pensaient-ils ces Chinois agitant des drapeaux aux cinq couleurs, et se doutent-ils de la reconnaissance qu'ils devraient avoir pour la Grande nation, qui leur permet de manger à leur faim ?

Ah ! s'ils pouvaient voir comme sur un film, des scènes de la vie actuelle en Chine, dans notre vieille patrie, la plus ancienne civilisation du monde, retournant de plus en plus à la barbarie de la préhistoire.

L'anarchie partout, la vile soldatesque en haillons pillant et massacrant les gens inoffensifs, des chefs, hier encore pour la plupart d'immondes bandits, affublés d'oripeaux voyants

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

mà hôm nay đã áo-quần lòe-loẹt một cách khó-coi, trước ngực đầy những bội-tinh kim tiền, chỉ bệ-vệ vẫng-lai những nơi đê-tiện thôi. Sự-thể bây giờ là như thế đó.

Từ trên chí dưới, toàn là hư-hỏng, kém-hèn, độc-ác, kẻ này được cầm quyền thì chỉ chủ lèn đẫy túi cho đến khi đứa khác lên tiếm-vị cũng chỉ cốt nhồi đầy họng thôi.

Xem cái cảnh-huống ấy nếu mà một ngày kia không có những người đảm-lực hiện ra nói rằng : « Thôi, đừng giết-hại nhau như thế nữa ! » thì người ta cũng lượng biết cái tương-lai rồi đến thế nào vậy.

. . . . . .

. . . . . .

Đâu đâu cũng chỉ những đói-kém, đi trên bộ hay dưới thủy cũng không được yên, những người trên thì chẳng biết kính-trọng công-lý, chỉ lấy thế gươm-đao của bọn quân-lính trước kia là trộm-cướp khốn-nạn mà tiềm quyền để hiếp-chóc đồng-bào thôi. Ấy là cái nỗi khổ-thống của chúng tôi đó.

Chẳng còn gia-đình cơ-nghiệp nào được yên-ổn nữa, đâu đâu cũng chỉ thấy những sự đánh-đuổi nhân-dân, tịch-biên của cải, và bắt hiếp đàn bà là những sự khốn-nạn thường-thường.

Đến như giáo dục cũng chẳng còn : con trẻ nhớ bẩn, thường chẳng biết chữ gì mà hầu hết lại tự xưng mình là học sinh, nhưng chính ra chỉ đến trường làm loạn và sấc-láo với thầy giáo thôi. Hễ đâu có rối-loạn chúng cũng đứng đầu, vì chúng chỉ tự-cậy là tuổi thanh-niên để đòi quyền trị nước bằng sắt lửa và để ăn chơi cho thỏa-thích thôi.

. . . . . .

. . . . . .

Hỡi các người Trung-hoa thực-thà ở Hải phòng này, nếu các người được thấy mặt-mũi gầy-còm của đồng-bang khốn nạn còn sống sót ở trên thế-giới của người da vàng thì chắc các người phải đứt từng khúc ruột. Ước gì các

(1)-Đoạn này là Tòa Soạn chúng tôi chú-chỉ.

et trônant dans les mauvais lieux, rutilants de croix et de dorures, voilà ce qui est.

Du haut en bas la corruption, l'incapacité, l'inhumanité et le désir de s'emplir les poches pendant le passage au pouvoir, en attendant d'être jetés dehors par de nouveaux personnages, avides de se gaver.

Dans ces conditions, on conçoit aisément ce que sera l'avenir, s'il ne se trouve un jour des hommes énergiques pour intervenir et dire : Halte-là, assez de sang, assez de crimes !

. . . . . .

. . . . . .

La faim partout, l'insécurité sur les routes et les cours d'eau, l'oppression chez ceux qui, au mépris du droit des gens, appuyés sur les baïonnettes de sordides bandits devenus soldats, se sont emparés du pouvoir, voilà ce dont nous souffrons.

Plus de famille, plus de propriété possible, expulsions, confiscations de biens, rapt de filles, c'est monnaie courante.

Plus d'instruction : des gamins morveux, souvent illettrés ou presque se disant étudiants, mais n'allant aux écoles que pour faire du chahut, insulter leurs maîtres, et toujours aux premiers rangs dans les émeutes, prétendant avec la fougue du jeune âge, gouverner le pays, par le fer et la flamme, et vivre agréablement dans le plaisir. (1)

. . . . . .

. . . . . .

Braves Chinois de Haiphong, si vous pouviez voir les figures hâves des malheureux restés là-bas, sur ce vaste continent jaune votre cœur se serrerait ; si vous pouviez voir nos pagodes vidées de leurs objets cultuels, vendus à l'ancan, les pagodes

(1) C'est nous qui soulignons (**Rédaction**)

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

người được thấy những chùa-miếu, cái thì giống không, vì bao những đồ đạc thờ tự bán đấu-giá hết, cái thì đẹp nhất, cổ nhất mà cũng bị hủy-phá, bao nhiêu đồ gỗ chạm-chỗ tinh-vi đều bán cho quân hàng sách tàn nhẫn, mà cả đến những vật-liệu làm chùa cũng không để yên. Còn sư-mô chạy trốn tán-loạn phần bị giết, phần bị đánh đuổi một cách hung tàn.

Nếu tôi hết sức kể vắn tắt ra đây tất cả những tội-ác cùng những cách thu thuế hà-hiếp mà tôi đã từng nghe thấy hay trông thấy trong khoảng ba năm mới rồi thì cũng không thể nào cho hết được.

. . . . . .

. . . . . .

Khi tôi nói rằng đồng-bào tôi được tự-do bao nhiêu ở dưới bóng cờ ba sắc bất-cứ là ở Đông-Pháp hay ở đâu, thì ai ai cũng thèm-muốn mà vẫn thở dài than. Họ bảo rằng thế là những người ấy được biết cái lạc-thú ở trên thiên-đường vậy . . . . . .

. . . . . .

. . . . . .

. . . . . .

Dominique Tcheng

* * *

Cách ít lâu nữa (là ngày 9 Novembre), báo «**Le Courrier d'Haiphong**» lại đăng một bức thư trả lời bài trên. Bản-chí tưởng rằng bài này ít ra cũng có ý nghĩa thấm-thía lắm, vậy bản-chí dịch cả nguyên-văn ra sau đây.

Thưa ông Chủ-bút báo «Le Courrier d'Haiphong»,

Trong số báo ngày 14 Octobre của ngài có đăng một bài nhan-đề : « Một bức thư nên suy-nghĩ », soạn-giả là ông Dominique Tcheng, người Trung-hoa. Bức thơ ấy làm cho tôi ngơ-ngẩn cả người, buồn dầu cả dạ, nhưng tôi cũng cố-trì đợi qua giăm bẩy bữa mới trả lời để khỏi ra lời tức-giận. Nhưng trước hết, tôi xin nói để ngài biết rằng quê tôi ở Thượng-hải, cha tôi làm mại-bản một nhà ngân-hàng

les plus belles, les plus anciennes, démolies, et les bois sculptés, vendus à de rapaces courtiers, leurs matériaux même vendus également. Quant aux bonzes, ils ont fui, massacrés ou chassés sans merci.

Je n'en finirais pas s'il me fallait raconter, même le plus succinctement possible, tous les crimes, les exactions dont j'ai entendu parler ou que j'ai vus pendant ces trois dernières années.

. . . . . .

. . . . . .

Que de soupirs d'envie quand je disais de quelle liberté jouissent nos compatriotes vivant à l'abri du pavillon tricolore, que ce soit en Indochine ou ailleurs. Ils connaissent les jouissances célestes, me disait-on. . . . . .

. . . . . .

. . . . . .

. . . . . .

Dominique Tcheng

* * *

Quelques jours après (le 9 Novembre), " **le Courrier d'Haiphong** " publiait une nouvelle lettre, réponse à la première. Nous la reproduisons « in-extenso » pensant qu'elle est au moins aussi féconde en enseignements.

A Monsieur le Directeur du « Courrier d'Haiphong »,

Dans votre numéro du 14 Octobre a paru sous le titre « Une lettre à méditer » une lettre écrite par un Chinois du nom de Dominique Tcheng. Cette lettre m'a frappé d'une douloureuse stupéfaction, mais c'est volontairement que j'ai attendu plusieurs jours avant de me décider à y répondre, pour être bien sûr de garder dans cette réponse le sang-froid et le calme nécessaires. Avant tout, laissez-moi vous

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Đại-Pháp. Tôi học chữ Pháp tại Trung-hoa rồi tôi sang ở bên Pháp 14 năm. Tưởng như thế, tôi cũng đã yểm-nhiễm được chẳng những cái đặc-sắc văn-chương, mà cả cái tinh-thần phong-tục của các ngài như một người ngoại-quốc có thể yểm-nhiễm được nữa.

Tôi xin nói thêm rằng tôi đã làm phi-tướng xung chức quan-hai trong đạo quân nước Pháp và đã được ân-thưởng chiến-thứ bội-tinh và ba lần tưởng-lệ.

Thưa ngài, tôi kể tất cả những sự đó không phải để tôi khoe-khoang một cách dơ dáng đâu, cốt để tỏ cho ngài biết rằng tôi mà phiền ngài mấy cột báo để đáp lại bức thư kia, chẳng qua chỉ là cái quyền sứng-đáng của tôi được thế vậy. Tôi không nhớ ai đã nói rằng mỗi người có hai nước : nước mình với nước Pháp, nhưng lời nói ấy quả đúng. Tôi chỉ thưa vắn-tắt để ngài biết rằng tôi thành-kính mà mến-yêu quý-quốc một cách sâu-xa thôi. Nhưng tôi là người Trung-hoa, tôi không thể nghe một người tự-xưng là dân Trung-hoa chửi rủa bêu diếu tàn-nhẫn lá cờ Trung-hoa, nói tóm lại là tôi không thể nào xem tất cả bức thư ấy mà lại không lấy làm khinh-bỉ thậm tệ cho được.

Tôi nguyên cũng biết rằng nước tôi đang qua một cái thời-kỳ đại nguy-kịch. Cứ theo ý tôi, tôi chẳng cần sát khảo lâu lai gì về những nguyên-cố đã sinh ra cái thời-kỳ nguy kịch ấy cũng có thể nói ngay để ngài được biết rằng cái gốc mà có lẽ cái gốc lớn nhất của nó, ấy là cái lòng không yêu nước vậy. Nhưng cái lòng yên nước ở đời nay là cái lòng đoàn-thể của cả toàn-dân trong một nước. Lịch-sử đủ chứng cho ngài rõ rằng đến ngay nước Pháp cũng mất bao nhiêu thế-kỷ mới có được cái lòng ấy.

Anatole France tiên-sinh đã có một lần nói rằng : khi người đội sai lính điểm quân, ấy là dạy cho lính biết cái yếu-lược của sự liên-đoàn là căn-nguyên của lòng ái-quốc đó. Vậy thì phải bao nhiêu năm giời nữa cho nước tôi rộng-lớn như thế có được cái điều yếu-lược ấy?

Ông Tcheng đã lấy giọng rỏi-hờn nóng-nẩy mà ngỏ lời ta-thán ở trong quý báo. Ông mất cả cha mẹ anh em, ruộng-nương nhà cửa ; cảnh ông như thế, tôi rất thành-tâm chia

dire que je suis Chinois de Shanghai, fils du compradore d'une Banque française. J'ai reçu en Chine une instruction française, j'ai passé 14 ans en France. Je crois avoir assimilé autant qu'il est possible pour un étranger, non seulement les finesses de votre langue, mais encore votre esprit et vos mœurs.

J'ajoute que j'ai servi comme lieutenant aviateur dans l'armée française et que j'ai la croix de guerre avec trois citations.

Tout ceci, Monsieur le Directeur, non pour manifester une vaine fatuité, mais pour vous montrer qu'en vous demandant l'hospitalité de vos colonnes pour répondre à la lettre en question, je ne fait qu'user d'un droit très légitime. Tout homme, a dit je ne sais plus qui, a deux patries : la sienne et la France. Et ceci est vrai. Je vous dirai tout simplement que j'aime votre pays, profondément, sincèrement, respectueusement. Mais je suis Chinois et il m'est impossible d'entendre dire par un de mes compatriotes ou soi-disant tel, le ramassis d'ignominies, les basses injures au Drapeau chinois, bref tout ce que contenait sa lettre, sans bondir d'indignation.

Je reconnais bien franchement que mon pays traverse une crise terrible. Sans vouloir entrer dans une étude prolongée des causes de cette crise, laissez-moi vous dire qu'à mon avis, un des gros facteurs sinon le plus important est l'absence de patriotisme. Mais le patriotisme moderne est basé sur l'unité du pays. L'histoire vous apprend que pour le créer, ce sentiment, il a fallu, rien que pour la France, des siècles.

Anatole France, quelque part, dit que lorsque le sergent intructeur fait compter ses hommes, il leur donne, en ce faisant, la première idée de la cohésion, base du sentiment patriotique. Combien de temps faudra-il à mon immense pays pour acquérir cette notion ?

M. Tcheng a exprimé dans votre journal en termes violents ses griefs. Il a eu des parents tués, sa fortune perdue. Je compatis bien sincèrement à ses malheurs. Mais s'il y a des gens

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

buồn với ông. Nhưng ta chỉ nên oán-trách những nhà tướng-soái cùng đồng-đảng của họ, chớ sao ta lại oán-trách nước-nhà được. Nay nước chúng tôi thực là ít người thông-minh tài cán.

Như nay ông ấy đã được hạnh-phúc hưởng-thụ giáo-hóa Pháp-học và nhân đó có thể ích-lợi cho nước nhà được, ấy thế mà tới lúc từ-biệt ra đi lại làm nhơ-nhuốc lá cờ của tổ-quốc thì xin hỏi ý ngài nghĩ cho là người thế nào? Giá mà ông ấy cứ ở nhà làm việc giúp nước cho thành công quả thì chẳng hay hơn lắm ru? Mẹ mình dù dở đến đâu, mình cũng vẫn yêu-mến, vậy đối với nước mình cũng thế. Bỏ nước trong khi nước đang bị gian-nan nguy-khốn mà lại ngạo-mạn cái danh của nước thì thật là một cách đê-hèn quá đáng lắm vậy. Quốc-dân Trung hoa còn non-nớt, mà muốn gây-dựng một quốc-dân Đại-Pháp thì đã phải mất một trăm năm, vậy thiên-hạ há không cho quốc-dân chúng tôi chịu cái kỳ-hạn ấy được sao?

Nhưng dù thế nào mặc lòng, tôi vẫn còn không chịu những lời-lẽ và ý-tứ ở trong bức thư của ông Tcheng đã viết.

Tôi coi sự kỷ-niệm dân-quốc của người Trung-hoa ở Hải-phòng là một sự tỏ lòng ái-quốc cảm-động lắm, vì tôi cho rằng bất-cứ cờ Trung-hoa hay cờ Đại-Pháp cũng phải tôn-trọng như cái biểu-hiệu của tấm lòng ái-quốc vậy.

Thưa ngài, tôi lại nhân đây được tỏ cùng ngài một lần nữa cái cảm-tình của tôi đối với nước Pháp.

Thư tôi khí dài, ngài cũng rộng lòng tha-thứ cho, vì tôi viết thư ấy là do theo một khối tình quý nhất là khối tình thờ nước nó đã rung-chuyển tấm lòng người ta nhưng rất tiếc rằng ông Tcheng không chia-sẻ tấm tình ấy với tôi.

Tôi xin thành-tâm cảm-tạ và cảm-phục ngài một cách đặc-biệt.

Etienne Tsu

à blâmer, ce sont des individus, chefs militaires et leur clique, et non le pays lui-même. Mon pauvre pays manque de gens instruits.

Comment appelez-vous ce Monsieur qui, ayant eu la chance de recevoir une éducation française et par là acquis la possibilité d'être utile à son pays émigré? et son dernier geste en quittant la Chine est de salir son drapeau. Ne ferait-il pas mieux de rester à son poste et de tâcher de travailler dans sa sphère à l'œuvre commune? On aime toujours sa mère, quels que puissent être ses défauts, il en est ainsi de sa patrie. L'abandonner en la calomniant, dans les jours d'épreuve est une lâcheté. La République chinoise est jeune. Pour créer la vraie République française, il a fallu cent ans. Ne peut-on nous faire crédit?

Quoiqu'il en soit, je proteste encore une fois contre les termes et l'esprit de la lettre de M. Tcheng.

Je considère que la manifestation des Chinois de Haïphong célébrant leur fête nationale est un symbole touchant, et que le drapeau de la patrie, chinoise ou française, doit être respecté, comme l'emblème de notre amour pour notre pays.

J'en profite, Monsieur le Directeur, pour vous affirmer encore une fois, mon attachement à la France.

Vous voudrez bien excuser la longueur de cette lettre, qui m'a été inspirée par un des plus nobles sentiments qui animent les hommes : l'amour et le culte de sa Patrie, sentiment que je regrette vivement de ne pas voir partagé par M. Tcheng.

Veuillez agréer avec mes remerciements, Monsieur le Directeur, l'assurance de ma considération la plus distinguée.

Etienne Tsu

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Kiếp đi đầy

(Trích ở sách « *Paroles d'un croyant* »)
của **Lamennais** Tiên-sinh
Nguyễn-Bân dịch ra vận-văn

Mặt-giời gác núi phương tây,
Nhà ai khói tỏa dưới cây bên rừng ?
Cha con xum-họp quây-quần,
Vợ-chồng êm-ái muôn phần sướng thay !
Có ai thương kẻ đi đầy ?
Một thân lạnh-lẽo cơn may đêm trường !

Buồn trông quanh khắp bốn phương :
Mây kia bão đuổi biết đường nào đi ?
Thân ta lưu-lạc khác gì,
Chìm-chìm nổi-nổi biết đi nơi nào ?
Thương mây gió bão quấn-cào,
Thương thân trôi chẩy biết vào nơi đâu !

Gió mây như gợi cơn sầu,
Nhìn xem phong-cảnh giải sầu được chăng ?
Bao hoa xinh-đẹp như giăng,
Bao cây xanh-tốt như măng đương thời,
Người trông thấy cảnh tươi cười,
Riêng ta đất khách quê người vui sao ?

Tủi thân nước mắt tuôn dào,
Nhớ xưa cố-quốc biết bao nhiêu tình. . .
Xa trông dòng nước uốn oanh,
Rì-rào nói với cỏ xanh trên bờ. . .
Gặp ta ra giáng hững-hờ,
Ta nghe giọng nước cũng ngơ ngẩn lòng.

L'EXILÉ

(Extrait des "*Paroles d'un croyant*")
par **Lamennais**
traduit en vers annamites par **Nguyễn-Bân**

Lorsque je voyais, au déclin du jour, s'élever du creux d'un vallon la fumée de quelque chaumière, je me disais : Heureux celui qui retrouve le soir le foyer domestique et s'y assied au milieu des siens ! L'exilé partout est seul.

Où vont ces nuages que chasse la tempête ? Elle me chasse comme eux et qu'importe où ? L'exilé partout est seul.

Ces arbres sont beaux, ces fleurs sont belles ; mais ce ne sont point les fleurs ni les arbres de mon pays. Ils ne me disent rien. L'exilé partout est seul.

Ce ruisseau coule mollement dans la plaine ; mais son murmure n'est pas celui qu'entendit mon enfance : il ne rappelle à mon âme aucun souvenir. L'exilé partout est seul.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Hát đàn ai rạo bên sông,
Êm đềm như rót vào trong tâm-thần ;
Tiếng vang dục khách lại gần,
Mà ta luống những bâng-khuâng mơ-màng,
Lòng còn gửi đám mây hàng,
Thấy người ca xướng lại thương thân lìa !

. . . . . .

Nhà ai phúc-trạch đó kia ?
Ông bà con cháu sẻ-chia ngọt bùi. . .
Riêng ta than-thở ngậm ngùi,
Kiếp đời đầy-đọa bao mùi đắng-cay !...
Giời cao nông-nỗi có hay ?
Xa nhà lạc nước thân này bỏ sao !

* * *

Ta không cần chi khen thưởng, cũng chẳng mong gì tái-sinh thiên-đường ; nhưng ta chỉ cầu làm hạnh-phúc cho nhân loại, dẫn đưa những kẻ lạc đường soi sáng cho những kẻ ở nơi tối-tăm ngu-dốt, làm cho tiêu-tán mọi sự khốn-khổ đau-đớn ở chốn nhân-gian.

NHÀ PHẬT-GIÁO TẦU

Ces chants sont doux ; mais les tristesses et les joies qu'ils réveillent ne sont ni mes tristesses ni mes joies. L'exilé partout est seul.

. . . . . .

J'ai vu des vieillards entourés d'enfants comme l'olivier de ses rejetons ; mais aucun de ces vieillards ne m'appelait son fils, aucun de ces enfants ne m'appelait son frère. L'exilé partout est seul.

* * *

Je ne cherche aucune récompense, pas même à renaître dans le ciel; mais je cherche le bien des hommes, je cherche à ramener ceux qui sont égarés, à éclairer ceux qui vivent dans les ténèbres de l'ignorance, à bannir du monde toute peine et toute souffrance.

AUTEUR BOUDDHISTE CHINOIS

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

THÙ NGHỊCH VÀ ĐỒNG-MINH CỦA TA

Trích trong quyển « *Sois un homme* » của **Charles Wagner**
Đỗ-Quyên dịch ra quốc-ngữ

Đời người là một cuộc cạnh-tranh, sự ấy ta đã từng biết. Nhưng phàm trong một cuộc cạnh-tranh, ở ngoài sự lo quyết thắng, ta còn có các quân thù nghịch và những người đồng-minh với ta nữa. Quân thù-nghịch thì quấy rối và cản trở ta, khiến ta khó lòng làm hết bản-phận. Ngay lúc ta cần đem hết tài lực ra kháng-cự, những quân ấy đến sau lưng ta mà quấy-nhiễu cản-trở.

Còn như phái đồng-minh với ta thì không thế, đã giúp tài lại trợ-lực cho ta nữa. Xem trong cuộc cạnh-tranh sinh-tồn, người ta cũng có thù-nghịch với đồng-minh như thế.

Đó tức là một điểm tối-quan-trọng mà ta cần phải đàm-luận đến trong một lúc đây.

* * *

Trước hết, hãy nói về những kẻ thù-nghịch của ta đã. Những kẻ thù-nghịch làm cho người ta ăn ở mất bụng nhân-từ, mất đường chính-đáng thì hoặc là nội-tặc, hoặc là ngoại-thù. Nội tặc tức là những quân thù ở trong tâm-khảm, trong vọng-dục, trong trí-hướng ta. Sự ác ngoài mình nếu không có sự ác trong lòng đưa tay ra đón thì cũng dễ trị lắm. Một tỉnh bị vây, nếu chỉ phải chống-cự với giặc ngoài vây thì cũng không khó gì mới giải vây được. Nhưng nếu trong tỉnh lại có người thông-đồng với quân nghịch bên ngoài thì tỉnh-thể tỉnh-thành ắt là nguy-khốn. Đối với người ta cũng vậy, sự ác mà ta cần phải trừ đi thường lại hay kết-liên một cách bí-mật với nội-tình của ta. Đó tức là một điều khó giữ nhất.

Thế thì sự ác trong mình bởi đâu mà ngay từ thuở nhỏ ta thường cũng đã có, nhưng chính ta không tự làm ra bao giờ? Sự ác ấy phần nhiều là bởi gia-truyền đó.

Mỗi người là một kẻ kế-tự, khi sinh ra đã sẵn có cái ác-hướng rồi. Anh em chắc đã nghe người ta thường nói đến

NOS ENNEMIS, NOS ALLIÉS

Extrait de « *Sois un homme* » par **Charles Wagner**
Traduction en annamite par **Đỗ-Quyên**

La vie est une lutte, nous l'avons vu. Mais il n'y a guère de lutte où n'interviennent, à côté de l'obstacle à vaincre, toutes sortes d'ennemis et d'auxiliaires. Les premiers nous rendent la tâche plus difficile, nous harcèlent et nous entravent. Au moment même où nous aurions besoin de toutes nos forces pour soutenir le combat, ils viennent nous attaquer par derrière.

Les autres au contraire, nous assistent, nous soutiennent. Dans le grand combat de la vie, l'homme a, lui aussi, des ennemis et des alliés.

Voici donc un point très important qui va nous occuper un moment.

* * *

Parlons des ennemis d'abord.

Les ennemis qui empêchent l'homme de mener une vie juste et bonne, sont intérieurs ou extérieurs. Ils sont intérieurs quand ils sont en nous-mêmes, dans notre volonté et nos tendances. Le mal qui nous entoure serait plus facile à vaincre, s'il n'y avait pas, pour lui tendre la main, le mal en nous. Une ville assiégée se défend plus facilement, tant qu'il lui suffit de lutter contre les assaillants du dehors. Elle est bien compromise le jour où les ennemis ont des intelligences dans la place. C'est ce qui arrive avec l'homme. Le mal qu'il doit combattre a de secrètes intelligences dans son propre cœur. Voilà la principale difficulté.

D'où vient ce mal en nous, qu'il nous est possible de constater dès l'enfance, et qui n'est pas notre œuvre ? Il nous vient en partie de l'hérédité.

Chaque homme est un héritier. Il apporte, en naissant, des tendances mauvaises. Vous avez entendu parler souvent de

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

bệnh gia-truyền, như bệnh lao truyền sang con-cái. Một đứa trẻ mới sinh ra thường đã có trứng bệnh ở trong mình rồi. Vậy nên người ta cũng có những tính xấu gia-truyền như tính nghiện rượu, tính dâm-ô, tính tham-muốn, tính bủn-xỉn. Nhưng ta không phải chỉ là con một nhà riêng ta thôi, lại là con chung một nhà lớn gọi là Nhân-loại nữa. Mà bệnh gia-truyền của nhân-loại, người ta ai cũng công-nhiên bị mắc cả rồi, là sự độc-ác tự-nhiên đối với người đồng-chủng. Sự độc-ác ấy làm cho ta quên cả bổn-phận đối với đồng-bào, thành ra người thâm-thiểm, độc-địa, ích-kỷ, suốt đời chỉ phản-nghịch đạo Giời đã định, là cái đạo phải yêu-mến lẫn nhau. Bởi có nết xấu lớn đó, nên mới sinh ra có những nết xấu vặt khác.

Ngoài những quân nội-tặc nó tụ ở trong người ta, lại còn những quân ngoại-thù nó ở quanh mình ta nữa. Những quân này tức là những gương bất-chính, những thói bất-thiện vậy.

Vua Marc-Aurèle là vua mà ta rất ngợi-khen cái đời quí-hóa của ngài, có kể trong mấy trang sách cho ta biết rằng ngài đã học cách trị-dân sử-thế của những ai.

Ngài kể tổ-tiên cha-mẹ ngài, những người đại-gia trong nước với cả những người tôi-tớ hầu-hạ nữa. Ta hãy lắng tai nghe ngài đây :

« Ta vì noi gương đức tổ-phụ là Vérus mà học được tính ôn-hoà, lòng nhẫn-nại. Phụ-thân ta thì để lại cho ta cái lòng khiêm-tốn, cái chí anh-hào.

« Ta đem tâm cố học mẫu-thân lấy cái lòng hiếu-kính, cái bụng nhân-từ ; chẳng những theo người không làm điều ác mà thôi, lại không tưởng đến điều ác nữa. Ta lại bắt-chước người cái nết ăn ở sơ-thái chớ không quen thói xa-hoa của những nhà hào-phú.

« Ta nhờ tôn-sư mà học được tính biết chịu-đựng sự khó-nhọc, hạn-chế sự cần-dùng, làm-ăn tự tay lấy, không giây đến việc của người khác và ít khi để cho sự mật-cáo đê-tiện lọt vào trong nhà.

« Ông Diogénète làm gương cho ta cái tính khinh-ghét

maladies de famille. La tuberculose, par exemple, se transmet aux enfants. Un nouveau-né peut avoir en lui le germe d'une maladie. Il y a aussi des vices de famille, comme l'ivrognerie, l'impureté, l'envie, l'avarice. Mais nous n'appartenons pas seulement à notre famille particulière. Nous appartenons à l'humanité qui est une grande famille, dont la principale maladie, universellement transmise à tous ses membres, est une sorte de férocité naturelle à l'égard de nos semblables. Elle nous fait oublier nos devoirs envers eux, nous rend durs, méchants, égoïstes, et nous met en insurrection perpétuelle contre l'ordre, établi par Dieu, de nous aimer les uns les autres. De ce vice principal, viennent tous les vices de détail.

A côté des ennemis intérieurs, installés dans notre esprit nous avons des ennemis qui viennent de notre entourage. Ce sont les mauvais exemples et les mauvaises habitudes.

L'empereur Marc-Aurèle, dont nous admirons la belle vie, raconte en certaines pages de qui il avait appris à diriger ses actions.

Il cite des parents, des hommes publics et même des serviteurs, écoutons-le :

« Dans mon aïeul Vérus, j'ai eu l'exemple de la douceur de mœurs de la patience inaltérable. Mon père m'a laissé le souvenir de la modestie et du caractère viril.

« Je veux m'efforcer d'imiter de ma mère, sa piété, sa bienveillance ; m'abstenir comme elle non seulement de faire le mal, mais même d'en concevoir la pensée: mener sa vie frugale, et qui ressemblait si peu au luxe habituel des riches.

« A mon gouverneur, je dois de savoir supporter la fatigue, réduire mes besoins, mettre moi-même la main au travail, ne point me mêler des affaires des autres et laisser chez moi peu d'accès à la délation.

« C'est Diogénète qui m'a inspiré la haine des futiles occu-

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

những việc vô-ích, và nhờ ông ta lại biết chịu-đựng những lời nói thẳng.

« Ông Rusticus đã dạy ta biết rằng ta còn cần phải sửa-đổi và tập-tành tính-nết lại. Nhờ có ông, ta tránh được con đường bất-thiện của các nhà triết-học sảo-ngôn đưa-dắt người ta vào...»

Cái gương quý-hóa của đức Marc Aurèle vừa mới thuật đây thì người ta cũng nhiều dịp nhắc đến luôn, song tiếc thay, lại nhắc đến mà quay ra thực-hành vào việc dở.

Nếu người ta có nhiều ký-ức, có khả thông-minh mà quan-sát, mà ghi-nhớ những việc mình đã cư-xử ở đời thì sẽ có thể biết được tại ai và vì đâu mà mình đã nhiễm những nết xấu mình biết là xấu cùng là đã tập những việc sằng mà mình vẫn làm. Ta yểm-nhiễm những thói quen mà thường khi cái tư-tưởng sáng-khởi ra thói quen ấy cũng chưa từng nẩy mầm ở trong óc-trí ta bao giờ. Một người bạn đã mở lòng cho ta, đã sui-dục quyến-dũ ta tập-nhiễm những thói quen đó, họ tức là tôn-sư ta về thuật tác-ác vậy. Sự giao-tiếp lân-cận có sức ảnh-hưởng rất mạnh đến tính-tình ta. Chúng ta có cái thiên-tư bắt-chước rất mạnh. Tính ấy cần cho đời người ta lắm. Ta học-tập được sự gì là do tính ấy ra cả. Nhưng, khốn thay! ta thường gặp những sự sai-nhầm và những điều bại-hoại, rồi ta thấy người làm sao, ta theo người làm vậy. Ta đã sinh-trưởng ở giữa nơi toàn thị những gương xấu thì trước khi biết rằng thế là nguy-hiểm mà ta cũng mắc phải. Cho hay : quân ngoại-thù lớn nhất của ta là hết cả những tấm gương xấu vậy.

Nếu trong tâm ta không có những ác-hướng bẩm-sinh, nếu bên mình ta không có những tấm gương đồi-bại, thì sự cạnh-tranh của điều thiện, điều ác cũng không phải khó-khăn vất-vả, là vì ta tức như người chiến-sĩ được tự-do cử-động chân tay vậy. Nhưng mà lại không thế, ta là người chiến-sĩ có nhiều sự vướng-vít cản-trở lắm. Anh em hãy tưởng-tượng ra một người lính, lưng vác tải đồ, chân đeo quả phá mà lại còn phải đánh giặc thì đủ rõ khó-khăn.

Nếu anh em bằng lòng, ta xin kể một thí-dụ khác nữa, vì những việc hệ-trọng mà biết làm ra vui-vẻ thì bao giờ cũng hay lắm.

pations. Grâce à lui encore, je sais supporter la franchise dans le langage.

« Rusticus m'a fait comprendre que j'avais besoin de redresser, de cultiver mon caractère. Il m'a détourné des fausses voies où entraînent les sophistes.... »

Ce que Marc Aurèle dit ici de l'exemple salutaire, dans combien d'occasions ne pourrait-on pas le répéter, mais en le retournant, pour l'appliquer à l'exemple pernicieux.

Si l'homme avait une assez bonne mémoire et assez de perspicacité pour observer et retenir les faits relatifs à sa conduite, il pourrait dire où et de qui il a appris les mauvaises choses qu'il sait et les mauvaises actions qu'il pratique. Nous adoptons des habitudes dont l'idée première n'aurait peut-être jamais germé dans notre esprit. Elles nous viennent d'un camarade qui nous a inspirés, excités, entraînés, s'est institué notre professeur dans l'art de mal faire. L'entourage exerce sur nous une influence très puissante. Nous sommes doués d'un esprit d'imitation très prononcé, indispensable à la vie. Tout ce que nous apprenons se ramène à cet esprit. Hélas ! il est souvent une occasion d'égarement et de corruption. Nous reproduisons ce que nous voyons faire. Quand on est élevé au milieu d'exemples pernicieux, on risque de les imiter, avant même de s'apercevoir du danger. Le mauvais exemple sous toutes ses formes, voilà notre principal ennemi extérieur.

Si nous n'avions ni mauvaises tendances préalables en nous, ni exemples pervers autour de nous, la lutte entre le bien et le mal serait bien simplifiée. Nous serions des combattants libres de leurs mouvements. Il n'en est pas ainsi. L'homme est un combattant chargé d'entraves. Représentez-vous un soldat accablé de bagages, traînant un boulet au pied, obligé de combattre dans ces conditions.

Si vous le voulez, je vous donnerai une autre comparaison encore. Il fait toujours bon égayer les sujets graves.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Anh em chắc đã được xem những người chạy thi. Họ cũng bỏ hết những vật gì vướng-vít ra cho chạy được khỏe hơn. Họ nhẹ mình như thế rồi mới bước vào trong vòng chạy. Nhưng thường khi người ta chế ra các cách làm cho khó chạy. Một cách khó nhất mà lại vui trò nhất là bỏ người dự-thi vào trong bị, buộc chặt ngang hông, chỉ để tay được tự-do thôi, còn chân thì phải tù-hãm. Song cũng có khi người ta buộc cả tay lại, duy có đầu là không. Cách thi ấy gọi là thi « nhẩy-bị ». Một cuộc thi như vậy, thật là khó khăn, nhưng nếu người dự-thi biết tận-tâm chủ-ý vào thì cũng đến được, mà giật được giải thi khó-khăn ấy thì không còn gì sứng-đáng hơn nữa. Cảnh-huống ấy cũng là cảnh-huống những người phải đảm-đang cái phận-sự nặng-nề đặc-biệt ở đời vậy.

Ta chớ nên quên mà không biết rằng nếu trong chúng ta có người chạy kém ta, có lẽ người ấy phải « nhẩy bị » đó. — Ta không được quyền khinh-bỉ họ đâu !

*
* *

Phúc-đức thay, ta lại có những bạn đồng-minh thê-lực chống-cự với những quân thù-nghịch đã hợp-đoàn lại đánh ta kia. Vậy ta chớ nên quên họ. Đêm bên quân thù có bao kẻ cũng đã là khôn, nhưng xoát bạn đồng-minh có mấy người lại là ngoan nữa. Ta xoát đồng-minh như thế không phải là để không cần đến ta, đến tài-lực riêng của ta mà cứ ngồi chết một nơi đâu, nhưng cốt để thêm dạ anh-hùng, vững lòng hi-vọng.

Trước hết, ta có những đồng-minh ở trong người ta: Lòng ta tuy có những vết xấu gia-truyền, nhưng cũng có những giấu tốt bẩm-sinh. Ta có những bản-tính hay cũng như những bản-tính dở của tiền-bối để lại cả, nhưng không hiểu để lại cách thế nào. Có nhiều đức-tính ở trong gia-đình mà cha truyền con nối, nhưng những đức-tính ấy không phải là cái vinh-hạnh tự ta có, cũng như những nết hư truyền-nhiễm kia không phải là cái tội-lỗi tự ta làm vậy. Ta những mừng rằng cùng một luật đời mà khi nẫy thì làm hại ta, bây giờ lại làm lợi ta như thế. Nhưng sự nối dõi tông-đường

Vous avez tous vu des coureurs lutter de vitesse. Ils se débarrassent de tout ce qui peut les gêner, afin de mieux courir. Ainsi allégés, ils s'élancent dans l'arène. Mais souvent, pour compliquer la course, on invente des moyens de tout genre. Un des plus réussis, non des moins comiques, consiste à mettre le coureur dans un sac, lié autour des hanches, Le coureur a les bras libres, les jambes prisonnières. Quelquefois on emprisonne les bras aussi. La tête seule demeure libre. On appelle cela une course en sac. C'est très dificile; mais avec de la bonne volonté, on y arrive quand même, et certes il y a du mérite à gagner le prix dans de semblables conditions. Voilà les conditions dans lesquelles se trouvent les hommes dont la tâche est particulièrement pénible.

Ne l'oublions pas et si plusieurs d'entre nous courent plus vite que d'autres, songeons que ces derniers, peut-être, en sont réduits à courir dans un sac. — Nous ne nous permettrons pas, alors, de les mépriser.

*
* *

Heureusement, des alliés puissants viennent s'opposer à tant d'ennemis coalisés contre nous. Ne les oublions pas. Compter ses adversaires est prudent, faire la revue de ses amis est plus agréable ! Il va sans dire que cela ne doit pas nous empêcher de compter sur nous-mêmes et nos efforts personnels. La certitude d'avoir des alliés est faite, non pour nous pousser à l'inertie, mais afin d'enflammer notre courage et soutenir notre espoir.

Et d'abord nous avons des alliés en nous-mêmes. Si notre âme porte des traces d'hérédités malheureuses, elle est marquée aussi de signes favorables. Il y a en nous de bons instincts qui sont un héritage aussi bien que les mauvais. Sans savoir comment, ils nous viennent de ceux qui ont vécu avant nous. Certaines vertus de famille se transmettent de père en fils. Ces qualités héréditaires ne sont pas notre mérite, pas plus que les vices héréditaires ne sont notre faute personnelle. Nous bénéficions ici de la loi qui, tout à l'heure, tournait contre nous. Mais noblesse oblige. Il n'est pas

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

bắt ta không được để những đức-tính bẩm-sinh của ta mất-mát đi hay là bỏ só một nơi, tạ lấy làm hạnh-phúc có những đức tính ấy và phải biết lợi dụng một cách bổ-ích mới được. Điều thiện ở trong lòng ta lại cốt để thắng điều ác ở ngay trong ấy đó.

Ngoài những đức-tính của gia-đình, ta còn có những đức-tính của tổ-quốc, của tôn-giáo, của xã-hội truyền cho ta, mà ta không thể nào biết cho cùng, khen cho đáng được. Ta kế-tự được cái lòng quảng đại, cái chí quả-quyết chắc-chắn cùng là cái bụng thẳng-ngay biết phục chân-lý, ấy là cái hương-hỏa quý hơn tiền-tài, cái báu-vật thiêng-liêng phải tôn-sùng mà kính-giữ. Ta đã sẵn đồ dự-bị hùng-mạnh ở trong não-tủy như thế, thì ta có thể đi ra chinh-chiến được.

Ta còn một kẻ đồng-minh khác nữa, là cái gương tốt có sức ảnh-hưởng rất mạnh đến ta. Gương dở hay dục lòng ta ngả về đường sằng, nó quyến-dũ ta. Còn gương tốt thì như có điện-lực kéo ta vào đường thiện. Một đàng thì dục gợi cái lòng đê-tiện và những tính cầm-thú của ta ra mà kết-liên để cùng hại ta. Một đàng thì như tiếng kèn trận thổi trong tâm-thần mà cảnh-tỉnh những đức-tính hùng-hào của ta dậy. Tiếng kèn họp cả các đức-tính ấy lại, chỉnh-đốn đâu đấy rồi dàn thành thế-trận dắt ra chiến-trường. Một cái gương không chỉ là một lời khuyên-răn chỏ-bảo cho ta con đường thẳng như cái mẫu chữ viết tập kiểu đẹp rồi mặc ta nguệch ngoạc lấy mà thôi đâu, lại là một cái súc hoạt động cảm-súc cho ta sinh lòng anh-dũng nữa. Ta có thể nói được rằng gương ấy đã lây sang ta vậy.

Người thì chết nhưng gương để lại không chết theo, gương sống lại sau người mãi mãi. Bởi vậy ta chẳng những có gương tốt ở quanh mình thôi, lại có ở đời trước nữa. Những công-việc và tư-tưởng của tiền-nhân là người đã tìm-tòi cái chân-lý, yêu-chuộng lẽ công bằng, thực-hành điều thiện-mỹ, toàn là những sự giữ ta vững lòng, giúp ta thêm lực, nuôi ta thêm tài vậy. Những người anh-kiệt, những đứng thánh-nhân, những nhà hiền-triết, những bậc tiên-tri, đức chúa Kỳ-tử với môn-đồ truyền-giáo và tất cả những ai, hoặc nổi tiếng

permis de laisser se perdre ou s'endormir les dons apportés par la naissance. Soyons en reconnaissants et tirons-en le meilleur parti possible. Le bien qui est en nous doit servir à lutter contre le mal qui s'y trouve.

Près des vertus familiales, on peut placer les qualités nationales et celles du milieu religieux et social où nous vivons. On ne saurait assez les apprécier. Héritier d'un sang généreux, d'un caractère énergique, équilibré, d'une âme droite éprise de vérité, c'est là un patrimoine plus précieux que la richesse, un legs sacré à garder pieusement. Avec une pareille provision de bonne force au fond de son être, on peut marcher au combat.

Nous avons un autre allié: l'exemple, le bon, avec sa puissance de rayonnement. L'exemple pervers incline la volonté vers le mal; il nous sollicite, nous tente. Mais l'exemple d'une belle vie nous électrise pour le bien. L'un excite en nous la bête, fait appel aux instincts mauvais et se ligue avec eux. L'autre, comme un coup de clairon, sonne, à travers nos âmes, le réveil de toutes les énergies salutaires. Il les rassemble, les organise, les range en bataille, et les entraîne sur ses pas. L'exemple n'est pas seulement une indication, un conseil. Il ne désigne pas seulement le bon chemin, comme un beau modèle d'écriture indique la vraie forme des lettres, et nous laisse ensuite livrés à nous mêmes. Non, l'exemple est une force active; il nous inocule un principe d'énergie. On pourrait presque dire qu'il nous contagionne

L'exemple ne meurt pas avec ceux qui l'ont donné. Il leur survit. Et nous avons ainsi non seulement les bons exemples qui nous entourent, mais ceux de tout le passé. Pour nous soutenir, nous nourrir, nous assister, nous avons les actions et les pensées de tous ceux qui avant nous, ont cherché la vérité, aimé la justice, pratiqué la bonté. Les héros, les saints, les sages, les prophètes, le Christ, les apôtres tous ceux, humbles ou illustres, qui furent des champions du bien, sont nos alliés. Quel noble cortège, quel honneur

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

hay không, đã làm tiêu-biểu cho điều thiện-mỹ, thì toàn là đồng-minh ta cả. Đám quân đường-bệ uy-nghi nhỉ! Kẻ nào chen chân vào đạo quân bất-tử ấy thì dầu được làm một chân lính nhỏ-hèn cũng đã là vinh-hạnh lắm rồi, vì được tất cả những các thánh-thần phù-trợ ở chung quanh mình. Đức Kỳ-tử một hôm nói rằng: « Ta sẽ ở bên anh em mãi đến khi cùng đời ». Tất cả các vị thánh-hiền đông tây, cổ kim cùng hiển-chứng cho ta như lời ngài đã nói vậy.

Còn ở trên cao hơn cuộc đời kia, cao hơn cuộc cạnh tranh mà đời người đã bầy-đặt ra kia, bao giờ cũng có cái ý-muốn thiêng-liêng của Giời bắt rằng việc Thiện phải có, việc Công phải được, việc Ác phải thua.

Vậy thì khi ta vào trận, không phải có độc một mình hay là chói tay chịu hàng cùng quân thù-nghịch trước mà được, nhưng phải có một ông chủ-tướng giỏi với những đồng-minh nhiều, và lại phải hi-vọng quả-quyết rằng nếu ta tận-tâm tận-lực thì ắt là toàn-thắng mới được.

Phải lấy nghĩa-vụ làm trọng nhất, còn lợi-lộc chỉ nên coi thường.

(Khổng-Tử, *Luận-Ngữ*. 12-21)

*
* *

Phải ăn-ở cho chính-chực mà không cầu chi khen-thưởng.

Sénèque

d'entrer dans cette phalange immortelle, ne serait-ce qu'à titre d'obscur petit soldat! Toutes les puissances secourables de l'humanité nous environnent. Le Christ, un jour, dit cette parole: « Je serai avec vous jusqu'à la fin du monde ». L'humanité sainte de tous les âges nous donne cette assurance par sa bouche.

Et au-dessus de la vie humaine et des combats dans lesquels elle nous jette nous avons la volonté éternelle de Dieu, qui veut que le Bien soit, que la Justice triomphe, et que le Mal soit vaincu.

Ce n'est donc point en solitaires, ou livrés d'avance à nos ennemis, que nous entrons dans le combat, mais sous un bon chef, avec des alliés innombrables, et l'espérance certaine qu'au bout de nos efforts, nous remporterons la victoire.

Il faut placer avant tout le devoir, et ne mettre qu'au second rang le fruit que l'on en obtient.

(Confucius, *Entretiens*. 12 21)

*
* *

Il faut pratiquer la justice sans en attendre aucune récompense.

Sénèque

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

CHUYÊN BA DÒNG SÔNG

Ngụ-ngôn, **Nguyễn-Bân** soạn

Ba dòng sông lớn phát-nguyên từ ba đỉnh núi vọi cao. Mỗi dòng chẩy lượn theo một giải uốn-oanh qua lắm rừng rậm đôi sâu, mãi đến sau mới tới một cánh đồng rộng cây cỏ xanh xanh.

Một hôm ba dòng sông ấy thốt-nhiên gặp nhau trong một xứ, cùng lạ-lùng ngơ-ngác nhìn nhau : thấy nhau khác sắc khác mầu, tưởng rằng khác bụng khác lòng chẳng sai ! Vì ngờ-vực thế sinh lòng ghét bỏ, lại kiêu-ngoa quen thói bỉ-khinh, nên hóa ra sinh sự sự sinh, cãi nhau toán-loạn bình-sinh chưa từng . . . . Sông nào cũng cậy mình xinh-đẹp trong-trẻo, khinh những sông kia đen-đục dã-man . . . , hay là tưởng mình có vẻ-sắc đặc-biệt tính-cách hơn đời, cho những dòng kia là đồ đê-hạ không chất sáng-trong . . . . .

Khốn nạn thay ! cả ba dòng sông cùng tư-tưởng thế nên hóa ra cạnh-tranh kịch-liệt, mỗi đàng chỉ muốn giữ riêng mầu-sắc, cầm quyền đặc-biệt tưới-tắm ruộng-đất cỏ-cây.....

Nhưng dù chúng muốn thế mặc-lòng, chiều đất kia cứ đem nghiêng-đổ cả ba dòng sông vào một cửa-bể. Ba dòng sông ta bấy giờ tức giận đùng đùng, còn đang ra sức đánh nhau lộn-bậy thì không ngờ phút-chốc đã nhẩy ra tới bể cả mông-mênh, lóng-lánh rực-rỡ.

Ba dòng sông sực trông thấy bể, giật mình, chưa biết ấy là ai. Nhưng bể mau lên tiếng gọi rằng : « Hỡi các dòng sông kia là các con ta, các con là anh em ruột-thịt với

LES TROIS FLEUVES

Fable, par **Nguyễn-Bân**

Trois grands fleuves prirent leur source en haut de trois montagnes élevées : chacun d'eux suivit un cours capricieux, franchissant les cols, traversant les sombres forêts, et ils parvinrent enfin dans une grande plaine verdoyante.

Lorsque chacun d'eux aperçut les deux autres dans cette région nouvelle, ils demeurèrent tout surpris de constater que leurs eaux étaient de couleurs différentes, et chacun pensait que les deux autres étaient d'une toute autre nature que lui-même, puisqu'ils différaient ainsi par la nuance de leurs eaux. Ces pensées leur inspirèrent le soupçon, la froideur, puis la haine. Chacun d'eux était rempli d'orgueil et leur haine et leur mépris allaient toujours en croissant. Des querelles qui ne tardèrent pas à dégénérer en graves disputes s'élevèrent entre eux.... Chacun se croyait le plus pur, le plus clair, le plus beau et le plus majestueux, et traitait les autres avec mépris, les considérant comme impurs, fangeux et laids.

Et la guerre se déchaîna, parceque chacun persistait orgueilleusement dans son opinion sans vouloir admettre celle des autres : chacun avait la seule couleur convenable, chacun revendiquait le privilège exclusif de donner la vie des eaux à toute la grande plaine.

Mais en dépit de leur ambitieuse folie, la pente naturelle du sol les dirigeait tous vers une même embouchure. Et le combat se livra alors, terrible et violent, chacun voulant garder sa couleur et son propre courant, et leurs eaux écumeuse se heurtaient, rejaillissaient, et tourbillonnaient follement... Et pendant qu'ils se livraient ce furieux combat, ils arrivèrent soudain, sans s'en être rendu compte, au vaste Océan dont les flots étincelaient au soleil.

Lorsque les trois fleuves aperçurent soudain l'immense étendue, ils en furent tout surpris, car ils l'avaient ignorée jusqu'à ce jour, et c'était là, pour eux, une étonnante révélation.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

nhau, đừng cạnh-tranh nhau nữa mà đau lòng mẹ lắm! Các con dù là khác sắc khác mầu, hoặc trắng hoặc đen, hoặc đỏ hoặc vàng, hay là mùi sám mùi xanh chăng nữa.... nhưng xưa kia các con đều chung một thanh-khí của mẹ này mà sinh ra cả! Bề ngoài các con có mầu-sắc khác nhau là bởi tại ảnh-hưởng ư phong-thổ đó thôi, chớ còn tinh-thần bên trong thì các con bao giờ vẫn là một chất. Vậy nay các con hãy nhìn nhận nhau mà ghi-tạc lấy tình-nghĩa đồng-loại đồng-bào, rồi ra kiếp khác tái-ngộ, tương-phùng sẽ hoà-hợp thân-thiết với nhau mà tưới-mát cây-cỏ trần-gian làm cho hoàn-toàn nghĩa-vụ! »

Ba dòng sông nghe bể nói bấy nhiêu lời mới tỉnh hồn lại anh em hoà-hợp, lòng mẹ vui mừng.

Chuyện nhân-loại thế-giới khác chi chuyện ba dòng sông này. Bao giờ hết cả mọi người ta biết nén lòng tự-ái kiên-căng tìm tới ngọn-nguồn chân-lý mà thâm-hiểu yêu-mến lẫn nhau thì mới mong tới ngày sung-sướng được.

Ăn-ở chính-trực để cầu lấy khen-thưởng thì thật là một sự khuất-khúc gian-tà.

CICÉRON

Mais la mer éleva aussitôt sa puissante voix et leur dit : « O fleuves, ô, chers enfants... Vous êtes tous frères, car c'est moi qui, à tous, ai donné le jour. Cessez donc de vous combattre et de vous quereller, car mon cœur de mère en est douloureusement ému... Quelle que soit votre couleur ou votre allure, que vous soyez noir ou blanc, jaune ou rouge, vert ou gris, vous êtes tous nés d'un même élément qui est ma vapeur, mon émanation. Vos couleurs diverses résultent seulement des régions où vous êtes nés, des contrées que vous avez traversées : mais vos cœurs, vos esprits sont semblables, car vous êtes tous nés d'un même élément. Aimez-vous donc les uns les autres comme des frères doivent s'aimer ; que la loi de cet amour soit gravée au fond de vos cœurs et lorsque vous renaîtrez pour une vie nouvelle, sachez être unis par cette fraternité pour remplir au mieux votre devoir commun de féconder les prairies de vos eaux. »

Les trois fleuves, émus à ces paroles, mêlèrent leurs eaux aux eaux maternelles de l'Océan qui en tressaillit d'une profonde joie.

L'histoire de l'humanité ne ressemble-t-elle pas beaucoup à celle de ces trois fleuves ? Les hommes ne connaîtront le bonheur que lorsque chacun d'eux, dominant son orgueil, saura retrouver aux sources éternelles de vérité la compréhension mutuelle et la fraternelle affection.

C'est l'extrême injustice que d'attendre un prix de la justice.

CICERON

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

CON ẾCH MUỐN TO BẰNG CON BÒ

Ngụ-ngôn của **La Fontaine** tiên-sinh
N. N. Xuân dịch ra vận-văn (quốc-ngữ)

Chị ếch thấy anh bò trước mặt,
Hình-vóc to đẹp mắt thèm sao.
Ếch đem thân-thể đọ vào,
Không bằng cái trứng cớ sao tranh-giành !
Thèm-thuồng quá vươn mình phồng-bụng
Hết sức làm to giống bằng bò,
Bảo con ếch khác nhỏ to :
« Chị ơi ! xem thử hộ cho với nào !
Tôi đã đủ lớn-lao chưa hử ?
Hay chưa to xin ngỏ thực-thà ! »
Chị rằng : còn hãy kém xa;
Chị rằng : xem thử bây giờ to không ?
Chưa được to, cách chừng mấy dặm,
Này đây này, chị ngắm lại coi.
Chị kia rằng đã xem rồi,
Tôi xem chẳng giống bò-choai tý gì.
Chị ếch gàn lại thì phềnh nữa,
Mạnh quá chừng nên vỡ bụng toi.
Thê-gian đầy chứa những người,
Mơ-màng khôn chẳng hơn ai mà hòng.
Trưởng-giả muốn đỉnh-chung rực-rỡ,
Xây lâu-đài vi tựa công-hầu,
Vua hèn nước bé thấm đâu,
Muốn quan khâm-mạng đặt vào ngoại-bang.
Kẻ tước-tử ngang-tàn mơ-ước,
Muốn thị-thần sau trước hầu bên.
Muốn điều hi-vọng phải xem,
Tùy tài tùy đức chớ nên ước càn!

LA GRENOUILLE QUI SE VEUT FAIRE AUSSI GROSSE QUE LE BŒUF

Fable par **La Fontaine**
Traduction en vers annamites par **N. N. Xuân**

Une grenouille vit un bœuf
Qui lui sembla de belle taille.
Elle, qui n'était pas grosse en tout comme un œuf,
Envieuse, s'étend et s'enfle, et se travaille,
Pour égaler l'animal en grosseur,
Disant : « Regardez bien ma sœur ;
Est-ce assez ? dites-moi ; n'y suis-je pas encore ?
— Nenni. — M'y voici donc ? — Point du tout — M'y voilà ?
— Vous n'en approchez point. » La chétive pécore.
S'enfla si bien qu'elle creva.

Le monde est plein de gens qui ne sont pas plus sages :
Tout bourgeois veut bâtir comme les grands seigneurs,
Tout petit prince a des ambassadeurs,
Tout marquis veut avoir des pages.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

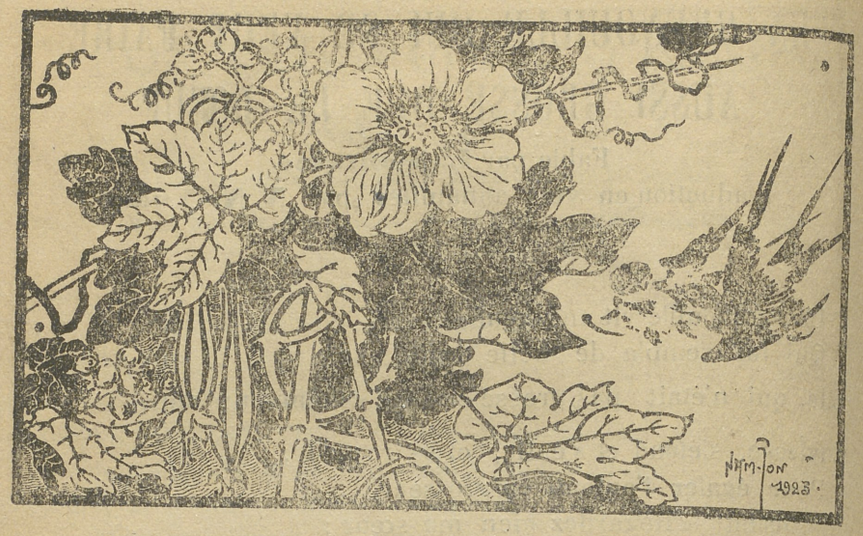

CHUYỆN DOMINIQUE

Tiểu-thuyết

của **Eugène Fromentin** Tiên-sinh

Nguyễn-Hoà dịch

Nay Bản-chí lấy làm vui-vẻ được đăng bản dịch bộ tiểu-thuyết rất hay này, mà nhiều người chịu là một bộ sách kiệt-tác trong Pháp-văn. Bản-chí được cái đặc-quyền ấy là nhờ ơn hảo-tâm của Bà Quả-phụ Billote, là người thừa-tự của soạn giả, và nhờ ơn hảo-tâm cả công-ty Plon-Nourrit là nhà ấn-hành quyển sách ấy. Bà Billote với công-ty Plon-Nourrit đã vì tấm lòng muốn tỏ tình chiếu-cố đến thiếu-niên Việt-Nam và Hội V. N. T. N. ta mà cho phép bản-chí được tự do đăng, dịch bộ tiểu-thuyết này, vậy bản-chí xin nhân tiện đây có lời kính tạ hảo-tâm của các Ngài, mà cái hảo-tâm ấy, chắc rồi độc-giả quý-hữu cũng sẽ công-nhận lắm.

Tòa Soạn

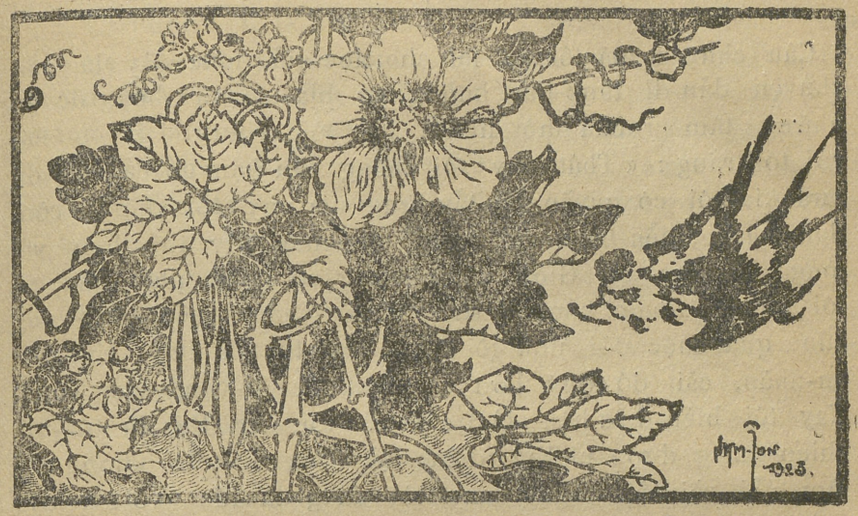

DOMINIQUE

Roman

par **Eugène Fromentin**

traduit par **Nguyễn-Hòa**

Notre revue aura le plaisir de publier ici la traduction en Annamite de ce très beau roman considéré par beaucoup comme le chef-d'œuvre du roman français — Nous devons ce privilège à l'extrême obligeance de Mme Veuve Billote, héritière de l'auteur, et aux éditeurs de celui-ci, MM. Plon-Nourrit et Cie (8, rue Garancière à Paris-6e) qui ont bien voulu nous accorder aimablement cette autorisation à titre gratuit pour témoigner du grand intérêt qu'ils portent à la jeunesse annamite et à une œuvre qui lui est destinée. Nous exprimons ici à Mme Veuve Billote et à M. M. Plon-Nourrit et Cie notre très vive reconnaissance pour leur geste généreux que nos amis sauront certainement apprécier.

Rédaction

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

I

Câu chuyện mà tôi kể lại cho đọc-giả nghe đây là câu chuyện dản-dị thực-thà, không có bịa tạc văn-hoa, đó là những tâm-sự của một người bạn tôi. Người ấy có nói với tôi rằng : « Thật nay tôi không oán hận gì cả. Thí-dụ xưa kia tôi có quyền-thế lẫy-lừng mà nay tôi không còn danh-phận hiển-hách nữa, thì tôi cũng lấy thế làm vui lòng mà cám ơn Giời, chớ không có bụng phàn-nàn, và tôi cũng mong cho những người ham-muốn dục-vọng cũng qua cuộc đời như tôi vậy. Nay tôi đã được thư-thái an-nhàn, cái đó quý hơn cả mọi sự hi-vọng viển vông. Nay tôi biết điều-hòa tâm chí của tôi, ấy thế là tôi đã chiến-thắng được những điều dục-vọng ao-ước không tài làm nổi rồi đó. Ngày nay tôi đang là lúc vô-ích cho quần-chúng, thế mà tôi lại làm được điều hay cho mấy người, và đời tôi xưa kia vốn không có điều gì cho người ta mong-mỏi, thế mà nay tôi làm được một việc không ai ngờ đến, nguyên là một việc khiêm-ẩn, khôn-ngoan, và có nghĩa-lý. Vậy nay tôi không nên phàn-nàn gì nữa. Tôi cứ tùy theo những tâm-chí tài-năng của tôi, thì đời tôi đã yên-định hẳn rồi, không còn nói gì nữa : Tôi ăn-ở một cách quê-mùa, như thế cũng không phải là không hợp với tình-cảnh. Đời tôi ví như những cây cành lá ngắn ngủi, tôi đem bạt cái ngọn cao chót-vót đi, trông không ra giáng bệ-vệ, rườm-rà và không có vẻ rực-rỡ oai-nghi, đứng xa thì không trông thấy, thế mà lại có nhiều rễ sâu, bóng mát. Hiện nay có ba nhân-vật có ân-tình với tôi, giàng-buộc tôi bằng những nghĩa-vụ rõ-ràng, với những trách-nhiệm cũng không lấy nặng-nề lắm và lại có tình quyến-ái với tôi hẳn-hoi, chớ không phải là ngộ-tưởng hư-vô mà rồi sau sinh ra hối-hận đâu. Cái chức-phận của tôi nay chả lấy gì làm khó cho lắm, và tôi có thể sốc-vác được. Vả chăng nếu quả cái mục-đích đời người không cốt gì sống làm cho vang-động đương-thời, cùng là di-truyền tiếng-tăm hậu-thế, và sự sung-sướng của người ta cốt ở điều biết cân-sứng tài-năng với dục-vọng, thì nay tôi hết sức thẳng bước ở trong con đường khôn-ngoan, như vậy rồi ra ông có thể chứng cho rằng ông đã trông thấy một người được sung-sướng ở đời đấy. »

I

« Certainement je n'ai pas à me plaindre — me disait celui dont je rapporterai les confidences dans le récit très simple et trop peu romanesque qu'on lira tout à l'heure — car, Dieu merci, je ne suis plus rien, à supposer que j'aie jamais été quelque chose, et je souhaite à beaucoup d'ambitieux de finir ainsi. J'ai trouvé la certitude et le repos, ce qui vaut mieux que toutes les hypothèses. Je me suis mis d'accord avec moi-même, ce qui est bien la plus grande victoire que nous puissions remporter sur l'impossible. Enfin, d'inutile à tous, je deviens utile à quelques-uns, et j'ai tiré de ma vie, qui ne pouvait rien donner de ce qu'on espérait d'elle, le seul acte peut être qu'on n'en attendit pas, un acte de modestie, de prudence et de raison. Je n'ai donc pas à me plaindre. Ma vie est faite, et bien faite, selon mes désirs et mes mérites. Elle est rustique, ce qui ne lui messied pas. Comme les arbres de courte venue, je l'ai coupée en tête: elle a moins de port, de grâce et de saillie; on la voit de moins loin, mais elle n'en aura que plus de racines et n'en répandra que plus d'ombre autour d'elle. Il y a maintenant trois êtres à qui je me dois et qui me lient par des devoirs précis, par des responsabilités qui n'ont rien de trop lourd, par des attachements sans erreurs ni regrets. La tâche est simple, et j'y suffirai. Et s'il est vrai que le but de toute existence humaine soit moins encore de s'ébruiter que de se transmettre, si le bonheur consiste dans l'égalité des désirs et des forces, je marche aussi droit que possible dans les voies de la sagesse, et vous pourrez témoigner que vous avez vu un homme heureux. »

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Tuy ông ấy không phải là người mới-lạ bỡ-ngỡ mà ông tự cho mình như thế, và hồi trước kia khi bỏ tỉnh nhà ra đi ông đã có danh tiếng hiển-hách rồi, thế mà khi ông giở-lại ẩn cư ở nơi cố-quận ông lại thích ở lẫn với những người tầm thường không ai biết đến, ông gọi là những *người vô danh-chức*. Hễ có ai nói đến cái tuổi xuân-sanh của ông và nhắc đến những điều hiển-hách của ông trong hồi đó, thời ông trả lời rằng đó hẳn là người ta xét nhầm, và ông cũng thường nhầm đấy; thực ra ông có khác gì ai đâu vì hiện nay ông giống như mọi người cả. Nhân thế, ông nhắc lại rằng cái cách tự-cao, tự-biệt là chỉ nên để dành cho ít người lắm, còn không tài-cán gì mà dám giữ cái đặc-quyền thì thật là gàn-giở lắm, không có gì đáng chê, đáng ghét hơn nữa; cái tính táo-tợn muốn phân-biệt mình với đồng-bào quần-chúng là cái gian-lận với xã-hội, và cái tội ấy không thể tha-thứ được đối với những người tầm-thường. Dám tự nhận cái danh-tiếng nào mà mình không sứng-đáng ấy là ăn cướp cái chức-tước của người khác, và chẳng sớm thì muộn cũng phải bắt về tội ăn-cướp danh-tiếng ở trong kho chung của công-chúng.

Có lẽ ông tự hạ mình thế là cốt để giải-nghĩa sự ẩn-dật của ông và để không còn một cái cớ nào nó làm cho hồi-tưởng đến những cái ân-hận của mình và của chúng bạn thân-thiết. Ông có là người chân-thực không? Tôi lắm lúc tự hỏi thế, có khi tôi ngờ rằng người trí-khí như ông ham-muốn cái tuyệt-đích lại đành bó tay mà chịu thua sao. Nhưng nghĩ lại trong sự chân-thật hoàn-hảo cũng có nhiều mầu-vẻ khác nhau lắm! Biết bao nhiêu cách nói thật mà lại không nói hết cả sự thật. Dù nay đã cách hẳn với sự đời rồi nhưng có lẽ nào lại không còn đứng xa ngoảnh lại mà nhìn xem những công-việc mình đã làm khi trước ư? Mà có ai bụng dạ táo-gan, dám nói rằng không hề có tiếc-hận bao giờ vì lòng kiên-nhẫn thì tùy mình, còn bụng quên hẳn được việc cũ thì phải tùy thì-giờ lâu chóng.

Xét ông như thế là do xem cái quá-vãng của ông mà cái quá-vãng ấy không còn hợp với cái thể-cách hiện-thời

Quoiqu'il ne fût pas le premier venu autant qu'il le prétendait, et qu'avant de rentrer dans les effacements de sa province il en fût sorti par un commencement de célébrité, il aimait à se confondre avec la multitude des inconnus, qu'il appelait *les quantités négatives*. A ceux qui lui parlaient de sa jeunesse et lui rappelaient les quelques lueurs assez vives qu'elle avait jetées, il répondait que c'était sans doute une illusion des autres et de lui-même, qu'en réalité il n'était personne, et la preuve, c'est qu'il ressemblait aujourd'hui à tout le monde, résultat de toute équité dont il s'applaudissait comme d'une restitution légitime faite à l'opinion. Il répétait à ce sujet qu'il n'est donné qu'à bien peu de gens de se dire une exception, que ce rôle de privilégié est le plus ridicule, le moins excusable et le plus vain, quand il n'est pas justifié par des dons supérieurs ; que l'envie audacieuse de se distinguer du commun de ses semblables n'est le plus souvent qu'une tricherie commise envers la société et une injure impardonnable faite à tous les gens modestes qui ne sont rien : que s'attribuer un lustre auquel on n'a pas droit, c'est usurper les titres d'autrui, et risquer de se faire prendre tôt ou tard en flagrant délit de pillage dans le trésor public de la renommée.

Peut-être se diminuait-il ainsi pour expliquer sa retraite et pour ôter le moindre prétexte de retour à ses propres regrets comme aux regrets de ses amis. Etait-il sincère ? Je me le suis demandé souvent, et quelquefois j'ai pu douter qu'un esprit comme le sien, épris de perfection, fût aussi complètement résigné dans sa défaite. Mais il y a tant de nuances dans la sincérité la plus loyale! Il y a tant de manières de dire la vérité sans la dire tout entière ! L'absolu détachement des choses n'admettrait-il aucun regard jeté de loin sur les choses qu'on désavoue? Et quel est le cœur assez sûr de lui pour répondre qu'il ne se glissera jamais un regret entre la résignation, qui dépend de nous, et l'oubli, qui ne peut nous venir que du temps.

Quoiqu'il en soit de ce jugement porté sur un passé qui ne s'accordait pas très bien avec sa vie présente, à l'époque

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

(là lời tôi kể chuyện đây) không biết rằng xem xét thế đúng hay sai, nhưng ông đã vào bậc an-nhàn ẩn-dật thời cũng đã chứng rằng ông là người chân-thật. Bởi vậy tôi công-nhận ông và đối với ông tôi coi như những người tôi không quen biết bao giờ vậy. Cứ theo nhời ông nói, ông không phải là người phi-thường gì cho nên lắm kẻ xem chuyện này có lẽ tưởng mình là nhân vật trong chuyện, bởi thế tôi không sợ mang tiếng không kín-đáo mà dám công-bố hồi ông còn sống, chuyện này tả cái hình-trạng ông vốn giống lắm người khác. Có một điều phân-biệt hẳn ông với những người khác, là do một cái đặc-biệt tôi tưởng không ai ghen ghét đến, là ông có cái can-đảm quí-báu lạ là ông tự coi mình hãy còn hèn mọn. Nói thực ra, ông còn sống cũng gần tỉ như không, và ông cũng không quan-ngại ai nói đến, hoặc về chuyện tương-lai hay là về chuyện dĩ-vãng của ông.

Thoạt vi-thủy tôi gặp ông trong mùa thu. Tình cờ gặp ông vào khoảng ấy là những ngày ông lấy làm vui-thích nhất cả trong năm, và ông thường nói đến luôn, vì lẽ là trong hồi ấy những nhân-vật tính-khí điều-hòa thì được sinh-hoạt hay là tận-duyệt trong cách thiên-nhiên u-uất êm-đềm. Ông thường nói với tôi rằng : « Tôi là biểu-hiệu cho lắm cái liên-lạc khốn-nạn mà không bao giờ bỏ-dứt được. Tôi đã cố sức để quên sự u-sầu vì không có gì đáng chê-cười hơn người hay u-sầu, bất-cứ già trẻ, nhất là vào trạc tôi. Thế mà vẫn thấy lắm người trong óc chứa sẵn những mối u-sầu động nói gì là chan-chứa giọng sầu. Mặc-kệ những kẻ sống ở trong đám sương-mù tháng mười ! Ông vừa nói thế, vừa cười nhạt, vừa cười câu nói ngụ-ý ấy, vừa cười cái bệnh tự-nhiên của mình, mà bệnh ấy trong bụng ông lấy làm phiền-phức lắm.

Hôm tình-cờ gặp ông, ấy là hôm tôi đang đi săn ở vùng làng ông. Tôi tới đấy từ hôm trước và chỉ quen có ông Đốc-tờ X vừa mới chú-ngụ được vài năm nay. Lúc chúng tôi vừa ở trong làng đi ra, thì thấy một người cũng đi săn trên cái đồi giống nho ở phía đông tỉnh Villeneuve, đi thong-thả như người đi tiêu-khiển vậy. Hai con chó đi theo, một con lông đỏ, một con lông đen vừa đi, vừa làm rung-động

dont je parle du moins, il était arrivé à ce degré de démission de lui-même et d'obscurité qui semblait lui donner tout à fait raison. Aussi ne fais-je que le prendre au mot en le traitant à peu près comme un inconnu. Il était devenu, d'après ses propres termes, si peu quelqu'un, et tant d'autres que lui pourraient à la rigueur se reconnaître dans ces pages, que je ne vois pas la moindre indiscrétion à publier de son vivant le portrait d'un homme dont la physionomie se prête à tant de ressemblances. Si quelque chose le distingue un peu du grand nombre de ceux qui volontiers retrouveraient en lui leur propre image, c'est que, par une exception qui, je le crois, ne fera envie à personne, il avait eu le courage assez rare de s'examiner souvent, et la sévérité plus rare encore de se juger médiocre. Enfin il existe si peu, quoiqu'il existe, qu'il est presque indifférent de parler de lui soit au présent, soit au passé.

La première fois que je le rencontrai, c'était en automne. Le hasard me le faisait connaître à cette époque de l'année qu'il aime le plus, dont il parle le plus souvent, peut-être parce qu'elle résume assez bien toute existence modérée qui s'accomplit ou qui s'achève dans un cadre naturel de sérénité, de silence et de regrets. « Je suis un exemple, m'a-t-il dit maintes fois depuis lors, de certaines affinités malheureuses qu'on ne parvient jamais à conjurer tout à fait. J'ai fait l'impossible pour n'être point un mélancolique, car rien n'est plus ridicule à tout âge et surtout au mien ; mais il y a dans l'esprit de certains hommes je ne sais quelle brume élégiaque toujours prête à se répandre en pluie sur leurs idées. Tant pis pour ceux qui sont nés dans les brouillards d'octobre ! » Ajoutait-il en souriant à la fois et de sa métaphore prétentieuse et de cette infirmité de nature dont il était au fond très humilié.

Ce jour-là, je chassais au environs du village qu'il habite. Je m'y trouvais arrivé de la veille et dans aucune autre relation que l'amitié de mon hôte le docteur***, fixé depuis quelques années seulement dans le pays. Au moment où nous sortions du village, un chasseur parut en même temps que nous sur un coteau planté de vignes qui borde l'horizon de Villeneuve au levant. Il allait lentement et plutôt en homme qui se promène,

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

những cây nho. Từ đấy tôi mới biết rằng hai con chó là bạn ông, thường hằng ngày đi săn với ông, chẳng qua chỉ để thoả-thích ông, để được chơi chỗ quang-đãng, và nhất là cho được vắng-vẻ không người.

Trông đàng xa, ông Đốc-tờ đã biết nói mới tôi rằng : « Này ông Dominique đi săn kia kia! » Một lát thấy tiếng súng nổ, ông Đốc-tờ lại nói : « Đây ông Dominique bắn đấy. » Ông săn-bắn cũng nội trong vùng như chúng tôi và đi vùng quanh tỉnh Villeneuve, đồng-hướng với chúng tôi, do theo phía gió tây thổi lại, và do những chỗ ẩn-núp giống chim muông. Cả buổi chiều hôm ấy, chúng tôi trông thấy ông ấy, và dù xa nhau vài trăm thước, hai bên vẫn trông thấy nhau bắn. Đường đất thì phẳng-phiu, giời thì im-lặng, và trong mùa ấy tiếng vang đi xa lắm cho nên có khi ông đi khuất cũng vẫn còn nghe mồn-một tiếng súng nổ của ông và cả đến tiếng ông dàn chó hay tụ chó lại. Một là tính ông cẩn-thận kín-đáo, hai là cứ theo nhời ông Đốc-tờ đoán, ông không thích đi săn ba người, đến gần chiều tối ông mới lại gần với chúng tôi. Hôm ấy vì cái cớ rất mọn mà hai bên sinh tình mến nhau. Con chó của tôi sủa một con chim bay lên chính vào lúc tôi với ông xa nhau nửa tầm súng. Ông đứng về phía trái và con chim đó hình như ngả về phía ông.

Tôi bảo ông rằng : « Ngài bắn đi ».

Trong lúc ông để súng lên vai, tôi có xét rằng ông nhìn xem có thật là tôi với ông Đốc-tờ đứng xa không thể bắn được, ông chắc rằng nếu ông không tính ngay thì chắc uổng mất, ông bèn ngắm thong-thả và bắn một phát. Chim đang

escorté de deux grands chiens d'arrêt, un épagneul à poils fauves, un braque à robe noire, qui battaient les vignes autour de lui. C'étaient ordinairement, je l'ai su depuis, les deux seuls compagnons qu'il admît à le suivre dans ces expéditions presque journalières, où la poursuite du gibier n'était que le prétexte d'un penchant plus vif, le désir de vivre au grand air et surtout le besoin d'y vivre seul.

« Ah! voici M. Dominique qui chasse », me dit le docteur en reconnaissant à toute distance l'équipage ordinaire de son voisin. Un peu plus tard, nous l'entendîmes tirer, et le docteur me dit : « Voilà M. Dominique qui tire ». Le chasseur battait à peu près le même terrain que nous et décrivait autour de Villeneuve la même évolution, déterminé d'ailleurs par la direction du vent, qui venait de l'est, et par les remises assez fixes du gibier. Pendant le reste de la journée, nous l'eûmes en vue, et, quoique séparés par plusieurs cents mètres d'intervalle, nous pouvions suivre sa chasse comme il aurait pu suivre la nôtre. Le pays était plat, l'air très calme, et les bruits en cette saison de l'année portaient si loin que, même après l'avoir perdu en vue, on continuait d'entendre très distinctement chaque explosion de son fusil et jusqu'au son de sa voix quand, de loin en loin, il redressait un écart de ses chiens ou les ralliait. Mais soit discrétion, soit, comme un mot du docteur me l'avait fait présumer, qu'il eût peu de goût pour la chasse à trois, celui que le docteur appelait M. Dominique ne se rapprocha tout à fait que vers le soir, et la commune amitié qui s'est formée depuis entre nous devait avoir ce jour-là pour origine une circonstance des plus vulgaires. Un perdreau partit à l'arrêt de mon chien juste au moment où nous nous trouvions à peu près à demi-portée de fusil l'un de l'autre. Il occupait la gauche, et le perdreau parut incliner vers lui.

« A vous, monsieur », lui criai-je.

Je vis, à l'imperceptible temps d'arrêt qu'il mit à épauler son fusil, qu'il examinait d'abord si rigoureusement ni le docteur ni moi n'étions assez près pour tirer ; puis, quand il se fut assuré que c'était un coup perdu pour tous s'il ne

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

bay phải đạn, ngã xuống như ở trên cao nhảy bổ xuống, và đập lên đập xuống huỳnh-huỵch như con vật rất nặng ở trên đống đất khô nho mọc.

Nguyên là một con gà gô đỏ đẹp lắm, cao nhớn có mùi: mỏ, chân đỏ và cứng như san-hô, có cựa như con gà sống, ngực nở như con gà giò to rất béo.

Ông Dominique chạy lại gần bảo tôi rằng: « Thưa ngài, ngài tha-thứ cho tôi dám bắn con chim mà con chó của ngài sủa bay lên. Thật là bất-đắc-dĩ tôi phải bắn thế, để khỏi mất uổng một vật rất quí, vùng này hiếm khi có lắm, con chim ấy thật là của ngài. Tôi không dám biếu ngài, tôi xin trả lại ngài. »

Ông lại thêm vài nhời ngọt-ngào để tôi phải ưng-thuận, tôi bèn tiếp-nhận, khác gì một điều lễ-phép phải báo-đền.

Trông ông vào trạc ngoài bốn mươi tuổi, nhưng còn tráng-kiện lắm. Người cũng to lớn, da hung-hung đỏ, giáng-điệu hơi điềm-đạm, diện-mạo hiền-lành phúc-hậu, tiếng nói hoạt-bát, cách-điệu nết-na, trông có vẻ văn-hoa lịch-sự. Ông bận một cái áo ngắn và đi ghệt như một người nhà quê đi săn. Trông súng của ông mới biết ông là người phong-lưu, và hai con chó của ông ở cổ có đeo một cái vòng rộng bịt bạc điềm một chữ số. Ông bắt tay ông Đốc-tờ rồi từ-giã chúng tôi và nói đi tụ-họp những người hái nho lại, nguyên chiều hôm ấy gặt hái mới xong.

Lúc ấy vào đầu tháng mười, gặt hái nho đã gần xong. Trong đồng chỉ còn vài tụi người hái nho, tục đấy gọi là những « bọn thợ », và chỉ thấy một cái cột nhớn trên đầu có cái cờ, trồng ở khóm cây nho đang hái sau cùng. Trông thế thì biết tụi hái nho của ông Dominique sắp-sửa ăn thịt ngỗng, nghĩa là sắp-sửa làm tiệc khánh-thành, vì sau khi làm việc xong cứ theo tục-lệ ở đấy, tiệc hôm ấy không kể món khác, đồ ăn cốt phải có thịt ngỗng.

se décidait pas, il ajusta lentement et fit feu. L'oiseau, foudroyé en plein vol, sembla se précipiter plutôt qu'il ne tomba, et rebondit, avec le bruit d'une bête lourde, sur le terrain durci de la vigne.

C'était un coq de perdrix rouge magnifique, haut en couleur, le bec et les pieds rouges et durs comme du corail, avec des ergots comme un coq et large de poitrail presque autant qu'un poulet bien nourri.

« Monsieur, me dit en s'avançant vers moi M. Dominique, vous m'excuserez d'avoir tiré sur l'arrêt de votre chien ; mais j'ai bien été forcé, je crois, de me substituer à vous pour ne pas perdre une fort belle pièce, assez peu commune en ce pays. Elle vous appartient de droit. Je ne me permettrais pas de vous l'offrir, je vous la rends ».

Il ajouta quelques paroles obligeantes pour me déterminer tout à fait, et j'acceptai l'offre de M. Dominique comme une dette de politesse à payer.

C'était un homme d'apparence encore jeune, quoiqu'il eût alors passé la quarantaine, assez grand, à peau brune, un peu nonchalant de tournure, et dont la physionomie paisible, la parole grave et la tenue réservée ne manquaient pas d'une certaine élégance sérieuse. Il portait la blouse et les guêtres d'un campagnard chasseur, son fusil seul indiquait l'aisance, et ses deux chiens avaient au cou un large collier garni d'argent sur lequel on voyait un chiffre. Il serra courtoiseusement la main du docteur et nous quitta presque aussitôt pour aller, nous dit-il, rallier ses vendangeurs, qui, ce soir-là même, achevaient sa récolte.

On était aux premiers jours d'Octobre. Les vendanges allaient finir ; il ne restait plus dans la campagne, en partie rendue à son silence, que deux ou trois groupes de vendangeurs, ce que dans le pays on appelle des *brigades*, et un grand mât surmonté d'un pavillon de fête, planté dans la vigne même où se cueillaient les derniers raisins, annonçait en effet que la brigade de M. Dominique se préparait joyeusement à *manger l'oie*, c'est-à-dire à faire le repas de clôture et d'adieu où, pour célébrer la fin du travail, il est de tradition de manger, entre autres plats extraordinaires, une oie rôtie.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Đến chiều còn giăm phút nữa mặt giời lặn hẳn mà ánh sáng còn chiếu dài-dài, chỗ tối chỗ sáng trên một khoảng đất phẳng-phiu, chỗ này khóm nho, chỗ kia quãng đất không, chỗ nọ bùn-lầy, trông cảnh lấy làm buồn. Tịnh không có một cây to nào, đường-đất hơi mấp-mô và từng quãng một trông hút ra thấy bể nhớn. Một hai cái làng trông trăng-trắng với cái nhà thờ phẳng nóc cùng cái gác chuông, ở trên đống cao cánh đồng. Một vài cái trại nhỏ, lác-đác mỗi nơi một cái, với vài khóm cây, với những đống cỏ rất to ấy trong khoảng đất rộng-rãi chỉ có thế thôi. Cái cảnh nghèo-nàn ấy lại càng lộ ra ở cái đẹp tự-nhiên lạ-lùng trong giờ ấy, trong mùa ấy và trong cái thủy-thổ ấy. Thế mà đối-diện Villeneuve và ở trong một quãng đồng thấy một chỗ cây-cối nhiều hơn chỗ khác và mọc vòng quanh một cái nhà sang-trọng như cái vườn con vậy. Cái nhà ấy xây theo lối pho-la-măng, cao, hẹp, ít cửa và đầy những tháp nhỏ, đầu hồi bằng đá đen. Ở chung quanh xúm-xít vài cái nhà mới làm cách đơn sơ là những nhà để đồ-đạc làm ăn trong trại. Một đám sương mù xanh-xanh ở giữa tụi-cây bốc-lên, chắc hẳn riêng chỗ thấp ấy có cái gì giống như dòng nước chầy, thì ra một giải bùn-lầy hình như cái đồng cỏ bùn-lầy, ở ria mọc những cây và nước chạy thẳng từ nhà ông ra bể.

Ông Đốc-tờ vừa chỉ chỗ ấy vừa bảo tôi rằng: « Ngài trông đấy, ấy là lâu-đài Trembles, là nhà ông Dominique đó. »

Lúc bấy giờ ông Dominique đi về theo những người hái nho; ông đi từ từ, súng buộc lại, hai con chó mệt lử chạy sau. Nhưng lúc ông vừa đi được vài bước vào trong cái ngõ đầy những vệt xe để ra chỗ trồng nho, thời chúng tôi được mục-kích một cái cảnh lấy làm toại-chí lắm.

Hai đứa trẻ khúc-khích nói cười, một người đàn bà, áo phớp-phới đeo cái giải đỏ, đều chạy ra đón ông. Hai đứa trẻ ấy nhẩy nhót vui vẻ lắm và chân ngoăn-ngoắt đâm bổ

Le soir venait. Le soleil n'avait plus que quelques minutes de trajet pour atteindre le bord tranchant de l'horizon. Il éclairait longuement, en y traçant des rayures d'ombre et de lumière, un grand pays plat, tristement coupé de vignobles, de guérets et de marécages, nullement boisé, à peine onduleux, et s'ouvrant de distance en distance, par une lointaine échappée de vue, sur la mer. Un ou deux villages blanchâtres, avec leurs églises à plates-formes et leurs clochers saxons, étaient posés sur un des renflements de la plaine, et quelques fermes, petites, isolées, accompagnées de maigres bouquets d'arbres et d'énormes meules de fourrage, animaient seules ce monotone et vaste paysage, dont l'indigence pittoresque eût paru complète dans la beauté singulière qui lui venait du climat, de l'heure et de la saison. Seulement, à l'opposé de Villeneuve et dans un pli de la plaine, il y avait quelques arbres un peu plus nombreux qu'ailleurs et formant comme un très petit parc autour d'une habitation de quelque apparence. C'était un pavillon de tournure flamande, élevé, étroit, percé de rares fenêtres irrégulières et flanqué de tourelles à pignons d'ardoise. Aux abords étaient agglomérées quelques contructions plus récentes, maison de ferme et bâtiment d'exploitation, le tout au surplus très modeste. Un brouillard bleu qui s'élevait à travers les arbres indiquait qu'il y avait exceptionnellement dans ce bas-fond du pays quelque chose au moins comme un cours d'eau : une longue avenue marécageuse, sorte de prairie mouillée bordée de saules, menait directement de la maison à la mer.

« Ce que vous voyez là, me dit le docteur en me montrant cet îlot de verdure isolé dans la nudité des vignobles, c'est le château des Trembles et l'habitation de M. Dominique. »

Cependant M. Dominique allait rejoindre ses vendangeurs et s'éloignait paisiblement, son fusil désarmé, suivi cette fois de ses chiens à bout de forces ; mais à peine avait-il fait quelques pas dans le sentier labouré d'ornières qui menait à ses vignes que nous fûmes témoins d'une rencontre qui me charma.

Deux enfants dont on entendait les voix riantes, une jeune femme dont on voyait seulement la robe d'étoffe légère et l'écharpe rouge venaient au-devant du chasseur. Les enfants lui

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

đến, người mẹ đi thong-thả, tay vừa rung một đầu cái giải áo mùi đỏ chói. Chúng tôi trông thấy ông Dominique lần lượt bẫm hai đứa trẻ ấy. Một lũ người đó trông lóng lánh mùi đẹp, đứng một chốc trong con đường nhỏ xanh ấy, chung quanh đồng-bằng yên-lặng đang lúc trời êm sắp tối. Rồi cả nhà đều về lâu-đài Trembles, mặt-trời còn soi một tia ánh sáng để chiếu cho một gia-đình sung-sướng mãi về đến nhà.

Ông Đốc-tờ thuật qua cho tôi biết rằng ông Dominique de Bray — người ta cứ gọi là Dominique thôi, là theo cái lối thân-mật ở đây họ vẫn thường dùng — là người có phẩm-tước ở đấy, làm xã-trưởng ở đấy mới vài năm nay. Ông được chức ấy, vì quyền-thế thì ít mà vì người làng quí-trọng ông thì nhiều. Ông hay giúp-đỡ những kẻ nghèo khó. Mỗi khi ông mặc cái áo ngắn thì ông cũng giống như dân trong thôn-xã, nhưng ai cũng yêu mến, quí trọng ông lắm.

Ông Đốc-tờ lại nói thêm rằng: « Ông là người tử-tế lắm, hơi quê mùa, bụng rất tốt, dễ-dãi và kín đáo, làm nhiều nói ít. Nói gồm lại một câu là nội trong xã ông có bao nhiêu người, đều thụ ân của ông hết cả.

Đêm hôm ấy đẹp biết chừng nào, giời trong-trẻo quá chừng, hình như còn đang mùa-hạ vậy. Đến nay tôi còn nhớ vì cái cảm-giác hôm ấy đều hoà-hợp êm-đềm khiến cho những dấu-tích ghi-nhớ không sâu-sắc gì lắm mà cũng phải in vào trong trí. Giăng sáng lọi, đường Villeneuve trắng như phấn với những cái nhà trắng, sáng như ban trưa, ánh sáng không gắt nhưng tỏ-rạng như ban ngày vậy. Đường cái đi qua làng vắng tanh. Đi qua các nhà cửa đã đóng, thỉnh-thoảng nghe thấy họ ăn cơm. Từng quãng một, những nhà chưa ngủ thì ánh sáng đèn chiếu qua lỗ thìa-khoá cửa hay là chỗ hốc cho mèo ra vào trông lóe ra

faisaient des gestes joyeux et se précipitaient de toute la vitesse de leurs petites jambes ; la mère arrivait plus lentement et de la main agitait un des bouts de son écharpe couleur de pourpre. Nous vîmes M. Dominique prendre à son tour chacun de ses enfants dans ses bras. Ce groupe animé de couleurs brillantes demeura un moment arrêté dans le sentier vert, debout au milieu de la campagne tranquille, illuminé des feux du soir et comme enveloppé de toute la placidité du jour qui finissait. Puis la famille au complet reprit le chemin des Trembles, et le dernier rayon qui venait du couchant accompagna jusque chez lui ce ménage heureux.

Le Docteur m'apprit alors en quelques mots que M. Dominique de Bray — on l'appelait M. Dominique tout court en vertu d'un usage amical adopté par les familiarités du pays — était un gentilhomme de l'endroit, maire de la commune, et qui devait cette charge de confiance moins encore à son influence personnelle, car il ne l'exerçait que depuis peu d'années, qu'à l'ancienne estime attachée à son nom ; qu'il était très secourable aux malheureux, très aimé et fort bien vu de tous, quoiqu'il n'eût de ressemblance avec ses administrés que par la blouse, quand il en portait.

« C'est un aimable homme, ajouta le docteur, seulement un peu sauvage, excellent, simple et discret, qui se répand beaucoup en services, peu en paroles. Tout ce que je puis vous dire de lui, c'est que je lui connais autant d'obligés qu'il y a d'habitants dans la commune. »

La soirée qui suivit cette journée champêtre fut si belle et si parfaitement limpide, qu'on aurait pu se croire encore au milieu de l'été. Je m'en souviens surtout à cause d'un certain accord d'impressions qui fixe à la fois les souvenirs, même les moins frappants, sur tous les points sensibles à la mémoire. Il y avait de la lune, un clair de lune éblouissant, et la route crayeuse de Villeneuve, avec ses maisons blanches, en était éclairée comme en plein midi, d'un éclat plus doux, mais avec autant de précision. La grande rue droite qui traverse le village était déserte. On entendait à peine, en passant devant les portes, des gens qui soupaient en famille derrière leurs volets

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

ngoài như cái vạch đỏ. Những máy ép nho đều mở cửa để cho không khí vào cái trần ở trên để máy rút ; dầu làng đến cuối, mùi nho ép, mùi rượu đương lên men, hoà lẫn với mùi chuồng gà và chuồng lợn. Cả vùng phẳng lặng như tờ, trừ có tiếng gà gáy lúc canh một là chỉ rằng đêm hôm ấy giời ẩm thấp. Trên giời đàn sáo bay gió tây đưa lại, đàn chim từ phía bắc bay về nam, bay qua làng và gọi nhau riu-rít như khách đi đường vậy. Vào khoảng tám, chín giờ bỗng thấy một tiếng rào-rào ở cánh đồng xa làm cho những con chó chung quanh đó sủa rầm lên : thì ra tiếng kèn réo-rắt trong cuộc nhảy đầm.

Ông Đốc-tờ bảo tôi rằng : « Đang nhảy đầm ở nhà ông Dominique. Nếu ngài muốn đến thăm ông, thật là cái dịp rất tốt là vì ngài phải tạ ơn ông. Khi người chủ hái nho mở cuộc nhảy đầm ở nhà thì ai cũng vào được.

Chúng tôi bèn đi vào lối Trembles, đi qua những giàn nho, trong bụng thổn-thức cảnh đẹp đêm hôm ấy. Ông Đốc-tờ cảm một cách khác, ông ngắm mấy ngôi sao lác đác trên giời mà ánh sáng mặt giăng không che lấp được, vừa đi vừa ngơ-ngẩn về nghĩ thiên-văn, riêng những người học rộng như ông mới dám nghĩ đến.

Đang nhảy đầm ở trước trại giữa sân giống như cái sân đập lúa, chung quanh có cây nhớn và có cỏ ướt hơi sương như giời đã mưa vậy. Giời sáng giăng vằng-vặc đủ chiếu cho cuộc nhảy đầm, không cần phải đèn đuốc gì cả. Trong cuộc vui nghe chừng có tụi hái nho ở nhà và độ vài người thanh-niên ở vùng đấy nghe tiếng kèn thổi thì lại. Không biết người thổi kèn có hay hay

déjà clos. De distance en distance, partout où les habitants ne dormaient pas, un étroit rayon de lumière s'échappait par les serrures ou par les *chattières*, et jaillissait comme un trait rouge à travers la blancheur froide de la nuit. Les pressoirs seuls restaient ouverts pour donner de l'air au plancher des *treuils*, et d'un bout à l'autre du village une moiteur de raisins pressés, la chaude exhalaison des vins qui fermentent, se mêlaient à l'odeur des poulaillers et des étables. Dans la campagne, il n'y avait plus de bruit, hormis la voix des coqs qui se réveillaient de leur premier sommeil, et chantaient pour annoncer que la nuit serait humide. Des grives que le vent d'est amenait, des oiseaux de passage qui émigraient du nord au sud, traversaient l'air au-dessus du village et s'appelaient constamment, comme des voyageurs de nuit. Entre huit et neuf heures, une sorte de rumeur joyeuse éclata dans le fond de la plaine et fit aboyer subitement tous les chiens de ferme des environs : c'était la musique aigre et cadencée des cornemuses jouant un air de contredanse.

« On danse chez M. Dominique, me dit le docteur. Bonne occasion pour lui faire visite dès ce soir, si vous le voulez bien, puisque vous lui devez des remerciements. Lorsqu'on danse au *biniou* chez un propiétaire qui fait vendanges, sachez que c'est presque une soirée publique. »

Nous prîmes le chemin des Trembles, et nous nous acheminâmes à travers les vignes, doucement émus par l'influence de cette nuit magnifique. Le docteur, qui la subissait à sa manière, se mit à regarder les rares étoiles que le vif éclat de la lune n'eût éclipsées, et se perdit dans les rêveries astronomiques, les seules rêveries qu'un pareil esprit se crût permises.

On dansait devant la grille de la ferme sur une esplanade en forme d'aire, entourée de grands arbres et parmi des herbes mouillées par l'humidité du soir, comme s'il avait plu. La lune illuminait si bien ce bal improvisé, qu'on pouvait se passer d'autres lumières. Il n'y avait guère, en fait de danseurs, que les vendangeurs de la maison, et peut être un ou deux jeunes gens des environs que le signal de la cor-

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

không, nhưng hắn thổi to lắm, nghe những tiếng kèn vừa dài, vừa the-thé trong ban đêm yên lặng. Tôi mới hiểu rằng ban nẫy chúng tôi ở xa cũng nghe thấy ; chung quanh nửa dặm còn nghe thấy, chắc hẳn những cô con gái đang nằm ngủ phải mơ màng đến cuộc nhẩy nhót. Các cô các cậu thay mũ đổi áo gọn gàng đi guốc, chắc hẳn cốt để đi cho vững và cho dễ bước chân để nhẩy theo lối chậm-chạp múa chân múa tay. Trong lúc ấy các con đòi tay cầm đèn nến đi qua trong sân từ dưới bếp lên nhà ăn, và khi kèn nghỉ lấy hơi thời nghe thấy cái máy rút kêu cót-két đó là chỗ các người thợ đang ép nho.

Chúng tôi gặp ông Dominique đang ở trong cái nhà thí-nghiệm của ông đầy những ván dầy, những cột trụ, những khung gỗ, những bánh xe chạy dầm-dầm, cái nhà thí-nghiệm ấy là cái máy ép nho. Trong cái nhà rộng-rãi thênh-thang ấy gióng bắc ngổn-ngang và đầy những máy to-đại, giăm ba cái đèn thắp rải-rác trong tối om. Lúc bấy giờ đang xếp những bã nho đã ép rồi thành đống lại để ép nốt nước nho còn lại. Nước nho chẩy sẽ từng giọt một xuống cái chậu bằng đá như cái máy hết nước. Có một cái ống bằng da, như cái ống chữa cháy, hút nước nho, rồi đưa xuống cái hầm sâu. Ở đấy nước nho ngửi như mùi rượu và lại gần thì thấy nóng lắm. Chỗ nào cũng thấy rượu. Các bức tường thấm nước nho đều bốc hơi choáng cả và che lấp đèn sáng như sương mù vậy. Ông Dominique đang ở trong bọn thợ, ông chèo lên cái máy rút, tay cầm cái đèn ánh sáng chiếu rõ thấy ông. Ông vẫn còn bận quần áo săn bắn, trông cũng như bọn thợ vậy, chỉ khác là họ gọi ông là ông chủ.

nemuse avait attirés. Je ne saurais dire si le musicien qui jouait du biniou s'en acquittait avec talent, mais il en jouait du moins avec une violence telle, il en tirait des sons si longuement prolongés, si perçants, et qui déchiraient avec tant d'aigreur l'air sonore et calme de la nuit, que je ne m'étonnais plus, en l'écoutant, que le bruit d'un pareil instrument nous fût parvenu de si loin ; à une demi-lieue à la ronde, on pouvait l'entendre, et les jeunes filles de la plaine devaient, sans contredit, rêver contredanses dans leur lit. Les garçons avaient seulement ôté leurs vestes, les filles avaient changé de coiffes et relevé leurs tabliers de ratine ; mais tous avaient gardé leurs sabots, disons comme eux leurs *bots*, sans doute pour se donner plus d'aplomb et pour mieux marquer, avec ces lourds-patins, la mesure de cette lourde et sautante pantomine appelée la *bourrée*. Pendant ce temps, dans la cour de la ferme, des servantes passaient une chandelle à la main, allant et venant de la cuisine au réfectoire, et quand l'instrument s'arrêtait pour reprendre haleine, on distinguait les craquements du treuil où les hommes de corvée pressaient la vendange.

C'est là que nous trouvâmes M. Dominique, au milieu de ce laboratoire singulier plein de charpentes, de madriers, de cabestans, de roues en mouvement, qu'on appelle un pressoir. Deux ou trois lampes dispersées dans ce grand espace, encombré de volumineuses machines et d'échafaudages, l'éclairaient aussi peu que possible. On était en train de couper la *treuillée*, c'est-à-dire qu'on équarrissait de nouveau la vendange écrasée par la pression des machines, et qu'on la reconstruisait en plateau régulier pour en exprimer tout le jus restant. Le moût, qui ne s'égouttait plus que faiblement, descendait avec un bruit de fontaine épuisée dans les auges de pierre, et un long tuyau de cuir, pareil aux tuyaux d'incendie, le prenait aux réservoirs et le conduisait dans les profondeurs d'un cellier où la saveur sucrée des raisins foulés se changeait en odeur de vin, et aux approches duquel la chaleur était très forte. Tout ruisselait de vin nouveau. Les murs transpiraient humectés de vendanges. Des vapeurs capiteuses formaient un brouillard autour des lampes. M. Dominique était parmi ses vignerons, montés sur les étais du treuil, et les éclairant lui-même avec une lampe de main qui nous le fit découvrir dans ces demi-ténèbres. Il avait gardé sa tenue de chasse, et rien ne l'eût distingué des hommes de peine, si chacun d'eux ne l'eût appelé monsieur notre maître.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Ông Đốc-tờ nói xin lỗi ông, vì đến thăm vào giờ đang bận, ông trả lời rằng không hề gì. Nếu không tôi lại phải nói xin lỗi ông nữa.

Tay ông cầm cái đèn, ông vẫn nói chuyện thảnh-thơi lễ-phép về cái máy ép của ông, chắc-hẳn ông chỉ lúng-túng không tìm được chỗ cho chúng tôi ngồi.

Lần đầu tôi không có gì thuật lại, chỉ là được nghe ông nói, rồi từ đấy giở đi, tôi được tiếp chuyện ông nhiều lần. Tôi chỉ nhớ rằng sau khi nói chuyện về nho, về gặt, về săn-bắn là những câu chuyện chúng tôi thường thường nói đến, thời buột nói đến tên thành Pha-Lê. Cái tên lịch-sự đó nghe hình như là một tiếng phản-đối với cái cảnh quê-mùa, chất-phác ấy lắm.

Ông Đốc-tờ thấy nói đến thành Pha-Lê thì sướng nẩy người lên mới nói « Ôi! độ nào sung-sướng nhỉ » .

Ông Dominique trả lời rằng : « Nói đến lại thêm buồn ! »

Câu nói ấy có cái giọng riêng ý-nhị hơn nhời nói thường khiến cho tôi muốn tìm tại cớ làm sao.

Khi chúng tôi về thì thợ hái nho đi ăn cơm. Lúc ấy đã khuya rồi. Chúng tôi phải trở về Villeneuve. Ông Dominique dắt chúng tôi đi đường vòng-quanh cái vườn hoa giáp-giới với những cây ở trại, rồi đến một cái sân có giàn cuốn tò-vò ở trước mặt nhà và đến đầu sân ấy thì trông ra bể. Khi đi qua cái buồng trong có đèn sáng, cửa sổ mở ra, tôi thấy người đàn bà đeo cái giải đỏ, đã nói ở trên kia, đang ngồi thêu ở cạnh hai cái giường giống nhau như đúc. Đến hàng rào thì hai bên từ-giã nhau. Chỗ sân lớn sáng trăng lòi-lọi, ở đấy không nghe thấy tiếng ầm ầm ở trại nữa. Mấy con chó đi săn về nhọc, nằm ngủ ở trước cái chuồng, cổ sích, nằm dạp trên đống cát. Đàn chim nhẩy-nhót trong đám cây xoan vì trăng tỏ quá nó tưởng là sáng rồi. Lúc ấy đang tiệc, họ thôi nhẩy đầm ; lâu-đài Trembles cùng chung-quanh láng diềng đều yên-lặng như tờ, nên nghe tiếng kèn thổi bớt giọng chói tai.

« Ne vous excusez pas, dit-il au docteur qui lui demandait grâce pour l'heure et le moment choisi de notre visite, sans quoi j'aurais trop moi-même à m'excuser ».

Et je crois bien, tant il fut parfaitement aisé et poli en nous faisant, sa lampe à la main, les honneurs de son pressoir, qu'il n'éprouva d'autre embarras que celui de nous faire asseoir commodément en pareil lieu.

Je n'ai rien à dire de notre entretien, le premier qui m'ait fait écouter un homme avec lequel j'ai beaucoup causé depuis. Je me souviens seulement qu'après avoir parlé vendange, récolte, chasse et campagne, seuls sujets qui nous fussent communs, le nom de Paris se présenta tout à coup comme une inévitable antithèse à toutes les simplicités comme à toutes les rusticités de la vie.

« Ah ! c'était le beau temps ! dit le docteur, que ce nom de Paris réveillait toujours en sursaut.

— Encore des regrets ! » répondit M. Dominique.

Et cela fut dit avec un accent particulier, plus significatif que les paroles, et qui me donna l'envie d'en chercher le sens.

Nous sortîmes au moment où les vendangeurs allaient souper. Il était tard ; nous n'avions plus qu'à regagner Villeneuve. M. Dominique nous fit parcourir l'allée tournante d'un jardin dont les limites se confondaient vaguement avec les arbres du parc, puis une longue terrasse en tonnelle occupant toute la façade de la maison, et à l'extrémité de laquelle on voyait la mer. En passant devant une chambre éclairée, dont la fenêtre était ouverte à l'air tiède de la nuit, j'aperçus la jeune femme à l'écharpe rouge, assise et brodant près de deux lits jumeaux. Nous nous séparâmes à la grille. La lune éclairait en plein la large cour d'honneur, où le mouvement de la ferme ne parvenait plus. Les chiens, las d'une journée de chasse, y dormaient devant leurs niches, la chaîne au cou, étendus à plat sur le sable. Des oiseaux se remuaient dans les massifs de lilas, comme si la grande clarté de la nuit leur eût fait croire à la venue du jour. On n'entendait plus rien du bal interrompu par le souper ; la maison des Trembles et les environs reposaient déjà dans le plus grand silence, et cette absence de tout bruit soulageait du bruit du biniou.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Vài hôm nữa, chúng tôi đi về thấy hai cái danh-thiếp của ông Dominique de Bray hôm ấy đến thăm chúng tôi. Đến hôm sau lại được cái giấy ở lâu-đài Trembles gửi lại. Giở ra là cái giấy mời rất ân-cần, ông ký tên thay bà Dominique de Bray. Nguyên có cái tiệc ở nhà mời các người lân-bang ông bà cũng mời chúng tôi lại.

Nói lại lần trước tiếp-kiến ông Dominique là được bước chân vào lâu đài Trembles, chẳng có gì đáng ghi nhớ. Đáng lẽ tôi không nói lại nữa, nhưng còn một điều tôi muốn nói qua là cái gia quyến ông Dominique. Gia-quyến ông có ba người, mà tôi đã trông thấy. Một là cô con gái mầu da ngăm-ngăm mùi đỏ tên là Clémence. Hai là cậu con giai da ngăm-ngăm vàng, người bảnh-khảnh, chóng lớn như thổi tên gọi là Jean de Bray. Còn thiếu-niên mà đã có tư cách đặc-biệt hơn người. Thứ ba là bà vợ ông trông còn trẻ tuổi lắm. Nhưng bà không ra giáng « bà-lớn » hay là còn tính con gái non-nớt. Bà rất thâm-hiểu cái tư-cách làm người vợ hiền, người mẹ từ, trông hai con mắt rất tinh-thần, nét mặt thanh-thớt người hiền-hậu lắm, nhưng không biết làm sao giáng-điệu bà u-uất, có lẽ vì bà không ra đến ngoài, không giao-thiệp với ai, thế mà là người rất có duyên và cử-chỉ hòa-nhã.

Một năm ấy chúng tôi đi lại với ông không còn có gì thân-mật lắm; chỉ giăm bận đi săn với ông và hai bên đi lại thăm-nhau đôi lần. Chả qua là mới được quen đường đi đến nhà ông chứ còn tâm-sự kín-đáo của ông tịnh không biết. Đến tháng một tôi từ-giã Villeneuve mới biết gia-quyến ông chỉ có thế thôi: từ giờ giở đi ông Đốc-tờ và tôi gọi những người ở lâu-đài Trembles là một gia-đình sung-sướng.

(Còn nữa)

Très peu de jours après, nous trouvions, en rentrant au logis, deux cartes de M. Dominique de Bray, qui s'était présenté dans la journée pour nous faire sa visite, et le lendemain même un billet d'invitation nous arrivait des Trembles. C'était une prière aimable signée du mari, mais écrite au nom de Mme de Bray; il s'agissait d'un dîner de famille offert en voisins, et qu'on serait heureux de nous voir accepter de même.

Cette nouvelle entrevue, la première, à vrai dire, qui m'ait donné entrée dans la maison des Trembles, n'eut rien non plus de bien mémorable, et je n'en parlerais pas si je n'avais à dire un mot tout de suite de la famille de M. Dominique. Elle se composait des trois personnes dont j'avais déjà vu de loin la silhouette fugitive au milieu des vignes: une petite fille brune qu'on appelait Clémence, un garçon blond, fluet, grandissant trop vite et qui déjà promettait de porter avec plus de distinction que de vigueur le nom moitié féodal et moitié compagnard de Jean de Bray. Quand à leur mère, c'était une femme et une mère dans la plus excellente acception de ces deux mots, ni matrone ni jeune fille, très jeune d'âge peut-être, avec la maturité et la dignité puisées dans le sentiment bien compris de son double rôle; de très beaux yeux dans un visage indécis, beaucoup de douceur, je ne sais quoi d'ombrageux d'abord qui tenait sans doute à l'isolement accoutumé de sa vie, mais avec infiniment de grâce et de manières.

Cette année-là, nos relations n'allèrent pas beaucoup plus loin: une ou deux chasses auxquelles M. de Bray me pria de prendre part; quelques visites reçues ou rendues et qui me firent mieux connaître les chemins de son village qu'elles ne m'ouvrirent les avenues discrètes de son amitié. Puis novembre arriva, et je quittai Villeneuve sans avoir autrement pénétré dans l'intimité de l'heureux ménage: c'est ainsi que le docteur et moi nous désignions dorénavant les châtelains des Trembles.

(à suivre)

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

KHÓC BẠN

Vận-văn của **Nguyễn-Ứng**

Than ôi, trên cõi phù-sinh,
Thoi đưa thấm thoắt như hình chiêm-bao.
Thanh-tân đang độ phong-tao,
Vội-vàng đã xuống suối đào sót-thương.

Nhớ khi anh ở Hải-dương,
Truyện-trò tri-kỷ ngày thường thiếu chi!

Từ khi anh bước chân đi,
Dặn-dò bạn-hữu hẹn khi phản-hồi.
Đường-trường cách-trở xa-sôi,
Sao anh đã vội quên lời hồi-qui ?
Bắc nam sao vội phân-ly,
Mảnh tình để cả tương-tri cũng phiền.
Chúc hồn anh xuống hoàng-tuyền,
Cho yên giấc điệp, non tiên chơi bời.

Có thiêng soi tới mấy lời,
Thấu thành chúng bạn viếng người tri-âm.

PLEURS SUR UN AMI

Poésie par **Nguyễn Ứng**

Hélas, la vie éphémère s'évanouit soudain comme un rêve. Oh, ami, pourquoi as-tu voulu, en pleine jeunesse, descendre déjà aux « Sources d'or » ? Pourquoi a-t-il fallu que, si jeune encore, tu abandonnes tes amis, les laissant seuls avec leurs tristes pensées qui s'en vont vers toi ?

Ô ami, que de longues et bonnes journées nous passâmes naguère à Haïdương à discuter avec animation .... Est-il possible qu'il ne nous reste plus, de tout cela, que ce souvenir inoubliable et si doux ?

Ô ami, lorsque tu quittas notre ville, tu nous promis d'y revenir bientôt malgré la distance qui allait nous séparer. Pourquoi as-tu si vite oublié ta promesse ? Pourquoi as-tu, si tôt, accru cette distance, en te retirant seul en ce séjour lointain, nous laissant opprimés lourdement par de douloureuses pensés ? Puisqu'il a fallu qu'il en soit ainsi, nous ne pouvons plus que te souhaiter le bonheur en ton nouveau séjour ... Puisse ton âme, en un rêve perpétuel, butiner aux monts enchantés comme un léger papillon ! ...

Ô ami, je suis sûr que ton âme est sacrée à jamais ! .. Que vers elle s'élève aujourd'hui l'hommage de mon impérissable amitié ! ...

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

ĐỘNG LIÊN HOA

Thơ thất-ngôn
của quan Hoàng-giáp **Phạm-văn-Nghị**
Nguyễn-Ứng dịch ra Pháp-văn

Ta chẳng trêu ai, chẳng ghẹo ai,
Ơn vua về ở động Thiên-thai.
Thiên-thai chỉ có non cùng nước,
Non nước làm vui gác chuyện ngoài.

Một gánh cần-câu tới thạch-bàn,
Cá tuy không được chỉ ngồi gan.
Dù ai xem giỏ cười không cá,
Không cá nhưng ta vẫn được nhàn.

Người ta sinh ra làm được công-đức lớn ở đời khi nào mình có nghị-lực khắc-kỷ.

MASSILLON

BỘ GIÁNG XINH ĐẸP!

Tranh vẽ khôi-hài

của MẠNH-HƯNG.

LES BEAUTÉS DE LA PHOTOGRAPHIE

Dessin humoristique,

Par MẠNH-HƯNG.



— Ông bà đứng yên nhé! Trông tự-nhiên lắm đấy!
— Ne bougeons plus! Vous êtes d'un naturel parfait!

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

LA GROTTE AUX NÉNUPHARS

Poésie

par **Phạm-văn-Nghị**, docteur en caractères chinois

Traduction en français par **Nguyễn-Ứng**

Grâce à la faveur du roi, je puis aujourd'hui, chargé d'ans mais heureux, me retirer dans mes grottes de Thiên-Thai. Le monde ne m'y préoccupe point et je ne songe pas à l'aller chercher. Ces grottes, dans le merveilleux cadre des eaux et des monts, me plaisent infiniment ... Et ce spectacle occupe à ce point ma pensée qu'il en bannit tous les soucis qui nous viennent des hommes.

Canne à pêche en main, je viens m'asseoir confortablement adossé à un gros bloc de pierre. Bien que cette pêche reste toujours sans le moindre résultat, je demeure là indéfiniment, immobile et silencieux. Si quelqu'ami, remarquant le vide perpétuel de mon panier au poisson, venait à m'en railler, je lui répondrais : Et que m'importe, à moi, la capture du poisson ! Ce qui vaut cent fois mieux, c'est la liberté, le repos, et la paix.

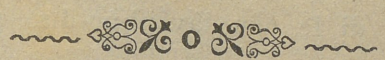

On est né pour les grandes choses quand on a la force de se vaincre soi-même.

MASSILLON

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

BẢNG DANH-DỰ CỦA NGƯỜI VIỆT-NAM

Tòa-Soạn ghi-chép

Ninh-Bình — Một việc phúc-đức đáng khen. — Chuyến xe hỏa 72 ở Thanh-hóa ra gần tới Ninh-bình hồi 8 giờ sáng hôm 25 thì trong toa hạng tư có một người đàn bà trạc độ tam-tuần có lẻ, nhân đi trẩy hội Hàn-sơn về, đến đấy thì giở-dạ đẻ; một mình lăn-lóc trong một góc toa, đồ-trung lữ-thứ, tứ-cố vô-thân, còn khổ gì hơn bằng cơn đau đẻ, vả lại đương cơn mưa gió, nào ai là người ra tay cứu giúp lúc kinh nguy! Mà lạ thay! hôm ấy lại nhằm vào ngày các bà đi trẩy hội về đông, người thì chật ních mà chẳng có một ai thấy người đàn bà kia nằm lìm lịm giấc, chỉ còn thoi-thóp thở, mà nỡ tâm chỉ giương mắt ếch ngồi xem; nào mụ thì ghê bẩn xắn quần xắn áo chạy nhao-nhác toa nọ sang toa kia, mụ thì nói luyên-thuyên: chửa gần đến tháng đẻ lại còn mang thân ô-uế vào nơi cửa phủ cửa đền chẳng trách ngài phạt là phải. Ôi! chẳng biết các bà đi lễ cầu lấy phúc-đức gì mà nhẫn-tâm thế được?

May đâu! đương cơn nguy-cấp thì có một ông **thanh-niên** Âu-phục vội-vàng chạy đến bỏ ngay áo ngoài ra, chẳng quản mình không quen nghề hộ-sinh, bèn mời các bà léo-xéo giẫn ra chỗ khác, rồi đỡ người đàn bà lên ghế, nâng-đỡ nhẹ-nhàng, chừng giăm phút thì thằng bé con giai đã chui trong bụng mẹ ra mà oe-oe tiếng khóc, ông đỡ ngay lấy đứa bé tay thì móc miệng, tay thì cắt rốn, cắt rau, vừa đến ga Ninh-bình thì có cáng của nhà ga đưa cả mẹ lẫn con người đàn bà kia vào nhà thương ngay lập-tức.

TABLEAU D'HONNEUR ANNAMITE

par **la Rédaction**

Ninh-Bình. — Acte de charité digne d'admiration. — Au moment où le train 72 venant de Thanh-Hóa allait arriver à Ninh-Bình, une voyageuse de 4e classe, âgée d'une trentaine d'années et qui se rendait en pélerinage au temple de Han-Sơn, fut prise soudain des douleurs de l'enfantement. Le temps était orageux, et cette malheureuse qui voyageait sans amis ni parents, entourée d'étrangers, se roulait lamentablement sur le plancher du wagon sans que personne songeât à l'assister.... Et cependant, plusieurs autres femmes se rendant au même pélerinage se trouvaient là aussi : mais elles s'éloignaient toutes en disant: « Il est vraiment absurde de partir en pélerinage lorsqu'on est dans cet état!... ». Le spectacle est odieux de ces femmes qui accourent aux temples pour mendier leur bonheur aux génies et qui restent froidement insensibles devant le malheur des autres!...

Fort heureusement au moment le plus critique survint **un jeune homme annamite**, vêtu à la Française, qui s'empressa auprès de celle qui souffrait. Invitant les bavardes à disparaître, il n'hésita pas, malgré ses faibles connaissances en obstétrique, à remplir les fonctions de sage-femme. Se débarrassant rapidement de son veston, il enleva la femme et la posa doucement sur la banquette... Cinq minutes plus tard, le nouveau-né saluait le jour par des cris perçants! Le jeune homme le reçut avec une habileté toute féminine... puis, le tenant d'une main, de l'autre il débarrassa la bouche des mucosités, puis coupa le cordon ombilical. Dès l'arrivée à Ninh-Bình, l'accouchée et l'enfant furent transportés à l'hôpital sur un brancard de la gare.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Đáng khen thay cái lòng hào-hiệp của ông đã gia tay can-đảm cứu được mẹ tròn con vuông, như thế có lẽ còn được phúc hơn là các mụ ngồi trong toa ấy cũng hãnh-diện là các bà đi lễ đền.

(*Trung-Bắc-Tân-Văn* -- 26 juillet 1923)

*
* *

Hanoï — Việc đáng khen. — Hồi 22 giờ hôm chủ nhật, có **một người phu-xe** đến gõ cửa nhà M. B. ở phố hàng Bún rồi trao giả chủ-nhân cái túi tay bằng bạc trong đựng nhiều giấy má và một số tiền nhỏ cùng các đồ-vật nói rằng của một người đàn bà đầm ở nhà ấy bỏ quên trên xe.

M. B. nhận ra không phải túi bạc của mình bèn dẫn người phu xe đến sở Tuần-cảnh hàng Đậu nộp túi ấy. Ông Cẩm tỏ lời khen rồi ban-thưởng cho người phu-xe.

(*Thực-nghiệp dân-báo* — 7 Novembre 1922)

*
* *

Hanoi — Lòng thực-thà của một nhà buôn — Bản-quán nhận được bài sau này: Tối hôm qua, hồi 7 giờ, tôi lại trả tiền câu đối sơn ở hiệu **Trí-thành** phố hàng Mã-mây. Khi trở về, tôi vô-ý bỏ quên ở hiệu ấy một cái ví da, trong có các giấy-má vặt và một số tiền 40 đồng bạc giấy

Về đến nhà, tôi vẫn chưa biết rằng mất; được một lát sực thấy ông Trí-thành chủ hiệu câu đối ấy thân-hành đem hoàn lại cái ví và y-nguyên cả số tiền cho tôi. Thấy lòng hảo-tâm ông Trí-thành quí-hóa như thế, tôi xin biếu ông

Que ce jeune inconnu soit béni pour avoir su, par un tel acte de charité, soulager les souffrances d'une pauvre femme. Par un geste comme celui-là il a attiré sur sa tête cent fois plus de bénédictions du ciel que ne sauront le faire jamais ces voyageuses, sottement vaniteuses de leur pèlerinage, mais capable de rester insensibles devant une telle souffrance.

(*Trung-Bắc-Tân-Văn* — 26 Juillet 1923)

*
* *

Hanoï. — Acte de probité exemplaire. — Dimanche dernier, à 10 heures du soir, **un coolie pousse-pousse** se présenta chez M. B..., rue des Vermicelles, et lui remit un sac en argent contenant une petite somme, quelques papiers assez importants, et divers menus objets, en disant qu'il avait trouvé dans sa voiture ce sac qui devait appartenir à une dame française domiciliée dans la même maison. M. B..., qui n'était pas propriétaire du sac, amena au poste de police du 2e arrondissement ce brave coolie qui y déposa sa trouvaille et reçut en échange les félicitations du Commissaire de police accompagnées d'une petite gratification.

(*Thực-Nghiệp dân-báo* — 7 Novembre 1922)

*
* *

Hanoï. — Acte de probité. — Nous avons reçu le communiqué suivant: Je passai hier soir, vers 7 heures, à la maison **Trị-Thành**, rue des Pavillons-Noirs, pour y régler une commande de panneaux. J'y laissai par mégarde, après mon départ, un porte-monnaie contenant 40 $, et divers papiers assez importants pour moi.

Rentré chez moi, je ne m'étais pas encore aperçu de cet oubli, lorsque le propriétaire de la maison Trị-Thành se présenta en personne à mon domicile, me rapportant ce qui m'appartenait. Touché de sa probité, je lui offris aussitôt une

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

5 đồng, song nhất-định từ-chối không chịu nhận. Cái lòng trọng nghĩa khinh tài của một nhà buôn như ông trong thời-buổi này thật hiếm có lắm vậy.

Nguyễn-văn-Khang

(*Trung Bắc Tân Văn* — 3 Décembre 1922)

* * *

Vinh- Việc thực-thà- Sáng ngày chủ-nhật 9 Décembre tên bồi « rọn phòng »**Nguyễn-văn Hoi,** người làng Lương-yên, tỉnh Hà-đông, làm việc tại nhà Khách-sạn lớn ở Vinh, khi đang lau quét gian buồng mà ông Ducos giám-thị sở Công-chính ở Cho-tuong (gần Vinh) vừa mới ở đó đi ra, thì bắt được một cái ví đựng một nghìn bốn trăm bốn mươi bảy đồng bạc và các giấy có giá-trị khác nữa. Tên bồi ấy vội-vàng đem ví trao cho phòng giấy của nhà khách-sạn.

Việc thực-thà này đáng để nhiều người biết, ta mong rằng người làm việc ấy sẽ được thưởng-tứ sứng-đáng.

(*France-Indochine*, 14 Décembre 1923)

Khi người nào làm việc thiện mà không để tâm đến công-quả thì tính nóng-nảy và lòng dục-vọng phải nguội-tắt đi.

Sách phật

somme de 5$ qu'il refusa obstinément. Un homme dont le cœur sait préférer la vertu à l'argent est malheureusement assez rare de nos jours pour qu'il vaille la peine de le citer.

Nguyễn-văn-Khang

(*Trung-Bắc-Tân-Văn* — 3 Décembre 1922)

* * *

Vinh. — Acte de probité. — Dimanche matin, 9 Décembre, le boy chambre, nommé **Nguyễn-văn-Hợi** du village de Lương-yên, province de Hadong, employé au Grand Hôtel de Vinh, en nettoyant une chambre que venait de quitter M. Ducos surveillant des T.P. à Cho-tuong (près Vinh) a trouvé un portefeuille contenant mille quatre-cent quarante-sept piastres et des papiers de valeur, qu'il s'est empressé de remettre au bureau de l'hôtel.

Cet acte de probité méritait d'être connu, et nous espérons que celui qui en fut l'auteur en sera récompensé comme il le mérite.

(*France-Indochine*, 14 Décembre 1923)

Lorsque celui qui fait le bien cesse de se préoccuqer du résultat de son acte, l'ambition et la colère s'éteignent.

Texte bouddhique

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

A NOS AMIS FRANÇAIS

par **P. Monet**

Nous communiquons ici à nos amis français le texte d'une circulaire que nous avons adressée récemment à diverses personnalités amies de notre œuvre.

Hanoï, le 28 Novembre 1923

Monsieur,

En raison de l'intérêt que vous avez bien voulu témoigner jusqu'à ce jour à notre Société, j'ai l'honneur de porter à votre connaissance les faits suivants :

Ainsi que je l'ai dit et publié depuis notre fondation, j'ai obtenu, peu de temps après l'armistice, pour m'aider à créer le F.E.A., un crédit alloué par M le Dr. John Mott, Directeur général de l'œuvre des Foyers : ce crédit a été prélevé sur l'œuvre des Foyers du Soldat transformés à cette époque, en œuvres post-guerrières, sans qu'aucune directive ou indication quelconque m'ait été donnée pour leur emploi dans l'œuvre toute personnelle et hautement patriotique que j'ai fondée ici de ma seule initiative Cependant de violentes attaques ont été faites contre notre Société par une certaine presse, tendant à accréditer l'opinion que mon " F.E.A." et ma personne étaient au service de l'Amérique. Quelque invraisemblable que cela puisse paraître, de telles allégations ont trouvé des auditeurs complaisants et, bien que les attendus du jugement qui a été rendu dernièrement à ce sujet aient fait bonne justice, il n'en résulte pas moins que la pensée d'une telle opinion est insupportable à un officier français dont toute une vie d'honneur a été consacrée à servir son pays de toutes ses forces. Il est lamentable que, dans ce pays, on

trouve incroyable qu'un homme comme moi ait pu mettre tout ce qu'il avait au service désintéressé d'un idéal patriotique et que l'on trouve beaucoup plus vraisemblable qu'il ait pu se vendre à l'étranger..... Je suis autorisé à faire sur ces sujets d'amères réflexions.

Devant un tel état de choses, j'ai décidé de faire abandon de la somme qui me restait encore disponible sur ce crédit et que je comptais employer en 1924, et je viens d'écrire à M. le Dr. John Mott que je lui laissais le reliquat de cette somme. L'acompte que je recevrai le mois prochain sera donc le dernier. C'est une somme d'environ cent mille francs dont je fais ainsi abandon.

A l'avenir, mon œuvre du Foyer des Etudiants Annamites, œuvre de développement moral très strictement neutre au point de vue religieux, hautement patriotique, collaboratrice bénévole de la politique en Indochine de Monsieur le Ministre Albert Sarraut, n'aura donc plus pour vivre que les fonds de provenance indigène et ceux que le Gouvernement voudra bien, le cas échéant, lui allouer. Il est sans doute superflu que j'indique que ces sommes sont entièrement destinées à mon œuvre, sans aucune affectation personnelle, ainsi qu'il appert de notre comptabilité très strictement tenue et régulièrement publiée dans notre Revue.

Avec l'expression de notre vive reconnaissance pour l'appui moral que vous avez bien voulu nous accorder, veuillez agréer, Je vous prie, Monsieur, etc.....

Signé: P. Monet

En écrivant à M. le Dr. John Mott pour faire abandon de ce qui nous restait sur le crédit qu'il m'avait accordé, sur ma demande personnelle, pour faire mon œuvre personnelle, selon mes conceptions personnelles, avee ses statuts, son but et ses méthodes personnels, je lui ai exprimé ma très vive reconnaissance pour la générosité, morale encore plus que matérielle, dont il avait fait preuve en consentant à nous faire accorder ce crédit (en 1919, à l'époque où nous recevions en France les ambulances, puis les escadrilles, puis les Foyers du Soldat,

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

puis les fusils, les canons, les munitions..... et enfin le sang américains) sans nous avoir *jamais rien demandé* en échange, propagande ni service d'aucune sorte, sans avoir jamais tenté si peu que ce soit de nous donner telle ou telle indication, d'intervenir en quoi que ce soit dans la marche de notre œuvre, agissant ainsi avec une générosité, une élévation de caractère telles que certaines personnes, ici, se sont refusées à y croire. L'œuvre des Foyers du Soldat, qui à l'époque où j'obtins ce crédit, transformait ceux-ci en œuvres post-guerrières, me l'avait alloué, sur ma demande transmise et appuyée par le Dr. Mott, à condition que je fonde un Foyer des Annamites démobilisés avec latitude de faire tout ce que je voudrais à côté, de ma seule initiative et sous ma seule responsabilité. Mon départ pour l'Indochine ayant été, pour raisons de famille retardé d'un an, puis de 6 mois, ces Américains respectèrent leur promesse et, bien qu'il n'y eût plus de démobilisés, me maintinrent ce crédit promis sans que jamais il y ait eu corrélativement de ma part l'ombre d'une obligation quelconque relative à l'œuvre que j'avais seul conçue, que j'ai seul exécutée.

Que des Français d'Indochine aient pu se refuser à croire qu'il existât au monde des hommes au cœur assez généreux pour avoir consenti un tel don dans de telles conditions (alors que les exemples en sont pourtant bien nombreux), sans arrière-pensée basse et intéressée, qu'ils se soient refusés à croire qu'un officier français qui a donné toute sa vie, toutes ses forces au service de son pays ait pu être assez féru d'idéal, d'amour de ce pays et de celui où nous sommes pour tout abandonner et fonder une telle œuvre sans autre désir que celui de **servir**, et de **faire du bien** – que ces mêmes français aient préféré croire, le jugeant plus vraisemblable, que cet officier fils, frère et neveu d'officiers supérieurs n'ait pu revenir en Indochine que pour y « faire une affaire » — et quelle affaire : celle d'un fourrier de l'étranger ! .... — voilà qui est incroyable pour tous ceux qui n'ont pas vécu ici, voilà qui nous a stupéfié et qui, toujours, nous serrera le cœur douloureusement...

Amis, je vous demande de faire comprendre à ceux-là, ce qui ne doit pas être pourtant absolument impossible, que

leur attitude fait peu d'honneur à leurs qualités de jugement et qu'elle est de nature à inspirer une triste opinion de leur développement moral, un tel scepticisme devant l'amour du bien impliquant malheureusement une incapacité foncière à éprouver de tels sentiments. Pour nos protégés qui nous écoutent et nous regardent, pour nous tous qui avons besoin de sentir bien ancrée au fond de nous-mêmes la conviction de la haute moralité de la tâche que nous poursuivons ici sous des aspects divers, il faut absolument que nous puissions croire que ces Français-là ont été en très infime minorité. Amis, lisez notre Revue et surtout faites-la lire et connaître autour de vous. Il n'est pas possible que ceux qui connaîtront notre effort considérable au service de la plus noble politique française en ce pays continuent à s'en désintéresser et à nous laisser seul et le cœur serré supporter un tel fardeau. Qu'ils se renseignent, ceux qui sont doués d'un jugement droit, autrement que par la lecture des articles plus que partiaux de tel journal. Ils verront que nous n'avons cessé d'exalter devant nos protégés l'œuvre que nos compatriotes font dans ce pays, ne laissant jamais échapper une occasion de faire particulièrement l'éloge de ceux qui, dans l'enseignement et dans l'administration ont à porter la plus lourde part du fardeau, rendant hommage au dévouement, à l'abnégation de tous ceux qui, à quelque titre que ce soit, sont ici au service d'un idéal et s'efforcent à faire du bien autour d'eux. Et lorsqu'ils auront compris que celui qui a tout consacré à fonder ici cette œuvre et qui, non seulement n'a jamais attaqué personne, mais encore a toujours donné à tous louanges et encouragements, que celui-là a été attaqué de tous les côtés, vilipendé et honni comme remerciement d'un tel effort, ils seront soulevés d'indignation et *voudront* que cela ne soit plus... Et ce jour-là, nous ne serons plus seuls ; Du jour où nous serons compris, nous serons soutenus.

Il est impossible que des *Français* (avec tout ce que ce mot contient de grand et de généreux) ne comprennent pas que le développement moral d'une jeunesse comme celle que nous avons ici est *la tâche essentielle* du grand peuple que nous sommes; il est impossible qu'ils ne voient pas qu'une crise très

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

grave se produit présentement à ce sujet, et que faute de vouloir la regarder en face et y parer énergiquement par tous les moyens *nous courons aux abîmes, très certainement*; il est impossible qu'ils ne s'enthousiasment pas pour une telle tâche et qu'ils ne viennent pas *tous* se ranger à nos côtés, il est impossible qu'ils veuillent que plus tard on puisse dire : « Un homme s'est donné de tout son cœur, de toutes ses forces à cette tâche; il a compris que, pour vaste qu'elle fût, il fallait qu'elle fût entreprise par des moyens nouveaux, plus souples, plus plastiques et aussi plus généralement adaptés que ceux existant, et que la jeunesse annamite est modelable si l'on se donne la peine de s'en préoccuper... Et dans cette œuvre il n'a trouvé des Français d'Indochine que dédain, suspicion, calomnies, tous l'ont repoussé, et il a succombé, sous le faix.... ». Amis français, vous ne voudrez pas cela!.....

*
* *

Ainsi que je l'ai dit dès le début à tous autour de moi et imprimé à plusieurs reprises (voir « Une lettre de M. Monet », publiée par « l'Avenir du Tonkin » du 7 mai dernier et reproduite par notre n° 1 page 122. Voir aussi ma « Réponse à X*** » page 18), je me suis occupé ici, *en dehors de mon œuvre du Foyer* d'une petite « mission d'études » (comprenant deux hommes) envoyée par les protestants français, et ayant pour objet de se rendre compte sur place *si le protestantisme ne pourrait pas être représenté en Indochine, auprès des indigènes, autrement que par des anglo-saxons.* (2) C'est à titre purement bénévole que je m'acquittais de ce soin, ne recevant rien et donnant beaucoup. J'avais bien stipulé en acceptant de m'occuper de cette mission d'études que mon Foyer resterait absolument en dehors de toute organisation confessionnelle. On peut faire beaucoup de bien et servir excellemment un idéal d'inspiration chrétienne (au sens étymologique de ce mot) sans faire en aucune façon œuvre de propagande religieuse, en observant une neutralité bienveillante envers toutes les

(2) — Inutile de dire que M. le Dr J. Mott était tout-à-fait en dehors de cette « mission d'études ».

religions quelles qu'elles soient : ce n'est nullement là leur être hostile, c'est au contraire leur être favorable *à toutes*, en ouvrant les bras à *tous*, en permettant à *tous* de se trouver d'accord sur le terrain des grandes vérités morales éternelles. . . . Hélas ! . . . une telle attitude fut admirablement incomprise avec une touchante unanimité, chaque parti sectaire nous tomba sur l'échine « à bras raccourcis ». . . . et celui qui nous porta les plus rudes coups fut celui-là même que nous considérions comme un frère. Pendant un an, ce fut une opposition sourde acharnée : on excita contre moi certain missionnaire étranger qui venait jusque chez moi m'insulter et me traiter de « bouddhiste et païen ». On poussa contre moi tel directeur de journal qui mena alors une retentissante campagne, en lui disant que mon Foyer était une œuvre protestante, mais « camouflée » . . , « pourvue d'un faux-nez » (1) - et, *en même temps*, on isolait de moi les protestants, en leur disant que j'étais un lâcheur, un faux-frère qui faisait un «Foyer» strictement neutre et laïque alors qu'il avait annoncé s'occuper d'une mission d'études protestante ! . . . Bref en créant et entretenant habilement une confusion entre la mission d'étude et le Foyer, en tenant à chacun le langage le mieux destiné à l'irriter contre moi, on réussit à m'isoler complètement et à m'entourer d'un mur de suspicion et même de haine . . . Et pourtant je métais aussi consciencieusement acquitté de mes fonctions bénévoles dans cette mission d'études protestante que j'avais consiencieusement observé la neutralité religieuse dans *mon* œuvre du Foyer. Il me semble que le seul fait que j'étais connu comme protestant, moi, Directeur de ce Foyer neutre, constituait une propagande suffisante pour cette forme de religion : il ne tenait qu'à ses pasteurs ou missionnaires d'y avoir, tout comme les prêtres ou frères catholiques, leurs grandes et petites entrées comme membres donataires ou bienfaiteurs. Je serais heureux de les voir tous fraternellement réunis à mon Foyer, y fréquentant nos jeunes gens, à la seule condition

(1) — Ceci a été imprimé à plusieurs reprises par ce directeur de Journal, et déclaré par lui publiquement de la façon la plus formelle.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

qu'il s'y abstiennent de propagande religieuse, . . (1) Hélas ! . . cent fois hélas ! ... Suis-je en retard ou en avance sur mon temps, je ne sais... mais le résultat est que moi qui n'ai jamais attaqué ni critiqué personne, qui n'ai fait que du bien, qui ai ouvert mes bras à tous, j'ai été pourchassé et traqué par tous avec une haine incomparable . . Merveilleuse, expérience de l'âme humaine ! . . On ne s'étonnera pas, après cela, que j'ai acquis la conviction suivante : Beaucoup de gens qui, ne prononcent jamais les noms de « Dieu » ou de « Jésus-Christ », et parlent seulement de « Vérité », « Justice », « Beauté », « Bonté », « Solidarité », etc, tout en ayant sincèrement au fond de leur cœur l'amour des idées que représentent ces mots et le sincère désir de les réaliser dans leur vie, tout en se croyant athés et rationalistes, sont cependant, en réalité, parfaitement déistes et chrétiens (mais ils le sont à la façon dont M. Jourdain faisait de la prose...) ..... Ils sont très certainement beaucoup plus chrétiens (toujours au sens étymologique de ce mot !...) que ceux qui se réclament de certaines religions chrétiennes, mais donnent le spectacle de gens autoritaires, orgueilleux, hypocrites, vindicatifs et haineux poursuivant avec persévérance leurs œuvres de destruction avec large distribution d'excommunications à la ronde, ou bien ne savent, devant les pires choses, que prouver leur veulerie en levant les yeux et les mains au ciel et marmottant des citations de textes sacrés qu'ils rendent ainsi ridicules et odieux. Tous ceux-là ressemblent bien peu au Maître dont ils se réclament ! ... Ma foi, après de très sévères et fort dures expériences, mon choix est fait, et c'est vers les premiers que je vais, laissant avec horreur les derniers à leurs hypocrites oraisons — et si je choisis ainsi, c'est précisément parce que je suis fidèle à mon idéal, à mes convictions, et non pas parce que je les aurais reniés.

Mon Foyer continuera comme par le passé à rester très strictement neutre au point de vue religieux; nous nous efforcerons de faire comprendre aux jeunes Annamites l'in-

(1) — Voir à la fin de cet article, en extrait d'une brochure naguère écrite par nous, le passage relatif à cette question.

fluence profonde qu'a pu avoir sur le développement de notre civilisation les principes de sublime morale que donna au monde Jésus-Christ, *en accord parfait, d'ailleurs, avec les enseignements admirables de Confucius et de Bouddha.* Notre action restera nettement en dehors de toute action religieuse, mais ne lui sera jamais opposée. J'affirme même qu'elle la préparera. Lorsque j'aurai présenté à mes jeunes gens en me plaçant au seul point de vue historique et moral la sublime figure *humaine* du Nazaréen en essayant de leur faire aimer son enseignement de fraternité universelle, qu'est-ce qui empêchera les missionnaires (catholiques ou protestants) de prendre ensuite ces mêmes jeunes gens et de leur dire : « On vous a parlé « d'un sublime enseignement moral » tout humain. Mais ne voyez-vous pas que l'explication purement humaine est singulièrement insuffisante; cette conception humaine est incapable de vous exprimer une réalité infiniment plus élevée... etc », et chacun d'interpréter alors, selon ses théologies particulières, le côté divin, l'explication *religieuse* du fait historique et humain que je leur aurai présenté. Je ne désespère pas qu'un jour viendra où je serai enfin compris de ces personnes dont je ne cesserai de faire, devant nos jeunes gens, l'éloge que méritent la sincérité de leur conviction, leur dévouement, leur abnégation, et qu'on répondra alors à ma main tendue autrement que par une main placée derrière le dos... lorsque ce n'est pas même par un plus grave affront.

Enfin, je proteste d'avance, *et de la façon la plus formelle* contre tout écrit quel qu'il soit qui tendrait à établir l'existence d'un lien, d'une subordination, corrélation ou dépendance quelconque entre mon œuvre personnelle, libre, et religieusement neutre du Foyer et les représentants, sectateurs ou ministres, d'une quelconque des religions existant sous le soleil : protestantisme, catholicisme, bouddhisme, confucianisme, taoïsme, mahométisme,... ou zoroastisme. De tels écrits, rédigés et publiés en dehors de moi, à mon insu et sans mon autorisation doivent être considérés, en ce qui me concerne, comme nuls et non avenus.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Extrait d'une «Réponse à X···» concernant le F. E. A. (page 18) «Je suis tout-à-fait d'accord avec M. X** (ah ! quelle satisfaction ! . .) lorsqu'il démontre, comme il l'a fait dans son journal (au cours d'un article qu'il écrivit, je crois, à propos de la fondation de l'Ecole des Hautes Etudes de Hué) que tout ce qu'il y a de plus grand, de plus noble dans notre civilisation, ce qui a vraiment contribué à l'orienter vers le progrès provient, sans que bien souvent nous en ayons conscience, de tout ce qu'elle a reçu du grand principe chrétien (M. X··· écrit « du christianisme », tout en pensant bien que ce mot est synonyme de catholicisme... mais c'est égal, nous sommes d'accord quand même...). Je crois aussi que les Extrêmes-Orientaux auraient beaucoup, beaucoup à gagner par la connaissance et la pratique de ces principes qui viendraient revivifier, confirmer, et singulièrement élever et développer ceux du grand saint, du sublime inspiré que fut Bouddha : tels traits de sécheresse de cœur, de dureté implacable envers celui qui n'appartient pas au cercle étroit de la famille, telle incompréhension foncière du dévouement, des grands devoirs de solidarité, qui se manifestent chez certains d'entre eux (pas chez tous, il s'en faut de beaucoup) disparaîtraient s'ils avaient la révélation et la compréhension profonde de cet amour fraternel dont le Christ a payé l'affirmation de son sang et de sa vie. Et, l'atavisme aidant, je suis persuadé qu'un relèvement considérable du niveau moral de ces peuples, et, par suite, de leur situation politique et de leur vraie valeur comme « élément humain » en résulterait nécessairement... Et c'est pourquoi, après une série de conférences sur la « civilisation orientale » où je m'efforce de les rattacher à leur passé, en leur rappelant les grandes beautés des enseignements de Confucius, Lao-Tze, Bouddha, et les nobles figures que ces enseignements ont produites parmi leurs ancêtres je m'applique ensuite à les diriger vers l'avenir par une série sur la « civilisation occidentale » où nous étudions l'influence sur notre civilisation de la culture gréco-romaine et de la grande figure du Christ que nous leur présentons pour terminer... Oui, Monsieur X***, ne vous déplaise, il y aura à mon foyer **laïque** et **neutre** une conférence sur Jésus-Christ — c'est au point de vue strictement historique et moral que nous l'étudierons, comme nous avons étudié Confucius, Lao-Tze et Bouddha, comme nous étudierions Descartes, Spinoza, Kant ou Renouvier si nous voulions leur faire un cours de philosophie. Ceci n'a aucun rapport avec ce qu'il est convenu d'appeler « la religion ». — Nous passerons complètement sous silence, nous ignorerons totalement, comme nous l'avons fait pour le bouddhisme, par exemple, les différentes formes de religion qui ont pu prendre naissance et se développer en partant de cet enseignement... Nous ignorerons tout de l'apôtre Paul, des Pères de l'Eglise des Conciles, de la Confession d'Augsbourg, de Luther, Calvin et X. C'est l'esprit du sermon sur la montagne et des paraboles qui **seul** nous intéressera, par l'examen de l'influence qu'il a pu avoir sur tout le développement de notre civilisation, sur toutes ces grandes figures de notre histoire, qu'elles soient celles de catholiques ou de protestants, mots que nous ne prononcerons même pas... Et si certains de nos jeunes gens, ayant suivi

toute la série de nos conférences, sachant (non pas par nous) que cet enseignement chrétien a donné naissance à certaines religions, éprouvent le désir de connaître celles-ci, eh bien, mais, c'est très simple : ils iront trouver, à leur choix, le R.P. Dronet ou M. le Pasteur Bois : c'est leur affaire, cela ne me regarde pas, c'est complètement en dehors de ma compétence et je me garderai bien de m'en mêler... Quelle que soit la direction qu'ils prennent, je m'en réjouirai avec la même sincérité, et je me réjouirai encore s'ils ne vont trouver personne mais gardent seulement de mon enseignement la conviction profonde qu'il y a de grandes et sublimes vérités **qui doivent être vécues**, s'ils s'appliquent alors à mettre dans leur vie la recherche d'un idéal, et si j'ai pu ainsi lutter contre la sotte vanité et l'égoïsme, et attaquer par là leurs ennemis nationaux qu'on appelle vénalité et concussion, pour le plus grand bien de leur pays et de la France qui les guide généreusement dans sa marche à la lumière et au progrès. Et s'il plaît à des prêtres catholiques, à des frères des Ecoles chrétiennes, à des pasteurs, à des évangélistes, à des bonzes ou à des rabbins (variété encore inconnue sous nos climats) d'avoir leurs grandes et petites entrées au F.E.A. en s'y faisant inscrire comme membres bienfaiteurs, ils y seront tous reçus avec la même cordialité, à la seule condition qu'ils se gardent strictement de toute propagande religieuse lorsqu'ils se trouveront parmi nous — de même que, lorsqu'il m'arrive de recevoir à ma table un vendredi un jeune Annamite catholique, j'ai soin de lui permettre de faire les « repas maigres » que lui prescrit sa religion et suis heureux, si l'occasion s'en présente, de faire devant lui l'éloge de l'abnégation des missionnaires catholiques et de leur grande élévation morale en évitant soigneusement de m'engager sur le terrain religion.

. . . . . .

. . . . . .

. . . . . .

J'ajouterai enfin que lorsque le Foyer, ou Cercle, dont la création est projetée rue Borgnis-Desbordes ouvrira ses portes à la jeunesse annamite, **je m'en réjouirai très sincèrement**, et c'est de tout cœur que je lui souhaiterai la bienvenue et lui tendrai la main, en me félicitant de voir mon exemple suivi (avec une grosse différence, cependant : ce cercle sera catholique, **tandis que le mien n'est pas protestant**) et de penser que nous serons plus nombreux pour travailler au progrès moral de nos jeunes protégés... Tout au plus aurai je un discret sourire en constatant que les méthodes qui ne méritaient hier que cris d'horreur et réprobation deviennent soudain excellentes lorsqu'elles sont mises au service des amis de celui qui nous vouait au gibet.....

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

JUGEMENT

Prononcé le 21 novembre 1923 au Tribunal Correctionnel de Hanoi pour l'affaire **Dandolo** contre **Monet**

Conformément à mon droit reconnu par le paragraphe 2 de l'article 39 de la loi du 29 Juillet 1881, je publie ci-après sans commentaires le jugement qui a terminé le procès que m'avait intenté M. Dandolo à la suite de ma "Réponse".

P. MONET

EXTRAIT DES MINUTES DU GREFFE DU TRIBUNAL DE PREMIERE INSTANCE DE HANOI (TONKIN)

Du vingt et un Novembre 1923

Dandolo et le Ministère public contre Monet Paul

Jugement contradictoire

Le Tribunal de première instance de Hanoi a, en son audience publique du vingt et un Novembre mil neuf cent vingt trois, jugeant en matière correctionnelle, rendu le jugement suivant :

Entre le sieur Marc Dandolo Directeur de l'Avenir du Tonkin, domicilié à Hanoi, Rue Jules Ferry, N° 114, pour lequel élection de domicile est faite en ladite ville rue des Teinturiers, No 15 à l'étude de Maître Boyé clerc assermenté de Me Chrétien Huissier à Hanoi ; Partie Civile ;

comparant en personne

Et Monsieur le Procureur de la République près le Tribunal de première instance de Hanoi, partie jointe ;

D'une part ;

Et le sieur Paul Monet quarante ans, Directeur du Foyer des Etudiants Annamites pris : 1° en son nom personnel, 2° en sa qualité de gérant du Bulletin du Foyer des Etudiants Annamites, publication éditée à Hanoi et dont ledit sieur Paul Monet est le gérant, domicilié à Hanoi rue de Vong Duc, N° 5, capitaine honoraire, sans condamnation antérieure, fils de feu Alexandre et de Marthe Lalhéougue, né à Angers (Maine-et-Loir) marié, trois enfants ;

prévenu d'injures et de diffamation ;

comparant en personne ;

D'autre part ;

Par exploit enregistré de Boyé, clerc assermenté de Chrétien Huissier à Hanoi, en date du quinze Octobre 1923, le sieur Marc Dandolo a fait donner citation au sieur Paul Monet sus-qualifié, à comparaître à l'audience et par devant le Tribunal correctionnel de Hanoi séant au Palais de Justice à Hanoi boulevard Carreau le Mercredi sept Novembre mil neuf-cent vingt-trois à huit heures du matin pour :

Attendu qne dans une publication comprenant vingt huit pages intitulée « Réponse à Monsieur Dandolo par Monsieur Paul Monet » mise en distribution chez l'auteur à Hanoi rue de Vong-Duc No 5 et adressée par ce dernier à la majeure partie de la population française du Tonkin, on relève les passages suivants, passages visant manifestement le requérant ;

Premièrement. — « Eh bien Monsieur Dandolo, permettez moi de vous dire avec tout le respect que je n'ai pas pour vous que votre histoire est parfaitement stupide : c'est une sinistre pitrerie, et vous faites vraiment bien peu de cas de l'intelligence de vos lecteurs pour oser vous permettre de leur raconter de telles âneries. Je ne sais vraiment pas par quoi vous êtes le plus surprenant : par le cynisme effronté avec lequel vous recourez sans vergogne à l'allusion perfide et à la calomnie prudemment voilée, ou par le mépris avec le quel vous traitez ainsi des lecteurs à qui vous devriez un peu plus de respect (page 2) ;

Deuxièmement. — « Je ne vois à votre histoire ridicule que quatre explications : ou bien elle a été inventée par vous de toutes pièces pour les besoins de votre cause, ce dont je ne serais pas autrement surpris. . . et dans ce cas je n'hésite pas à dire et à écrire que ce serait alors le résultat d'une machination de vous ou de vos amis probablement inspirés par vous qui auraient réussi à intervenir au cours de la circulation de ces listes pour en supprimer mes trois imprimés explicatifs et introduire dans le circuit le dé-

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

nommé E-Van-I-Chinh par une circulaire quelconque que vous auriez plus ou moins fait dicter à l'un des mandarins chargés de leur transmission » (page 3) ;

Troisièmement, — « Je vous prie de bien vouloir ne pas éclater de rire à l'énoncé de cette supposition et de ne pas faire sur elle des gorges-chaudes et de faciles plaisanteries. Je suis payé, moi, pour savoir qu'elle n'est que trop vraisemblable. Lorsque je suis allé vous voir, comme tous les directeurs de journaux, peu après mon arrivée à Hanoi, vous avez accueilli mon amabilité par une grossièreté agressive que ni ma patience souriante, ni ma bienveillance tolérante n'ont pu désarmer et vous m'avez déclaré en particulier : » J'ai dans ce coffre-fort un dossier » haut comme ça » sur vous et l'œuvre que vous venez faire ici » . . . et le geste « haut comme ça » indiquait bien vingt centimètres, « pas moins » ! et depuis un an et demi, j'ai été évidemment contrarié mais nullement surpris de recevoir une forte partie de mon courrier cyniquement ouvert, aux enveloppes manifestement décollées avec déchirures et même pas recollées, ou bien recollées mais parvenant avec des retards inexplicables. Evidemment les dossiers « hauts comme ça » ne se constituent pas tout seuls... il faut bien les alimenter et, pour cela tous les moyens sont bons... et faciles lorsqu'on a comme vous des amis dévoués et discrets soigneusement apostés dans toutes les principales administrations. . . . » (page 3 et 4) ;

Quatrièmement. — « Vous avez envoyé chez moi certains jeunes gens chargés de m'espionner » (page 5) ;

Cinquièmement. — « Ah ! le bon serviteur de l'autel et surtout de la patrie que vous êtes là, Monsieur Dandolo, et combien de tels articles aideront puissamment à diminuer les frictions entre nous et nos anciens alliés ! »... Vraiment s'il n'y avait que cela pour vous mériter la Légion d'Honneur que vous attendez si impatiemment pour aller reposer en France vos méninges manifestement fatiguées, c'est la rosette même qu'on devrait vous donner. Croyez-moi, Monsieur Dandolo, la campagne malencontreuse et honteuse que vous avez menée contre moi est un signe évident de sénilité » (page 8) ;

Sixièmement. — « Tartufe ! Vous reprenez entre temps vos savantes arguties et vos citations tronquées pour prouver que protestant est synonyme d'étranger, que là est la menace, que là est l'ennemi... et vous concluez comme toujours, monomane, en venant fermer votre circuit sur la modeste salle de la rue de Vong-Duc » (page 10) ;

Septièmement. — « Trouvez-vous, s'il vous plait, homme au nom exotique, que mon patriotisme n'est pas suffisant, que celui de mon œuvre ne s'est pas encore assez affirmé ? Et bien vous êtes joliment difficile, Monsieur l'assureur-prospecteur-brasseur-d'affaires-marchand-de terrains » (page 10) ;

Huitièmement. — « J'ai fait tout cela pour être insulté maintenant et traité de mauvais français à la face de toute l'Indochine par ce faux-bonhomme, par cet imposteur éhonté qui met lâchement au service de sa mauvaise action les dix-mille voix de la trompette qu'il a embouchée » (page 11) ;

Neuvièmement. — « Et lorsque je relisais les appels à la violence que vous avez eu l'impudeur d'imprimer dans votre journal à propos de l'agression Anquetil et à la suite d'un arrêt du Tribunal dont vous n'aviez pas été satisfait, il me fallait, je vous assure, me cramponner à ma chaise et à mon bureau pour ne pas aller suivant votre propre conseil, vous administrer la râclée que vous aviez si copieusement méritée. Mais on ne se bat pas avec la boue et il faut s'appeler Dandolo pour assaillir en pleine rue (et à deux) un homme que l'on prétend mépriser. Mais aujourd'hui ma longue patience a pris fin. J'y mettrai le prix qu'il faudra, mais je serai enfin soulagé, et votre lâcheté, Monsieur Dandolo, sera maintenant, à la face de l'Indochine, proclamée et stigmatisée. Je suis d'ailleurs tranquille : il n'y a pas des juges qu'à Berlin» (page 11) ;

Dixièmement. — « Eh bien oui, c'est vrai, Monsieur Dandolo, il y a là un scandale que nous croyons sans précédent et un acte véritablement honteux et qui sera le déshonneur de votre carrière de journaliste anonyme . . . Et vous avez attendu pour publier cette nouvelle saleté de savoir que j'étais à Yunnanfou dans l'impossibilité de vous répondre à temps... Vous êtes un misérable, Monsieur Dandolo » (page 24) ;

Onzièmement. — « Qu'êtes-vous venu faire ici, qu'apportez-vous aux Annamites si votre moral est beaucoup plus bas que celui que nous pouvons parfois reprocher aux moins bons d'entre eux ? Quittez cette colonie où vous êtes venu vous remplir les poches en plaçant sur votre figure le masque hypocrite de défenseur de nobles causes que vous déshonorez lorsque vous parlez en leur nom... Vous êtes un maître-chanteur et un cynique.. Assez, assez ! Oh, oui, hypocrite... et malfaiteur. qui pouvez sciemment vous acharner pendant des mois et des mois sur l'honneur d'un homme dont toute la vie a été consacrée à servir sa patrie et à faire du bien... Je sais, moi, tout ce que vous avez pu faire pour assouvir votre haine de fou dangereux et je sais de quelle façon vous l'avez fait... » (page 25) ;

Douzièmement. — « Vous êtes un misérable. Allez maintenant, s'il vous plaît, pleurnicher devant les tribunaux. Une action reconventionnelle vous y recevra » (page 26) ;

Attendu en outre que dans le numéro du premier Juillet mil neuf-cent vingt-trois du «Bulletin du Foyer des Etudiants Annamites», publication mensuelle dont Monsieur Paul Monet est gérant, (page 134) on relève les passages suivants lesquels visent manifestement mon requérant ;

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Treizièmement. — « Quelle que puisse être la considération dont il sera entouré par des observateurs non renseignés, nous savons à partir de ce moment que sa valeur morale est certainement bien inférieure à celle de telle de ses victimes dont nous ignorons tout, mais en constatant seulement qu'il se plaît à l'insulter après l'avoir frappée et grièvement blessée. A partir de ce moment, nous cessons de le connaître et nous n'accueillons plus ses vilenies que par un silence méprisant. On ne se bat pas avec la boue » (page 134 du Bulletin du Foyer des Etudiants Annamites numéro du 1er Juillet 1923) ;

Quatorzièmement. — « Nous ne nous abaisserons jamais, en lui répondant, au niveau de celui qui est capable de recourir à de tels moyens. Nous le méprisons simplement » : (page 135 du Bulletin du Foyer des Etudiants Annamites numéro du 1er Juillet 1923) ;

Quinzièmement. — « Je ne sais pas si le journal de ce monsieur est vraiment l'organe d'une certaine mission composée en majeure partie de gens que je respecte et veux continuer à respecter profondément. Mais, s'il en est vraiment ainsi, je pense que cette mission agirait sagement en invitant ce personnage à « se taire » parce qu'il est en train, par la bassesse de ses procédés, de se disqualifier et de faire le plus grand tort à une cause qu'il croit défendre.... alors qu'elle n'est, d'ailleurs, nullement attaquée ».

Attendu que les passages ci-dessus cités des publications ci-dessus visées contiennent soit des allégations ou imputations de faits portant atteinte à l'honneur ou à la considération de mon requérant, soit des expressions outrageantes, termes de mépris ou invectives, tous faits constitutifs des délits de diffamation et injures prévus et réprimés par les articles 23, 29, 32, 33, 42 de la loi du 29 Juillet 1881 ;

Attendu que rentrent dans la catégorie des diffamations les passages des publications ci-dessus cités et visés au présent exploit sous les rubriques numérotées comme suit : **premièrement, deuxièmement, troisièmement, quatrièmement, neuvièmement, treizièmement** .

Attendu que constituent des injures les passages des publications ci-dessus cités et visés au présent exploit sous les rubriques numérotées comme suit : **cinquièmement, sixièmement, septièmement, huitièmement, dixièmement, onzièmement, douzièmement, treizièmement, quatorzièmement, quinzièmement.**

Attendu que la volonté délibérée et manifeste de Monsieur Monet de déconsidérer complètement mon requérant, résulte tant de la gravité des allégations et imputations diffamatoires portées contre Monsieur Dandolo que de la grossièreté des injures et des invectives (profond mépris prêté à Monsieur Dandolo, journaliste, à l'égard de ses lecteurs—imputation de machinations et vol de pièces en vue de déconsidérer Monsieur Monet—Vol et violation par Monsieur Dandolo de correspondances adressées à

Monsieur Monet-espionnage de Monsieur Monet en son propre domicile acte de lâcheté et de brutalité imputé par Monsieur Monet à Monsieur Dandolo, etc ..) et quant aux injures (malfaiteur, misérable, « tartufe », fou dangereux, etc..... .) ;

Attendu que ces. diffamations et injures ont reçu par les soins de Monsieur Monet la publicité la plus vaste et la plus soignée ; que Monsieur Monet ne saurait disconvenir que le factum intitulé « Réponse à Monsieur Dandolo » a été adressé par poste à la majeure partie de la population française du Tonkin. Que. par ailleurs, le « Bulletin du Foyer des Etudiants Annamites » est publié à Hanoi et remis non-seulement à la population française mais encore à une importante fraction des Annamites du Tonkin et de l'Annam ; que le Comité de patronage du « Foyer des Etudiants Annamites » comprend certaines des plus hautes personnalités du Tonkin et de l'Annam ; et que les diffamations et injures de Monsieur Monet ont eu pour but de perdre de réputation Monsieur Dandolo ;

Attendu que Monsieur Monet a causé au requérant un préjudice matériel et moral considérable ; que Monsieur Dandolo journaliste et homme public, a droit à la réparation du dommage qui lui a été causé par le fait de Monsieur Monet ;

Attendu que c'est faire une appréciation modérée de ce préjudice que de l'évaluer à la somme de six mille piastres ;

Par ces motifs, s'entendre Monsieur Monet, sur les réquisitions du ministère public, condamner aux peines prévues par les articles 32 et 33 de la loi du 29 Juillet 1881 ;

Et en réparation du préjudice causé ;

S'entendre Monsieur Monet condamner à payer au requérant, même par corps, la somme de six mille piastres ;

Donner acte au concluant de ce qu'il offre de verser le montant des dommages-intérêts prononcés contre Monsieur Monet et pour moitié aux œuvres charitables suivantes : 1° œuvres dirigées à Hanoi, par Sœur Antoine ; 2° œuvres des aveugles de la guerre ;

Voir ordonner l'insertion du jugement à intervenir, aux frais de Monsieur Monet à peine d'une astreinte de cinquante piastres par jour de retard pendant quinze jours à dater de la signification du jugement à intervenir dans l'"Avenir du Tonkin", le «Courrier d'Haiphong», «France-Indochine», «l'Indépendance Tonkinoise», « Bulletin du Foyer des Etudiants Annamites», passé lequel délai de quinze jours il sera à nouveau fait droit.

S'entendre Monsieur Monet condamner à tous les frais et dépens ;

Au jour fixé par la citation l'affaire fût appelée devant le Tribunal correctionnel de Hanoi et la partie civile et le prévenu comparurent comme dessus.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

L'identité du prévenu étant établie il a été passé outre aux débats.

Le Ministère public a exposé l'affaire.

Lecture des pièces du dossier a été faite ;

Le prévenu a été interrogé et a présenté ses moyens de défense.

Le sieur Dandolo a donné lecture et a développé ses conclusions écrites datées du 6 Novembre 1923 dont le dispositif est ainsi conçu : « Plaise au Tribunal conformément aux termes de l'assignation, condamner Monsieur Paul Monet aux peines prévues par les articles 32 et 35 de la loi du 29 Juillet 1881 et à payer à Monsieur Dandolo, requérant même par corps, la somme de six mille piastres (6.000$00) destinée, moitié aux œuvres dirigées à Hanoi par sœur Antoine, de Thai-Ha-Ap ; moitié à l'œuvre des aveugles de guerre ;

Enfin ordonner l'insertion du jugement à intervenir, aux frais de M. Monet, à peine d'une astreinte de cinquante piastres par jour de retard pendant quinze jours à dater de la signification du jugement, dans « l'Avenir du Tonkin», «Le Courrier d'Haiphong», «France-Indochine», « l'Indépendance Tonkinoise», «le Bulletin du Foyer des Etudiants Annamites de Hanoi» ; et ce sera justice.

Le Ministère public déclara s'en rapporter à Justice ;

Monsieur le Président a demandé au prévenu s'il avait quelque chose à ajouter pour sa défense et ledit prévenu a eu la parole le dernier ;

Sur quoi l'affaire a été mise en délibéré et à l'audience publique du vingt et un Novembre mil neuf-cent vingt-trois, M. le Président a prononcé le jugement suivant :

Le Tribunal ;

Oui la partie civile en ses conclusions ;

Oui le ministère public en ses réquisitions ;

Oui le prévenu en ses explications et moyens de défense, ledit prévenu ayant eu la parole le dernier ;

Après en avoir délibéré conformément à la loi ;

Attendu qu'à la suite d'une polémique poursuivie par Marc Dandolo dans le journal " l'Avenir du Tonkin " dont il est le Directeur, Paul Monet, Directeur de l'œuvre " du Foyer des Etudiants Annamites » à Hanoi a publié le trente Juillet mil neuf-cent vingt-trois une brochure de vingt-huit pages intitulée "Réponse à Monsieur Dandolo par Monsieur Paul Monet" l'a mise en distribution et l'a envoyée à un grand nombre de personnes.

Attendu que Marc Dandolo a assigné Paul Monet devant le tribunal correctionnel à raison de divers passages de cette publication et aussi de plusieurs passages du numéro du 1er Juillet 1923 du « Bulletin du Foyer des

Etudiants Annamites » dont Paul Monet est le gérant, passages qu'il considère comme diffamatoires et injurieux pour lui ; que lesdits passages reprochés à Monet dans la citation de Dandolo sont les suivants :

Premièrement.— « Eh bien, Monsieur Dandolo, permettez moi de vous dire avec tout le respect que je n'ai pas pour vous que votre histoire est parfaitement stupide : c'est une sinistre pitrerie et vous faites vraiment bien peu de cas de l'intelligence de vos lecteurs pour oser vous permettre de leur raconter de telles âneries. Je ne sais vraiment pas par quoi vous êtes le plus surprenant : par le cynisme effronté avec lequel vous recourez sans vergogne à l'allusion perfide et à la calomnie prudemment voilée, ou par le mépris avec lequel vous traitez ainsi des lecteurs à qui vous devriez un peu plus de respect » (page 2) ;

Deuxièmement. — « Je ne vois à votre histoire ridicule que quatre explications : ou bien elle a été inventée par vous de toutes pièces pour les besoins de votre cause, ce dont je ne serais pas autrement surpris.... et dans ce cas je n'hésite pas à dire et à écrire que ce serait alors le résultat d'une machination de vous ou de vos amis probablement inspirés par vous qui auraient réussi à intervenir au cours de la circulation de ces listes pour en supprimer mes trois imprimés explicatifs et introduire dans le circuit le dénommé E-Van-I-Chinh par une circulaire quelconque que vous auriez plus ou moins fait dicter à l'un des mandarins chargés de leur transmission » (page 3) ;

Troisièmement. — « Je vous prie de bien vouloir ne pas éclater de rire à l'énoncé de cette supposition et de ne pas faire sur elle des gorges-chaudes et de faciles plaisanteries. Je suis payé, moi, pour savoir qu'elle n'est que trop vraissemblable. Lorsque je suis allé vous voir, comme tous les directeurs de journaux, peu après mon arrivée à Hanoi, vous avez accueilli mon amabilité par une grossièreté agressive que ni ma patience souriante ni ma bienveillance tolérante n'ont pu désarmer, et vous m'avez déclaré en particulier : « J'ai dans ce coffre-fort un dossier « haut comme ça » sur vous et l'œuvre que vous venez faire ici »... et le geste « haut comme ça» indiquait bien vingt centimètres «pas moinsse»! Et depuis un an et demi, j'ai été évidemment contrarié mais nullement surpris de recevoir une forte partie de mon courrier cyniquement ouvert, aux enveloppes manifestement décollées avec déchirures et même pas recollées ou bien recollées mais parvenant avec des retards inexplicables. Evidemment les dossiers «haut comme ça» ne se constituent pas tout seuls... Il faut bien les alimenter, et, pour cela, tous les moyens sont bons... et faciles lorsqu'on a comme vous des amis dévoués et discrets soigneusement apostés dans toutes les principales administrations... » (page 3 et 4) ;

Quatrièmement. — « Vous avez envoyé chez moi certains jeunes gens chargés de m'espionner » (pages 5) :

Cinquièmement. — « Ah ! le bon serviteur de l'autel et surtout de la

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

patrie que vous êtes là Monsieur Dandolo et combien de tels articles aideront puissamment à diminuer les frictions entre vous et nos anciens alliés ! ... Vraiment s'il n'y avait que cela pour vous mériter la Légion d'Honneur que vous attendez si impatiemment pour aller reposer en France vos méninges manifestement fatiguées, c'est la rosette même qu'on devrait vous donner! Croyez-moi, Monsieur Dandolo, la compagne malencontreuse et honteuse que vous avez menée contre moi est un signe évident de sénilité » (page 8) ;

Sixièmement. — « Tartufe ! Vous reprenez entre temps vos savantes arguties et vos citations tronquées pour prouver que protestant est synonyme d'étranger, que là est la menace, que là est l'ennemi, et vous concluez comme toujours, mononane, en venant fermer votre circuit sur la modeste salle de la rue de Vong-Duc » (page 10) ;

Septièmement. — « Trouvez-vous, s'il vous plaît, homme au nom exotique, que mon patriotisme n'est pas suffisant, que celui de mon œuvre ne s'est pas encore assez affirmé ? Eh bien vous êtes joliment difficile, Monsieur l'assureur-prospecteur-brasseur-d'affaires-marchand-de-terrains » (page 10) ;

Huitièmement — « J'ai fait tout cela pour être insulté maintenant et traité de mauvais Français à la face de toute l'Indochine par ce faux bonhomme, par cet imposteur éhonté qui met lâchement au service de sa mauvaise action les dix-mille voix de la trompette qu'il a embouchée » (page 11);

Neuvièmement. — « Et lorsque je relisais les appels à la violence que vous avez eu l'impudeur d'imprimer dans votre journal à propos de l'agression Anquetil et à la suite d'un arrêt du Tribunal dont vous n'aviez pas été satisfait, il me fallait, je vous l'assure, me cramponner à ma chaise et à mon bureau pour ne pas aller, suivant votre propre conseil, vous administrer la râclée que vous aviez si copieusement méritée. Mais on ne se bat pas avec la boue et il faut s'appeler Dandolo pour assaillir en pleine rue (et à deux !...) un homme que l'on prétend mépriser. Mais aujourd'hui ma longue patience a pris fin. J'y mettrai le prix qu'il faudra, mais je serai enfin soulagé, et votre lâcheté, Monsieur Dandolo, sera maintenant, à la face de l'Indochine, proclamée et stigmatisée. Je suis d'ailleurs tranquille : il n'y a pas des juges qu'à Berlin » (page 11) ;

Dixièmement. — « Eh bien oui, c'est vrai Monsieur Dandolo ! il y a là un scandale que nous croyons sans précédant et un acte véritablement honteux et qui sera le déshonneur de votre carrière de journaliste anonyme.... Et vous avez attendu pour publier cette nouvelle saleté, de savoir que j'étais à Yunnanfou dans l'impossibilité de vous répondre à temps.. Vous êtes un misérable, Monsieur Dandolo » (page 24) ;

Onzièmement. — « Qu'êtes-vous venu faire ici, qu'apportez-vous aux Annamites si votre moral est beaucoup plus bas que celui que nous pouvons parfois reprocher aux moins bons d'entre eux? Quittez cette colonie où vous êtes venu vous remplir les poches en plaçant sur votre figure le masque hypocrite de défenseur de nobles causes que vous déshonorez

lorsque vous parlez en leur nom. Vous êtes un maître-chanteur et un cynique.. Assez, assez !... Oh, oui hypocrite .. et malfaiteur, qui pouvez sciemment vous acharner pendant des mois et des mois sur l'honneur d'un homme dont toute la vie a été consacrée à servir sa patrie et à faire du bien .. Je sais, moi, tout que vous avez pu faire pour assouvir votre haine de fou dangereux et je sais de quelle façon vous l'avez fait » (page 25) ;

Douzièmement. — « Vous êtes un misérable Allez maintenant, s'il vous plaît, pleurnicher devant les tribunaux. Une action reconventionnelle vous y recevra » (page 26) ;

Treizièmement. — « Quelle que puisse être la considération dont il sera entouré par des observateurs non renseignés, nous savons à partir de ce moment que sa valeur morale est certainement bien inférieure à celle de telle de ses victimes dont nous ignorons tout, mais en constatant seulement qu'il se plaît à l'insulter après l'avoir frappée et grièvement blessée. A partir de ce moment, nous cessons de le connaître et nous n'accueillerons plus ses vilenies que par un silence méprisant. On ne se bat pas avec la boue (page 134 du Bulletin du Foyer des Etudiants Annamites, numéro du premier Juillet 1923) ;

Quatorzièmement. — « Nous ne nous abaisserons jamais en lui répondant au niveau de celui qui est capable de recourir à de tels moyens. Nous le méprisons simplement » (page 135 du Bulletin du Foyer des Etudiants Annamites, numéro du premier Juillet 1923) ;

Quinzièmement. — « Je ne sais pas si le journal de ce monsieur est vraiment l'organe d'une certaine mission composée en majeure partie de gens que je respecte et veux continuer à respecter profondément. Mais s'il en est vraiment ainsi, je pense que cette mission agirait sagement en invitant ce personnage à «se taire» parce qu'il est en train, par la bassesse de ses procédés, de se disqualifier et de faire le plus grand tort à une cause qu'il croit défendre... alors qu'elle n'est d'ailleurs nullement attaquée » ;

Attendu que Dandolo relève comme diffamatoires les passages ci-dessus énoncés et visés dans la citation sous les rubriques numérotées **1° premièrement, deuxièmement, troisièmement, quatrièmement, neuvièmement, treizièmement** »

Attendu que « **premièrement** » Monet impute à Dandolo d'avoir sciemment abusé de la crédulité de ses lecteurs dans le seul but de nuire au « Foyer des Etudiants Annamites » en rapportant mensongèrement dans «l'Avenir du Tonkin » que cette œuvre avait sollicité les souscriptions des indigènes d'une province pour construire un temple en l'honneur de « E-Van-I-Chinh » autrement dit «L'Evangile » ; qu'il y a là l'imputation d'un fait précis et déterminé de nature à porter atteinte à la considération professionnelle de Dandolo ;

Attendu que « **deuxièmement** » Monet allègue que si Dandolo n'a pas

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

inventé l'histoire de la dite souscription, celle-ci n'a pu être que le résultat d'une machination dont il a été l'auteur ou l'inspirateur et qui a consisté à faire falsifier des listes de souscription du « Foyer » ; qu'une telle allégation se rapporte à un fait notamment caractérisé et susceptible de porter atteinte à l'honneur et à la considération du plaignant.

Attendu que « **troisièmement** » Monet allègue que Dandolo aurait fait ouvrir sa correspondance pour constituer un dossier contre lui ; que cette allégation d'après laquelle Dandolo se serait rendu complice d'un délit est de nature à porter atteinte à son honneur et à sa considération.

Attendu que « **quatrièmement** » Monet impute à Dandolo d'avoir envoyé chez lui des personnes chargées de l'espionner ; que l'imputation de ce fait ainsi précisé est de nature à nuire à son honneur et à sa considération ;

Attendu que « **neuvièmement** » Monet allègue que Dandolo s'est livré dans des conditions déloyales à une agression sur la voix publique ; que cette allégation porte atteinte à l'honneur et à la considération de Dandolo ;

Attendu que « **treizièmement** » Monet allègue que postérieurement à cette agression Dandolo a insulté sa victime, qu'un tel fait, s'il peut manquer de générosité, n'est cependant pas de nature à porter atteinte à l'honneur et à la considération que le législateur a entendu protéger ;

Attendu que les imputations et allégations relevées sous les numéros un deux, trois, quatre et neuf ont été publiées avec une intention coupable ; qu'elle constituent donc le délit de diffamation prévu et puni par les articles 29 § 1er et 32 de la loi du 29 Juillet 1881 ;

Attendu d'autre part que les passages ci-dessus énoncés et visés dans la citation sous les rubriques numérotées « **cinquièmement**, **sixièmement huitièmement, dixièmement, onzièmement, treizièmement, quatorzièmement, quinzièmement,** » renferment des expressions outrageantes, des invectives et des termes de mépris à l'adresse de Dandolo et constituent le délit d'injures publiques prévu et puni par les articles 29 § 2 et 23 § 2 de la loi du 29 juillet 1881, que constituent notamment des injures les expressions : « la campagne honteuse que vous avez menée contre moi » (paragraphe 5) ; — « tartufe » (paragraphe 6) ; — « faux-bonhomme », — « imposteur éhonté » (paragraphe 8), — « misérable » (paragraphes 10 et 12) « hypocrite et malfaiteur » (paragraphe 11), — « on ne se bat pas avec la boue, (paragraphe 13), — « la bassesse de ses procédés » (paragraphe 15).

Attendu au contraire qu'il n'existe rien d'injurieux dans le passage cité « septièmement » que les expressions « l'homme au nom exotique », « Monsieur l'assureur-prospecteur-brasseur-d'affaires-marchand-de-terrains » ne constituent pas des injures ;

Attendu que Monet excipe de l'excuse de la provocation tirée principalement de ce que, dans une série d'articles publiés dans « l'Avenir du Tonkin » Dandolo l'aurait accusé d'être l'agent

d'une société protestante étrangère et hostile à la France et d'avoir, en tant que directeur de l'œuvre du « Foyer des Etudiants Annamites » tenté de propager en Indochine l'influence américaine au détriment des intérêts français.

Attendu qu'il est constant que dans une suite d'articles publiés dans « l'Avenir du Tonkin » Dandolo a engagé et poursuivi une polémique très vive contre l'œuvre du « Foyer des Etudiants Annamites » fondée à Hanoi par Monet et qu'il a accusée d'être subventionnée par l'association protestante américaine « Young Men's Christian Association » plus communément désignée sous les initiales Y. M. C. A. et dont le Docteur John Mott serait le fondateur ; que dans le numéro de « l'Avenir du Tonkin » du trois Mai mil neuf cent vingt-trois signé des initiales M. D. (Marc Dandolo) on lit sous le titre « Les deux américanismes » les passages suivants : « Dès le début en Syrie nous avons rencontré, acharnées à nous aliéner les populations chrétiennes jusqu'alors dévouées à notre influence, les missions américaines protestantes et en particulier cette œuvre vraiment tentaculaire, protéiforme, répandue partout et hostile toujours la « Young Men's Christian Association » plus connue sous ses seules initiales Y. M. C. A. Elle excelle à distribuer l'or pour des fins qui ne sont pas exclusivement religieuses... Partout un certain américanisme se fait envahissant et se porte justement en des points où toujours jusqu'alors, en vertu de traités, d'accords solennels dont quelques uns sont des titres de noblesse de notre pays, nous avions eu une situation à part.... Nous avons dans la guerre joué un rôle suffisant pour qu'aujourd'hui sur des terrains réservés à notre influence nous ne nous heurtions pas à tous instants à des amiraux américains placiers, courtiers en marchandises et à des prédicants et des Y. M. C. A. luttant contre nous à coups de dollars pour le recul de notre influence, distribuant avec des bibles des libelles antifrançais » ;

Attendu que le lendemain quatre mai le même journal a publié sous le titre « Un intéressant extrait » le passage d'un livre édité à Shanghai en langue anglaise et intitulé « L'occupation chrétienne de la Chine » ; passage où il est dit que le

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Capitaine Monet a été envoyé en Indochine comme membre d'une mission protestante pour y faire de la propagande parmi les étudiants annamites en vue d'obtenir la liberté religieuse complète dans ce pays, que ledit extrait est accompagné des commentaires suivants : « Nous croyons utile d'extraire d'un ouvrage édité à Shangai un curieux passage concernant l'Indochine et certaines personnalités qui y exercent ou devraient y exercer une action assez mal définie jusqu'à présent .. L'ouvrage, une sorte de volumineux atlas, indique très clairement par ces titres ce qu'il est : Autour du comité créateur de cette publication gravitent toutes les œuvres de prosélytisme américain en Chine et notamment la plus célèbre Young Men's Christian Association. Il est toujours bon, pensons-nous, que le public et l'administration elle-même soient renseignés; ils le seront désormais » ;

Attendu que Monet ayant adressé à «l'Avenir du Tonkin» une lettre dans laquelle il affirmait la neutralité absolue du «Foyer des Etudiants Annamites» de Hanoi en matière religieuse et sa volonté de travailler exclusivement au développement moral de la jeunesse annamite, Dandolo a publié cette lettre qu'il a fait suivre d'un commentaire où l'on relève le passage suivant: «Ne nous égarons pas. Monsieur Monet se défend d'avance d'être un agent des Y.M.C.A., mais ses fonds, il est vrai, lui parviennent en vertu d'une délégation et par les Y.M.C.A. de Shangai. Est-ce singulier? Pas du tout, nous dira Monsieur Monet, c'est très naturel. La Y.M.C.A. est-elle une organisation américaine à but confessionel ? Oui incontestablement ; est-elle hostile à l'influence française ? A cet égard le Gouvernement doit être renseigné. Nous pouvons dire quant à nous qu'il s'agit là d'une œuvre tendant à « universaliser » l'influence américaine. Encore une fois le Gouvernement — c'est son affaire — a sans aucun doute les éléments d'appréciation. Mais Monsieur Monet peut fort bien ignorer le but de la Y.M.C.A.»

Attendu que dans l'article paru dans le numéro du quatre mai sous le titre « Un Américain. Un fâcheux américanisme » Dandolo revient sur la politique d'expansion religieuse et de conquête appliquée par la Y.M.C.A. et le Docteur John Mott et s'exprime en ces termes : «En tous lieux cette expansion nouvelle se heurte à l'influence française, lutte contre elle et l'on peut dire que dans les contrées où la propagande de l'Y.M.C.A. est en progrès la France est en recul... Dans ces conditions, avec le maximum de vérité nous pouvons dire que nous assistons à un mouvement de conquête anglo-saxonne d'une ampleur inconnue jusqu'à présent. Il faudrait plaindre le naïf qui se refuserait à constater de cette conquête qu'elle s'exerce en tous lieux à notre détriment » ;

Que l'article du onze mai intitulé « Nos remarques » et signé par Dandolo contient le passage suivant : « le Docteur John Mott, propagandiste éminent de l'influence religieuse et politique américaine, nous le savons par Monsieur Monet lui-même et par sa lettre du quatre mai courant, est l'homme qui a fourni les fonds nécessaires à la création du Foyer des Etudiants Annamites de Hanoi. De sorte que si quelqu'un savait ce que devait être le Foyer c'était incontestablement le Docteur John Mott, son véritable fondateur... de qui émane l'information de « The christian occupation of Indochina » et qui devait connaître l'usage que ferait Monsieur Monet de sa subvention. Inutile d'insister, croyons-nous. Il y aurait stupidité à prolonger ce que Monsieur Monet appelle une « controverse », M. Monet, pour la christian occupation, devait travailler parmi les classes étudiantes à Hanoi. Nul ne le savait mieux que le Docteur John Mott qui payait pour cela. Que Monsieur Monet soit mécontent, nous le concevons. Il menait avec art, un peu trop d'art peut-être, des travaux d'approches. Les éventer c'est rendre peut-être moins réalisables certains espoirs. Nous n'y pouvons rien » ;

Attendu qu'après avoir continué la même polémique dans un certain nombre d'articles, Dandolo, dans l'article de numéro du vingt-deux juillet 1923 intitulé " Un peu raide tout-de-même " rendait compte sur la foi de renseignements que depuis il a reconnu être erronés de souscriptions qui auraient eu lieu en Annam dans la province de Nghê-An " pour des fins mystérieuses " par une œuvre dont, écrivait-il, " nous avons eu à nous occuper récemment en signalant ses origines et ses ressources bizarres " ; qu'il invitait l'administration à ouvrir

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

une enquête, ajoutant « qu'elle aurait tôt fait de trouver sous cette véritable extorsion de fonds un parasite sans vergogne";

Attendu que la personne de Monet et l'œuvre qu'il dirige sont clairement visées dans cet article ;

Attendu que les articles suscités, qui n'ont pas été accidentels et se sont reproduits pendant plusieurs mois, dénotent par leur ensemble l'existence d'une campagne systématiquement menée par Dandolo et destinée à répandre dans le public et dans les sphères gouvernementales et administratives l'opinion que Monet n'était en réalité que l'agent d'une société américaine hostile à la France et qu'il propageait sciemment en Indochine l'influence anglo-saxonne au détriment de l'influence française, abusant au besoin de la confiance de l'administration pour recueillir par voie de souscription parmi la population indigène les fonds qui devaient servir à alimenter cette œuvre antipatriotique ;

Que lesdits articles pleins de rapprochements habiles, de termes équivoques et d'insinuations malveillantes, révèlent chez Dandolo l'intention réfléchie et persévérante de nuire à l'honneur et à la considération de Monet ; qu'aurait-il obéi aux mobiles les plus louables, la fin ne justifierait pas les moyens par lui employés ; que s'il avait le droit incontestable de discuter les doctrines, l'organisation, les méthodes, les œuvres, le but et les tendances de l'association étrangère dont il réprouvait les agissements et qu'à tort ou à raison il estimait dangereuse pour l'influence française en Indochine, son droit ne s'en arrêtait pas moins là où commençait la diffamation et l'outrage envers la personne de Monet ;

Attendu que les imputations contenues dans les écrits de Dandolo, plus spécialement dans les articles du 11 mai et du 22 juillet 1923, devaient, à raison de leur caractère au plus haut point outrageant, offenser d'autant plus gravement Monet que celui-ci a satisfait dans la plus large mesure au devoir patriotique au cours de la dernière guerre et que, grand blessé, il a été réformé avec 80 °/. d'invalidité ;

Attendu que dans l'appréciation de la provocation il y a lieu de prendre en considération la nature et la forme de l'attaque, les besoins de la défense et la juste susceptibilité de la personne nommée ou désignée ;

Attendu que les injures reprochées à Monet dans la citation du 15 Octobre 1923 s'excusent par la campagne de presse outrageante et diffamatoire poursuivie contre lui par Dandolo avec une ardeur, une insistance et un talent qui ne pouvaient manquer d'impressionner défavorablement le public à son sujet ; que pour répondre aux attaques dont il était l'objet et dissiper l'impression fâcheuse qui en résultait pour lui, Monet pouvait se croire obligé d'employer la forme la plus vive, la jugeant seule propre à exprimer sa légitime indignation. Que les expressions dont il s'est servi, si excessives qu'elles soient, n'ont pas dépassé les attaques contenues dans les articles où il a été directement et personnellement visé, que ces attaques ayant un rapport direct avec lesdites expressions, il y a lieu d'admettre en ce qui concerne le délit d'injures publiques relevé contre lui l'excuse légale de la provocation ;

Attendu que si aux termes de l'article 33 de la loi du 29 juillet 1881 l'injure envers un particulier n'est punissable que lorsqu'elle n'a pas été précédée d'une provocation, aux termes des articles 32 et 33 combinés cette excuse ne s'applique pas à la diffamation envers un particulier ;

Attendu qu'en vertu de ce principe de droit il n'y a lieu de se reporter aux articles auxquels il a été répondu, les diffamations susvisées contenues dans la réponse de Monet ne pouvant être excusées même par celles que l'on constate dans l'attaque ;

Attendu que dans ces conditions il y a lieu de faire application à Monet des articles 29 et 32 de la loi du 29 juillet 1881 ainsi conçus ;

Article 29. — Toute allégation ou imputation d'un fait qui porte atteinte à l'honneur ou à la considération de la personne ou du corps auquel le fait est imputé est une diffamation.

Toute expression outrageante, terme de mépris ou invective qui ne renferme l'imputation d'aucun fait est une injure. (V. infra I., 11 Juin 1887).

Article 32. — La diffamation commise envers les particuliers par l'un des moyens énoncés en article 28 et en article 26 sera punie d'un emprisonnement de cinq jours à six mois et d'une amende de 23 francs à 2.000 francs, ou de l'une de ces deux peines seulement.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Attendu que si la provocation ne fait pas disparaître le délit de diffamation il est permis d'y trouver une cause d'atténuation de la peine ; que par suite il y a lieu de faire bénéficier très largement Monet des dispositions bienveillantes de l'article 463 § in fine du code pénal ainsi conçu :

Article 463 § in fine. — Dans tous les cas où la peine de l'emprisonnement et celle de l'amende sont prononcées par le code pénal, si les circonstances paraissent atténuantes, les tribunaux correctionnels sont autorisés, même en cas de récidive à réduire l'emprisonnement même au-dessous de six jours et l'amende même au-dessous de seize francs. — Ils pourront ainsi prononcer séparément l'une ou l'autre de ces peines, et même substituer l'amende à l'emprisonnement, sans qu'en aucun cas elle puisse être au-dessous des peines de simpte police.

Par ces motifs

Déclare excusables les injures publiques adressées par Monet à Dandolo : renvoie en conséquence Monet des fins de la poursuite du chef du délit d'injures publiques ;

Déclare au contraire non excusable le délit de diffamation qui lui est reproché ; l'on déclare atteint et convaincu et lui faisant application des textes ci-dessus visés et dont lecture a été donnée le condamne à la peine de seize francs d'amende.

Et attendu que Monet n'a jamais été condamné ; qu'à raison de ses bons antécédents il y a lieu de lui faire application des articles 1 et 2 de la loi du 26 Mars 1891 ainsi conçus :

Article 1er. — En cas de condamnation à l'emprisonnement ou à l'amende, si l'inculpé n'a pas subi de condamnation antérieure à la prison pour crime et délit de droit commun, les cours ou tribunaux peuvent ordonner, par le même jugement et par décision motivée, qu'il sera SURSIS à l'exécution de la peine...

Si, pendant le délai de cinq ans à dater du jugement ou de l'arrêt, le condamné n'a encouru aucune poursuite suivie de condamnation à l'emprisonnement ou à une peine plus grave pour crime ou délit de droit commun, la condamnation sera comme non-avenue.

Dans le cas contraire, la première peine sera d'abord exécutée sans qu'elle puisse se confondre avec la seconde.

Article 2. — La suspension de la peine ne comprend pas le paiement des frais du procès et des dommages-intérêts.

Elle ne comprend pas non plus les peines accessoires et les incapacités résultant de la condamnation.

Toutefois, ces peines accessoires et ces incapacités cesseront d'avoir effet le jour où par application des dispositions de l'article précédent, la condamnation aura été réputée non-avenue.

Dit qu'il sera sursis à l'exécution de la peine ci-dessus prononcée

Monsieur le Président a donné au condamné l'avertissement prévu par l'article 3 de la loi du 26 Mars 1891.

Et statuant sur la demande en dommages intérêts formée par la partie civile ;

Attendu que les diffamations dont Dandolo a été l'objet de la part de Monet lui ont causé un préjudice moral dont il lui est dû réparation ; que toutefois la faute consistant dans les diffamations se trouve très notablement atténuée par la faute que Dandolo a lui-même commise en se livrant aux attaques les plus outrageantes contre Monet sans aucune provocation de la part de ce dernier ; que le préjudice par lui éprouvé sera suffisamment réparé par la condamnation de Monet aux dépens ;

Condamne Monet aux dépens de la présente instance lesquels dépens tiendront lieu de tous dommages-intérêts ; lesdits dépens s'élevant à.....

Déboute Dandolo du surplus de ses demandes, fins et conclusions ;

Dit et ordonne que la partie civile sera tenue de faire l'avance au Trésor des frais du procès sauf son recours contre le condamné.

Fixe au minimum la durée de la contrainte par corps, édictée par la loi s'il y a lieu de l'appliquer.

Ainsi fait, jugé et prononcé en audience publique le mercredi vingt et un Novembre mil neuf cent vingt trois par M. Morché, Président, en présence de M. Couget, Procureur de la République assisté de M. Georges Mohammed "Greffier".

Signé : H. Morché, G. Mohammed.

A la suite se trouve la mention suivante :

0$.60. — Enregistré à Hanoi (Tonkin) le onze Décembre mil neuf cent vingt-trois, folio trois, case trois, Reçu : soixante cents.

Le Receveur, *Signé* : Aquarone

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

THƯ TÍN CỦA HỘI V. N. T. N.

YẾT-THỊ CỦA HỘI-ĐỒNG TRỊ-SỰ H. V. N. T. N.

1°. — Việc lạc-quyên của Hội V.N.T.N. mở giúp các nhà bị lụt ở Bắc-kỳ

Trong số báo trước, bản-hội có mở một cuộc lạc-quyên để giúp các nhà bị thủy-tai ở Bắc-Kỳ. Vì nhiều nơi cũng đã tổ-chức những cuộc lạc-quyên như thế, thành ra cuộc lạc-quyên của bản-hội không được kết-quả rực-rỡ: số tiền của bản-hội quyên được tổng-cộng là một trăm đồng bốn hào (100, $ 40) nhưng trừ tiền phí-tổn mười hai đồng năm hào (12, $ 50) in 5,000 cái phiêu-đầu lạc-quyên đã gửi theo vào trong 5,000 quyển Tạp-Chí số 2, thì còn tám mươi bảy đồng chín hào (87$90). Hội V. N. T. N. đã quyên thêm mười hai đồng một hào (12. $ 10) vào số tiền tổng-cộng ấy, cho thành tròn một trăm bạc, và nay đã đệ số tiền ấy với danh-sách những người quyên-tiền lên quan Thống-sứ Bắc-Kỳ rồi.

Danh sách những nhà quyên tiền
(Xin xem ở bên chữ pháp).

BOITE AUX LETTRES DU F. E. A.

AVIS DU COMITÉ D'ADMINISTRATION DU F. E. A.

1° Ouverture d'une souscription générale par le E. E. A. en faveur des victimes des inondations au Tonkin

Nous avons ouvert, par notre dernier numéro, une souscription en faveur des victimes des inondations au Tonkin — Des souscriptions pour le même objet ayant déjà été faites de tous côtés, la nôtre n'a pas donné de très grands résultats. Nous adressons nos meilleurs remerciements aux souscripteurs dont la liste suit. Le total des souscriptions s'est élevé à la somme de cent piastres quarante cents (100 $ 40) qui a été réduite à quatre-vingt sept piastres quatre-vingt dix cent (87. $ 90) après déduction des frais d'impression (soit 12 $ 50) des 5.000 bulletins de souscription que nous avions joints aux 5.000 exemplaires de notre n° 2 — Le F. E. A. a complété ce total à cent piastres par un versement supplémentaire de douze piastres dix cents et a envoyé cette somme de cent piastres, avec la liste des souscripteurs, à Monsieur le Résident Supérieur au Tonkin.

Liste des Souscripteurs

Verst de 10, $: M. **Lê-văn-Giải**, propriétaire à Moncay . . . . . 10 $ 00

Verst de 5, $: M M. **Nguyên-duy-Kham**, 105 rue de la soie, Hanoi ; **Viên-văn-Khôi**, Agent Voyer des Chemins de fer à Đông-Hới ; **Phạm-trọng-Giác**, sergent tonkinois de la Concession Russe à Hankéou ; **Phạm-đắc-Lộc**, sergent tonkinois de la Concession fr^se^ à Hankéou. . . . . 20 $ 00

Verst de 3 $ 70 : M. **Trần-Trương**, caporal N° 81, police municipale de la Concession fr^se^ à Hankéou. . . . . 3 $ 70

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Versts de 3, $: M. M. **Lê-minh-Tiên**, Thủ-Thừa à Tanan ; **Trần-đình-Nam**, médecin à Kontum ; **Phạm-văn-Cận**, caporal N° 52, police de la Concession frse à Hankéou ; **Đỗ-Đức-Mậu**, garde tonkinoise N° 69 de la Concession frse à Hankéou ; **Phạm-tiến-Thịnh**, Directeur de l'Ecole de Phủ-diễn à Nghệ An. . . . . 15 $ 00

Verst de 2 $ 60 : M. **Thân-trọng-Quế**, secrétaire à la Résidence-Mairie de Hanoi. . . . . 2 $ 60

Versts de 2 $: M.M. **Nguyễn-văn-Lợi**, rue Trung-Hậu à Hưng-Yên ; **Phạm-văn-Trung**, 54 rue Belgique, à Haiphòng ; **Lê-văn-Huệ**, à Vinh, **Nguyên-văn-Soan**, garde tonkinoise No 59 de la concession frse à Hankéou : **Trương-Bượng** No 61, police de la Concession Russe à Hankéou ; **Nguyễn-văn-Them**, N_o 65, police de la Concession Russe à Hankéou ; **Nguyễn-văn-Bạo**, No 66, police de la Concession Russe à Hankéou ; **Đỗ-đình-Quảng**, No 67, police de la Concession Russe à Hankéou ; **Lê-nguyên-Thanh**, employant en médecine à Hankéou ; **Nguyễn-văn-Đặng**, cuisinier à Hankéou. . . . . 20 $ 00

Verst de 1 $ 60 : M. **Nguyên-hữu-Tài**, professeur au Lycée, Président du F. E. A. . . . . 1 $ 60

Versts de 1 $: M. M. **Dương-Cưu**, 5 rue des Chapeaux à Hanoi ; **Nguyên-như-Ngọc**, Directeur de l'Ecole de **Đông-sơn** à Thanh-Hoá ; **Lê-văn-Mậu** à Thanh-hoá : **Phùng-kim-Sơn**, 5 rue des Tasses à Hanoi ; **Phùng-văn-Gioánh**, Village de Duy-xuyên à Thanh-Hoá ; **Đồng-Hanh-Phương**, Garde Tonkinoise N° 82 de la Concession frse à Hankéou ; **Nguyên-văn-Oai**, No 53 de la Concession frse à Hankéou ; **Phạm-văn-Ruyệt**, N° 54 de la Concession frse à Hankéou ; **Phạm-văn-Sùng**, N° 56 de la Concession frse Hankéou ; **Nguyên-văn-Phúc**, N 57 de la concession frse à Hankéou ; **Trần-văn-Trọng**, N° 63 de la Concession frse

à Hankéou ; **Nguyên-bá-Minh**, No 74 de la Concession frse à Hankéou ; **Nguyễn-văn-Ruyễn**, No 78 de la Concession frse à Hankéou ; **Nguyên-văn-Thọ**, N° 80 de la Concession frse à Hankéou ; **Đoàn-mạnh Trinh**, No 86 de la Concession frse à Hankéou ; **Trần-Tăng**, No 91 de la Concession frse à Hankéou ; **Phạm ngọc-Liễn**, No 66 de la Concession frse à Hankéou ; **Phạm-văn-Khoái**, No 83 de la Concession frse à Hankéou ; **Vũ-lập-Kính**, No 92 de la Concession frse à Hankéou ; **Vũ-văn-Huân**, No 70 de la Concession frse à Hankéou ; **Đỗ-văn-Sâm**, No 71 de la Concession frse à Hankéou ; **Vũ-công-Huệ**, No 87 de la Concession frse à Hankéou ; **Đặng-văn-Tính**, Boy à Hankéou ; **Phạm-văn-Hộ**, N° 77 de la Concession frse à Hankéou . . . . . 24 $ 00

Versts de 0 $ 50 : M. M. **Tô-văn-Sách**, No 64 de la Concession frse à Hankéou ; **Trần-văn-Ngọ**, No 88 de la Concession frse à Hankéou ; **Đặng-văn-Như**, N° 62 de la Concession frse à Hankéou ; **Phạm-văn-Giá**, No 67 de la Concession frse à Hankéou ; **Nguyên-văn-Phương**, No 76 de la Concession frse à Hankéou ; **Đinh-văn-Khiết**, No 79 de la Concession frse à Hankéou . . . . 3 $ 00

Verst de 0 $ 30 : M. **Tạ-văn-Nghiệp**, No 72 de la Concession frse à Hankéou . . . . . 0 $ 30

Verst de 6 $ 20 : M. **Trịnh-Quỳnh**, 80 Quai Clémenceau à Hanoi . . . . . 0 $ 20

Total. . . . . 100 $ 40

Frais d'impression de 5000 bulletins de souscriptions. . . . . 12 $ 50

Reste à totaliser, ... 87 $ 90

Souscrit par le F.E.A. . . . . 12 $ 10

Total remis par le F.E.A. à M. le Résident Supérieur au Tonkin . . . . . 100 $ 00

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

2°. Lạc-quyên giúp Hội V. N. T. N.

Trong khoảng ba tháng vừa rồi, Hội V. N. T. N. được nhiều nhà hảo-tâm quyên tiền giúp-đỡ. Những sổ quyên ấy sẽ lần-lượt đăng trong bản-chí. Hiện trong số này, cũng đã bắt đầu đăng ít nhiều ở dưới (1). Bản-hội xin kể một đoạn riêng về các nhà đã quyên-giúp cho Bản-hội như sau này.

Ông giáo-sư **Mansuy** là một nhà địa-chất-học trứ-danh, hiện nay đang đem tài chuyên-môn ra khảo-cứu về thái-cổ thời-đại ở miền Phu-đo một cách thật là siêng-năng tận-lực. Công-việc khảo-cứu của ngài đã được kết-quả hoàn-toàn, và nay ngài đã có tuổi còn siêng-năng hết sức như thế thì lại càng đáng ngợi-khen hơn nữa. Ngài vừa mới có hảo-tâm quyên cho Hội năm mươi đồng bạc (50 $). Một nhà bác-học danh-tiếng như Ngài đã tán-dương và trợ-cấp một cách cao-thượng và hiệu-quả như thế, thật là làm cho bản-hội phấn-khởi nhiều lắm. Vậy bản-hội xin thành-tâm kính-tạ ngài.

Ông **Nguyễn-duy-Kham**, chủ hiệu « Trâu-vàng » ở phố hàng Đào, Hanoï, năm ngoái đã quyên cho Hội 150 $, nay lại cúng thêm 100 $ nữa là 250 $, (Sáng-lập hội-viên). Cái gương ông Nguyễn-duy-Kham là người đã biết đem hết lợi lãi buôn-bán được để làm ơn cho mọi người, và lập nhiều nơi có ích ở làng mình v. v., thực đáng để người Annam ta ai cũng biết đến; đó là một cái gương quý-hóa của người có lòng đạo-đức, có ý cao-thượng đã am-hiểu đích-đáng thế nào là tình nhân-loại tương-ái, là nghĩa đoàn-thể hợp-quần, và nhất là tình-nghĩa ái-quốc vậy. Nếu được nhiều người như ông thì công việc của bản-hội thực là dễ-dàng lắm. Đến số Tạp-chí sau, bản-hội sẽ đăng riêng một bài của ông Nguyễn-Thanh là Tứ-trợ hội-viên V. N. T. N. kể những công-cuộc của ông Nguyễn-duy-Kham đã sáng-lập ra.

Ông Bùi-khiêm-Chi, Tri-huyện Thanh-miện Hải-Dương

(1) Bản-hội xin lỗi quý-vị độc-giả vì đã chậm đăng những sổ lạc quyên này mất một số báo và nay lại phải in bằng thạch-bản như thế, bởi rằng các nhà Ấn-quán ở đây không có đủ chữ nhỏ để sắp chữ in như thường.

2° — Souscriptions reçues pour le F. E. A.

Au cours de ce trimestre, le F. E. A. a reçu plusieurs souscriptions qui seront publiées à leur tour aux listes dont nous commençons l'insertion dans le présent numéro (1). Nous devons une mention particulière aux souscriptions suivantes :

M. le Professeur **Mansuy**, l'éminent géologue qui poursuit en ce moment des recherches de préhistoire couronnées de succès dans la région de Phu-do, avec une science, une activité et un dévouement que son âge rend encore plus admirables, a bien voulu nous adresser une souscription de cinquante piastres. La haute approbation et l'aide efficace de cet éminent savant sont d'un grand encouragement pour notre société qui le prie d'agréer nos plus chaleureux et bien respectueux remerciements.

Monsieur **Nguyễn-duy-Kham**, commerçant, à l'enseigne du "Buffle d'Or", rue de la Soie à Hanoï, qui avait souscrit l'an dernier à notre œuvre une somme de 150 $ vient de compléter ce versement à 250 $ (Membre Fondateur) par un nouveau don de 100 $. L'exemple de M. Nguyên-duy-Kham, qui consacre la totalité des bénéfices de son commerce à faire du bien autour de lui, à doter sa commune de fondations nombreuses, etc, mérite d'être connu de tous les Annamites ; c'est un bel exemple d'homme au cœur vertueux, aux sentiments élevés, qui comprend vraiment ce que sont la fraternité humaine et le grand devoir de solidarité et particulièrement de patriotisme. Avec quelques hommes comme lui notre tâche serait singulièrement facilitée. Un article dû à Monsieur Nguyễn-Thanh, membre donataire sera spécialement consacré dans notre prochain numéro aux œuvres dont M. Nguyên-duy-Kham est le fondateur.

Monsieur **Bùi-Khiêm-Chi**, tri-huyện de Thanh-Miện Province

(1) Nous nous excusons d'avoir été obligés de rêtarder d'un numéro la publication de ces listes, puis de les imprimer en lithographie, les imprimeries locales ne disposent pas d'un nombre suffisant de petits caractères typographiques.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Tứ-trợ hội-viên, mới lại gửi cho bản-hội một cái sổ lạc-quyên 27$ của hàng huyện ông gửi thêm cho Hội mà trước kia hội đã nhận được 12 đồng, nên nay Hội đã kính-tặng quý-huyện chức Tán-trợ hội-viên.

Ông **G. Ferey** chủ đồn-điền ở Sông-con gần Vinh (Trung-Kỳ) cũng quyên cho bản-hội 25$ và gửi cho bản-hội một bức thư khuyên-khích một cách nhiệt-thành lắm. Bản-hội xin đành chịu tiếng là không được kín-đáo mà ngỏ cho đồng-bào Việt-Nam ta biết rằng Ông Ferey, quyên món tiền ấy cho bản-hội nhằm ngay lúc cà-phê của ông đang bị dịch sâu phá-hại.

Ông **Nguyễn-văn-Vĩnh,** Chủ-bút báo «Trung Bắc Tân-Văn» ở Hanoi cũng quyên cho bản-hội 25 $. Bản-hội thực lấy làm hân-hạnh được quý-danh ông Vĩnh đứng cùng hàng các vị Tán-trợ Hội-viên Bản-hội. Vì Ông là một người Việt-Nam có giá-trị lắm, ông tức là một cái gương phản-chiếu quý-hóa của một người Việt-Nam đã khéo đềm cái Pháp-học mà dung-hợp với tài-năng của mình vậy.

Ông **Nguyễn-bá-Ngọc,** Hội-viên K. T. T. Đ. ở Hanoi cũng đã gửi quyên cho bản-hội 25$. Bản-hội đã tặng ông chức Tán-trợ Hội-viên V. N. T. N. Hội V. N. T. N. nguyên ở dưới quyền bảo-chủ Hội K. T. T. Đ, nên mỗi khi có một vị Hội-viên K. T. T. Đ. cũng vào hội V. N. T. N. bản-hội rất lấy làm hân-hạnh, vì rằng như thế thì cái mối tình nó đã liên-lạc hai Hội ta với nhau lại càng keo-sơn hơn nữa.

Sau này, Bản-hội xin có mấy lời riêng để cảm-tạ các ngài ở Trung-Nam lưỡng kỳ đã tận-tâm với bản-hội và tỏ cho bản-hội biết rằng các ngài am-hiểu cái nghĩa-vụ đoàn thể hợp-quần lắm; thật thế, các ngài đã vì công-ích đem tư-lợi ra giúp-đỡ cho một hội mà các ngài không thể giao-tiếp hưởng-dụng. Ấy cũng vì thế mà ông **Trần-Kim** là thư-ký sở Inspection ở Rạch-giá (Nam-Kỳ) đã sáng-kiến ra một cuộc lạc-quyên giúp Hội V. N. T. N. và đã thu được 178$60 vậy. Trong sổ quyên của ông thu được, bản-hội xin riêng kể số tiền 100$ của ông **Tôn-quang-Huy** là Quan-huyện hàm-chức ở Vĩnh-thành-vân và món tiền 25$ của ông **Cao-văn-Ven** cũng là Quan-huyện hàm-chức ở làng đó cùng của ông **Huỳnh-đông-Hải,** cai-tổng Kiên-Định nữa. Bản-hội đã kính-tặng các ngài quyên-giúp ấy chức Tán-trợ hội-viên V.

de Hải-dương, membre donataire, nous a envoyé une nouvelle liste de souscription (27 $) de son huyện dont nous avons déjà reçu 12$ et auquel nous avons décerné le titre de Membre Bienfaiteur.

Monsieur **G. Ferey**, colon à Song-Con, près de Vinh (Annam) nous a envoyé un don de 25$ avec une lettre de très chaleureux encouragement. Au risque d'être indiscret, nous tenons à faire savoir à nos compatriotes annamites que M. Ferey nous fait ce don au moment même où toutes ses plantations de caféier viennent d'être dévastées par une épidémie.

Monsieur **Nguyễn-văn-Vĩnh**, Directeur du "Trung-Bắc-Tân Văn", à Hanoï nous a adressé une souscription de 25$. Nous sommes très heureux de compter désormais parmi nos Membres Bienfaiteurs M. Nguyễn văn-Vĩnh qui est une des personnalités annamites les plus distinguées, un bel exemple de ce que peut donner l'union de la culture française et de l'intelligence annamite.

Monsieur **Nguyên-bá-Ngọc**, membre de l'A.F.I.M.A. à Hanoï, nous a envoyé aussi une souscription de 25$ et reçu le titre de Membre Bienfaiteur. Le F.E.A. étant filiale de l'A.F.I.M.A., nous nous réjouissons tout particulièrement lorsque des membres de cette Société entrent aussi dans la nôtre, ce qui resserre encore le lien qui nous unit déjà.

Enfin, nous donnerons une mention toute particulière aux Annamites d'Annam et de Cochinchine qui, par leur dévouement à notre œuvre, nous montrent qu'ils ont vraiment compris ce qu'est le grand devoir de solidarité, puisqu'ils sont heureux de faire, dans l'intérêt commun, des sacrifices personnels pour une Société qu'ils ne peuvent fréquenter. C'est ainsi que M. **Trần-Kim**, secrétaire à l'Inspection de Rạch-giá (Cochinchine) a pris l'initiative d'ouvrir une souscription en faveur du F.E.A. pour lequel il a recueilli 178$60. Parmi les souscriptions qu'il a recueillies, nous mentionnerons tout spécialement celles de cent piastres (100 $) de Monsieur **Tôn-quang-Huy**, quan-huyện honoraire à Vĩnh-Thành-Vân, et de 25 $ de M.M. **Cao-văn-Ven**, quan-huyên honoraire au même lieu et **Huỳnh-đông Hai,** chef de canton à Kiên-Định. Ces donataires ont reçu le

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

N. T. N. Bản-hội lại đặc-biệt kính-tặng ông Trần-Kim chức Tán-trợ hội-viên nữa. (Ông lại gửi cho Bản-hội món tiền mua đồng-niên hai mươi (20) số tạp-chí; sự này sẽ có nói đến ở dưới).

Chức Tán-trợ hội-viên ấy cũng tặng Ông **Lê-Hoàng-Độ** thương-gia ở Sadec (Nam-kỳ) đã quyên giúp bản-hội 25$.

Trong những danh-sách Tán-trợ Hội-viên của Bản-hội, nay đã được ghi thêm quý-danh của Mme **Taupin** ở Hanoi, vì người mới quyên tiền giúp Hội.

3o Việc mua tạp-chí đồng-niên

Trong tuần 3 tháng này, số người mua tạp-chí đồng-niên đã tăng thêm được 272 người, hiện nay tất cả được 470 người mua rồi, song cũng **hãy còn ít-ỏi lắm,** chưa đủ cho tạp-chí bản-hội trường-cửu được. Vậy bản-hội rất ân-cần với các quý-hữu cổ-động cho nhiều người đọc tạp-chí và **thêm người mua tạp-chí mới được**. Tạp-chí của bản-hội chưa được phổ-thông mấy, nhiều người chỉ do các lời « phao-ngôn » mà đoán-xét chớ chưa đọc-xem cho được am-hiểu đích-đáng. Như cái gương ông Hồ-trọng-Hiếu, ở Hanôi và ông Trần-Kim ở Rạch-giá, mỗi ông đã cổ-động cho bản-hội được 20 người mua báo đồng-niên, các quý-hữu há chẳng nên giúp Hội như thế hay sao? Nay bản-hội định rằng hễ các quý-hữu cổ-động được nhiều người mua báo đồng-niên và **gửi tiếp ngay tiền mua ấy** về cho bạn-hội, bản hội sẽ tùy-theo số người mua báo mà kính-tặng những chức-vị sau này, gọi là tạ ơn quý-hữu:

250	số	báo đồng-niên,	được chức	Sáng-lập hội-viên
25	—	—	—	Tán-trợ —
5	—	—	—	Tứ-trợ —

Vả chăng, nay vì có nhiều quý-hữu thỉnh-cầu, bản-hội hạ giá mua báo đồng-niên xuống ít nhiều để các ngài mua dài hạn được lợi hơn các ngài mua từng số một. Tuy giá tiền từng số tạp-chí đã hạ lắm, nhưng bản-hội cũng không muốn tăng

titre de Membre Bienfaiteur qui a été décerné de plus, à titre exceptionnel à Monsieur Trần-Kim. (Celui-ci nous a envoyé aussi, comme il est dit plus loin, le montant de **vingt** abonnements à notre Revue.)

Le même titre a été envoyé à Monsieur **Lê-hoàng-Độ**, commerçant à Sadec (Cochinchine) qui nous a adressé une souscription de 25 $.

Parmi nos nouveaux membres Donataires, une mention spéciale est faite à une excellente amie du Foyer, **Madame Taupin**, de Hanoï.

3° Abonnements à la Revue

Le nombre des abonnés à notre Revue s'est accru de 272 pendant ce trimestre. Il est maintenant de 470, **encore très insuffisant** pour nous assurer l'existence. Nous demandons très instamment à tous nos amis de faire lire notre Revue autour d'eux et **de nous procurer des abonnements nouveaux**. Cette revue est encore très peu connue, et beaucoup de personnes se contentent de se faire une opinion sur notre œuvre par des « on-dit » au lieu de chercher à la connaître par elle-même en lisant notre Bulletin. Donnons en exemple le dévouement actif de M.M. Hồ-Trọng-Hiếu, de Hanoï, qui nous a procuré 20 abonnements et Trần-Kim, de Rạch-giá qui nous en a procuré aussi vingt. Nous avons décidé d'offrir exceptionnellement les titres suivants en témoignage de reconnaissance à ceux de nos amis qui nous enverront, **accompagné du montant**, les abonnements en nombre ci-après.

250	abonnements,	Membre	Fondateur.
25	—	—	Bienfaiteur.
5	—	—	Donataire.

D'ailleurs, à la demande de nombreux amis, nous avons modifié nos prix pour établir, en faveur des abonnés, un avantage sur les acheteurs au numéro. Bien que le prix du numéro soit très bas, nous n'avons pas voulu le relever et

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

thêm và lại còn giảm giá mua đồng-niên xuống 2$20 bắt đầu từ kỳ báo này trở đi. Ấy cũng vì thế nên bản-hội lại càng cần bán được nhiều báo đồng-niên. Vả chăng các hội-viên bản-hội nay lại được quyền mua báo đồng-niên mà chỉ phải góp hai hào mỗi tháng với tiền nguyệt--cấp thôi.

Bản-hội xin nói để ai nấy biết rằng các quan công-sứ cũng nhiều ngài mua báo giúp bản-hội lắm. Bản-hội rất là đa-tạ các ngài đã tưởng-lệ khuyến-miễn cho bản-hội như thế. Bản-hội mong rằng cái gương ấy sẽ được nhiều các quan đồng-sự với các ngài tiếp theo ; chắc rằng các quan đã đem tài-năng ra mà tận-tâm làm việc nghĩa-vụ như thế, thì đến lúc các ngài hiểu rõ công-cuộc của bản-hội là công-cuộc chỉ vì đạo-đức mà giúp sức thêm các ngài, thế nào các ngài chẳng trợ-lực cho bản-hội nhỉ ! Sự trợ-lực ấy thật là quý-hóa cho bản-hội lắm.

Sau nữa là bản-hội đã gửi đến các vị Tán-trợ hội-viên V. N. T. N. mỗi ngài một vài số báo trước để phiền các ngài ấy cổ-động và phân-phát cho các vị quý-hữu của các ngài có thể mua báo giúp cho bản-hội được.

4° — Các quan đã đến thăm bản-hội.

Trong tuần ba tháng này Hội V. N. T. N. được cái hân-hạnh tiếp nhiều vị Tán-trợ hội-viên đến thăm, bản-hội xin riêng kể mấy vị sau này : Quan học-bộ và binh-bộ thượng-thư, Thân-trọng-Huề đại-nhân, quan Công-sứ Trung-kỳ Daupley đại-nhân, quan Tổng-đốc Hải-Dương, Từ-Đạm đại-nhân, quan Tổng-đốc Vinh, Tôn-thất-Đàn đại-nhân. Các ngài đến thăm bản-hội như thế thật là một cách cổ-võ rất mạnh-mẽ cho thiếu-niên ta càng biết rõ rằng các vị quý-hữu người Pháp và các bậc tôn-trưởng người Nam vẫn lưu-tâm đến thiếu-niên lắm, các ngài đến thăm như thế lại khiến cho thiếu-niên càng biết tận-tâm với nghĩa-vụ hơn nữa. Bản-hội có lời thỉnh-cầu các ngài quý-hữu hễ khi nào qua chơi Hanoi, xin bớt ít nhiều thời-giờ quá bộ lại thăm Hội-quán cho biết những công-việc sửa-sang và lao-động không lúc nào nghỉ-dứt của bản-hội.

nous avons au contraire abaissé le prix de l'abonnement qui est fixé à 2$20 à partir du présent numéro. D'où la nécessité plus grande encore de nous procurer de nombreux abonnements. En outre, faculté est laissée, aux membres adhérents du F. E. A. de payer leur abonnement par versements mensuels de 20 cents qu'ils remettraient en même temps que leurs cotisations.

Signalons que plusieurs Résidents chefs de province ont souscrit des abonnements. Nous leur exprimons notre très vive reconnaissance pour l'excellent encouragement qu'ils nous donnent ainsi. Nous espérons vivement que leur exemple sera suivi par un grand nombre de leur collègues ; il est certain que ces fonctionnaires français qui s'acquittent avec compétence et dévouement de leurs délicates fonctions ne voudront pas, lorsqu'ils la connaîtront *vraiment*, refuser à notre œuvre, qui est leur collaboratrice bénévole, un concours qui lui sera précieux.

Enfin, nous avons envoyé à nos membres bienfaiteurs quelques exemplaires de notre numéro précédent en leur demandant de bien vouloir les distribuer gratuitement, à titre de propagande, à ceux de leurs amis qui pourraient s'abonner.

4₀ Visites reçues par le F. E. A.

Au cours de ce trimestre, notre Foyer a été très honoré de recevoir la visite de nombreux Membres Bienfaiteurs parmi lesquels nous citerons particulièrement : Son Excellence Thân-Trong-Huê, Ministre de l'Instruction Publique et de la Guerre, M. Dauplay, Résident de France en Annam, Son Excellence Từ-Đạm, tổng-Đốc de la province de Hải-dương, Son Excellence Tôn-Thât-Dàn, tổng-đốc de la province de Vinh, Ces visites constituent un grand encouragement pour nos jeunes gens qui comprennent mieux ainsi l'intérêt que leur portent leurs amis français et leurs aînés et elles leur font mieux comprendre aussi leurs devoirs. Nous demandons à tous ceux de nos grands amis qui passent à Hanoi de bien vouloir nous consacrer ainsi un moment, et de venir se rendre compte de nos travaux et de nos efforts incessants pour améliorer notre œuvre.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

5o — Thư-viện và phòng đọc sách

Bản-hội có nhận được nhiều sách và nhiều báo của các ngài quyên-giúp cho, bản-hội xin riêng kể mấy vị sau này :

Quan Toàn-quyền Đông-Pháp gửi cho quyển « La conférence de Washington » của ông Archimbaud soạn, quyển « Questions coloniales » của ông Régismanset soạn, v. v. . .

Bà Taupin ở Hanoi đã gửi cho nhiều sách và nhiều báo rất ích-lợi.

Ông Nguyễn-hữu-Thu, sinh-viên trường Cao-đẳng (ban luật-học), hội-viên trị-sự bản-hội đã gửi cho Hội 18 quyển sách, Ông Nguyễn-trọng-Diễm, gửi cho Hội 7 quyển, Ông Trương-hữu-Kỳ là thư-ký tại « Direction du contrôle financier » và là uỷ-viên việc soạn Tạp-chí cũng tặng hội 6 quyển sách; những sách ấy toàn ích-lợi cả, vậy bản-hội đã tặng ba Ông chức Tứ-trợ hội-viên.

Ông Trần-ngọc-Hải, sinh-viên, thường-hội-viên và ông Trần-văn-Cầu, học-sinh, uỷ-viên cũng gửi cho Hội nhiều sách lý-thú.

Sau nữa là bản-hội mới nhận được những sách-vở của các nhà trước-tác gửi lại cho ; bản-hội xin riêng cảm-tạ và rất thành-tâm cổ-vũ chức-mừng các ngài.

Ông Nguyễn-Thanh ở Hà-đông gửi cho quyển « Tấm gương luân-lý ».

Ông Nghiêm-xuân-Hiệp ở Phủ-lý gửi cho quyển « Đại-Pháp sử-lược ».

Ông Nguyễn-mạnh-Bồng gửi cho quyển « Ngọc trai nước giếng ».

Ông Nguyễn-ngọc-Xuân gửi cho quyển « Pháp-du hành-trình ».

Ông Nguyễn-bá-Chính gửi cho quyển « Hà-nội chỉ-nam »,

5e Bibliothèque et salle de lecture.

Nous avons reçu plusieurs dons de livres et de journaux parmi lesquels nous mentionnerons tout particulièrement ceux de Monsieur le Gouverneur Général de l'Indochine « La Conférence de Washington,» par Archimbaud, « Questions Coloniales » par Regismanset, etc . . .)

Madame Taupin, à Hanoi, nous a envoyé plusieurs livres et journaux très intéressants.

Messieurs Nguyễn-Hữu-Thu, étudiant en Droit, membre du Comité, Nguyễn-Trọng-Diễm de Hanoi et Trương-hữu-Kỳ secrétaire à la Direction du contrôle Financier et membre de la commission de la Revue du F. E. A. qui nous ont envoyé respectivement dix-huit, sept et six très intéressants ouvrages ont reçu le titre de Membre Donataire.

Messieurs Trần-Ngọc-Hải et Trần-văn-Cầu étudiants, membre adhérent et membre des commissions nous ont aussi envoyé d'intéressants volumes .

Enfin nous avons reçu les ouvrages suivants envoyés par leurs auteurs que nous en remercions particulièrement en leur adressant tous nos encouragements et meilleures félicitations :

De M. Nguyên Thanh, à Hadông : « Tâm-gương luân-lý » «Un exemple de morale.»

De M. Nghiêm-xuân-Hiệp, à Phủ-lý : « Cours élémentaire d'histoire de France, traduit en quốc-ngữ »

De M. Nguyen-mạnh-Bồng, à Haiphong : «Ngọc-trai nước-giếng » (La légende des perles du puits.)

De M. Nguyễn-ngọc-Xuân, à Haiphong : « Pháp-du hành-trình » (Mon voyage en France).

De M. Nguyễn-Bá-Chính: « Hanoi Chỉ-nam (guide de Hanoi).

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Ông Triệu-Hoàng-Hòa gửi cho quyển «Thành Rome và tòa-Thánh» và quyển «Vè cố Cao». Triệu-hoàng-Hòa tức là tên hiệu một ông cố đạo «catholique» rất có giá-trị, ông là một người làm vẻ-vang cho các nhà tận-tâm vì nghĩa đã sáng-tạo ra thứ chữ quốc-ngữ này . . . . Mà không có thứ chữ ấy quyển Tạp-chí của ta dễ không thành-lập được! Bản-hội xin cảm-tạ riêng nhà trước-tác việt-văn có danh-tiếng ấy vì ngài đã gửi thơ theo sách đến tỏ lòng quyến-luyến và chỉ-dẫn mọi lẽ phổ-thông cho bản-hội. Bản-hội lại nhận được của một ông cố «catholique» là một nhà chuyên-môn hán-học và là một người yêu dân Việt-nam rất có danh-tiếng một bộ sách quốc-ngữ rất ích-lợi và một tấm tình luyến-ái khiến cho bản-hội lấy làm cảm-động vô-cùng; vậy bản-hội cũng xin lấy lời đã cảm-ơn cố Hòa ở trên kia mà kính-tạ ngài. Bản-hội lại cũng cảm-ơn đặc-biệt một ông cố đạo «protestant» đã gửi cho Thư-viện bản-hội một vài quyển sách nữa. Bản-hội rất cẩn-giữ về việc cổ-động tôn-giáo, nên những báo-chương sách-vở có thể gây cho thiếu-niên một cái ý-tưởng cao-thượng, bản-hội bao giờ cũng vui lòng tiếp-nhận, miễn là những sách-vở báo-chương ấy đừng có vẻ công-kích ai thôi.

Bản-hội lại còn nhận được của ông Tôn-Thất Phán quyển lịch» Tu-thân» rất tài-tình và năm quyển «Quốc-ngữ giải lưng» của ông trước-tác ra. Quyển lịch của ông có thể giúp cho đồng-bào ta mở-mang những đức-tính trật-tự và những phương-pháp hành-vi được.

Bản-hội lại cũng nhận được nhiều nhật-báo và tạp-chí đã vui lòng gửi đổi với tạp-chí bản-hội. Bản-hội xin cảm ơn hết cả các nhà và ngợi-khen riêng tạp-chí «Pages Indochinoises» là một tạp-chí đã khéo chiêu-tập, lại được những nhà đại danh-sĩ Đông-Pháp soạn văn.

6o — Ai-Tín

Hội V. N. T. N. rất lấy làm đau-đớn vì mới mất một vị Tán-trợ hội-viên rất trung-thành là ông Nguyễn-đình-Kao ở

De M. Triệu-hoàng-Hoà : «Thành Rome và Toà-Thánh» (Rome et ses cathédrales) et «Vè cố Cao» (Ode au Père Cao) Sous ce pseudonyme se cache modestement un missionnaire catholique distingué qui fait honneur à la lignée des hommes de dévouement auxquels nons devons l'invention du quốc-ngữ.... sans laquelle la présente revue, en particulier, n'existerait pas. Un remerciement tout spécial à cet écrivain annamitisant distingué pour le témoignage d'intérêt et les précieuses indications générales qu'il a bien voulu nous donner par sa lettre d'envoi. La même mention au Revérend Père catholique et annamitisant très connu qui nous a envoyé une collection d'intéressantes brochures en quốc-ngữ et un témoignage de sympathie qui nous a vivement touché. Remerciements particuliers aussi à M. le Rév. Pasteur protestant qui nous a adressé également quelques brochures en quốc-ngữ versées aussi à notre bibliothèque. En nous abstenant très soigneusement de toute propagande religieuse nous accueillerons toujours avec joie tous les ouvrages qui peuvent donner à notre jeunesse l'amour d'un idéal, sous la seule réserve qu'ils ne présentent aucun caractère agressif.

Mentionnons le curieux « Calendrier — Conscience » envoyé par son inventeur, M. Tôn-Thất-Phán. Ce calendrier est appelé à rendre des services à nos compatriotes en développant les habitudes d'ordre et de méthode. M. Tôn-Thất-Phán nous a envoyé aussi cinq brochures (méthode de quốc-ngữ) dont il est l'auteur.

Nous avons reçu aussi plusieurs journaux et revues qui consentent à nous faire le service gratuit par échange avec notre Revue. Nous les remercions tous, et tout particulièrement la très belle publication « Les Pages Indochinoises ». aussi artistement présentée que bien rédigée par les maîtres de la littérature indochinoise.

6o Nécrologie

Le F. E. A. a eu la douleur de perdre un de ses Membres Bienfaiteurs les plus dévoués. M. Nguyễn-Đình-Kao, de

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Hảiphòng. Ông còn trẻ tuổi mà chẳng may bệnh nặng ly-trần sớm thế, thực là một việc rất thương tiếc cho gia-quyến ông. Ông Kao thực là người có tâm-huyết, ông rất nhiệt-thành giúp-đỡ những việc công-ích. Bình-sinh ông đã tận-tâm quá-đáng mà cổ-động quyên-giúp bản-hội tại Hải-phòng. Hội V. N. T. N. xin cung-kính mà nhớ ơn ông mãi mãi.

Bản-hội lại rất lấy làm buồn-rầu vì mới mất ông Trần-bá-Chính, học-sinh trường Sư-phạm, là một người bạn thanh-niên của bản-hội. Ông Chính chẳng may tạ-thế một cách đột-nhiên quá. Ông Chánh-đốc và ông Chánh hội-trưởng bản-hội cùng với một số rất đông những hội-viên đại-biểu đã đi đưa đám ông. Còn như đám ma ông Kao thì bản-hội rất tiếc rằng không phái được đại-biểu xuống Hải-phòng dự đám, là vì tin đến chậm quá. Tuy-nhiên, ông Nguyễn-Bân, chánh-thư-ký bản-hội cũng kịp xuống đưa ma ông Kao.

Bản-hội cũng đã phái đại-biểu đi đưa đám những người nhà các hội-viên chẳng may tạ-thế, và nhất là đám ma cụ bà thân-sinh ra bà thứ-thất cụ quận Hoàng, nguyên-kinh-lược Bắc-kỳ, bảo-chủ hội-viên V. N. T. N.

Mỗi lần đi viếng như thế, bản-hội có tuân theo khoản thứ 23 trong điều-lệ hội mà gửi đến nhà tang-chủ một bức chương đề năm chữ nho: «Việt-Nam Thanh-niên Hội». Nay bản-hội xin nhắc lại để các hội-viên biết rằng chính Đại-hội-đồng đã đồng-thanh bầu khoản 23 trong điều-lệ đó mà vỗ tay công-nhận điều ấy như pháo vang súng nổ; ông chánh-đốc hội ta khi đó lấy làm cảm-động về tấm lòng cao-thượng ấy đã ngỏ lời cảm-ơn chúng ta nhiệt-thành . . . Thế mà, tiếc thay! phần nhiều người trong chúng ta lại chẳng chịu đóng tiền điếu-tang là một món tiền nhỏ **đứng ngoài tiền nguyệt-cấp**; ta há lại không biết rằng Hội nào cũng làm như vậy cốt để cho hội-viên được tỏ lòng chia buồn cùng tang-chủ đó ư! Nếu ai chịu khó trông qua đến khoản « điếu-tang » trong sổ kế-toán của bản-hội thì sẽ thấy rằng bên thu-nhập hụt hơn bên chi-tiêu nhiều lắm; nhưng chính-thực ra thì ai cũng am-hiểu nghĩa-vụ ấy cả, chỉ vì lắm người nhãng đi, không để-ý tới thôi. Chắc rằng từ xưa đến nay chỉ có một thiếu-

Haïphong, qui a été enlevé prématurément à l'affection des siens par une cruelle maladie. M. Kao était un homme de cœur qui donnait avec empressement son concours à toutes les œuvres de bien. Il s'était prodigué avec dévouement pour nous recueillir des souscriptions à Haïphong. Notre société gardera sa mémoire avec une respectueuse reconnaissance.

Nous avons été aussi bien tristement éprouvés par la perte de notre jeune ami Trần-Bá-Chính, élève à l'école Normale subitement décédé. Notre Directeur, notre président et une nombreuse délégation ont suivi ses obsèques. (Ayant été prévenus trop tard, nous n'avions pu, à notre très vif regret, envoyer une délégation à Haïphong pour les obsèques de M. Nguyễn Đình-Kao, mais M. Nguyễn Bân, secrétaire principal du F. E. A. avait pu cependant y assister.)

Nous avons envoyé aussi une délégation aux obsèques des parents de plusieurs de nos membres, et particulièrement à l'enterrement de la mère de Son Excellence Hoàng-Cao-Khải ancien Kinh-Lược du Tonkin, Membre du Comité de Patronage.

Pour chacune de ces cérémonies, nous avons, conformément à l'article 23 de nos statuts, envoyé à la famille une bannière mortuaire portant les caractères du F. E. A. Rappelons à ce sujet à tous les membres de notre société que cet article des statuts a été voté à l'unanimité par l'assemblée générale qui l'a salué spontanément d'une salve d'applaudissements nourris; notre Directeur a été vivement touché de cette manifestation d'un sentiment très élevé et nous en a remerciés aussitôt .... Hélas!... beaucoup d'entre nous ont pourtant omis d'envoyer leur part des frais de cette nature *qui doivent absolument être distincts des cotisations*, ainsi que cela se fait dans toutes les sociétés, pour bien témoigner du désir de participation volontaire à la douleur de ceux qui sont ainsi atteints. Si l'on veut bien jeter un coup d'œil sur le chapitre « Funérailles » de notre comptabilité, on se rendra compte de ce que les dépenses dépassent considérablement les recettes; et pourtant tous comprennent très bien ce

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

niên kia là khi bản-hội cho người đến thu tiền « đóng riêng » ấy, lại trả lời bản-hội như sau này : « Tôi không thể nào cứ tùy theo cái hứng riêng của quí-hội mà mỗi tháng thay-đổi sự quyên-cấp được. » Trước-tiên bản-hội đã định rằng món tiền chi-phí về việc đó cứ mỗi tháng thì chia đều cho các thường-hội-viên phải đóng-góp. Nhưng bây giờ đã lâu ngày chậm-chễ quá mất rồi, bản-hội không thể nào lại chia như thế được nữa. Vậy bản-hội xin rằng hội-viên cứ nhất-định lấy món tiền nhiều ít tùy lòng rồi đưa người đại-biểu để đóng cùng với tiền nguyệt-cấp tháng sau nhân thể, hay là gửi ngay lại bản-hội cũng được. Tiền ấy sẽ biên là tiền thu-nhập trong khoản « điếu-tang » và sẽ có giấy biên-lai sé ở sổ gốc trả lại cũng như các tiền đóng-góp khác vậy.

Sau nữa, ông Vũ-tam Tập là thư-ký rất tận-tâm của Hội-đồng trị-sự bản-hội đã thay mặt ông Chánh-đốc và ông Chánh hội-trưởng vì bận việc, đến dự lễ khánh-thành nghĩa-địa của hội Quảng-thiện ở Thượng-đình (Hà-đông) ngày 21 tháng octobre mới rồi. Bản-hội rất vui lòng tỏ tình luyến-ái với hội tương-tế ấy.

7· — Các kỳ hội-họp

Các kỳ hội-họp đã định ở trong số tạp-chí trước thì đã làm cả rồi, chỉ riêng một bài diễn-thuyết về thứ-mục chữ B («Sự tiến-hóa») là phải hoãn lại đến tuần ba tháng sau thôi. Ngoài những cuộc du-quan đã định, lại có hai cuộc du-quan phụ thêm nữa. Một cuộc là nhờ có hảo-tâm các ngài tổ-chức cuộc đấu-sảo mỹ-thuật ở Hội K. T. T. Đ., nên hội-viên đã đến xem đấu-sảo tại Hội-quán hội ấy. Còn một cuộc là nhờ hảo-tâm của ông Baud nên hội-viên đã đến bờ hồ Hoàn-kiếm để xem cuộc thí-nghiệm một chiếc tầu-thuỷ hình nhỏ. Cuộc đi xem Hội-chợ năm nay và các cuộc đàm-đạo sẽ có kỷ-thuật rõ-ràng ở trong những số tạp-chí sau. Bây giờ bản-hội chỉ đăng những mục kỷ-thuật vắn-tắt đã đăng ở trong các báo-chương bản-xứ thôi.

28 Octobre : Đại hội-đồng : Hôm chủ-nhật mới rồi,

beau devoir... mais certains n'y pensent pas. Il est certainnement une exception unique, celui qui nous écrivit lorsque nous lui demandions le versement de cette quote part « qu'il ne pouvait pas modifier chaque mois sa souscription suivant les fantaisies du F. E. A. » ! Nous avions décidé au début de répartir chaque mois les frais de cette nature entre tous les membres adhérents. Ce n'est plus possible en raison de l'arrière trop considérable que nous avons maintenant. Nous demandons donc à ceux-ci de bien vouloir remettre telle somme qu'ils fixeront eux-mêmes, en même temps que leur cotisation du mois prochain, au délégué de leur groupe, ou bien de nous envoyer ces sommes directement. Elles seront portées en recettes au chapitre « Funérailles » et il en sera délivré, comme pour tous les versements, un reçu extrait d'un carnet à souche.

Enfin, Monsieur Vũ-Tam-Tập le très dévoué secrétaire de notre comité, a représenté nos Directeur et Président, empêchés, à l'inauguration du cimetière de la Société de Secours Mutuels Tonkinois Quảng-Thiện-Hội qui a eu lieu le 21 octobre à Thương-Đình (Pᵉᵉ de Hadong). Cette œuvre de mutualité peut être assurée de toute notre sympathie.

7° Réunions

Toutes les réunions fixées par notre numéro précédent ont pu avoir lieu, à la seule exception de la 3ᵉ conférence de la série B (L'évolution) qui a été reportée au trimestre prochain. Deux excursions supplémentaires dues à l'amabilité des organisateurs de l'exposition d'art de l'A. F. I. M. A. et de M. Baud ont eu lieu à l'A. F. I. M. A. pour visiter cette exposition et au petit Lac pour assister aux intéressants essais d'un bateau à vapeur en miniature. La visite à la Foire de Hanoï et les deux entretiens familiers seront relatés en détail aux prochains numéros de notre Revue. Nous publions seulement aujoud'hui le compte-rendu succint qui en a été donné par la presse locale.

28 octobre: **Assemblée générale** — L'assemblée générale

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

hồi 2 giờ chiều, Hội V. N. T. N. đã họp Đại-hội-đồng, có ông Nguyễn-hữu-Tài, Giáo-sư trường Lycée chủ-tọa. Buổi ấy đã bầu-cử hội-đồng trị-sự trong niên-học mới này: Hết cả hội-viên đồng-thanh tái-cử ông Tài làm chánh-hội-trưởng và bầu ông Ngô-gia-Lễ, tham-biện sở Tài-chính và ông Đỗ-Trọng, học-sinh trường Lục-lộ, làm phó hội-trưởng, ông Nguyễn-Ứng, Tham-biện sở Hỏa-xa Đông-pháp, làm Phó-thư ký. Còn những ông Tập, Hiếu, Định, Thọ, đã tái-cử làm Thư-ký và thủ-quỹ. Ông Lễ có thỉnh-cầu mấy điều rất hay về việc quản-trị trong hội, rồi Hội-đồng có bàn đến việc mở-mang tạp-chí và việc thiết-lập hội-đồng dịch các sách trứ-danh của nước Pháp, in ra những sách hai thứ tiếng; sau hội-đồng tuyển-trạch lấy hiệu-dấu cửa Hội thì đã công-nhận kiểu vẽ của Ông Bùi-huy-Cường là thư-ký Tòa-soạn tạp-chí của Hội. Sau cùng những quan-viên trị-sự và những uỷ-viên cùng nhau yến-ẩm, khánh-thành những việc sửa-sang trang-hoàng lịch-sự tại phòng ăn hội-quán.

18 novembre : *Đàm-đạo* :

« Tinh thành-thực » của ông **Lương-Huy**.- Chủ-nhật vừa rồi, tại hội V. N. T. N. vào hồi 7 giờ rưỡi, hội-viên đã hội-họp đàm-đạo nói về « Tinh thành-thực». Dự cuộc có chừng 40 hội-viên đến dự-thính. Trước hết ông Lương-Huy khai đầu bài rất khéo, rồi hội-viên có mặt tại đó nhiều người đứng lên bàn-luận, phẩm-bình rất là náo-nhiệt. Những lời bàn-luận này sau sẽ đăng trong tạp-chí của hội.

25 novembre: *Du-quan* :

Cuộc đi xem đấu-xảo mỹ-thuật ở Khai Trí Tiến Đức. Hội V. N. T. N. nguyên là chi-thuộc hội Khai-Trí Tiến-Đức, nên các quan-viên trị-sự hội K. T. T. Đ. đã tỏ tình thân-ái mà ưng-thuận cho ông P. Monet đưa hội-viên V.N.T.N. vào xem không mất tiền ngay hôm khánh-thành của quý-hội. Vì tấm hảo-tâm đó, hồi ba giờ hôm kia, hội-viên V. N. T. N ngoại 100

F. E A. a eu lieu dimanche dernier à 2,[h] de l'après-midi sous la présidence de M. Nguyễn-hữu-Tài, professeur au Lycée. Il a été procédé aux élections du Comité d'administration pour la nouvelle année scolaire ; M. Tài, président sortant, a été réélu à l'unanimité, M. M. Ngô-gia-Lễ, commis à la Direction des Finances et Dỗ-Trọng, étudiant des Travaux Publics, ont été élus vice-présidents et M. Nguyễn Ứng, secrétaire-adjoint. M. M. Tập, Hiếu, Định et Thọ, secrétaires et trésoriers sortants ont été réélus. Des propositions intéressantes relatives à l'administration de la Société ont été présentées par M. Lễ, puis diverses questions ont été examinées concernant particulièrement le développement de la revue du F. E. A. et la création d'une " Collection F.E.A. " d'éditions bilingues des meilleurs auteurs français. On a voté ensuite l'adoption d'un insigne pour les sociétaires et choisi le modèle proposé par M. Bùi-huy-Cường, secrétaire de la Rédaction. La soirée s'est terminée par un repas en commun des membres du Comité d'administration et des diverses commissions, inaugurant les travaux d'embellissement de la coquette salle de restaurant du F.E.A.

18 Novembre — Entretien familier :

"La Sincérité" par M. Lương-Huy. — Dimanche dernier a eu lieu, à 7 h. 1/2 du soir, au F.E.A., une très intéressante réunion d'entretiens familiers sur " la Sincérité". Une quarantaine de jeunes gens environ y assistait. Le sujet, très bien introduit par M. Lương-huy, a donné lieu à des discussions animées auxquelles prirent part de nombreux assistants, et qui seront publiées au Bulletin du F.E.A.

25 novembre — Excursion ;

Visite de l'Exposition d'art de l'A. F. I. M. A. — Le comité d'administration de l'A. F. I. M. A., tenant compte de ce que le F. E A. est rattaché à cette œuvre, lui a témoigné sa bienveillance en accordant à son directeur l'entrée gratuite pour tous les membres du Foyer qui se présenteraient avec lui le jour de l'inauguration. Plus d'une centaine de jeunes

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

người đã vui-vẻ đến xem cuộc Đấu-xảo mỹ-thuật và những cuộc du-hí và ai nấy đều ngợi-khen cái tài sếp-đặt hoàn-toàn của các quan-viên trị-sự Hội K.T.T.Đ. Thiếu-niên Việt Nam đã nhờ cuộc du-quan ấy sinh lòng phấn-khởi bội-phần về những kết-quả viên-mãn đã do sự mở-mang tài-năng và quốc-tuý quý-hóa của Việt-Nam ta và nhờ ở lòng quảng-đại nước Pháp rắt-ríu ta lên đường tiến-bộ, hội-hộp ta cho thành đoàn-thể, và đem khoa chuyên-môn cách-trí, đem tài tổ-chức quang-minh rèn-tập cho những tư-cách đáng khen của ta trở nên hoàn-mỹ nữa.

9 Décembre : Du-quan :

Cuộc đi xem Hội-chợ Hanoi.- Hôm chủ-nhật mới rồi nhờ có hảo-tâm của ông Grawitz là Chánh-hội-trưởng phòng Thương-mại và ông Nervo là Tổng-uỷ-viên Hội-chợ nên H. V. N. T. N. đi xem Hội-chợ Hanoi đã được nhiều điều ích-lợi lắm. Ông Criaud là phó uỷ-viên Hội-chợ đã vui lòng dẫn thiếu-niên Hội đi xem các gian-hàng chính; hoặc ông chủ, hoặc ông quyền-chủ những gian-hàng có mặt tại đấy đã giảng nghĩa và làm thí-nghiệm cho thiếu-niên ta nghe và coi. Thiếu-niên ta xem nhiều nơi lấy làm lý-thú lắm, như ở gian hàng sở máy điện thì ông Baud, chủ gian đó, đã giảng giải cho kỹ-càng, ở gian-hàng hội Oxygène và Acétylène thì thiếu-niên được xem thí-nghiệm nối hai miếng sắt làm một, kết-quả hoàn-toàn và những gian hàng của các nhà Descours và cabaud, Pommeraye, Sindex, Procédé Fit, cũng đều có ích cả. Nhiều thứ kỹ nghệ bản-xứ ở các gian hàng Hanoi, Hà-Đông, Sơn-tây, Nam-Định, Nam-kỳ, Trung-kỳ, Cao-mên, v. v. cũng có điều bổ-ích thực-hành đáng chú-ý đến. Mong rằng những điều đó làm hướng-đạo cho phần nhiều thiếu-niên Việt-Nam về đường công-thương kỹ-nghệ để biết đem cái học chuyên-môn của Đại-pháp đã rộng lượng bảo cho mà làm ích nước lợi dân, chớ không chỉ mơ-màng về lối sĩ-hoạn thôi. Sau sẽ có một bài kỷ-thuật kỹ-càng về cuộc Du-quan này, đăng trong Việt-nam thanh-niên tạp-chí.

gens du F. E. A. ont répondu avec empressement à cette aimable invitation. Ils ont visité dimanche à 3 h. l'Exposition d'Art et les attractions et ont pu admirer le talent des organisateurs de cette exposition qui se sont vraiment surpassés. Notre jeunesse annamite a emporté de cette visite l'impression doublement encourageante des très beaux résultats que peuvent donner le développement de leurs précieuses traditions et de leurs talents, et l'esprit généreux avec lequel la France sait aider leurs progrès en les guidant, les groupant, et complètant leurs dispositions remarquables par sa technique scientifique et son esprit de clarté et d'organisation.

9 décembre — Excursion :

Visite à la Foire de Hanoï. — Grâce à l'amabilité de M. Grawitz, Président de la chambre de Commerce et de M. Nervo, Commissaire de la Foire, le F. E. A. a pu visiter dimanche dernier la Foire de Hanoï avec un réel profit pour les jeunes gens annamites : M. Criaud, commissaire-adjoint de la Foire, voulut bien guider lui-même les jeunes gens du F. E. A. à travers les principaux stands où des explications et démonstrations leur furent données par les directeurs ou représentants présents. Les jeunes Annamites furent vivement intéressés par le stand remarquable de la Société d'Electricité où M. Baud, chef de station leur fournit des explications complètes, par ceux des Maisons Descours et Cabaud, La Pommeraye, Sindex, Procédé Fit, et à la Société d'Oxygène et d'Acétylène où l'on se livra devant eux à une expérience de soudure autogène des mieux réussies. Les industries locales très variées des stands de Hanoï, Hadong, Sơn-Tây, Nam-Định, Cochinchine, Annam, Cambodge, etc . . . donnèrent lieu à des remarques instructives très pratiques qui contribueront, espérons-le, à orienter plusieurs de ces jeunes gens vers l'industrie et le commerce et à mettre ainsi au service de leur pays les connaissances techniques que la France leur apporte généreusement, au lieu de ne rêver que mandarinat. Un compte-rendu détaillé de cette visite sera publié par la Revue du F. E. A.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

16 Décembre — Du-quan :

Cuộc thí-nghiệm một cái tầu thủy nhỏ. — Chủ-nhật vừa rồi, hồi 9 giờ sáng, vì ông Baud là Chef de Section ở nhà máy điện đã có lòng tốt mời hội, nên hội-viên V. N. T. N. đã đến xem cuộc thí-nghiệm một cái tầu thủy nhỏ của ông sáng-tạo ra chạy thử trên hồ Hoàn-kiếm. Tầu thủy đó dài chừng một thước tây, thật là một cái tầu kỳ-diệu mà tác-giả đã trổ hết tài học chuyên-môn và cách lão-luyện của một nhà cầm máy hải-thuyền trở về tạo-thành ra. Tầu chạy được là nhờ một cái máy hơi nước nhỏ, máy này làm cũng tài lắm, năm ngoái chắc ai ai cũng đã được lấy làm thích mà xem cái máy ấy ở trong gian hàng rất lớn của sở máy-điện tại trường Hội-chợ. Cuộc thí-nghiệm này đã được kết-quả hoàn-toàn lắm, nhưng chỉ vì thiếu mất một tay thủy-thủ thành ra tan cuộc (chân thủy-thủ ấy cần một người thạo nghề tình-nguyện giúp cho.... nhưng tầm-thước không quá năm phân tây mới được!...)

Ông Baud lại đã vui lòng nhận đến dự cuộc nói chuyện về các thứ máy hơi nước mà ông Monet sẽ giảng tại hội V. N. T. N. vào khoảng đầu năm sang năm và ông lại nhận làm thí-nghiệm để chỉ-dẫn cho rõ-ràng nữa. Hội V. N. T. N. rất thành-tâm cảm-tạ ông Baud là bạn thân của hội. Ta hi-vọng rằng cuộc thí-nghiệm kia khiến cho ba, bốn mươi người thiếu-niên dự cuộc sẽ đem lòng khuynh-hướng về đường kỹ-nghệ thì thật là may lắm.

23 Décembre — Đàm-đạo :

« **Mục-đích đời người** » của ông **Ngô-gia-Lễ**. — Chủ-nhật vừa rồi, hồi bảy giờ rưỡi tối, hội V. N. T. N. đã hội-họp « đàm-đạo ». Thiếu-niên đến dự cuộc kể có bốn mươi người, ai cũng lấy làm vui-thích mà nhiều người lại đàm-luận một cách rất là náo-nhiệt. Đầu bài « đàm-đạo » là « mục-đích đời người ». Ông Ngô-gia-Lễ, Phó hội-trưởng V. N. T. N. đã khai giảng một cách rõ-ràng đích-đáng. Trước hết, ông bầy-tỏ những cái ý-tưởng về đời người theo như học-thuyết của phái «vật-chất» với phái « hư-linh » rồi nói đến những ý-tưởng do sự quan-sát các việc hành-động của người trong lúc giao-tế và các cách

16 décembre - Excursion :

Essais d'un petit bateau à vapeur. — Dimanche dernier à 9 heures du matin, le F. E. A. sur l'aimable invitation de M. Baud, chef de section à la Société d'électricité, a assisté aux essais très intéressants sur le Petit Lac d'un bateau à vapeur en miniature construit par M. Baud. Ce bateau long d'environ 1 mètre est une véritable merveille de construction pour laquelle son auteur a déployé toute sa science technique et son talent d'ancien mécanicien de flotte : le petit navire est mû par une machine à vapeur en miniature qui est un vrai prodige d'exécution, et que chacun a pu admirer l'année dernière à la Foire de Hanoi au stand si intéressant de la Société. Les essais ont admirablement réussi, et seule, l'absence à bord d'un pilote, (emploi pour lequel on demande un volontaire expérimenté ..... qui ne devra pas avoir une taille dépassant cinq centimètres!....) a mis fin à sa course triomphale.

M. Baud a bien voulu accepter de participer à la causerie sur les machines à vapeur qui sera faite au F. E. A. le trimestre prochain par M. Monet et de s'y livrer à des expériences démonstratives. Le F. E. A. adresse à cet ami de l'œuvre ses plus sincères remerciements. Trente à quarante jeunes gens assistaient à cette expérience qui, nous l'espérons, fera naître en eux le désir de se consacrer à l'industrie.

23 décembre — Entretien familier :

« Le but de la vie » par M. Ngô-gia-Lễ. — Une réunion dite « d'entretiens familiers » a eu lieu dimanche soir à 7^h, 1/2 au F. E. A.; elle a été suivie avec le plus grand intérêt par une quarantaine de jeunes gens dont plusieurs ont pris part à la discussion qui fut fort animée. Le sujet était « Le but de la vie ». Il fut introduit par Monsieur Ngô-gia-Lễ, vice-président de la Société en un exposé très méthodique et clair. M. Lê exposa ce que sont les conceptions de la vie d'après les doctrines matérialistes et spiritualistes, puis, de l'observation de ce qui se passe dans les différents rapports

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

sử-sự của người so với những tính-chất của các loài vật nữa. Sau ông Lễ kết-luận rằng mục-đích đời người là phải yêu đồng-loại và phải đem thực-hành cái tình yêu ấy vào trong gia-đình xã-hội. Tinh-thần đạo-đức của người ta càng cao bao nhiêu thì cái tình đồng-loại càng rộng bấy nhiêu, tình ấy là tình đối với quốc-gia nhân-loại.

Ông M. N. P. nói rằng cứ theo ý ông ấy thì cái mục-đích đời người là phải lao-động, nhưng không phải lao-động về đường kiếm lợi-lộc nhỡn-tiền đâu, phải lao-động kỳ-cùng cho ngày một tiến-bộ mãi lên.

Lúc ấy những người dự-thính cùng nhau luận-bàn hăng-hái. Sau ông H. T. H. tóm-tắt lại rằng những nhời nói trên là đồng-ý cả, bởi vì: muốn thực-hành cái tình tương-ái thì tất phải lao-động cho tiến-hóa mãi lên, mà sự lao-động cho tiến-hóa lên ấy chính là mục-đích đời người đó.

Lời kết-luận ấy, ông Monet lấy làm đích-đáng và lại giải nghĩa thêm rằng: người ta sinh ra ở đời là cốt để lao-động cho tiến-hóa về đường tinh-thần đạo-đức. Từ khi ra đời đến lúc thác đi, mà có tiến-bộ thì ấy là mình đã đạt tới mục-đích ở đời, mà muốn tiến-bộ thì quyết-nhiên là suốt đời phải đánh-đổ cái tính ích-kỷ đi cho mình có lòng đoàn-thể, có bụng khoan-dung và hiểu-biết lẫn nhau để thực hành cái nghĩa hi-sinh cho người mới được. Nay xem những nhời giáo-huấn đã giảng-giải quần-tập của các đức Khổng-tử, Lão-tử, Thích-ca và Kỳ-tử thì ta lại thấy rằng những cách giáo-huấn ấy thật là chỉ một cốt-chủ về đạo-đức luân-lý cả, mà đạo-đức luân-lý chẳng những người ta phải học-biết, mà phải tiễn-lý thực-hành.

Những kỳ hội-họp trong tuần ba tháng thứ nhất năm 1924 — Chương-trình những kỳ hội-họp ấy định như sau này :

Tháng janvier

Chủ-nhật, mồng 6, đúng 6 giờ rưỡi chiều : **Tiệc chung** ở nhà ăn tại Hội V. N. T. N. của các hội-viên Trị-sự, Ủy-viên,

des hommes entre eux, et même de rapprochements avec des exemples pris dans la vie des animaux, M. Lê conclut que le but de la vie est de permettre à l'homme d'apprendre à aimer ses semblables et à mettre cet amour en pratique dans sa vie familiale et sociale. Plus l'homme est élevé dans l'ordre moral, plus cet amour paternel est étendu : amour de la famille, de la patrie, de l'humanité.

Monsieur M. N. P. dit que, selon lui, le but de la vie est le travail ; non pas un travail quelconque pour des fins matérielles, mais un travail continu pour un progrès incessant.

Une discussion fort animée s'engage entre plusieurs assistants. Monsieur H. T. H. fait remarquer que tout le monde est d'accord, car la pratique de l'amour de nos semblables ne va pas sans un effort vers un progrès continuel, et c'est précisément le travail de perfectionnement dans ce sens qui est le vrai but de la vie.

M. Monet confirme et développe cette conclusion : l'homme n'est créé que pour travailler à son perfectionnement moral. Il a atteint le but de cette vie s'il la quitte meilleur qu'il n'y est entré et le progrès à réaliser consiste précisément en la lutte continuelle contre l'égoïsme pour la conquête de l'esprit de solidarité, de tolérance, de compréhension mutuelle, pour la pratique du sacrifice de chacun à tous. Des rapprochements et commentaires de textes de Confucius, Lao-Tze, Bouddha, Jésus-Christ, montrent une fois de plus la parfaite unité morale de ces enseignements de sagesse qui ne doivent pas seulement être connus mais *vécus*.

Réunions du 1er trim. 1924. Le programme de ces réunions est fixé comme suit :

Mois de Janvier

Dimanche 6 à 6 heures 1/2 du soir = **Repas en commun** au restaurant du F. E. A. pour les membres du

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Tán-trợ và Tứ-trợ. Vậy bản-hội rất thành-tâm mời các ngài ấy đến dự tiệc này cho đông. (Tiệc làm cơm ta và cơm tây). Mỗi người dự tiệc phải đóng 1 đồng bạc. Vậy xin ngài nào muốn dự tiệc thì gửi giấy nhận lời và tiền lệ một đồng bạc đến Tòa-Đốc hội V. N. T. N. **trước ngày mồng 4 Janvier.**

Chủ-nhật 13 : Cuộc du-quan làng Hữu-tử ở Hà-đông (xem công-cuộc cải-lương làng-xã và những các công-nghiệp của ông Nguyễn-duy-Kham đã làm) — Cơm ăn ở làng. Giờ đi và tiền góp rồi sau sẽ định.

Chủ-nhật 20. — 2 giờ rưỡi có họp Đại-hội-đồng để tổ-chức hội-tiết của Hội V. N. T. N. vào ngày 13 avril. Vậy xin các hội-viên đến họp hội-đồng cho đông vì chương-trình ngày hội nhất-định hôm đó. Còn cần phải nhiều kỳ hội-đồng khác để sửa-soạn ngày hội-tiết (tập thử, vân vân ....) về sau nữa, những ngày hội-đồng ấy đến hôm Đại-hội-đồng sẽ nhất-định.

Chủ-nhật 27 đúng 7 giờ rưỡi tối, có cuộc **Đàm-đạo**: « Tục lấy nhiều vợ »

Tháng Février

Chủ-nhật mồng 3 : ngày hôm ấy không có hội-đồng gì vì gần đến tết.

Thứ hai mồng 4, đúng 7 giờ chiều: Ông Chánh-đốc rất thành-tâm mời các thường-hội-viên quê ở Trung-Kỳ, Nam-Kỳ, Cao-miên và Ai-lao không thể về nhà ăn tết được, lại soi cơm **soàng** với ông ở ngoài nhà gianh của ông trên bãi cát làng Đồng-nhân. Quý-hữu nào nhận lời xin cho biết trước ngày 3 février.

Chủ-nhật mùng 10, không có hội-đồng vì vào ngày tết.

Chủ-nhật 17 — 3 giờ có cuộc **diễn-thuyết ngoài thứ-mục** về « các thứ máy hơi nước » của ông P. Monet, lại có thí-nghiệm để giải nghĩa của ông Baud ở sở máy điện Hanoï nữa. Cuộc diễn- thuyết này là cốt để sửa-soạn cuộc du-quan chủ-nhật sau.

Comité et des Commissions et pour les Membres Bienfaiteurs et Donataires qui voudront bien y participer et y sont très cordialement invités (cuisine mixte). Le prix du repas est fixé à une piastre. Prière à tous ceux qui acceptent d'y prendre part de bien vouloir envoyer leur acceptation, accompagnée de la somme d'une piastre, à la Direction du F.E.A. **avant le 4 Juillet.**

Dimanche 13. Visite au village de Hữu-Tử (Hadong) (Améliorations communales et œuvres diverses de M. Nguyễn-duy-Kham). Le repas sera pris au village. L'heure et la cotisation seront fixées ultérieurement.

Dimanche 20 : à 2 h. 1/2 **Assemblée générale** pour l'organisation de la Fête du F.E.A. qui aura lieu le 13 Avril. Prière de venir nombreux à cette réunion où le programme de la fête sera arrêté. D'autres réunions préparatoires (répétitions, etc...) auront lieu ultérieurement, leurs dates seront fixées à l'assemblée générale.

Dimanche 27 : à 7 h. 1/2 du soir; **Entretien familier** : « La Polygamie »

Mois de Février

Dimanche 3: Pas de réunion en raison du Têt.

Lundi 4, à 7 h. du soir: Monsieur le Directeur invite très cordialement les membres adhérents originaires de l'Annam, de la Cochinchine, du Cambodge et du Laos, qui ne pourraient pas aller passer chez eux les vacances du Têt, à venir dîner avec lui en famille, **très simplement,** à sa cai-nhà du Banc de sable (à Đồng-Nhân) (cuisine annamite). Prière à ceux qui acceptent de bien vouloir envoyer leur acceptation avant le 3 février.

Dimanche 10, Pas de réunion en raison du Têt.

Dimanche 17. à 3 h. : **Conférence Hors Série** : " Les machines à vapeur ", par M. Monet avec expériences démonstratives par M. Baud, de la Sté d'Electricité Indochinoise. Cette conférence prépare l'excursion du dimanche suivant.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Chủ-nhật 24 : Cuộc đi xem các máy hơi nước, ở các nhà kỹ-nghệ tại Hanoi. Họp nhau ở Hội-quán V. N. T. N. đúng 8 giờ.

Tháng Mars

Chủ-nhật mùng 2: đúng 3 giờ có **bài diễn-thuyết thứ 3 về thứ-mục chữ B** : « Sự tiến-hóa ».

Chủ-nhật 16 — Cuộc đi du-quan Sơn-tây. Đi xem đồn-điền của ông Borel; Cơm sáng thì ăn ở Sơn-tây. Giờ họp nhau ở Hội-quán V. N. T. N. với phần tiền góp nhau để chi-phí về việc du-quan này rồi sau sẽ nhất-định ở trong giấy mời và đăng ở các báo.

Chủ-nhật 30 đúng 3 giờ, có **bài diễn-thuyết thứ 8 về thứ-mục chữ A**: « Ảnh-hưởng Hi-lạp đối với văn-minh Âu-tây » .

8o — Chớp Ảnh

Bản-hội rất lấy làm tiếc vì không giữ được lời đã hứa ở trong số tạp-chí thứ 2 về việc chớp-ảnh này. Cái máy Solus thì vẫn không sao mua được đèn điện, mà việc đặt máy « Power » vừa tốn-kém, vừa khó-khăn thì cũng chưa thực-hành được. Nhưng bản-hội hi-vọng rằng cũng chẳng bao lâu nữa máy ấy sẽ đem ra chiếu được.

9o — Tết Nguyên-đán

Nhân dịp tết Nguyên-đán, Hội V. N. T. N. đóng cửa từ ngày mồng 1 đến ngày 15 tháng Février 1924.

* * *

THÔNG-TÍN CỦA HỘI-VIÊN V. N. T. N.

Không có gì cả

(Bản-hội xin các quý-hữu lưu-tâm đến mục này là mục rất mới-lạ cho các quý-hữu và đến những điều bản-hội đã nói ở trong số tạp-chí thứ 1 nữa.)

Dimanche 24: Visite aux machines à vapeur de différents établissements industriels de Hanoi. Rendez-vous à 8 h. au F.E.A.

Mois de Mars

Dimanche 2 : à 3 h. **3e conférence de la série B**: " L'Evolution ".

Dimanche 16 : Excursion à Sontây. Visite de la concession de M. Borel. Le déjeuner aura lieu à Sontây. L'heure de rendez-vous au F.E.A. et la part contributive aux frais de l'excursion seront fixées ultérieurement et annoncées par voie de la presse et de convocations.

Dimanche 30 : à 3h, **8ème conférence Série A** : " L'influence grecque sur la civilisation occidentale"

8o Cinéma

Nous regrettons vivement de n'avoir pu tenir la promesse, faite au N° 2 à propos du Cinéma. Toujours impossible de se procurer des lampes pour le " Solus " et l'installation du " Power ", coûteuse et compliquée, n'a pu encore être faite : Nous espérons bien qu'elle le sera très prochainement.

9o Fêtes du Têt

A l'occasion des fêtes du Têt, le Foyer sera fermé du 1er au 15 février inclus.

* * *

COMMUNICATIONS DES MEMBRES DU F. E. A.

Néant

(Nous attirons l'attention de nos amis sur cette rubrique encore nouvelle pour eux et sur ce qui en a été dit au N° 1).

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

EXAMEN de la COMPTABILITÉ du F. E. A. (4e trimestre 1923)

RECETTES	Octobre	Novem.	Décem.	TOTAUX	DÉPENSES	Octobre	Novem.	Décem.	TOTAUX
1° — FOYER									
	$	$	$	$		$	$	$	$
Souscriptions. . . .	104,40	269,00	193,60	567,00	Matériel.	57,70	16,68	67,58	141,96
Droits d'Inscription.	8.50	7,50	4,50	20,50	Mobilier.	2,86	8,54	77,10	88,50
Cotisations.	59,40	47,60	43,80	150,80	Immeuble.	317,57	124,00	52,27	493,84
Funérailles.	»	0,90	0,20	1,10	Eau et Electricité. .	99,32	24,54	52,72	176,58
Divers.	0,20	1,50	6,70	8,40	Propagande, correspondance, déplacements.	25,95	32,81	73,44	132,20
					Funérailles	0,18	0,60	0,40	1,18
					Divers.	0,40	0,30	4,58	5,28
					Personnel.	149,26	145,00	168,82	463,08
Totaux.	172,50	326,50	248,80	747,80		653,24	352,47	496,91	1.502,26
					Balance				
					Déficit : *754 $, 82*				
2° — PENSION									
Loyer du Restaurateur. . .	10,00	10.00	10.00	30,00	Mobilier.	3,75	»	11,80	15,55
					Balance				
					Bénéfice : *14 $, 45*				
3° — REVUE									
Abonnements . . .	88,60	254,00	103,50	446,10	Impression.	»	889,02	»	889,02
Vente au numéro. .	3,20	6,28	3,32	12,80	Fournitures diverses.	6,24	3,19	5,09	14,52
Annonces	»	»	6,00	6,00	Affranchissements. .	89,06	6,81	0,64	96,51
Divers.	0,48	»	»	0,48	Imp., Journaux. . . .	14,64	11,22	3,20	29,06
					Déplacements, divers	1,65	0,16	0,67	2,48
					Personnel.	82,50	70,00	75,00	227,50
Totaux	92,28	260,28	112,82	465,38		194,09	980,40	84,60	1.295,09
					Balance				
					Déficit : *793 $, 71*				

Balance générale

FOYER.	— *754,82*	
PENSION.	+ *14,45*	— **1.534 $, 08**
REVUE.	— *793,71*	(Déficit)

Situation au 1er Janvier 1924

Avoir en Banque au 1er Octobre 1923	+ **6.860,65**
Déficit, 4e trimestre 1923.	— **1.534,08**
Avoir en Banque au 1er Janvier 1924. . . .	+ **5.326.57**

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

CẢI-CHÍNH

Trang 92,	**dòng 25,**	**đọc là** :	xa, chớ không phải :		ca.
— **124,**	— **2,**	—	thuế chợ,	—	thuế học.
— **152,**	— **1,**	—	của	—	cua.
— **160,**	— **25,**	—	sức	—	súc.
— **166,**	— **15,**	—	kiêu	—	kiêu.
— **192,**	— **20,**	—	cử-chỉ	—	cứ-chỉ,

CẢI-CHÍNH Ở SỐ BÁO TRƯỚC

Đầu bài « Đại-Pháp với Thuộc-địa » đã quên không để vào trong Yếu-mục. Vậy nay cải-chính lại mà thêm ở dưới dòng « 6 — Tư-tưởng » như sau này:

7. — Đại-Pháp với Thuộc-địa, trang 99

và mỗi số những bài theo sau lại cộng thêm 1 vào nữa.

SỔ LẠC-QUYÊN GIÚP HỘI V. N. T. N.

Từ số này trở đi, bản-hội bắt đầu in luôn sổ lạc-quyên.

ERRATA

Page 93,	**ligne 28,**	**lire** :	tels que,	au lieu de :	et que.
— **101,**	— **33,**	—	l'école	—	école.
— **131,**	— **24,**	—	ayons	—	avons.
— **177,**	— **33,**	—	sans	—	dans.
— **211,**	— **1,**	—	ont	—	
— **220,**	— 26, 27 et 28	—	ouï	—	oui.

ERRATUM DU NUMÉRO PRÉCÉDENT

L'article "France et Colonies" a été oublié au Sommaire Rectifier celui-ci en ajoutant, après « 6. — Pensées».

7. — France et Colonies, page 99

et augmenter de 1 les Nos de tous les articles suivants.

LISTES DE SOUSCRIPTIONS DU F.E.A.

Nous commençons aujourd'hui la publication de ces listes qui continuera sans interruption dans les numéros suivants.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Maison fondée en 1904

Médailles d'Or et d'Argent
Exposition coloniale Marseille 1922

Diplôme de mérite - 1er Prix
Exposition de Hanoi 1913-14-18-19-20

ĐÀO-VĂN-MAI
et **NGUYÊN-VĂN-THÂN**
BRODEURS
281, Rue de Tiên-An, 281
(Tonkin) BAC-NINH

Grand choix de broderies fines,
naturelles en tous genres sur Satin de Lyon, Soie et Tussor
du Tonkin de qualité extra
Travaux très soignés — Prix raisonnables

A LOUER

Souscriptions du F. E. A.

Il est rappelé que :

Tout versement égal ou supérieur à 250$, comporte le titre de *Membre Fondateur.*

Tout versement égal ou supérieur à 25$, et inférieur à 250$, comporte le titre de *Membre Bienfaiteur.*

Tout versement égal ou supérieur à 5$, et inférieur à 25$, comporte le titre de *Membre Donataire.*

Tout souscripteurs reçoit un reçu détaché d'un carnet à souche. De plus, il est remis :

Aux Membres Fondateurs : un titre illustré g^d format
Aux Membres Bienfaiteurs : un titre illustré différent
Aux Membres Donataires : une carte grand format

Les titres délivrés aux Membres Fondateurs et Bienfaiteurs sont des souvenirs offerts en témoignage de la reconnaissance du F.E.A. et non des diplômes donnant droit à un titre officiel décerné par une autorité quelconque.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

A- Souscriptions reçues avant le 1er Juillet 1923

1° Souscriptions égales ou supérieures à cent piastres

Sa Majesté l'Empereur d'Annam	1000$,00
Gouvernement Général de l'Indochine	500,00
S. E. Hoàng trọng Phu, Tổng Đốc à Hàđông	250,00
M. Leroy, Entrepreneur à Hanoï	250,00
M. Bạch Thái Bửdi, Armateur à Haïphong	250,00
Subvention accordée par le Conseil Municipal à Hanoï	150,00
M. Ng. duy Kham, Commerçant à Hanoï	150,00
Mme Gonthier, de Lille	100,00
M. Ng. hữu Thu dit Sen, Armateur à Haïphong	100,00
Total	2750$,00

2° Souscriptions inférieures à cent piastres

Tonkin

Ville de Hanoï

Vers.ts de 30$: M. Valette, adm.teur des Sces Cils, au G.G. M.

André, chef du Cab. au G.G. M. Mus, Dteur de l'E. sup. de Pédagogie, M. le Ct Jeanbrau, Dteur des A. P. au G.G., M. Mourroux, Résident Maire, M. Tricard, Dteur de l'E. vétre, M. Tr. v. Thông, Tổng-đốc, M. Tr. v. Soạn, M. Ch. C. T. . . . . 240$,00

Vers.ts de 25$: M. Lafferranderie, Dteur de l'Ens. prairie, M. Marty, Dteur de l'E. Sup. de Commerce, M. Bergues, Dteur de l'E. des Tr. Publics, M. Louis Marty, adm.teur des 3ces Cils au G.G. M. Barthélemy, Insp. de l'Inst. pub., M. Tissot, ancien R. S. en Annam, M. Ng. quý Toàn, Dteur de l'E. d'éducation physique, M. Ng. an Diệp, M. Ch. C. T., M. Lê trung Ngọc, Tổng-đốc, Ng. Đỗ kim Ngọc à Đinh Hóa, M. Trần Thuy dit Cát Thành, Commerçant, M. Lê v. Phúc, Dteur de l'imp. tonk., M. Ettori, Dteur des Ecoles fr. annates du centre, M. Vieillard, Dteur de l'E. d'Agriculture . . . 350,00

Vers.ts de 20$: M. A. Janvier 20,00
— id — de 15, : M. A. Rouveyroles 15,00
— id — de 10, : M. Blanguerron, Dteur de l'Inst. publique, M. Ng. Lê, Ingénieur chimiste à la Distillerie de l'Indochine 20,00

Vers.ts de 5$: M. A. Manau, Cabinet de R. S., M. Alberti, chef de cabinet de la Rce Sup., M. Duron, Dteur de la Cie du Yunnan, M. Poulin, Dteur des bureaux à la Mairie, M. Phùng văn Huế, M. Ch. C. T., M. le Cel Bonifacy, M. Lacaze, Adm.teur des Sces Cils, Mme Vieillard, M. Pujarniscle, Dteur de l'E. Normale 45,00

Ville de Hanoï :
Total général des souscriptions inférieures à cent piastres . . . . . 690$,00
(Qui, jointes à la subvention de 150,00
de la ville de Hanoï, et aux versements de 250,00
de M. Leroy et de 150,00
de M. Ng. duy Kham, portent les sommes versées par la ville de Hanoï au total de . . . . . 1240$,00

Ville de Haïphong

Vers.t de 30$: M. Đoàn-bá-Tỉnh, entrepreneur . . . . 30$,00

Vers.ts de 25$: M. Ng. thừa Đạt, M. Ch. C. T., Société d'oxygène et d'acétylène d'Ext-Orient 50,00

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Versements de 10$: M. M. Vũ v. Hòa, Ng. v. Phúc, Ng. đh. Cao, Ng. v. Thịnh, Mme Lê-hữu-Mai, Hoàng đặng Toán, Vi-hữu-Ngộ, Vũ v. Thanh . . . . . 80$,00

Vers.t de 6$: M. Tr. v. Tu 6,00

Vers.ts de 5$: M. M. Ng. v. Phong, Nam Sinh, Uông chu Miên, Vạn An, Vũ v. Phụng, Lê ngn. Hanh, Vũ ng. Dưỡng, Ng. sơn Hà 40,00

Vers.t de 3$: M. M. Lâm Thịnh, Trần v. Trạch, Pham e. Kouague, Ng. văn Tập, Phùng-quang Đức 15,00

Vers.ts de 2$: M. M. Ng. Kỷ, Hoà Kỷ, Vưởng khả Lai, Ng. x. Đài, Phùng k. Bảng, Tr. v. Lịch, Tr. Tuệ, Vũ đh. Hội, Ng. đh. Hân, Đạo t. Châm, Ph. đh. Hinh 22,00

Vers.ts de 1$: M. M. Hán Kỷ, Ngô h. Long, Khánh Kỷ, Ngô t. Mộc, Ng. như Hoàn, Lưu Đức, Vũ v. Lâm, Quách v. Lưởng, Tr. qg. Vinh, Pham ngọc Toàn, Mme Ng. t. Cường, Ng. kh. Trạch, Vũ eg. Quán, Lê v. Hồi, Ph. qg. Nhuận, Tr. v. Thuộc, Ng. ng. Thu, Lê v. Vân, Ng. h. Nguyên 19,00

Total . . . 262$,00

Huyện de Hai-An

Versement de 5$: M. Đàm duy Huyên, Tri-huyện . . 5$,00

Vers.ts de 1$: M. M. Ng. k. Khoan, Tr. v. Giu, Đặng v. Bát 3,00

Vers.ts de 0$,50: M. M. Đỗ h. Phát, Lưu văn Uông, Ng. v. Thuật, Ph. d. Thủ, Tr. th. Thụy, Đào v. Thuyết, Phùng v. Vang, Bùi v. Loạn, Pham qg. Thi, Tr. v. Thưởng 5,00

Vers.ts de 0$,30: M. M. Tr. đ. Lục, Trần ngôn Cư, Bùi h. Kính, Ph. kim Dân, Ng. dh. Thái 1,50

Vers.ts de 0$,20: M. M. Ng. x. Luy, Ng. v. Hoàn, Đào đh. Uyển, Ph. d. Hạ, Đỗ v. Trận, Ng. văn Luận, Tr. v. Lê, Dưởng v. Thuyết, Tr. v. Ngỗ, Lê v. Bổ, Phạm

v. Cư, Ng. v. Tín, Ng. v. Thấp, Trịnh v. Tư, Trịnh v. Kinh, Ng. tri Đầu, Ph. qg. Thung, Tr. v. Cơ, Hoàng gia Siêu, Đinh v. Tiến, Ng. đh. Thụ, Vũ h. Cát, Ph. v. Dích, Đặng v. Bằm, Ph. v. Hợp, Đg. bá Lữ, Ng. h. Nghị, Đặng đh. Am, Đỗ duy Đoàn, Vũ h. Nhạc, Ph. v. Cầu, Ng. qg. Đan, Hoàng gia Thiệu, Ng. v. Khuê . . . . . 6$,80

Total . . 21$,30

Ville de Haïphong:
Total général des souscriptions inférieures à cent piastres . . . . . 283$,30

(Qui, jointes aux versements de 250,00
de Mr Bạch Thái Bưởi et de 100,00
de Mr Ng. hữu Thu dit Sen, portent les sommes versées par la ville de Haïphong au total de . . . . 633$,30

Province de Bắc Ninh

Personnel Français

Vers.ts de 5$: M. M. Lché, Chapat Payeur, Dr Ronzier, Société des Papeteries, Société des Tuileries de l'Indochine . . . . . 25$,00

Vers.t de 2$: M. Fauger 2,00

Vers.ts de 1$: M. M. Chapelon, Rousselet, Olléac 3,00

Total . . 30$,00

Personnel Annamite

Vers.t de 20$: M. Ng. Bách, Tổng Đốc . . . . . 20$,00

Vers.t de 15$: M. Ng. đh. Tuân, An-sát 15,00

Vers.ts de 5$: M. M. Ng. ngọc Dai, Les Instituteurs de l'Ecole des Garçons 10,00

Vers.ts de 3$: M. M. Nghiêm v. Trí, Bằng-Trinh . . . 6,00

Vers.t de 2$: M. Trưởng Du 2,00

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Vers ts de 1$: M. M. Ng. h. Tú, Tr. m. Hứa, Ng. Trac, Lưu hữ Huy, Phan trg. Thuần, Đoàn đức Phái, An văn Cúc, Mme Kiểm 8,00

Vers ts de 0$,50 : M. M. Ng. Khánh, Ph. t. Thanh 1,00

Total . . . 62$,00

Phụ de Thuận-Thành

Vers t de 20$: M. Ng. Tôn Mé, Tri-phủ 20,00
— de 5 : M. Tr. v. Lan 5,00

Vers ts de 2$: M. M. Ng. v. Hân, Ng. v. Mật 4,00

Vers ts de 1$: M. M. Vương cát Trinh, Nguyễn đạt Đại, Ng. dh. Viên, Ng. v. Phlo, Ng. bá Thọ Duyên, Ng. v. Nhỡn, Vương dh. Ban, Ng. v. Đắc, Ng. v. Tụng, Ng. gg. Lịch, Ng. gg. Hai, Lưu v. Thục, Đỗ trg. Thái, Ng. v. Biên, Đỗ v. Văn, Ng. v. Hiền, Ng. v. Điển, Ngô Đệ, Ngô Trac, Ngô Giới, Ngô Triều, Ng. dh. Ban, Ba quang Định, Đỗ công Đạc, Ng. Viện Trường, Ng. phú Dương, Ng. phú Nhữ, Ng. v. Gáng, Vũ v. Đàm, Ngô v. Khoan, Đào đắc Viện, Vũ khắc Bình, Ng. v. Bàng, Nguyễn đức Viên, Nguyễn văn Mại, Nguyễn v. Đoàn, Nguyễn v. Tuân, Ng. v. Mỹ, Nguyễn v. Kim, Hg. v. Nghi, Đỗ duy Bông, Trần v. Phong, Hoàng thế Tích, Nguyễn v. Nguyên, Ng. v. Mỹ, Ng. v. Hậy, Ng. v. Thú, Tạ Duy Thuần, Đỗ v. Uyên, Tr. Nguyễn Biết, Ng. dh. Quy, Ng. đa Lộc, Ng. v. Phọ, Đỗ v. Lương, Đỗ v. Khut, Ng. x. Đài, Ng. v. Thuật, Ng. v. Chữ, Ng. xuân Cung, Lê khắc Thận, Lê bá Thát, Ng. duy Thiều, Ng. v. Nhiều, Lê v. Cảnh, Ng. Thăn, Nguyễn văn Giám, Ng. ng. Đồng, Vương bá Ước, Đoàn văn Cấn, Ng. văn Thâm, Ng. v. Nghĩ, Ng. v. Chân, Ng. v. Kiều, Ng. v. Cường, Ng. văn Thái, Nguyễn tử Xuân, Nguyễn v. Tiến, Ng. hoàng Khai, Lê xuân Sáp, Lê văn Đoàn, Lê v. Chuyên, Lê v. Ngân, Ng. v. Cần, Dh. v. Mỗi, Đỗ v. Mục, Vũ v. Kiểm, Đỗ v. Tuyên, Nguyễn dh. Chiết, Ng. bá Định, Ngô gg. Giá, Ngô gg. Thái, Ng. dh. Thú, Ng. v. Kha, Lưu Phấn Thủ, Ng. v. Liêm, Phùng v. Đàn, Ng. phú Biểu, Dg. đ. Chiểu, Ng. phú Y, Xuân v. Đậu, Ng. h. Phục, Ng. v. Thuận, Ng. x. Giai, Hoàng v. Nhân, Ng. đ. Hiếu, Ph. Dh. Mẫn, Ngô v. Huỳnh, Ng. huy Điển, Ng. Đang Nghiêu, Ng. đức Sinh, Ng. Thất, Lưu v. Liễu, Ng. v. Cường, Đinh v. Y, Dương v. Tuyên, Dương v. Khiêng, Lưu v. Ân, Tr. thủy Du Đào đắc Hành, Phạm Cường, Đào bình Lục, Ng. v. Lộc, Ng. Các, Ng. v. Kiều, Nguyễn h.

Mai, Tr. v. Hợp, Ng. v. Cung, Vũ h. Nguyên, Lê ngọc Bội, Ng. v. Tỉnh, Ng. tiến Chương, Phạm Hiền, Nguyễn gia Bằng, Ng. v. Quỳnh, Ng. gia Sử, Ng. gia Thái, Ch. Ng. thông Đài, Ng. thanh Phàm, Ng. ba Thung, Cao v. Thế, Cao v. Nghiệp, Đinh bá Bạo, Dg. đức Thùng, Nguyễn th. Chung, Dương v. Võ, Dương v. Mậu, Hoàng cg. Lực, Ng. bá Nghĩa, Tr. đắc Tâm, Ng. v. Tích, Dương đạo Đạt, Dương cg. Ngoan, Ng. v. Thế, Hg. tiến Chí, Tr. h. Thông, Ng. th. Thước, Ng. t. Thu, Ng. bá Chức, Ng. th. Tích, Ng. dg. Thinh, Ng. tấn Minh, Lê tuấn Thiện, Phùng tinh Hân, Ng. đức Chuẩn, Ng. v. Tiến, Ng. văn Nhâm, Ng. văn Thu, Ng. v. Lương, Ng. v. Đạt, Ng. v. Được, Ng. v. Mậu, Tia Cúc, Phạm Thuyết, Man Vũ, Tr. v. Nhân, Ng. v. Cốn, Ng. v. Sửu, Cao đ. Thuết, Ng. v. Long, Hg. v. Luyện, Hoàng th. Thân, Ng. h. Cường, Ng. Trg. Trù, Nguyễn duy Trinh, Ng. Doãn Ngân, Ng. v. Công, Đỗ như Tuyên, Ng. v. Cúc, Ng. v. Đỗ, Tr. bá Bình, Ng. v. Sử, Ng. v. Định, Ng. v. Liên, Ngô thế Cẩm, Tr. bá Tạo, Ng. văn Cảnh, Ng. v. Chiêu, Ng. v. Tỷ, Ng. v. Chân, Dương ngọc Ái, Lê xuân Kiều, Ng. gia Trinh, Ng. gia Thế, Trịnh Uế, Ng. đình Mai, Ng. Thiều, Ng. Trang, Ng. xuân Lan Ng. Thân, Ng. Trường, Ng. duy Bính, Nguyễn Đàm, Ph. thế, Ng. thanh Tĩnh, Phạm đình Uy, Vương hữu Gi, Trường hữu Ninh, Ng. xuân, Ng. Mão, Ng. v. Duy, Trần Tung, Biện Mại, Vương hữu Bính, Ngô đắc Đại, Hg. dh. Ngọc, Ng. si Các, Biện Diễm, Vương hữu Chan, Công nhà Sách, Ng. v. Thảo, Vũ v. Phác, Ng. v. Giai, Ng. v. Hòa, Ng. văn Cẩn, Tr. kh. Duyên, Phan văn Đào, Vũ duy Trí, Nguyễn hữu Đạo, Nguyễn Cốn, Ng. si Quỳnh, Ng. Phi, Ng. Thế Cảm, Phạm văn Hạ, Nguyễn đắc Phương, Nguyễn x. Hoàn, Vương văn Phác, Ng. v. Đại, Vương bá Hiếu, Ng. v. Việt, Ng. v. Cập, Ng. Sinh, Ng. x. Long, Ng. Dg. Kiên, Dương dh. Danh, Đỗ dh. Lay, Dương dh. Viên, Ng. đức Cảm, Ng. h. Vương, Khúc dh. Ngọ, Nguyễn tích Nhuế, Nguyễn huy Nghĩa, Ng. Đắc, Ng. Thế Việc, Ng. ng. Nghiêm, Ng. Như Uy, Nguyễn qg. Trinh, Ng. x. Như, Ng. v. Hân, Ng. hữu Ngôn, Bùi trọng Khôi, Ng. thiện Thuật, Trần duy Lục, Tr. v. Quang, Dương x. Thiều, Nguyễn hữu Nghi, Vương v. Việt, Tr. ol Huỳ, Ng. v. Bá, Dương dh. Dương, Ng. duy Sĩ, Vũ khắc Đề, Vũ quang Chức, Ng hữu E, Vũ trọng Quỳ, Ng. duy Cử, Ng. th. Toàn, Đỗ Đăng Liêm, Lê Doãn Việ Vũ huy Thiệp, Ng. bá Tuyết, Nguyễn Việt, Tr. đặ Cẩn, Đàm phong Ba, Vũ Chí, Nguyễn x. Thảo, Ng. x. Uyên, Ng. hg. Thức, Nguyễn Thiện Dụ, Dương văn Lương, Lê ng. Uyên, Phạm Nữu, Phùng tr. Thành, Đương Quân Lộ 307,00

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Vers ts de 0$50: M.M. Ngô d. Thức, Lưu v. Thú . . . . . 1$00

Total . . . 337$00

Phủ de Tí - Sơn (Bắc Ninh)

Versement de 5$: M. Ng. thuy Ưng, tri-phủ . . . . . 5$00

Vers ts de 1$: M.M. Ng. ng. Triều, Đỗ trọng Hàm, Ng. h. Viễn, Ng. v. Tôn, Ng. v. Uông, Ngô v. Quỹ, Chu v. Tiếp, Đào th. Nghị, Ng. v. Trang, Ng. v. Mậy, Tr. d. Đôn, Ng. v. Tiên, Ng. v. Cầu, Ng. - thiện Kế, Đào v. Hành 15,00

Vers ts de 0$50: M.M. Đỗ v. Thành, Ng. d. Lộc, Ng. v. Thiện, Ng. v. Vi, Ng. v. Thuộc, Ng. dh. Thuộc, Lê v. Thái, Ng. h. Quỳ, Ng. v. Thông, Ngô ad. Liêu, Ng. v. Trac, Ng. duy Lịch, Ng. d. Quảm, Ng. duy Thuần, Ng. v. Tường, Ng. v. Nghi, Lê ng. Dần, Ng. quý Thục, Ng. v. Hồm, Tt. dh. Ninh, Đào v. Hành, Đàm văn Nhượng, Ng. v. Thú, Lê d. Mộn, Ng. v. Năm, Vũ v. Biên, Ng. dg. Cầm, Ngô lệnh Ân, Ngô thế Vinh, Ng. trg. Huấn, Ng. v. Cảng, Dương v. Sam, Dương v. Quỳ, Tr. dh. Uy, Ng. d. Trạch, Ng. dse Trạch, Ng. v. Quỳ, Ng. v. Khang, Ng. như Khuê, Lý phó Trưởng 22,00

Vers ts de 0$40: M.M. Ng. v. Thìn, Đàm Trân, Ng. v. Đễ, Ng. dh. Cát, Ng. v. Chiêu 2,00

Vers ts de 0$30: M.M. Ng. v. Kiên, Ng. dg. Khiết, Trương d. Thỏ, Ng. v. Thản, Ng. Du, Ng. v. Mến, Ng. v. Thi, Ng. v. Hài, Ng. v. Hoàn, Ng. ng. Quang, Tr. v. Thăng, Ngô v. Bài, Ng. dh. Liệu, Lâm v. Tỉnh, Ng. trg. Du, Thạch Hay, Lương v. Tỉnh, Ng. Trac. Huy, Đặng v. Tiêm, Đào v. Mười, Nghiêm N. Khiêm, Ng. d. Uyển, Đỗ doãn Tuế 6,30

Vers t de 0$20: M. Ng. v. Học 0,20

Total . . . 51$10

Huyện de Gia - Lâm

Vers t de 4$: M. Lê Cảm, tri-huyện . . . . . 4$00

Vers ts de 1$: M.M. Dg. v. Thuyên, Cao minh Thuyên, Ng. v. Trúc, Phùng dh. Viện, Ng. gia Lương, Ng. ng. Trường, Ph. v. Miễn, Vũ kh. Quang, Đinh gia Mai 9,00

Vers ts de 0$50: M.M. Ph. v. Thu, Lương v. Dễ, Ng. v. Tập, Lê v. Đạo 2,00

Total . . . 15$00

Huyện de Vũ - Giang

Vers t de 5$: M. Ng. v. Hoạch, tri-huyện . . . . . 5$00

Vers t de 2$: M. Ng. v. Hòa 2,00

Vers ts de 1$: M.M. Ng. v. Lập, Vũ duy Trinh, Vũ ph. Thăng, Vũ dh. Văn, Ng. v. v. Dương, Trương trọng Giáp, Ng. h. Trường, Vũ x. Trên, Ng. kh. Dzuy, Hà Lạ Bát, Ng. Ng. v. Trung, Ngô v. Thứ, Ngô Lưu Thoại, Ng. v. Thường, Ng. Hữu Cường, Ng. v. Thường, Liêu d. Quỳnh, Ng. Sửu, Vũ v. Lịch, Ng. v. Hoạnh, Ng. dh. Long 21,00

Vers ts de 0$50: M.M. Ng. v. Thác, Ng. v. Lợi, Ng. v. Bút, Vũ cg. Đôn, Ng. v. Mùi, Ng. văn Thâm, Vũ v. Muôn, Ng. v. Viên, Ngô v. Hạnh, Ng. v. Đài, Nguyễn kh. Tâm, Ng. v. Trò, Ng. v. Quế, Đặng v. Uyên, Tống Trọ Hằng, Ng. v. Thứ, Ng. dh. Chu, Ng. v. Đốc, Ng. v. Nghi, Bùi v. Hợp, Ngô v. Cần, Chu v. Khai, Ng. v. Tỉnh, Nguyễn v. Tỉnh, Ng. v. Khảo, Đỗ v. Mắc, Đoàn cg. Thính, Viên v. Quyền, Ng. v. Trúc, Ng. Thg Đôn, Lê v. Hỉ, Ng. v. Trường, Ng. v. Hiền, Ng. v. Thâm, Ng. v. Tuyc, Ng. cg. Thanh, Ng. v. Bài, Ng. dh. Tam, Trh. v. Mộc, Dg. v. Chính, Ng. v. Toàn, Ng. d. Trứ, Hà v. Bản, Tr. d. Giung, Tr. Xuân, Ng. Viên Chi, Ph. dh. Yết, Ng. t. Đức, Ng. d. Mai, Ng. v. Chuẩn, Ng. v. Sỏ, Ng. v. Lương, Ng. v. Ngọc, Tr. v. Thanh, Lê v. Canh, Hg. dh. Nghi, Ng. dh. Thang, Ng. cg. Tỉnh, Ng. v. Cường, Ng. v. Tỉnh, Tr. v. Đông, Dg. ng. Nương, Ng. v. Thân, Ng. v. Mão, Ng. v. Tỉnh, Ph. t. Viên, Ng. h. Thân, Dg. cg. Trạm, Ng. v. Trùng, Hg. t. Tỉnh, Ng. v. Lung, Ng. dh. Thị, Ng. v. Lại, Ng. m. Đức . . . 37,00

Total . . . 65$00

Huyện de Quế - Dương

Vers t de 5$: M. Cát v. Tán, tri-huyện . . . . . 5$00

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Vers.t de 3.$: Village de Bông-Lai 3,00

Vers.ts de 1,$50 : M.M. Trần-danh-Viện, Ng-bá-Cây, village de Nghiêm-Xá 4,50

Vers.t de 1.$20 : M. Ng-v-Thường 1,20

Vers.ts de 1,$: MM. Ng-tri-Duật, Ng-đăng-Thường, Hoàng-v-Nguông, Hoàng-công-Lâm, Tr-dh-Sài, Ng-qg-Tiếu, Hg-v-Phê, Ng-kh-Thoan, Ng-đg-Lan, Ph-si-Quân, Ng-v-Năm, Hoàng-v-Nhạc, Ng-v-Huy, Mai-v-Pha, Ng-dh-Mão, Ng-Niên, Ng-Hùng, Ng-công-Quế, Ca-qg-Cẩn, Ng-ích-Khiêm, Ng-v-Trạch, Ng-v-Hòa, Ng-Cầu, Tr-Quân, Tr-Cẩn, Tr-d-Ngốc, Ng-dh-Nghiêm, Ng-v-Trúc, Tr-v-Cường, Tr-v-Kết, Ng-v-Nga, Ph-d-Chí, Hoàng-ng-Thuần, Tr-v-Dần, Ng-v-Cẩm 35,00

Vers.t de 0,$60 : M. Ng-hữu-Chất 0,60

Vers.ts de 0,$50 : MM. Ng-đang-Quang, Ng-v-Ve, Ng-v-Khiêm, Ng-v-Điển, Ng-thế-Thường, Ng-v-Vượng, Đường-v-Nguyên, Ng-v-Huy, Ng-q-Ái, Ng-q-Việt, Ng-đăng-Thước, Ng-đăng-Khang, Ng-đg-Thai, Ng-dh-Đang, Hg-h-Kế, Ng-nh-Đoạn, Ng-v-Bách, Mai-tr-Khu, Đinh-v-Phác, Mai-đ-Hích, Ng-v-Tam, Ng-v-Thung, Vũ-v-Hợp, Vũ-v-Thành, Ng-v-Thuc, Ng-v-Hoè, Ca-v-Dự, Đàm-v-Hiên, Đàm-v-Quỹ, Ng-v-Thuỷ, Ng-v-Cử, Ng-v-Nho, Ngô-v-Cử, Ng-v-Chiêu, Ph-v-Hoàng, Ph-v-Trúc, Phan-v-Tuyển, Mai-d-Thiệu, Ph-v-Sĩ, Vũ-Huy-Duyên, Ng-v-Huy, Ng-v-Trúc, Ng-v-Kiên, Ng-h-Đinh, Ng-Đán, Ng-Bình, Ng-hữu-Tiêu, Ng-Thi, Ng-công-Hùng, Ng-v-Nho, Ng-v-Tuyển, Ng-thế-Hoàng, Ng-duy-Niêm, Ng-duy-Thanh, Ng-v-Trà, Ng-v-Đức, Đào-d-Huy, Ng-Khắc-Bế, Thân-Dh-Lan, Ng-v-Thâm, Ng-v-Tuỳ, Tr-v-Cầu, Ph-v-Thấm, Ng-đắc-Châu, Ng-đình-Canh, Ng-h-Chuyên, Trịnh-v-Khâm, Ng-đắc-Đe, Đào-v-Chế, Trịnh-đg-Văn, Trịnh-d-Giang, Tr-h-Chiến, Ng-dh-Khiêm, Ng-v-Gi, Ng-v-Hồ, Ng-v-Điện, Đỗ-d-Lương, Ng-v-Đến, Ng-Cư, Ng-v-Dần, Đặng-đình-Lung, Ph-v-Toàn, Tr-v-Phung, Ph-trg-Lạc, Lê-q-Việt, Lê-q-Vượng, Lê-q-Diệu, Ph-tr-Hiếu, Ng-v-Tôn, Ng-đào-Thấm, Trần-v-Thường, Ng-đầy-Lung, Ng-v-Diễn, Ph-v-Phung, Ng-v-Nhi, Ng-v-Thứ, Bùi-d-Tế, Phan-v-Siêu 49,00

Vers.ts de 0,$40 : MM. Ng-v-Nam, Ng-v-Tiến, Ph-đình-Vinh, Ng-v-Lan, Lê-v-Định, Ng-v-Hội . . . 2,40

Vers.ts de 0,$30 : MM. Ng-v-Thuê, Ng-v-Trân, Ng-v-Đào, Ng-v-Nghĩa, Vũ-v-Lập, Bùi-v-Bội, Ng-v-Hậu, Ng-v-Châu, Ng-v-Chương, Ng-v-Sử, Ng-v-Thu, Ng-v-Nghị, Trịnh-d-Thu, Trịnh-d-Cầu, Nghiêm-v-Đỉnh, Ng-v-Mậu, Ng-v-Ất, Ng-h-Cường, Ng-Cấu, Ng-Thành, Ng-d-Lưu, Lê-v-Mỹ, Ng-v-Kỳ, Ng-v-Nhâm, Ng-d-Chiêu, Ng-d-Chiểu, Ng-d-Xuất, Ng-d-Nho, Ng-d-Cư, Ng-d-Diễn, Ng-d-Phú, Ng-v-Khai, Vũ-d-Ngân, Lê-v-Dương, Đinh-v-Lưu, Lê-v-Thường, Tr-v-Đăng, Ng-Chất, Lê-d-Khả, Ng-Lâu, Ng-v-Tọa, Ng-v-Luận, Hoàng-d-Cập 12,90

Vers.ts de 0,$20 : MM. Ng-v-Dần, Trịnh-q-Dương, Ng-công-Cuộc, Đặng-Kim-Toàn, Ng-v-Đạm, Ng-v-Lương, Ng-v-Bảo, Ngô-v-Luật, Ng-bá-Hồng, Trịnh-d-Triết, Ng-h-Lương, H-v-Điển, H-v-Thực, Ng-h-Khiêm, Mai-d-Thám, Ng-d-Cải, Ng-v-Chiểu, Đinh-v-Thanh, Tr-v-Sáo, Ng-Thước, Ng-Sáo, Ng-công, Ng-Lực, Ng-Thường, Ng-Phụng, Ng-Bằng, Ng-Tài, Lê-q-Thuỷ . . . 5,60

Vers.t de 0,$10 : M. Trần-v-Kết 0,10

Total . . . 119,30

Huyện de Tiên-Du.

Vers.t de 6.$: M. Ng-đình-Hoè, Tri-huyện . . . 6,00

Vers.t de 3,$: M. Ng-trọng-Doanh 3,00

Vers.t de 2,$: M. Vũ-văn-Anh 2,00

Vers.ts de 1,$50 : MM. Đặng-d-Cẩn, Trịnh-công-Thành . . . 3,00

Vers.ts de 0,$20 : MM. Lê-v-Tốn, Ng-si-Dương, Ng-d-Du, Ng-d-Vinh, Ng-huy-Đạt 1,00

Total . . . 15,00

Huyện de Yên-Phong

Vers.t de 10.$: M. Hoàng-hữu-Đôn, Tri-huyện . . . 10,00

Vers.t de 5,$: Village de Phu-Thường 5,00

Vers.ts de 3,$: Villages de: Phương-La-Đông, Lạc-Trung . . . 6,00

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Vers.ts de 2$: M. Tr. tỉnh Lý, Villages de: Yên-Vỹ, Giới-Tế, Đông Yên, Tiêu Thượng, Lạc Nhuế, Phù Cầm, Trần Lạc, Thâu Thượng, Phù Yên, Chính Chung, Vọng Đông . . . . . 24$,00

Vers.ts de 1$: Villages de: Ngô Xá, Lương Tân, Yên Lãng, Xuân-Cai, Chân-Xá, Lương-Cầm 6,00

Total . . . . 51$,00

Huyện de Lương-Tài

Vers.t de 3$: M. Bùi duy Hòe, Tri-huyện . . . . . 3$,00

Vers.ts de 1$: M.M. Phạm nguyễn Phùng, Trịnh v. Thường, Dương v. Hành 3,00

Vers.t de 0$,50: M. Ph. v. Tỵ 0,50

Vers.ts de 0$,40: M.M. Nguyễn bá Lược, Tr. v. Liêm 0,80

Vers.ts de 0$,30: M.M. Nguyễn v. Trại, Bùi huy Quyên, Bùi văn Chất, Lê đh. Hanh, Ng. Kinh, Ng. thế Sang, Ng. bá Quỳ 2,10

Vers.ts de 0$,20: M.M. Ng. v. Khang, Vũ duy Lương, Ph. đ. Càn, Đinh v. Vụ, Trịnh v. Nhuận 1,00

Total . . . 10$,40

Huyện de Gia-Bình

Vers.t de 5$: M. Vũ thiện Khoái, Tri-huyện . . . . . 5$,00

Vers.ts de 1$: M.M. Ng. v. Giới, Ng. v. Ất, Hoàng v. Thính, Vũ h. Lư, Ng. v. Đình, Ng. v. Chiêm, Ng. duy Cương, Trần đ. Mậu, Ng. v. Đình, Ng. sĩ Khuê, Vũ v. Xương, Ng. bá Phùng, Ng. v. Hương, Tr. v. Vượng, Ng. v. Quát 15,00

Vers.ts de 0$,50: M.M. Ng. v. Chư, Ng. đh. Cam, Ng. v. Nguyên, Ng. h. Độ, Ng. v. Bích, Ng. v. Yến, Tạ Bích, Ng. nhập Tinh, Nguyễn văn Dân, Phạm đức Trại, Trịnh duy Hoạch, Đàm đ. Hợp, Nguyễn trọng Tri, Vũ h. Doanh 7,00

Total . . . 27$,00

Huyện de Văn-Giang

Vers.t de 3$: M. Vũ cg. Thiện, Tri-huyện . . . . . 3$,00

Vers.ts de 1$: M.M. Tg. qg. Dự, Đ. ng. Chi, Ng. v. Điềm . . . 3,00

Vers.ts de 0$,50: M.M. Tô Nha, Lê qg. Khôi, Ng. bạch Lưu, Đặng kh. Kính, Đh. v. Khiêm, Đỗ ng. Hạnh 3,00

Vers.ts de 0$,30: M.M. Tr. ng. Thụ, Lê h. Du, Ng. ng. Tường, Lê v. Định, Đào Bào, Lê Hòa, Đỗ v. Kim, Ng. v. Khóa, Ng. v. Liêm, Ng. v. Thùy, Tr. v. Tước, Bỳ v. Bịch 3,60

Vers.ts de 0$,20: M.M. Nguyễn trọng Nguyện, Lê v. Dần 0,40

Vers.t de 0$,10: M. Đặng v. Quang 0,10

Total . . . 13$,10

Divers:

Vers.t de 10$: M. Trạch qg. Tiêu, M. Ch. C. T. . . . 10$,00

Vers.t de 5$: M. Ng. v. Hội, M. Ch. C. T. 5,00

Vers.t de 3$: M. Ng. thế Uông 3,00

Vers.t de 2$: M. Phạm v. Uấn 2,00

Total . . . 20$,00

Total général de la province de Bắc Ninh . . . . 815$,90

Province de Nam Định

Personnel Français

Vers.ts de 5$: M.M. J. V. Baron, R. Delos . . . . 10$,00

Vers.ts de 3$: M.M. Tradillon, Giordani . . . 6,00

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Vers.ts de 1.$: M.M. Dumas, Hoàng-v-Ngọc, Wind, Bigot, Ramijean, Laurrès, Mme Guelfacci, Passagne, Michel, Surceau, Denobili, Pénét 12,00

Total . . . . . 28,00 $

Personnel Annamite

Vers.t de 50.$: S. E. Phạm-v-Thụ, Tổng-Đốc . . . 50,00 $

Vers.t de 30. : M. Mai-toàn-Xuân, án-sát . . . 30,00

Vers.t de 4.$: M. Trần-trọng-Tiết 4,00

Vers.t de 3.$: M. Đỗ-văn-Đáp 3,00

Vers.ts de 1.$: MM. Ng-trg-Nhiễm, Ng-hữu-Hải, Đoàn-tiệm-Hồng, Đỗ-đăng-Mai, ... 4,00

Total . . . . 91,00 $

Phủ de Xuân-Trường

Vers.ts de 25.$: MM. Hoàng-v-Phúc, Cao-dh-Liêu, Bùi-v-Ruật, Ng-v-Chuẩn, Ng-v-Hoàn, Mai-v-Lịch, Tô-v-Đinh, Mai-v-Hiền, Vũ-đ-Khiêm, Hoàng-v-Nhiệp, Hoàng-v-Phiêm, Vũ-ng-Rưu, Vũ-ng-Hồ . . 325,00 $

Vers.t de 6.$: MM. Bùi-bằng-Đoàn, tri-phủ, Ng-đồng-Sinh, Đỗ-hữu-Luân 18,00

Vers.t de 5.$: M. Đinh-v-Liễu 5,00

Total . . . . 348,00 $

Phủ de Nghĩa-Hưng

Vers.t de 5.$: M. Hà-duy-Thành, tri-phủ . . . . 5,00 $

Vers.t de 3.$ M. Tr-ng-Côn, ... 3,00

Vers.ts de 2.$: MM. Les Thừa phái au phủ de Nghĩa-Hưng, Tr-ngọc-Uyển 4,00

Vers.ts de 1.$: MM. Tr-h-Hiền, Tr-ng-Huyến, Tr-ng-Bảo . . 3,00

Vers.ts de 0.$50 : MM. Ngô-v-Bảng, Lại-thị-Xướng,

Vers.ts de 0.$50 : MM. Ng-văn-Hoàn, Vũ-v-Phùng, Trần-ng-Thi, Tr-sinh-Đường, Bảo-huy-đường, Bảo-Tho-đường, Kim-Đình, Hanh-Ký, Ngô-v-Đức, Công-Ph-Long, Lại-v-Kỷ, ... 7,00 $

Vers.t de 0.$30 : M. Thanh-an 0,30

Vers.ts de 0.$20 : MM. Phúc-Hưng-Long, Thiên-Hương-Hiệu 0 40

Total . . . . 22,70 $

Huyện de Y-Yên

Vers.t de 3.$: M. Bùi-Đống, tri-Huyện . . . . 3,00 $

Vers.ts de 1.$: M.M. Ng-đh-Lễ, Tô-v-Tụ, Hoàng-ng-Toàn, Hoàng-v-Chương, Minh-v-Ngoan, Dương-x-Loan, Trần-v-Du, Phùng-x-Giong, Ng-gia-Niệm, ng-qg-Cận, Tr-v-Cẩn, Ph-hữu-Toại, Ng-v-Anh, Hg-v-Tán, Ng-v-Quỡng, Ng-v-Ngôn, Hà-kh-Duyện, Ng-v-Tính, Đinh-v-Bài, Ng-v-Đán, ... 21,00 $

Total . . . . 24,00 $

Huyện de Mỹ-Lộc

Vers.t de 5.$: M. Ng-Trần-Mô, tri-huyện 5,00 $

Huyện de Vụ-Bản

Vers.t de 3.$: M. Trịnh-H. Huyến, tri-huyện . . . 3,00 $

Vers.ts de 1.$: MM. Ng-x-Xứng, Ng-x-Đài, Bùi-trinh-Khiêm, Đào-h-Liễn, Chu-v-Hành, Trần-v-Long, Ng-v-Thuần, Vũ-đh-Chụ . . . 8,00

Vers.ts de 0.$50 : MM. Ng-Liên-Phương, Đoàn-v-Tấn, Tr-v-Giai, Vũ-duy-Nguyên, Trần-như-Xuân, Ph-qg-Trấn, Tr-hi-Tường, Ng-trg-Khoa, Ng-thi-Hảo, Ng-v-Điệu, Ph-v-Sần, Tr-ng-Anh, Đỗ-v-Cang, Phùng-gia-Niên, Đoàn-v-Tiện, Ng-đh-Đáng, Tr-t-Đăng, Ngô-v-Thúc, Ph-ngọc-Liễn, Bùi-đao-Quang, Muộn-v-Tuần 10,50

Total . . . . 21,50 $

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Huyện de Nam Trực

Vers.t de 2$: M. Ng. v. Đồng, tri-huyện . . . . . 2$,00

Vers.ts de 1$: M.M. Ng. x. Vinh, Villages de Y-Lư, de Cổ-Tung, de Cổ-Gia, de Tho-Tung, de Bái Dương, de Hiệp-Luật, de Lạc Thiên, de Nam Trực, de Thạch Cầu, Tr. v. Vạn Chu v. Thiệu 12,00

Vers.ts de 0$,50: M.M. Đg. đh. Giệm, Th. Kim, Th. v. Liên, Đào đh. Thiểm, Village de Thục Lông, ... 2,50

Vers.t de 0$,30: M. Tr. v. Diễm 0,30

Total . . . 16$,80

Huyện de Trực Ninh

Vers.t de 3$: M. Tr. đh. Bình, tri-huyện . . . . . 3$,00

Vers.ts de 2$: M.M. Tăng v. Thịnh, Lê v. Nghi, Ng. h. Siến, Tr. v. Chân, Tr. qg. Sước, Tr. trg Hoàn . . . 12,00

Vers.ts de 1$: M.M. Ng. v. Bách, Bùi v. Từ, Ng. v. Huyên, Ng. v. Tước, Ph. Phúc, Ng. x. Mai, Ng. v. Thiều, B. th. Đức, Vũ đ. Tuy, Ng. h. Vân, Trh. v. Huyền, Hg. v. Ngọc, Vũ khá Nguyên, Tr. đh. Giá, Đh Đoàn Chấp, Tr. h. Ân, Vũ kh. Khoan, Ng. v. Ức, Vũ h. Thích, Ng. v. Quỳnh, ... 20,00

Vers.t de 0$,60: M. Ng. h. Khoát 0,60

Vers.ts de 0$,50: M.M. Th. kh. Khoan, Vũ ngọc Kỳ, Ng. k. Tiên, Mai v. Quý, Th. v. Thiện, Ng. v. Thừ, Vũ đh. Tiêu, Ng. v. Ước 4,00

Vers.ts de 0$,30: M.M. Trh, kh. Hàm, Thạm v. Chu, Vũ Nhân, Mai đh. Hoè 1,20

Total . . . 40$,80

Huyện de Hải-Hậu

Vers.t de 14$: Canton de Quần Phương . . . . . 14$,00

Vers.t de 10$: Canton de Ninh-Mỹ 10,00

Vers.ts de 8$: Cantons de: Quế-Hải, Ninh-Nhất . . 16$,00

Vers.t de 6$: Canton de Kiên-Trung 6,00

Vers.t de 4$: Canton de Tân-Khai 4,00

Total . . . 50$,00

Huyện de Phong-Doanh

Vers.t de 5$: M. Vũ v. Xáng, tri-huyện . . . . 5$,00

Vers.t de 3$: M. Tống v. Quyền 3,00

Vers.ts de 2$: M.M. Trịnh kh. Trinh, Ng. v. Hân . . 4,00

Vers.ts de 1$: M.M. Tống v. Thuế, Ngô v. Xuân, Trịnh v. Nhạ 3,00

Total . . . 15$,00

Divers:

Vers.t de 5$: M. Lã quý Chấn . . . . . 5$,00

Vers.t de 3$: M. Ng. Thượng Văn 3,00

Total 8$,00

Total général de la province de Nam Định . . . . . 670$,80

Province de Ha-đông

Personnel Français

Vers.t de 5$: M. Delamarre, Résident de France . 5$,00

Vers.t de 3$: MM. Divoor, Perrin, Rocques . . . 9,00

Vers.ts de 1$: MM. Balaque, Treille, Borgeron . . 3,00

Total . . . 17$,00

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Phủ de Hoài-Đức

Verst. de 10$: M. Bùi-Phát-Tường, tri phủ . . . 10$,00

Versts de 5$: MM. Ng-Quỳ, Bùi-x-Hộ, Ng-hữu-Đỉnh . . . 15,00

Total . . . 25$,00

Phủ de Ứng-Hòa

Verst. de 10$: M. Tù-nguyên-Mạc, tri phủ . . . 10$,00

Versts de 2$: MM. Đặng-v-Vận, Tạ-v-Nhạc, . . . 4,00

Verst. de 1$: M. Trần-đh-Quang . . . 1,00

Versts de 0$,50: MM. Trương-đỗ-Trọng, Ng-bá-Vũ, Ng-v-Thuyết, Tr-q-Sướng, Ng-v-Nhung, Hoàng-đ-Quí, Tô-v-Toán, Tr-x-Quang, Ngô-Thạch . . . 4,50

Verst. de 0$,30: M. Dương-v-Lộc, . . . 0,30

Total . . . 19$,80

Phủ de Thường-Tín

Verst. de 5$: M. Trần-v-Đại, tri phủ . . . 5,00

Versts de 3$: MM. Ng-h-Thành, Lương-ngọc-Lâm, Vũ-hồng-Quỳ, Ng-v-Đôn, . . . 12,00

Versts de 2$: MM. Ph-v-Kỳ, Bùi-đh-Thận, Đào-duy-Khâm, Hội-đồng de Hà-Hồi, . . . 8,00

Versts de 1$: MM. Chương-đ-Mẫn, Đỗ-v-Sước, Đặng-v-Lâm, Ng-v-Hiệp, Lê-v-Phúc, Ph-v-Nhị, Ph-thế-Hưng, Ng-v-Bính, Ng-v-Lê, Ng-v-Chân, Ng-v-Kỳ, Vân-đh-Hướng, Ngô-v-Thân, Vũ-v-Diêm, Đỗ-v-Thả, Ng-v-Học, Ng-h-Thượng, Hồ-v-Bình, Hội-đồng, Bình-Vong, Tr-đ-Thuần, Dương-v-Lợi, Phùng-ng-Tường, Hội-đồng Duyên-Yết, Ng-khắc-Cần, Hội-đồng Phượng-Vũ, Hội-đồng Văn-Hội, Ng-q-Chước . . . 27,00

Versts de 0$,50: MM. Ng-h-Trang, Ng-v-Kiên, Ng-x-Đài, Ng-đh-Khuẩn, Lê-v-Xuất, Phùng-v-Bằng, Ng-Thông-Hanh, Ng-kh-Khoan, Hội-đồng Ng-Hanh, Ng-v-Tùng . . . 5,00

Total . . . 57$,00

Phủ de Mỹ-Đức

Verst. de 5$: M. Vương-tự-Nhu . . . 5,00

Verst. de 1$: MM. Ng-v-Như, Ninh-Lang, Đào-v-Bình, Trần-tr-Nhân, . . . 4,00

Total . . . 9$,00

Huyện de Thanh-Oai

Verst. de 2$: Phạm-chu-Trinh, tri-huyện . . . 2,00

Versts de 0$,50: MM. Tộ-v-Bộ, Kiều-trí-Thức . . . 1,00

Total . . . 3$,00

Huyện de Đan-Phượng

Verst. de 5$: M. Phạm-quang-Hanh, tri-huyện . . . 5$,00

Verst. de 3$: M. Ng-trí-Huy . . . 3,00

Versts de 2$: MM. Ng-kh-Xứng, Đỗ-kh-Đẩy . . . 4,00

Versts de 1$: MM. Ng-kh-Hùng, Ng-Trân, Ng-duy-Khang, Ng-kh-Mẫn, Ng-tr-Lộc, Ng-đ-Sáng, Tr-như-Đỉnh, Ng-h-Chân, Ng-v-Thư, Ng-d-Hiếu, Lê-v-Phú, Ng-duy-An, Ng-kh-Biểu, Ng-v-Đặc, Ng-v-Thoại, Phan-v-Ký, Chu-v-Khanh, Ng-h-Khuyến, Ng-đ-Tài, Sỹ-bá-Cường, Trần-Ngật, Ng-v-Uông, Chu-v-Tru, Đỗ-huy-Tấn, Hoàng-v-Quỳnh, Phí-h-Ưu, Ng-v-Quỳ, Ng-v-Nghi, Ng-h-Lân, Ng-danh-Ngôn, Ng-danh-Phổ, Ng-v-Khuyến, Ng-thị-Đàn, Ng-h-Côn, Ng-mông-Đình, Ng-trg-Hộ, Ph-v-Hợp, Lương-v-Huê, Lương-Phúc-Trân, Đàm-x-Hướng, Đỗ-v-Kỳ, Bùi-v-Tước, . . . 43,00

Versts de 0$,50: MM. Ng-kh-Lợi, Ng-trí-Lương, Ng-đh-Du, Ng-đh-San, Ng-h-Thế, Ng-v-Đạt, Ng-v-Hàn, Tr-v-Khai, Ng-v-Vũ, Ng-duy-Trạch, Ng-v-Thú, Ng-h-Nghị, Đoàn-v-Liễu, Ng-h-Liên, Ng-v-Đức, Bùi-v-Tốn, Bùi-v-Chi, Bùi-v-Phúc, Bùi-v-Ngọc, Bùi-trg-Dưng, Bùi-v-Tiến, Bùi-tr-Hào, Ng-v-Chấn, Ng-v-Giảng, Bùi-v-Hội . . . 12,50

Total . . . 67$,50

Huyện de Phú-xuyên

Versts de 10$: M. Nghiêm-duy-Ninh, tri huyện,

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Ng-đình-Giám, Vũ-minh-Châu . . . . . 30$,00

Vers.t de 3$: M. Kiều-Thanh-Đàm 3,00

Vers.ts de 2$: MM. Vũ-v-Mộc, Tạ-v-Thiêm 4,00

Vers.ts de 1$: MM. Ph-q-Duẩn, Ng-hiếu-Hẳn, Cao-văn-Cách, Lê-văn-Dần, Ng-v-Đế 5,00

Total . . . 42$,00

Huyện de Thanh-Trì

Vers.t de 6$: M. Nguyễn-Kỳ, Trì-huyện . . . . 6$,00

Vers.t de 2$: M. Hoàng-v-Chính 2,00

Vers.ts de 1$: MM. Ng-đức-Dẫn, Thành-x-Cẩu, Vũ-Phong, Ng-đức-Đỗ, Ng-Doanh, Bùi-x-Đài, Ng-huữ-Tài, Lưu-Bách-Phung, Ng-q-Hoắc, Ph-x-Long, Cao-v-Cỡ, Ng-v-Ngạc, Ng-v-Trọng, Ng-h-Cầu, ... 14,00

Total . . . 22$,00

Huyện de Chương-Mỹ

Vers.t de 5$: M. Vũ-ngọc-Thúy . . . . . 5$,00

Vers.ts de 2$: MM. Tạ-v-Nhạ, Đào-phú-Kiểm, Lê-xuân-Phương 6,00

Vers.ts de 1$: MM. Lê-đình-Cẩn, Đàm-x-Phàn, Khuất-q-Kim, Đỗ-ng-Lương, Hoàng-đình-Khôi, . . 5,00

Total . . . 16$,00

Huyện de Hoàn-Long

Vers.ts de 5$: MM. Lê-Đính, ánsat, Ng-tất-Tế, Tr-Xuân . . 15,00

Vers.ts de 1$: MM. Hữu-Tiệp xã, Ngọc-Hà Trại, Đại-yên xã 3,00

Vers.t de 0$,60: Đồng-Nước xã 0,60

Vers.ts de 0$,50: MM. Hoàng-đức-Lương, Đỗ-mạnh-Phan, Ng-v-Phượng, Ng-Sự 2,00

Vers.ts de 0$,40: MM. Ph-v-Vấn, Ng-đức-

Thủ, Phạm-Chính, Ng-v-Tựu, Ng-x-Thủ 2,00

Total . . . 22$,60

Divers

Vers.t de 5$: M. Phạm-v-Mẫn, M. Ch. C. T. 5,00

Total général de la province de Hàđông . . . 305$,90

(Qui, jointes au versement de . . . 250,00
de Son Excellence Hoàng-trọng-Phu, portent les sommes versées par la province de Hàđông au total de . . 555$,90

Province de Haïdương

Personnel Français

Vers.t de 5$: M. Charaud . . . . . 5$,00

Vers.ts de 1$: MM. Bazire, Vanderhaeghen, Rastelli, Balisoni, Perthuiset, Casanova, J. Valadier, Tavernier, Hubac, Rezerd, Charlot, Mézergue, Déville, Lemôme, Larivière, Mme Vve Soulier, Vespérini, Vergé 18,00

Total . . . . 23$,00

Personnel Annamite

Vers.t de 50$: S. E. Tờ-Dạm, tổng-đốc 50,00

Vers.ts de 5$: MM. Lê-Trứ, Ng-đình-Xuyên . . . 10,00

Vers.t de 3$: M. Ng-hữu-Phúc 3,00

Vers.ts de 1$: MM. Ng-qui-Liêm, Ph-bính-Khuê, Ng-Lê-chí, Đỗ-trọng-Sức, Lê-v-Tú, Ng-m-Dẫn, Ng-v-Anh, Ng-đ-Khâm, Ng-đ-Tăng, Ng-v-Tuân 10,00

Vers.ts de 0$,50: MM. Ng-đh-Lạc, Bùi-v-Tàng, Lê-v-Toán, Ng-đh-Can, Vũ-v-Tụ, Hoàng-đh-Nghiễn, Lê-k-Minh, Lê-t-Trần, Đ-v-Vy, Ng-đ-Gia, Lê-h-Lai, Bùi-q-Huy, Ng-đ-Diệu, Ng-h-Kiển 7,00

Vers.ts de 0$,20: MM. Tr-v-Tùng, Ph-v-Thân, Ng-gia-Tang, Ng-v-Bân, Ph-v-Thanh, Ng-k-Tông, Tr-x-Hoàn, Đỗ-v-Dầu, Vũ-duy-Lương, Ng-h-Côn, Ng-h-Tiến, Vũ-đình-

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Lúi, Trương-qg-Ngân, Ph-châu-Quỳnh, Ngô-v-Gia 3.20

Total 83,20

Huyện de Nam-Sách

Vers^t de 15$: M. Ng-hữu-Phúi, tri huyện 15.00

Vers^ts de 3$: MM. Ng-v-Lựu, Đào-v-Phi, Ng-v-Tiến ... 9.00

Vers^ts de 2$: MM. Ng-h-Dần, Hoàng-đ-Khắt, Vu-đ-Phan ... 6,00

Vers^ts de 1$: MM. Tr-v-Tinh, Tr-v-Vinh, Ca-v-Hiếu, Tr-v-Cầu, Ng-v-Kiểu, Ng-v-Du, Vũ-đ-Toán, Mac-v-Ngũ, Nghiêm-x-Hoa, Vương-đ-Thiều, Oanh-v-Tiếu, Hoàng-đ-Giác, Ng-v-Vân, Ng-v-Ký, Ng-h-Luật, Tr-v-Tinh, Đặng-h-Ong, Ng-v-Trường, Trần-h-Sức, Lê-đ-Lịch, Vũ-v-Dự, Hoàng-v-Sỹ, Ng-v-Thuí, Đoàn-v-Long, Mac-v-Đàm, Hoàng-v-Bính, Đoàn-v-Lương, Đoàn-v-Lam, V-đ-Sáng, Vũ-v-Lực, Ng-Ng-Âm, Hoàng-v-Phan, Lê-đ-Oanh, Ng-x-Âm, Ng-Trung-Lược, Ng-v-Hiếu, Ng-v-Giao, Đặng-đ-Giá, Đặng-v-Bằng, Ng-v-Uy, Ng-huy-Diệp, Phạm-v-Đức, Tr-Thế-Minh, Vũ-đ-Kế, Tr-Thế-Long, Lê-Khả-Oanh, Vũ-đình-Hối, Ng-h-Toại, Tr-h-Quan, Ng-v-Thiết, Tr-v-Tinh, Ngkv-Nghiệp, ... 52,00

Total .... 82$00

Huyện de Ninh-Giang

Vers^t de 5$: M. Ng-hữu-Dương, Thường-Tá 5,00

Vers^ts de 1$: MM. Ngô-đ-Hòa, Ng-v-Thuí, Ph-đ-Dần, Tr-v-Thích, Ph-h-Sán, Đoàn-v-Phúc, Ng-ng-Quỳ, Ph-đ-Ngẫu, Đào-đ-Nguyên, Ph-v-Đã, Vũ-đ-Bảo, Vũ-v-Đông, Vũ-đ-Phương, Ng-Văn-Thuế, Ph-v-Lương, ... 15,00

Total 20,00

Phủ de Bình-Giang

Vers^t de 5$: M. Bùi-Thiện-Cần, tri phủ 5,00

Vers^t de 2$: M. Chu-như-Xuyên 2,00

Vers^ts de 1$: MM. Vũ-như-Châu, Ng-v-Thuế, Lê-v-Tư, Ph-v-Trinh, Ph-v-Thu, Ph-v-Ngát, Vũ-duy-Cầu, Vũ-Tam-Phan .. 8,00

Vers^ts de 0$50: MM. Ng-đ-Chung, Ph-Lạc-Đắc, Đào-q-Dần, Triệu-q-Bình, Mai-đ-Chương, Tr-v-Hoạch,

Phạm-Lão-Sửu, Ph-v-Bách, Ph-v-Lung, Ng-đình-Mễ, Ng-đh-Chí, Vũ-đình-Cận, Ng-viết-Sửu 6,50

Total ... 21,50

Phủ de Kinh-Môn.

Vers^t de 5$: M. Đoàn-như-Khôi, tri phủ ... 5$00

Vers^ts de 1$: MM. Tr-hữu-Đáp, Ng-gia-Tiến, Ph-v-Đại, Tr-x-Tiếu, ... 4,00

Total ... 9$00

Huyện de Cẩm-Giàng.

Vers^t de 10$: M. Vũ-đình-Khôi, tri huyện .... 10$00

Vers^t de 2$: M. Vũ-xuân-Lăng, ... 2.00

Vers^ts de 1$: MM. Ng-v-Đính, Ng-v-Chiêm, Ng-v-Sĩ, Nghiêm-v-Bính, Lương-v-Đào, Ng-đh-Lạc, Ng-v-Luyến, ... 7,00

Vers^t de 0$60: M. Trương-văn-Nguyên 0,60

Vers^t de 0$50: M. Lương-như-Khuê, ... 0,50

Total ... 20$10

Huyện de Thanh-Hà.

Vers^t de 10$: M. Vũ-khắc-Tiến, tri huyện ..... 10$00

Vers^ts de 3$: MM. Ng-Thiệu, Dương-v-Cẩm, ... 6,00

Vers^ts de 2$: MM. Ngô-bộ-Doanh-Tiêu-v-Doanh, Đỗ-xuân-Thiều, ... 6,00

Vers^ts de 1$: MM. Ng-đh-Tuyển, Tr-đh-Khôi, Ph-kh-Long, Ng-th-Tế, Ng-đ-Giốc, Lê-v-Khâu, Bùi-Thường-Chí, Ng-v-Nhi, Ng-xuân-Phương, Ng-v-Ngôi, Bùi-đ-Long, Ng-v-Nghiêm, Lê-x-Năm, Ng-Thiều-Khay 14.00

Vers^ts de 0$50: MM. Cao-Tiến-Khương, Đoàn-v-Sướng, Bùi-Hữu-Tiêu, Ng-đ-Duệ, Ng-đình-Đáp, Thăng-v-Thanh, Ph-huy-Đoà, Ng-huy-Phương, Ph-khắc-Trân, Ng-v-Năng, Mạc-v-Vy, Lê-Đh-Cang, Lê-đại-Dung, ... 7,00

Total ... 43,00

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Huyện de Tứ-Kỳ

Verst de 10$: M. Phạm-h-Thành, tri-huyện . . . 10$,00
Verst de 2$: M. Ng-ngọc-Dziêm 2,00
Versts de 1$: MM. Vương-dan-Lộc, Ng-tiến-Trước, Ph-v-Bá, Đặng-tr-Thường, Ph-v-Thủ, Vũ-ng-Trác, Ng-đh-Phùng, Ng-v-Uông, Ng-v-Giác 9,00
Total . . . 21$,00

Huyện de Gia-Lộc

Verst de 5$: M. Đặng-quốc-Giám, tri-huyện . . . 5$,00
Verst de 1$: M. Lê-v-Bình 1,00
Versts de 0$,50: MM. Ng-Kỳ-Xương, Đào-huy-Liễn . . . 1,00
Total . . . . 7$,00

Huyện de Vĩnh-Bảo

Verst de 10$: M. Lê-hữu-Mai, tri-huyện . . . . 10$,00
Verst de 3$: M. Trịnh-xuân-Nham 3,00
Verst de 2$: M. Phạm-v-Viễn 2,00
Versts de 1$: MM. Ngô-v-Thụ, Nghiêm-x-Tuyển, Ng-h-Hanh, Ng-ngọc-Tên, Ng-v-Quê, Ph-Kiệt-Triệu . . 6,00
Versts de 0$,50: MM. Phúc-Sinh-Đường, Phúc-Bảo-Hiệu, Bảo-nguyên-Đường, Ph-hòa-Tường, Ph-v-Hậu, Quảng-dụ-Thái . . . 3,00
Versts de 0$,30: MM. Hồ-Thiêm, Phùng-Thái-Hiệu . . 0,60
Total . . . 24$,60

Huyện de Thanh-Miện

Verst de 10$: M. Bùi-Khiêm-Chi, tri-huyện . . . 10$,00
Versts de 1$: MM. Ng-Đình, Chu-huy-Cần . . . 2,00
Total . . . 12$,00

Huyện de Kim-Thành

Verst de 5$: M. Ng-hữu-Lộc, tri-huyện . . . . 5$,00
Versts de 1$: MM. Tr-v-Bách, Đồng-v-Quán, ... 2,00
Total . . . . 7$,00

Huyện de Đông-Triều

Verst de 5$: M. Doãn-văn-Thịnh, tri-huyện 5,00
Verst de 2$: M. Trần-đức-Huy 2,00
Versts de 1$: MM. Đoàn-Thiếp, Đàm-h-Trước, Đỗ-v-Đệ, Ph-v-Hành, Vũ-v-Kinh, Ng-v-Cầu, Ng-v-Khiên, ... 7,00
Total . . . 14$,00

Huyện de Chí-Linh

Verst de 10$: M. Ng-quang-Bật, tri-huyện . . . 10$,00
Verst de 2$: M. Ng-gia-Thiên 2,00
Versts de 1$: MM. Ph-v-Huấn, Đào-v-Hồng, Đỗ-đh-Chinh, Phùng-mã-Sinh, Ng-v-Pháo, Vũ-Cảnh, Dương-trinh-Tường . . 7,00
Versts de 0$,50: MM. Vĩnh-cát-Tường, Cát-trọng-Tiến, Đỗ-đức-Viện 1,50
Verst de 0$,30: M. Hồ-văn-Các 0,30
Total . . . . 20$,80

Ecole des Garçons

Versts de 2$: MM. Lemoine, les Instituteurs . . . . 4$,00
Versts de 0$,30: MM. Tiêu-Hà-Lạc, Ng-đ-Chỉ, Tr-duy-Dziêm, Đỗ-ng-Dzu, Ng-h-Phả, Ng-như-Thục, Lý-ng-Sinh, Vũ-ng-Bích, Tr-v-Đức, Ng-đ-Thuần, Ng-như-Khuê, . . . 3,30
Versts de 0$,20: MM. Ng-v-Viện, Lê-v-Tuyết, Tr-duy-Phu, Phùng-huy-Mâu, Đinh-tiến-Lư, Ng-tri-Dước, Ng-v-Sức, Ph-Lạc-Liêu, Lê-đh-Khoan, Vong-nam-Chỉ, Hoàng-k-Tư, Tr-v-Bách, Ng-k-Lân, Ng-v-Hồng, Ng-m-Bồng, Tr-v-Minh, Ng-v-Thiệp, Lê-v-Ban, Lê-Mai, Lê-v-Dĩ, Ng-v-Đình, Ng-v-Hồng, Ng-v-Lan, Mạc-v-Nghiệp, Đinh-t-Tuyết, Lê-v-Quí . . . 5,20
Versts de 0$,10: MM. Cầm, Tô-v-Cửu, Đinh-gia, Mạo, Bùi-v-

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Khoan, Lê-v-Công, Ng-gia-Minh, Chu-v-Công, Ng-viết-Giát, Bùi-t-Giáu, Bạch-n-Thị, Ng-v-Chung, Ng-k-Diệu, An-duy-Liêu, Tr-v-Chương, Trinh-th-Biêu, Doãn-v-Chức, Tr-v-Sỹ, Tr-Ng-Trã, Lưu-v-Dinh, Ng-v-Việt, Phùng-v-Dinh, Tr-v-Dương, Lê-v-Bân, Ng-th-Trai, Lê-v-Canh, Lê-bá-Quảng, Tr-Thiên-Lộc, Ng-v-Thuần, Ng-th-Bỏ, Ph-v-Tâm, Mai-thiên-Đồng, Ng-thế-Thuỷ, Lê-v-Bính, Ngô-v-Hoạ, Ngô-v-Bật, Bùi-h-Trinh, Ng-thy-Lit, Ng-h-Tốt, Ng-v-Thinh, Lưu-v-Dương, Ph-v-Sâm, Tr-v-Thế, Vũ-t-Thoi, Đinh-v-Tâm, Đinh-Hoài-Canh, Đỗ-v-Đề, Tr-v-Ân, Trương-v-Ân, Trinh-v-Thanh, Ng-t-Cung, Ng-v-Bính, Lê-Trọng-Duc 5,20

Total 17,70

Ecole des Filles

Vers^ts de 0,30 : Mlles Ph-thi-Phương, Ng-thị-Sơn, Cà-Lạch-Tuyết, Lê-thị-Nhung 1,20

Vers^ts de 0,20 : Mlles Ph-thi-Tâm, Trinh-thi-Cầm, Ng-th-Liên, Trần-thị-Lưu, Ng-th-Hiếu, Đỗ-th-Sua 1.20

Vers^ts de 0,10 : Mlles Lê-th-Châu, Trinh-t-Huỷ, Trần-t-Cáp, Vũ-t-Châu, Doãn-thi-Tuy, Tr-th-Thảo, Bùi-th-Nương, Ng-th-Tuy, Ng-t-Lễ, Ng-th-Lich, Lê-t-Viên, Vũ-t-Thanh, Cà-th-Thanh, Ph-t-Đâu, Đ-t-Nghiêm, Ng-t-Vinh, Ph-t-Trinh, Ng-th-Minh, Lưu-th-Công, Ph-t-Nhỏ, Hồ-th-Duê, Ng-t-Hằng, Ph-th-Teo, Đào-th-Tường, Lê-th-Liên, Đỗ-th-Xuyến, Ng-th-Duê, Vu-th-Bé, Ng-t-Hảo, Ng-g-Tuyết Trinh, thi-Sử, Ng-thi-Vương, Lê-th-Hai, Ph-th-Nhất, Lê-t-Mão, Ng-t-Cảm, Đ-t-th-Nhan, Mac-th-Lương, Ng-th-Châu, Lê-th-Thảo, Ng-hg-Oanh, Lê-th-Ngô, Ph-thi-Tuy, Bùi-thi-Khi, Ng-th-Phan, Ng-t-Tuyết, Ng-th-Vinh, Ph-t-Thuốc, Ng-t-Diệp, Đ-v-Phát, Ng-t-Trinh, Trần-th-Khoi, Vũ-Kim-Duyên, Ng-thi-Dua 5,40

Total 7,80

Commerçants

Vers^ts de 3 : Mlle Ng-v-Phong, Vũ-v-Dinh 6,00

Vers^t de 2 : M. Trinh-v-Bông 2,00

Vers^ts de 1 : Mlle Ng-th-Thúc, Ph-th-Khuê, Ng-lâm-Tuy, Lê-v-Nguyên, Đặng-v-Thoanh, Ng-x-Quang, Ng-h-Nghia, Đào-v-Hữu, Ph-q-Kich, Ph-v-Thuê, Tr-v-Lợi, Ph-v-Thanh, Ph-v-Đé, Bùi-v-Tuy, Ng-bá-Ty, Phó-Long-Hoa, Ph-v-An . . 18,00

Vers^ts de 0,50 : Mlle Ng-v-Diễn, Vũ-v-Thám 1,00

Total . . . 27,00

Divers :

Vers^ts de 2 : Mlle Ng-minh-Thám, Hg-v-Liêng, Vu-v-Dinh . . . 6,00

Vers^t de 1 : M. Lê-bá-Tuế, ... 1,00

Total 7,00

Total général de la province de Haïduong 467,70

Province de Thai Nguyên

Personnel Français

Vers^t de 25 : M. Fournier, Résident 25,00

Vers^ts de 5 : Mlle. Colnot Hubert-Diliste . . . 10,00

Vers^t de 3,50 : M. Liénert 3,50

Vers^t de 2 : M. Gauthin 2,00

Vers^ts de 1 : Mlle. Malard, Dr Luvau, Orsini, Révorbat . 4,00

Total 44,50

Personnel annamite

Vers^t de 4 : M. Lương-ngọc-Thụ, ân sát 4,00

Vers^ts de 1 : Mlle Mai-Sinh, Ph-Đông, Lê-ngọc-Lâm, . . . 3,00

Vers^ts de 0,50 : Mlle Ng-bích-Tha, Lê-ng-Đính, Bạch-Xuân, Tr-v-Hiếu, Tr-v-Nhiu, Ng-th-Chinh, Ng-v-Luyện, Đỗ-Linh-Chi, Tr-Thúc-Cô 4.50

Total 11,50

Phủ de Thủ-Bình

Vers^ts de 3 : M. M. Hoàng-đức-Tân, Tri phủ, Dương-nghĩa-Tuân, ... 6,00

Vers^ts de 2 : M. M. Ng-v-Đính, Đặng-v-Phiêu, Tô-v-Hoàn, Ng-bá-Cơ, Dương-v-Thoa, Ph-v-Lượng, Ngô-v-Giang . . 14,00

Vers^t de 1,50 : M. Phạm-bá-Đam 1,50

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Vers^ts de 1$: MM. Dương-v-Sức, Dương-nghĩa-Sai, Dương-v-Nhân, Dương-v-Sức, Dương-v-Huấn, Dương-v-Mịch, Ng-v-Ban, Dương-v-Liết, Đồng-v-Biểu, Dương-V-Ngôn, Ngô-v-Sai, Ng-v-Thế, Tr-v-Việt, Dương-v-Thanh, Ng-Lệ-Việt, Ta-v-Hoạch, Chu-v-Dung, Ph-Bá-Thứ, D-v-Thiều, Đg-v-Quang, Đg-v-Khắc, Đg-v-Hoa, Ph-v-Khẩn, Đặng-v-Ve, Tr-v-Đỗ, Ngô-v-Nhiu, Ng-v-Chuyên, Ng-v-Thứ, Ta-v-Tinh, Ng-v-Tiếp, Ngh-v-Trung, Đg-v-Cung, Ng-v-Sáu, Ng-v-Việt, Ngô-v-Hoạ... 35$,00

Vers^t de 0$80: M. Dương-v-Cổ. 0,80

Vers^t de 0$60: M. Ng-v-Kỷ. 0,60

Vers^ts de 0$50: MM. Đg-v-Dương, Dương-v-Tường, Đg-nghĩa-Bình, Ng-v-Nguyên, Dương-v-Đính, Đg-v-Phúc, Tr-v-Ngữ, Dương-th-Cẩn, Ta-v-Chấp, Ta-v-Năm, Đg-th-Bích, Đg-th-Cường, Ng-v-Sướng, Ng-v-Khương, Ng-v-Vĩ, Ng-v-Nhì, Ng-v-Cường, Ng-v-Cẩn, Đỗ-th-Bằng, Đồng-v-Sưng, Đg-v-Hoan, Ng-v-Lộc, Dương-v-Cẩn, Dương-v-Nhâu, T-v-Tuyết, Ngô-đình-Kết, Lê-v-Đồng, T-v-Bạch, Ng-v-Nhé, Ng-v-Đắc, Ng-v-Đài, Ng-v-Tế, Đg-q-Tăng, Đg-q-Tiến, Đg-v-Nghị, Đg-v-Thục, Ng-v-Kiểu, Dương-th-Chất, Dương-th-Bích, Ng-v-Triều, Ph-v-Sưng, Ng-v-Đức, Ng-v-Phiên, Ng-v-Cát, Ng-v-Chương, Dương-v-Đoài, Hoàng-v-Bông, Hoàng-v-Tình, Ng-v-Ngoãn, Ng-v-Cẩm, Sử-v-Thoa, Hoàng-v-Luận, Đặng-v-Nhẫm, Đào-v-Ngọt, Đg-th-Phương, Đg-v-Sế, Đg-q-Huy, Đg-th-Sơn, Đg-th-Sỹ, Dương-th-Canh, Đg-th-Thiều, Ng-h-Lục, Đg-th-Xây, Dương-th-Mốc, Đg-v-Cẩm, Dương-v-Kinh, Hà-h-Dung, Ph-v-Duệ, Ph-v-Trọng, Tr-v-Nguyên, Đặng-v-Sỏ, Ta-v-Ngọc, Ng-v-Thanh, Ng-v-Ngoạn, Ta-v-Ba, Ta-v-Hợi, Ng-v-Cẩm, Ng-v-Bá, Ngh-v-Giới, Đào-v-Đại, Đào-v-Vạt, Đào-v-Bầu, Đào-v-Luyện, Ng-v-Sử, Ng-ba-Đôi, Đg-v-Kèn, Đg-v-Bình, Ng-v-Lá, Ng-v-Bửi, Ng-v-Xây, Ng-v-Thâu, ... 45,50

Vers^ts de 0$40: MM. Ng-v-Chương, Dương-th-Cẩm, Dương-th-Vạn, Ng-v-Khiêm, Lưu-v-Hiền, Ng-v-Khoa.. 2,40

Vers^ts de 0$30: MM. Đg-thế-Sửu, Đg-v-Mô, Đg-doan-Trung, Hoàng-v-Đài, Đg-v-Sinh, Ngô-v-Bổ, Tiêu chỉ et Lý-phó[11] de Quan-Trang, Ngô-v-Giêng, Lê-th-Tập, Đg-ng-Linh, Đg-th-Khẩu, Đg-th-Uẩn, Dương-th-Thăm, Ng-th-Nghi, Đg-th-Trí, Ph-Bốn, Ph-v-Kỷ, Ng-v-Ngạn, Ph-bá-Bô, Ng-v-Cung, Đg-v-Niêm, Đg-v-Khiết, Đg-v-Chương, Ng-v-Hanh, Đg-v-Việc, Đg-v-Khang, Tr-th-Dương, Ng-v-Trù, Tr-x-Nghị; ... 8,70

Vers^ts de 0$20: MM. Ng-v-Lâu, Đg-v-Ha, Đg-v-Hạnh, Đg-thế-Bức, Tr-v-Thu, Đg-thế-Cao, Ng-v-Thuần, Ng-v-Thu, Ng-v-Sỏ, Đg-quốc-Ngọc, Ng-v-Tốt, Lương-v-Thìn, Đg-v-Đích, Lưu-bá-Trừ, Lưu-v-Bảo, Lương-v-Sạ, Ng-v-

Trinh, Dương-v-Chu, Dương-v-Nhục, Ng-đình-Giáp, Dương-ngọc-Chức, Dương-v-Chí, Dương-v-Tế, Dương-v-Khiêu, Dương-v-Kim, Ng-công-Hoàn, Ng-v-Bách, Ng-v-Lục, Ngô-v-Luyện, ... 5$,80

Vers^ts de 0$10: MM. Ng-v-Hảo, Dương-v-Chấp, Ng-v-Cửu, Ng-v-Đạt, Ng-v-Cung, Ng-v-Thứ, ... 0,60

Total .... 120$,90

Phủ de Phổ-Yên

Vers^t de 5$: M. Ng-Thuy-Bách, tri phủ .... 5$,00

Vers^ts de 1$: MM. Lưu-bá-Phiêu, Hà-v-Âm, Ng-q-Thái, Chu-v-Xuân, Tr-h-Tô, Ng-v-Song, Dương-v-Ngọc, Ng-v-Nhu, Dương-v-Nhã, Ng-v-Phúc, Tr-Dương, Tr-Thiều, Ng-v-Bu, Cử-x-Tuyết. 13,00

Vers^t de 0$70: M. Lưu-v-Vàng 0,70

Vers^ts de 0$50: MM. Tr-ng-Nhung, Ng-q-Sử, Tr-d-Sửu, Chu-v-Khoan, Ng-v-Chính, Ng-v-Khuyến, Đồng-v-Việc, Ng-v-Quyền, Tr-v-Hoàn, Ngô-v-Xuân, Hoàng-v-Đoàn, Hoàng-v-Nhung, Ng-v-Nhi, Ng-v-Việt, Ng-Nghiệp, Đào-v-Thắng, Ng-doãn-Vụ, Dương-v-Cầu, Hoàng-v-Chế, Đinh-v-Mạc, Ng-v-Phụng, Ng-v-Thuận, Ng-v-Ngôn, Ng-v-Đại, Đỗ-v-Nghị .. 12,50

Total: .... 31$,20

Huyện de Phú-Lương

Vers^t de 5$: M. Dương-v-Sách, tri huyện .... 5$,00

Vers^ts de 0$50: MM. Ng-q-Chức, Lê-Đức, Tr-v-Hưng, Ng-thế-Lôi, Ph-v-Cát. 2,50

Total .... 7$,50

Huyện de Đồng-Hỷ.

Vers^ts de 5$: MM. Doãn-Thăng, tri huyện, Đặng-mạnh-Ái, Trương-v-Xuân, Ng-th-Nghiêu, Ng-ngọc-Giá 25,00

Vers^t de 4$: M. Lương-đình-Vũ 4,00

Vers^ts de 3$: MM. Ng-Chấn-Vinh, Ng-v-Hỷ, Ng-v-Nguyên, Nguyễn-v-Lâu, Ng-v-Tài 15,00

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Vers^ts de 2$: MM. Ph-đh-Giới, Tr-nga-Huy, Ng-h-Thúc, Ngô-v-Tô, Ng-v-Bình, Ng-v-Sáu, Ph-v-Sỹ . . . . 14$,00

Vers^ts de 1$: MM. L-đ-Lợi, T-n-Hồ, Ng-Thu, L-đ-Canh, D-đ-An, N-S-Trung, H-v-Vu, D-v-Liên, D-v-Sếp, D-v-Hương, N-v-Dẫm, N-v-Hậu, N-v-Quế, Ng-đ-Vấn, D-v-Chi, Tr-x-Lý, P-v-Tư, Hà-t-Văn, Ng-đ-Huy, H-t-Chất, N-n-Bảo, Lê-v-Đức, T-v-Yên, Ng-đ-Liên, T-đ-Văn, Tr-l-Nhưng, H-Quyên, D-đh-Nguyên, Vũ-v-Đinh, Lai-đ-Đê, Tr-v-Chúc, Ng-h-Tâm, Ng-v-Tường, Tr-đ-Thu, Ng-đ-Tân, D-đ-Chang, Đỗ-đ-Lạc, Đ-t-Phú, Ng-q-Lục, Đào-h-Nhân, D-x-Dục, H-v-Phúc, Đào-v-Bình, Đào-đ-Học, T-v-Thi, Đào-đ-Lâm 46,00

Vers^ts de 0$50: MM. Ph-v-Vinh, D-v-Ẩm, D-v-Phúc, Đào-v-Vy 2,00

Total . . . . 106$,00

Châu de Đại-Từ

Vers^ts de 5$: MM. Phan-duy-Tiệp, Tri-châu, Đặng-v-Mão, Ng-v-Phạc . . . . . 15$,00

Vers^ts de 2$: MM. Hồ-đ-Cát, Ng-tr-Thành, Ng-h-An, Ng-v-Ai, . . 8,00

Vers^ts de 1$: MM. Ng-t-Đạt, Vu-ph-Giáp, Hà-v-Yên, N-v-Đỗ, T-v-Bái, N-v-Thìn, Ng-b-Quang, M-v-Trác, N-h-Kiên, T-đ-Trường, Chu-v-Chang, D-v-Thúc, Ng-v-Huấn, M-đ-Hoè, H-v-Cô, Ng-v-Anh, N-v-Hợp, N-v-Trường, Tr-v-Mục, Ng-v-Ân, Ng-đh-Phúc, ... 21,00

Total . . . 44$,00

Châu de Vũ-Nhai

Vers^t de 12$: MM. Lê Lý-Trường du Châu . . . . . 12$,00

Vers^t de 3$: M. Đoàn-đoản-Dôn, Tri-châu 3,00

Vers^ts de 1$: MM. Ng-v-Viện, D-v-Cầu, Hà-v-Học, . . . 3,00

Total . . . . 18$,00

Châu de Định-Hóa

Vers^t de 25$: M. Đỗ-Kim-Ngọc, Tri-châu . . . . . 25$,00

Vers^t de 3$: M. Hoàng-gia Hội 3,00

Vers^ts de 1$: MM. Dương-quý-Bùi, Phạm-Đàm 2,00

Vers^ts de 0$50: MM. Ng-Quế, Cao-v-Cộng, Ng-đh-Bình . . . 1,50

Total . . . . 31$,50

Total général de la province de Thai-Nguyên . . . . . 415$,10

Province de Sơn-Tây

Personnel Français

Vers^t de 20$: M. Lachaud, Résident . . . . . 20$,00

Vers^ts de 2$: MM. Gervais, Grard, Legot . . . 6,00

Vers^ts de 1$: MM. Cherralley, Delévaux 2,00

Vers^ts de 0$50: MM. Phoze, Morque 1,00

Total . . . 29$,00

Personnel Annamite

Vers^t de 20$: M. Ng-hữu-Ích, Tuần-phủ . . . . 20$,00

Vers^t de 15$: M. Đỗ-lệnh-Huy, M. Ch. C. C. 15,00

Vers^t de 5$: M. An-Lợi 5,00

Vers^t de 2$: M. Phùng-v-Cảnh 2,00

Vers^ts de 1$: MM. Ph-v-Nhiệp, Ng-v-Chính, Ph-v-Thiều, Tr-v-Vấn, Khuất-v-Khoa, Phúc-Long dit Văn, Ng-th-Phúc, Ngô-Quỳng-Kiều, Tr-v-Trù, Ngô-v-Van, Lê-v-Chát, Ng-ngọc-Cảnh, Tr-đ-Phan, Bùi-v-Bia, Ng-B-Hân, Đặng-ng-Hồ, Tr-v-Long, Ph-trọng-Kiên 18,00

Vers^ts de 0$50: MM. Văn-Thang, Thuận-Lợi, Thuận-Thành, Mme Ẩm, Ng-sơn-Miệu, Tr-nhị-Loan, Ng-đ-Hạnh, Ng-v-Đức, Tr-hữu-Hanh, Đào-v-Bút, Dương-v-Ôn, Ng-thị-Sam, Ph-v-Úc, Ng-v-Chất, ... 7,00

Vers^t de 0$40: Mme Ngô-Thị-Phúc 0,40

Vers^ts de 0$30: MM. Ng-Hanh, An-Thịnh, Hà-v-Nghĩa, Ng-v-Đào, Chu-v-Duyệt, Đào-v-Tể 1,80

Vers^ts de 0$20: Mme Lê-thị-Cận, MM. Văn-Ích, Lê-h-Trác, Đồng-Lợi, Mai-Hướng, Ng-du-Phú, Thanh, Quang-Thái, Tiến-Thành, Đoàn-Quí, Vũ-nhu-Hào, anonyme . . . 2,40

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Vers.ts de 0,$10: M.M. Vinh Thinh, Cát huy Chấn, Ng. v. Vam, Ng. thị Cả, Ng. phúc Long . . . . . 0,$50

Total . . . 72,$10

Phủ de Quảng-Oai

Vers.t de 10,$: M. Tr. lưu Thứ, Tri-phủ . . . . . 10,$00

Vers.ts de 1,$: Villages de: Phú-xuyên, Liêu-châu, Phong, Châu, Phương Châu, Hạc-Sơn, Phương Khê, Hoắc Châu, Hoắc Xa, Văn Châu, La Thiện, La Phẩm, La Thượng, Thanh Lang, Thanh Dương, Chiêu Dương, Thanh Trì, Kiều Mộc, Cổ Đô, Viên Châu, Vu Chu, Chàng Châu, Tây Đằng, Kim Ký, Vân Tập, Vĩnh Thế, Lai Bồ, Bằng Lũng, Vật Lại, Đồng Bảng, Vật Thụ, Yên-Bồ, Tằng Cầu, Chi Lai, Thái Bình, Thanh Mai, Văn Hội, Cổ-Pháp, Quang Ngọc, Hậu Thạch, Nhân Chách, Tuân Xuyên, Chu Quyến, Chu Chàng, Quang Húc, Đông-Viên, Thanh Luỹ, Cao Cương, Vị-Khê 49,00

Total . . . 59,$00

Phủ de Quốc-Oai

Vers.t de 10,$: M. Ng. bá Tiếp, Tri-phủ . . . . . 10,$00

Vers.ts de 2,$: M.M. Hội-đồng Đa-phúc, Hội-đồng Sai Khê, Đỗ qq. Huy, Vương x. Phát 8,00

Vers.ts de 1,$: M.M. Ng. đ. Giên, Bùi v. Lâm, Ng. chi Dích, Ng. v. Phương, Ta đ. Chương, Ng. đ. Chinh, Ng. đh. Bố, Ng. v. Trực, Dg. v. Đàm, Trịnh v. Nha, Dg. v. Mẫn, Trg. v. Dịch, Hoàng v. Ngưu, Ng. x. Cảnh, Tr. huy Trương, Tr. huy Cảnh, Ng. cg. Ngạch, Tr. v. Căn, Ng. v. Hán, Lê-h. Quang, Ng. Tiến Kích, Cần-huiu Ngô, Phan-duy Hoạt, Phan-huy Tiến, Đào-đức Diêu, Ph. ch. Mẫn, Ph. trung Vĩnh, Ng. v. Phương, Ng. h. Cát, Ng. v. Miên, Ng. đình Tháp, Ng. v. Biểu, Trịnh v. Lượng, Hội-đồng du vil de Khanh-Tân, Dương v. Phai, Ng. tất Mậu, Hội đồng de Phúc-Đức, Đoàn-q. Toán, Ng. kh. Soạn, Ng. kh. Vận, Ng. kh. Hiên, Ngô h. Quyền, Lê v. Khả, Bùi v. Gì, Ng. nhã Vi, Ng. tài Vát, Ng. huu Tiêu, Hà-d. Cán, Sĩ v. Cát, Hội-đồng Cần-xá Hạ, Cầu v. Giêu, Kiều v. Hồ, đỗ danh Chuẩn, Chánh Phó Hội, Lý-trưởng et Thủ Quỹ de Ngọc-Hải, Chánh Hội et Lý-trưởng de Phúc-Hạc, Chánh phó Hội Lập-Tuyết, Chánh phó lý-trưởng Lập-Mai, Chánh phó Hội Hạ-Hiệp, Lý phó trưởng Hạ-Hiệp, Hội đồng Hiếu Hiệp, Ng. v. Sự . . 62,00

Total . . . 80,$00

Huyện de Tùng-Thiện

Vers.t de 6,$: M. Quách-v-Tiện . . . . . 6,$00

Vers.t de 5,$: M. Hoàng-mộng-Lệ, Tri huyện 5,00

Vers.ts de 4,$: M.M. Ng-gia-Tiện, Đinh-Kế-Cẩm . . . 8,00

Vers.ts de 3,$: M.M. Ng-v-Thuỳ, Giang-hữu-Bích . . 6,00

Total . . . 25,$00

Huyện de Phúc-Thọ

Vers.t de 5,$: M. Ng-trọng-Kiểm, Tri huyện . . . 5,$00

Vers.ts de 3,$: Canton de Cam-Thịnh, village de Phụng-Thượng 6,00

Vers.t de 2,$50: Canton de Thương-Đình 2,50

Vers.ts de 2,$: Villages de: Bảo-Lộc, Vọng xuyên, Phúc-Châu, Thương-Cốc, Phù-Long, Hát-Môn 12,00

Vers.ts de 1,$: M.M. Chánh-tổng Vĩnh-Phúc, vil. de Vĩnh-Phúc, Vil. de Vĩnh-Nhang, Vĩnh-Thọ, Vĩnh-Cốc, Vọng-xuyên, Phúc-Trạch, Cục-giả, Triệu-xuyên, Thanh-Triều, xã Phù-xa, xã Phương-độ, xã Tiên-Huân, xã Sen-Chiêu . . . 14,00

Vers.ts de 0,$50: Villages de: Vĩnh-Thuận, Thiêu-xuân, Vĩnh-Ninh 1,50

Total . . . 41,$00

Huyện de Bát-Bạt

Vers.t de 25,$: M. Nguyễn-văn Mão 25,00

Vers.t de 4,$: M. Phùng-văn-Ruẩn 4,00

Vers.ts de 3,$: M.M. Trần-v-Tốn, tri huyện, Ng-v-Y, Dương-v-Trung, Phùng-đức-Sán, ... 12,00

Vers.ts de 1,$: M.M. Ngô-đình-Thọ, Chu-văn-Tiến . . . 2,00

Vers.ts de 0,$50: M.M. Ngô-v-Cầu, Phạm-Dư 1,00

Total . . . 44,$00

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Huyện de Thạch-Thất

Vers.t de 15$: M. Ng-v-Xương, trihuyện 15,00

Vers.ts de 3$: MM. Khuất-duy-Chân, Đỗ-kh-Tuân, Ng-đ-Tế, Ng-h-Thuật, Ng-v-Bách, Kiều-v-Thiều 18,00

Vers.ts de 2$: MM. Ng-trung-Cầu, Kiều-v-Vỹ 4,00

Vers.ts de 1$: MM. Ng-kh-Gia, Khuất-duy-Thập, Khuất-duy-Trung, Ng-v-Qui, Tư-đ-Thung, Ng-v-Oanh, Phí-Tức, Ng-mạnh-Chi, Ng-h-Ký, Chu-v-Nhân, Khuất-v-Cơ, Cầu-v-Châu, Ng-v-Điệp 13,00

Total . . . . 50$,00

Total général de la province de Sơn-Tây . . . . . 400$,10

Province de Ninh-Bình

Personnel Français

Vers.t de 10$: M. Auger, Résident . . . . . 10$,00

Vers.t de 5$: MM. Candelon, P. Ichoen . . . 10,00

Vers.ts de 2$: MM. Rocca, Lieux, Cazenave, Broccard, Petelot . . 10,00

Vers.ts de 1$: MM. Bayle, Tomas, Varenne, Caillard, Bergeron, Mme L'Huillier, Lorinier, Sallé, Girard, Lévy, Ed. Chouquet, Baluvaine, Constantin, ... 12,00

Vers.ts de 0$,50: MMmes Ph-thị Hình, Dương-th-Chuyên . . 1,00

Total . . . . 43$,00

Personnel Annamite.

Vers.t de 50$: M. Lê-văn-Cơ, médecin . . . . . 50$,00

Vers.ts de 25$: MM. Lê-v-Thức, tuần-phủ, Nghiêm-x-Quang, Ansát 50,00

Vers.t de 3$: Personnel enseignant du chef-lieu . . . 3,00

Vers.t de 2$: M. Lê-đình-Sau 2,00

Vers.ts de 1$: MM. Ph-quy-Thương, Võ-Kiều-Công, Vũ-nhu-Trực, Ng-tát-Kiên, Lê-v-San, Personnel de l'Hopital . . . 6,00

Total . . . . 111$,00

Phủ de Nho-Quan

Vers.ts de 1$: MM. Ng-diệp-Quang, triphủ, Ng-v-Sưởng . 2$,00

Vers.ts de 0$,50: MM. Dương-v-Quán, Ng-doãn-Dịch, Ng-Thư-Sinh, Lê-v-Chiêm, Trương-v-Dương 2,50

Vers.t de 0$,40: M. Vũ-v-Đức 0,40

Vers.ts de 0$,30: MM. Đinh-ng-Hoàng, Bùi-v-Hiền, Đ-h-Trực . . . 0,90

Vers.ts de 0$,20: MM. Lê-v-Tường, Quách-Ân, Bùi-v-Thanh, Hà-v-Cẩn, Ng-v-Cần, Ng-v-Sáu 1,20

Vers.ts de 0$,10: MM. Bùi-v-Thường, Quách-qg-Hoa, Bùi-v-Ái, Ph-v-Nghị, Đinh-v-Thúc 0,50

Total . . . . 7$,50

Huyện de Yên-Mô

Vers.t de 3$: Village de Yên-Mô Thượng . . . . . 3$,00

Vers.ts de 2$: M. Bùi-phụ-Kinh, trihuyện, vil. de Nội-Khê . . 4,00

Vers.ts de 1$: Villages de: Yên-Tế, Côi-Trì, Phù-xa, Phương-Mại, Trung-Đồng, Hà-Thanh, Bình-Hòa, Đào-Hậu, Vĩnh-Lộc, Quảng-Tư, Trà-Tri, Lan-Khê, Tiên-Hưng, Khương-Dục, Hưng-Hiền, Bạch-Liên, Van-Du, Cổ-Lâm, Ngọc-Lâm, Thổ-Mật, Bình-Hải, Duyên-Phúc, Liên-Tri, Bồ-xuyên, Quảng-Phúc 25,00

Vers.t de 0$,80: Village de Phương-Trì 0,80

Vers.ts de 0$,60: Villages de Yên-Mô cần et Yên-Lâm . . . 1,20

Vers.ts de 0$,50: MM. Vũ-đình-Học, Bùi-Tạ, Trần-cảnh-Tiểu, Villages de: Lộc-Động, Tho-Thái, Đồng-cao, Nhân-Phẩn, Yên-Sư, Phúc-Khê . . . 4,50

Total . . . . 38$,50

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Huyện de Kim-Sơn

Vers[t] de 5[#]: M. Ngô-đăng-Dấu, Tri huyện . . . 5[#],00

Vers[t] de 3[#]: M. Trần-v-Riệu 3,00

Vers[ts] de 2[#]: Mlle. Ng-đăng-Linh, Bùi ngọc-Khuê, 4,00

Vers[ts] de 1[#]: Mlle. Ng-v-Phúc, Vũ-th-Thoa, Ph-th-Nhã, Ng-th-Thinh, Đỗ-Luận-Quế, Ng-duy-Trinh, Ng-v-Thăng, Mme Huyện-Hàng, Vũ-b-Quỹ, Đỗ Bat, Ng-Cẩu, Vật-Hiếu, 12,00

Vers[ts] de 0[#]50: Mlle. Ph-th-Mỹ, Ng-gia-Cát, Ng-hữu-Cao, Tr-ng-Thuần, Ng-duy-Thiêng, Ng-Tiếp, Ph-tất-Đạt, Ng-v-Dung, Thanh-Lôi-Hiếu, La-hữu-Cung, Ph-v-Thăng, Ng-v-Đức, Hoàng-d-Tú, Hoàng-nhai-Cảnh, Ng-Tất-Vinh, Trl v-Khương, Tr-th-Cận, Ph-v-Phú, Lê-v-Hoát, Tr-Cửu-Công, Vũ-duy-Thâm, Phúc-Thái-Hiếu, Đỗ-v-Thăng, Uy-Hương Hiếu, Tr-v-Tảo, Vũ-đình-Cử, Vũ-Hán-Bích, Trn-th-Quế, Đỗ-v-Uy, Tr-v-Nghiệp, Ph-như-Bách 15,50

Vers[ts] de 0[#]30: Mlle. Lê v-Cơ, Tr-v-Liêu, Ph-ng-Dư, Ph-năng-Đắc, Hoàng-Khg-Công, Ph-x-Rì, Ph-Kh-Cung, Vũ-Nhường, Tr-v-Phác, Ng-v-Nghiễn, Tr-h-Thuyện, Vũ-ng-Hồng . . 3,60

Vers[ts] de 0[#]20: Mlle. Bùi-ng-Luật, Trần-ngọc-Hoàng, Hoàng-đạo-Thân 0,60

Total . . . 43[#],70

Huyện de Gia-Khánh

Vers[t] de 5.: M. Ng-quang-Riệu Trihuyện 5[#],00

Vers[t] de 1[#]: M. Vũ-hữu-Lợt 1,00

Vers[ts] de 0[#]50: Mlle. Lê-th-Nhiễu, Ng-tr-Duy, Lê-h-Uẩn, Ng-trọng-Giai, Ph-như-Kim, Dương-như-Hường, Diễn-v-Hoan, Mlle Thuần, Ng-ng-Trúc, Bùi-d-Trang, Hồ-duy-Quang, Vũ-đình-Thanh, Ng-v-San, Đinh-v-Lý 7,00

Vers[ts] de 0[#]30: Mlle. Lê-duy-Cảnh, Đặng-v-Lực, Đỗ-v-Toát, Lê-v-Chính, Lê-v-Diệp, Đinh-v-Khiếu, Ng-x-Hội, Vũ-v-Tiếu, Ph-quang-Lộc, ... 2,70

Vers[ts] de 0[#]20: Mlle. Ng-hữu-Tăng, Đinh-v-Liêm, Ng-th-Trọng, Đinh-v-Trí, Ng-Tr-Trúc, Hà-v-Toản, Đoàn-v-Viên, Hoàng-v-Chiêu, Tr-Kiêm, Ph-tr-Vinh, Bùi-duy-

Ninh, Lê v-Văn, Tr-gg-Bình, Vũ như Sinh, Ph-th-Điền, Hg-Đoàn Chấp, Hg-ng-Phác, Ng-v-Chú, Ng-Viễn, Đỗ Da, Lê Gia . . 4[#],20

Total . . . 19[#],90

Huyện de Gia-Viễn

Vers[t] de 3[#]: M. Lê Đình, Trì-huyện . . . . . 3[#],00

Vers[ts] de 2[#]: M. M. Đinh ng. Truyền, Ha v. Triệu, Đinh Đứa Thoa 6,00

Vers[ts] de 1[#]: M. M. Đào v. Môn, Ng-th. Canh, Lã Đ-Khuê, Ng-Tiêu, Trịnh v-Sửu, Ng-v-Phu, Vũ h. Bích, Ng-h. Thông, Ng-h. Duyên, Ng-h. Liễu, Liễu th. Hòa, Đinh kh. Liễn, B. h. Dương, Vũ th. Mậu, Vũ Phg. Đăng, Đg-h. Oánh, Ph v. Đôi, Ng-v. Lan, Quách, ng. Lý, Phạm Ba Vinh, Đh-Kh. Pho, Ng-v. Lim, Hà v. Canh, Quách chi Bách, Ng kh. Huệ, Bùi x. Rú, Tr. v. Phong . . . 27,00

Vers[ts] de 0[#]50: M. M. Đg ng. Riu, Phan ng. Dương, Tr. h. Danh, Ng-t-Châu, Ng-v. Xứng, Trh. v. Triện, Ng-v. Ái, Trh. v. Liễu, Ph. v. Giá, Vũ v. Lộc, Tr. gg. Việt, Tr-gg. Trăn, Lê Lý, Đỗ Đg Dung, Phùng v. Việt, Ph gg. Ninh, Tr. th. Hường, Đg h. Đoàn, Ngt. v. Thiêm, Ng-v. Cát, Lê v. Ngạn, Đàm v. Việt, Ph. v. Thi, Ba v. Chu, Ba v. Trạch, Ng-v. Bí, Ng-v. Giao, Ph. v. Hỷ, Đỗ v. Khuyến, Tr. v. Tình, Đh trg. Hải, Bùi v. Thiều, Ng. kh. Hề, Ng-v. Tích, Bùi v. Duyên, Lê v. Ba 17,50

Vers[ts] de 0[#]40: M. M. Ph. v. Giới, Đỗ phú Nhiêu, Đinh v. Vinh, Tr. v. Thanh 1,60

Vers[ts] de 0[#]30: M. M. Đg. duy Khang, Đg. Hgr, Đg. tất Chính, Ng-v. Kim, Đg. v. Việt, Vũ v. Sỹ, Đinh Kiều, Nguyễn v. Nhuận, Tr. v. Triều, Trần văn Hoà, Đinh Li. Thiệt, Đg t. Lai, Đg đắc Duyên, Đặng h. Khiêu, Đinh Đắc Chuẩn, Vũ th. Gi, Ng-v. Quỳnh, Vũ th. Kính, Tr. v. Nga, Ph. văn Bá, Ph. văn Thường, Ph. v. Tắc, Đỗ v. Hùng, Đinh v. Chạo 7,20

Vers[ts] de 0[#]20: M. M. Ng-v. Giản, Dương v. Dần, Dương du Thinh, Dương v. Chiêu, Ng. Chính, Ng-v. Da, Ng. Đoàn Tình, Dương văn Doãn, Ng-v. Dương, Dương v. Dương Ng kh. Cần, Dương v. Tiếu, Ng-v. Sách, Ng-v. Thước, Lê v. Lai, Ng-v. Hùng, Ngt-v. Vy, Ng-v. Cang, Ng-v. Sáng, Tr. v. Sức, Tr. v. Hảo, Ng-v Thanh, Đặng duy Kính, Bùi v. Chí, Ng-v. Kiêm, Bùi v. Tập, Ng-v. Cảo, Bùi v. Rất, Ng-v. Xô, Tr. gg. Việt, Đinh v. Dần, Đinh Tuân, Đặng Tá, Phạm.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Năng, Trần-v-Xuất, Bùi-v-Tục, Đinh-v-Phú, Tr-v-Quỳnh, Đinh-v-Trân, Ng-đ-Hòe, Ph-v-Giới, Ngô-v-Ngôn, Đinh-v-Tri, Ng-v-Điền, Hiệu-Vĩnh-Thành, Lương-Thị-Tức, Trần-v-Bản, Quách-v-Trực, Lưu-v-Thận, Ph-sĩ-Linh, Ph-trung-Yết, Đặng-đ-Nghinh, Đinh-Tố-Lâm, Ng-x-Vinh, Đinh-h-Quí, Ng-h-Đích, Ng-đ-Thâm, Đinh-th-Mai, Ng-x-Đích, Ph-Thiện-Dụ, Hg-thế-Năng, Ph-v-Thành, Ph-x-Tán, Đinh-v-Cẩm, Tr-v-Hiệt, Ph-h-Quyền, Ph-h-Ca, Ph-h-Lung, Ph-h-Luật, Ng-Kiệt-Khanh, Đ-v-Xưởng, Ph-v-Phú, Ng-x-Đỗ, Ng-v-Thông, Tạ-v-Mưu, Đào-Hoàn, Ng-v-Bang, Ng-v-Kiều, Ph-v-Hệ, Lâm-v-Khánh, Ph-v-Lệnh, Ph-q-Ái, Lê-v-Mạch, q-v-Lượng, L-v-Diên, Ph-v-Bôn, Tr-v-Suy, Đ-v-Tốn . . . . . 17,60 $

Vers.ts de 0,10 $: M.M. Ng-v-Bằng, Ng-v-Thạc, Dg-v-Mão, Ngô-v-Uy, Giang-v-Thước, Tr-duy-Đạo, Bùi-v-Chinh, Bùi-h-Phúc, Bùi-h-Chúc, Bùi-v-Uy, Bùi-h-Vũ, Đ-v-Lân, Cao-v-Đinh, Đ-v-Ban, Đ-v-Tuyền, Hiệu-Yên-Hùng, Đ-v-Úc, Ph-v-Thi, Ng-v-Thịnh, Tr-như-Sửu, Tr-v-Huynh, Ph-v-Cường, Đ-v-Thạc, Ph-c-Ngoạn, Ng-v-Quý . . . 2,50

Total . . . 82,40 $

Phủ de Yên-Khánh

Vers.t de 6,$: Canton de Bồng-Hải . . . . 6,00 $

Vers.t de 5,$: M. Phạm-Diễm, tri-phủ . . . 5,00

Vers.t de 3,$20 : Village de Phúc-Nhạc, ... 3,20

Vers.t de 2,$50 : Village de Yên-Liêu-Thượng . . . 2,50

Vers.t de 2,$15 : Village de Yên-Liêu-Hạ 2,15

Vers.t de 2,$10 : Village de Bồ-Vy 2,10

Vers.t de 2,$: Village de Yên-Phú 2,00

Vers.t de 1,$80 : Village de Yên-Ninh 1,80

Vers.t de 1,$50 : Village de Duyên-Mậu . . . 1,50

Vers.t de 1,$20 : Village de Đông-Nhân 1,20

Vers.ts de 1,$: M. Ng-cao-Luận, vil. de: Thạch-Lội, Yên-Bắc, Tịch-Chân, Thắng-Động, Yên-xuyên, Gia-Lạc, Tiên-Yên, ... 8,00

Vers.t de 0,$80 : Village de Khương-Thượng . . . 0,80

Vers.t de 0,$70 : Village de Yên-Cư . . . . . 0,70 $

Vers.t de 0,$60 : Village de Nhuận-Hải 0,60

Vers.ts de 0,$50 : M.M. Ng-đh-Quân, Vũ-v-Điển, Ng-duy-Thiện, Village de Phong-Yên, ... 2,00

Vers.t de 0,$40 : Village de Xuân-Dương 0,40

Vers.t de 0,$20 : Village de Đồng-phú Thất 0,20

Vers.t de 0,10 : Village de Vân-Đồng 0,10

Total . . . . 40,25 $

Divers

Vers.t de 10,$: Mme Bùi-thị-Gai . . . . . 10,00 $

Vers.t de 2,$: M. Đỗ-xuân-Quế, M.ch.c.t. 2,00

Total . . . . 12,00 $

Total général de la province de Ninh-Bình . . . . . 398,25 $

Province de Vĩnh-Yên

Personnel Français

Vers.t de 1,$: M. Filipecki . . . . . 1,00 $

Personnel annamite

Vers.t de 25,$: M. Ng-văn-Bân, tuần-phủ 25,00

Vers.t de 3,$: M. Bùi-đình-Thình, Ansát 3,00

Vers.ts de 2,$: MM. Tr-công-Thuyết, Ng-đh-Lâm . . . 4,00

Vers.ts de 1,$: MM. Tạ-v-Thân, Khoát, Ph-Gia-Thái, Tiết-v-Tuyên, Tr-v-Cân 5,00

Vers.ts de 0,$50 : MM. An-v-Tùng, Đỗ-v-Phúc, Trần-h-Giác, Tr-gia-Huân, Ng-huy-Cảnh, Ng-h-Thoại, Lê-Vi, Phan-đh-Thanh, Vũ-nghĩa-Thuận, ... 4,50

Total . . . . 41,50 $

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Phủ de Vĩnh-Tường

Vers.t de 12.$: Canton de Đồng-phú ..... 12$,00
Vers.t de 10.$,90 : Canton de Kiên-cường 10,90
Vers.ts de 10.$: Cantons de: Lương-Điền, Tăng-Đô ... 20,00
Vers.ts de 7.$: Cantons de Đông-Vệ, Hùng-Lục .. 14,00
Vers.t de 6.$: Canton de Thường-Trung ... 6,00
Vers.ts de 5.$: M. Ph.-v.-Đại, Tri-phủ, canton de Tuân-Lộ 10,00
Vers.t de 1.$: Personnel du Phủ 1,00
Total .... 73$,90

Huyện de Tam-Dương

Vers.t de 5,$: M. Từ-bộ-Thức, Tri-huyện ..... 5$,00
Vers.t de 3,$: M. Ngạc-v.-Đồng 3,00
Vers.ts de 1.$: MM. Hoàng-v.-Hợp, Hoàng-v.-Đại, Ng-v.-Diễn, Hoàng-Thường, Ng.-v.-Doan, Hg.-v.-Thuật, Vũ-v.-Tỉnh, Trương-v.-Thông, Trần-v.-Gia 9,00
Vers.ts de 0.$50 : MM. Lê-v.-Đào, Vũ-v.-Cù, Dương-v.-Hòe, Dương-v.-Hảo, Hoàng-x.-Khải, Phùng-v.-Lân, Hg.-v.-Biên, Đỗ-v.-Thi, Ng-v.-Việt, Ng-v.-Bưng, Phùng-v.-Tấn, Trần-v.-Hương, Tr.-v.-Cây, Vg.-v.-Nhiệp, Ng-v.-Phương, Ng-v.-Tường, Ng-v.-Cư, Ph.-v.-Đa, Ng-v.-Quế, Ng-v.-Bích, Lê-v.-Giáo, Ng-v.-Hòe, Ph.-v.-Kính, Ph.-v.-Hương, Vũ-v.-Hành, Ph.-v.-Lễ ... 13,00
Vers.t de 0.$40 : M. Ng-v.-Luân 0,40
Vers.ts de 0.$30 : MM. Sái-v.-Tường, Đỗ-v.-Quang, Hoàng-như-Khuê, Ng-v.-Trọng, Vg-v.-Vy, Tô-văn-Huỳnh, Ng-v.-Đán, Ng-v.-Mịch, Hoàng-v.-Đạt, Ng-v.-Chỉ, Lê-v.-Cửu, Hoàng-v.-Ngần, Ng-v.-Như, Dương-v.-Khoá, Hg-v.-Nôi, Đ.-v.-Bạch, Ph.-v.-Thư, Đỗ-v.-Lộc, Trg-v.-Kính, Tô-v.-Chính, Ph.-v.-Thăng, Ng-v.-Nghiên, Ng-v.-Lương, Ng-v.-Lai, Vg-v.-Đính, Lê-v.-Lư, Lê-v.-Khuê, Ng-v.-Lồng 8,40
Vers.ts de 0.$20 : MM. Đ.-v.-Giá, Tr.-v.-Nghĩa, Đ.-v.-Lộc, Ng-v.-Giải, Ng-v.-Chân, Ng-v.-Giang, Ng-v.-Trí, Ph.-v.-Đức, Ng-v.-Tức, Ng-v.-Sáng, Trần-v.-Nghĩa, Ph.-v.-Cúc, Ph.-v.-Bảo, Đinh-v.-Kỷ, Vg-Tế, Ng-v.-Xe,

Ng.-x.-Mai, Ng.-x.-Đạm, Lê văn Sản, Lê văn.-Cử, Trần v.-Thành, Ng.-v.-Đầu, Tr.-v.-Thuỷ, Tr.-v.-Bác 4,80
Vers.t de 0.$10 : M. Phùng v.-Nho 0,10
Total ... 43$,70

Huyện de Yên-Lạc

Vers.t de 5.$: M. Bùi Đăng Thân ..... 5$,00
Vers.ts de 1.$: MM. Ph.-v.-Hải, Đặng vũ Đài, Cao như Mẫn, Ng.-v.-Bưởi, Dg.-qg.-Cử, Ng.-v.-Hiền, Ng.-kim Mai, B.-trg.-Dưỡng, Ng.-duy Hiếu, Vũ-v.-Nguỵnh, Ph.-v.-Giường ... 11,00
Vers.ts de 0.$50 : MM. Ng.-v.-Mẫn, Ph.-qg.-Sưởng, Ng.-v.-Đồng, Ng.-v.-Mộc, Ng.-v.-Hùng, Đa-v.-Hải, Đa-v.-Lợi, Đ.-v.-Phong, Đ.-v.-Cảm ... 4,50
Total ... 20$,50

Huyện de Lập-Thạch

Vers.ts de 6.$: MM. Đg-th.-Thường, Ng.-x.-Sơn, Vũ-qg.-Bài ... 18$,00
Vers.ts de 5.$: MM. Hg-cơ Đính, Lại Huy Giu, Ng.-v.-Thành ... 15,00
Vers.ts de 4.$: MM. Đỗ duy Hoàn, Trịnh th.-Ngọc, Ng.-kim Xuân 12,00
Vers.ts de 3.$: MM. Nguyễn văn Quang, Triệu th.-Trường, Đỗ-v.-Thỷ 9,00
Vers.ts de 2,$: MM. Hoàng v.-Lấy, Ng.-v.-Thiết ... 4,00
Total ... 58$,00

Huyện de Bình-Xuyên

Vers.ts de 3,$: MM. Ng.-v.-Thân, Ng.-kh.-Lâm, Đồng dân xã Yên Lỗ ..... 9$,00
Vers.ts de 2.$: MM. Đồng dân Hương Canh, Đồng dân Ngọc Canh, Đồng dân Tiên-Hương 6,00
Vers.ts de 1,$: MM. Dương v.-Thập, Trần ngọc Trừ, Bạ v.-Tuyên, Ngô v.-Hiếu, Chu v.-Du, Phùng h.-Phương, Chu v.-Mai, Ng.-v.-Hương, Trần v.-Chế, Lê v.-Long, Ng.-

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

v-Trung, Ng-v-Phúc, Ng-v-Thông, Lâm-v-Thúc, Lưu-v-Dang Ng-hữu-Hiếm, Dương-v-Tài, Ng-v-Dam, Ng-h-Bài, Ng-v-Hưu, Ph-Đình-Chấn, Ng-ngọc-Dâm, ... 22,00

Vers^ts de 0,50 : M.M. Dương-v-Vinh, Dương-v-Diệp, Dương-v-Việt, Ng-v-Ninh, Ng-v-Tế, Ng-v-Bút, Ng-v-Bích, Ngô-v-Cân, Dương-v-Đinh, Ng-v-Mai, Ng-v-Cuốc, Ng-v-Nhuế, Phùng-v-Loại, Đỗ-v-Khang, Đỗ-v-Tuy, Ta-v-Đinh, Đào-v-Trụ, Ta-dh-Chuyên, Tạ-v-Bá, Ng-v-Căn, Đào-v-Tố, Ng-v-Hối, Ng-v-Nghĩa, Ph-v-Ái . . . 12,00

Total 49,00

Huyện de Bạch-Hạc

Vers^ts de 2,00 : M.M. Ng-đương-Hợp, Lê-thanh-Giai, Ng-mạnh-Quý, Ng-v-Đinh, Ng-v-Uẩn, Hội-đồng Lý phó trưởng Phu-yên, Hương-Hội và chánh Hội-đồng Hòa-Loan 14,00

Vers^ts de 1,00 : M. Không-tr-Diễn, Ecoles de Bạch-Hạc et Hòa-Loan 3,00

Vers^ts de 0,50 : M.M. Ng-v-Chư, Ng-đắc-Thuyết . . 1,00

Vers^ts de 0,30 : M.M. Bùi-v-Giản, Ph-v-Bông, Lê-v-Khôi, Ng-v-Xứng, H.-v-Lê, Đ-v-Chai, Kh-v-Thiết, Ng-v-Sục, . . 2,40

Vers^ts de 0,20 : M.M. Ng-v-Mão, Kh-v-Ngân, Ng-v-Bỏ, Ng-v-Thuật, Ng-v-Cung, Ngô-tất-Đắt, Ng-q-Công, Ng-v-Phất, Đ-v-Tuất, Lê-v-Ngoạt, Đỗ-v-Nghiêm, Ng-v-Tạo, Ng-v-Rước, Ng-v-Hữu, Trần-v-Thực, Ng-v-Tốn, Ng-v-Đậu, Dương-v-Khai, Đoàn-v-Sết . . 3,80

Vers^ts de 0,10 : M.M. Ph-bá-Lục, Kh-v-Cóc, Đỗ-v-Đông . . 0,30

Total 24,50

Canton de Đông-Lỗ

Vers^ts de 0,50 : M.M. Ng-Khả, Ng-Hưng, Đào-kim-Bảng, Hoàng-Luân, Ng-Khả, Ng-Liêm, Ng-Quỳnh, Ta-v-Bình, Bùi-Thiệp, Ng-Hào, Ph-Trương, Ph-Thư, Ng-Đồng, Phùng-Lương, Ng-Khiên, Đào-Trang, Thôn Xuân-Chiểu 8,50

Vers^ts de 0,30 : M.M. Dương-Long, Ng-Vọng 0,60

Total . . . 9,10

Canton de Yên-Lạc

Vers^t de 0,30 : M.M. Lê-San, Tr-ph-Lâm, Ng-Thuyết, Kim-Tị 1,20

Canton de Hồn-Ngạc

Vers^ts de 1,00 : M.M. Bùi-Tư, Ng-Hiền, Phùng-Trinh, Ng-Khánh, Ta-Hợi, Lê-Ý 6,00

Vers^ts de 0,50 : M.M. Bùi-Hưng, Ng-Ký, Phạm-Cốn, Bùi-Cư, Ph-Ngoan, Ng-Tùng, Ng-Hiếu, Ng-Quyết, Ng-Lợi, Ph-Nghi, Ph-Thực, Ng-Đức, Ng-Thuyết, Ph-Tuyên, Vũ-Một, Vũ-Đình, Ta-Thúc Bùi-Thạch, Ta-Dương, Vũ-Khúc, Kim-Hạnh, Kim-Cổ, ... 11,00

Total 17,00

Canton de Thư-Xá.

Vers^ts de 0,50 : M.M. Ph-Khế, Ng-Xuyết, Ph-Điểm, Ta-Phúc, Ta-Hiền, Lê-Cổ, Ta-Trung, Ng-Loại, Lê-Đài, Ng-Song, Lê-Thúc, Ng-Tiến, Kiều-Trâm, Kiều-Khai, Lê-Đăng, Ng-Tác, Ng-Vinh, Đỗ-Sáng, Ng-Quế, Hoàng-Giản, Ng-Ngã, Ng-Thiện, Lê-Hòe, Ngô-Ngọ, Lê-Chế, ... 12,50

Vers^t de 0,30 : M. Ng-Lệnh 0,30

Total 12,80

Canton de Lương-Quán

Vers^t de 2,50 : Village de Trăng-Sơn 2,50

Vers^ts de 1,00 : M.M. Ng-Nghĩa, Ng-Cát, Trần-Quán, Đỗ-Thiệp, Tr-Bái, Trịnh-Bái, Ng-Hồ, ... 7,00

Vers^ts de 0,50 : Kỹ-mục des vil. de: Xa-Khoát & Đồ-Trăng 1,00

Total 10,50

Canton de Phương-Nha

Vers^ts de 0,50 : M.M. Trần-Điển, Đào-Cao, Ng-Nhị, Ta-Hoạt, Hoàng-Sơn, Tr-Hải, Ta-Quỳnh, Ng-Trinh, Ta-Giáo, Hà-Cẩ, Văn-Hàm, Ng-Long, Ng-Bí, Ng-Xuân, Ng-Quyền, Lê-Lễ, Lê-Hải, Đặng-Cận, Tr-Sục, Ng-Liễn, C-Vy, Tr-Thâm, Trần-Việt, Đỗ-Điển,

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Trương-Khoát, Ng-v-Nghiêm, Lê-Trinh . . . . . 13$,50

Canton de Nhật-Chiểu

Vers.ts de 1$: M.M. Ng-phương-Thảo, Ng-v-Đàm, Bạch-v-Đệp, Bạch-hữu-Phúc, Ng-v-Ham 5,00

Vers.ts de 0$,50: M.M. Đăng-v-Huệ, Cao-v-Tích, Ng-v-Chương, Tr-v-Hoan, Đào-v-Hoành, Ph-v-Tăng, Ng-v-Tịch, Van-danh-Nhã, Ngô-v-Trọng, Ng-v-Tuyết . . . 5,50

Vers.t de 0$,20: M. Ng-quang-Bổng 0,20

Total . . . 10$,70

Total général de la province de Vĩnh-Yên . . . . . 386$,90

Province de Bắc-Kạn

Personnel Français

Vers.t de 5$: M. Blu 5,00

Vers.ts de 4$: M.M. Le Priol, Pellegrini, Bourrouët 12,00

Vers.t de 2$: M. Desveillons 2,00

Total . . . 19$,00

Personnel Annamite

Vers.t de 25$: M. Ph. bá Rong, An-sát 25,00

Vers.t de 5$: Le Personnel indigène 5,00

Vers.ts de 3$: Personnel enseignant de l'Ecole T.e an.te, Personnel indigène de l'Hôpital 6,00

Vers.t de 1$,50: Personnel des Douanes 1,50

Vers.ts de 1$: M. Thừa phái au bureau du quan An, M. Vũ đh. Lâm, Personnel T.P., Ng. h. Gy 4,00

Total . . . 41$,50

Châu de Bạch-Thông

Vers.t de 5$: M. Vi v. Y, Tri châu . . . . . 5$,00

Vers.t de 3$: M. Hà-thiêm-Thuận 3,00

Vers.ts de 2$: M.M. Hứa v. Cả, Mạc v. Lam, Đh. kim Đạo, Triệu đ. Thắng, Hà thiêm Chức, Hoàng khải Hán, Ng. đh. Liên, Lý sinh Thủ, Nông đh. Luật, Hà qg. Toản, Nông v. Vy . . . 22,00

Vers.ts de 1$: M.M. Hà th. Thủ, Thùng v. Lương, Đàm v. Du, Lê v. Thậm, Triệu v. Ngọc, Hoàng v. Ngọ, Hà v. Nhi, Vi v. Thiên, Hứa v. Khâm, Nông v. Châu, Hà v. Thụ, Nông v. Lũy, Nông v. Bình, Nông v. Chài, Luân v. Lương, Đinh v. Thu, Bế ng. Quí, Hoàng v. Giai, Lê v. Chiêu, Đinh k. Thôi, Đinh k. Lộc, Triệu đ. Thắp, Đinh k. Thinh, Triệu đ. Huệ, Hg v. Thâm, Hà đ. Than, Lg. đ. Văn, Hà th. Van, Th. v. Lê, Hg. ng. Vinh, Ng. v. Thục, Ng. v. Hỷ, Ma v. Tương, Hg. k. Sinh, Ng. v. Khảo, Lg. v. Lân, Mạc hg. Lưu, Ng. chu Nhã, Dg. v. Bình, Mạc ch. Viết, Triệu v. Huyền, Đh. phú Uân, Ng. v. Sửu, Ng. v. Kiến, Đinh như Hồ, Ng. v. Sơ, Đh. qg. Hoàng, Ng. đh. Thu, Hg. v. Dương, Ng. v. Giồng, Đinh qg. Chính, Hg. v. Huyền, Lý v. Vong, Hà v. Ma, Hg. v. Sài, Triệu v. Den, Triệu đh. Thanh, Triệu đình Đăng, Ng. v. Mèo, Chu v. Linh, Triệu v. Bôn, Lộc v. Thôi, Ng. v. Thân, Ng. v. Den, Ng. v. Đức, Ng. v. Trực, Hà sĩ Quân, Ng. v. Hiên, Hà như Hàn, Ng. v. Thương, Hg. v. Tài, Hà sĩ Đăng, Hoàng v. Dương, Trương v. Mã, Ng. v. Đông, Chu kế Ma, Lưu đh. Mô, Hà cát Tý, Đào đh. Vinh, Triệu v. Mai, Ng. duy Bạch, Hg. v. Đình, Cao thịnh Giốc, Vi v. Nghi, Ng. v. Thôi, Ng. duy Mèo, Lã v. Phú, Ng. v. Lưu, Dg v. Dai, Đh. v. Châu, Hà h. Uân, Hà sĩ Quý, Dương đh. Thành, Ng đ. Sự, An đ. Chung, Đh. v. Tân, Âu đh. Châu 97,00

Versements de 0$,50: M.M. Đinh như Cương, Đinh như Tiêm, Thùng đ. Hiên, Hoàng v. Tây, Hoàng v. Cấp, Ng. trg. Phân, Ng. v. Bông, Đinh v. Ân, Hoàng v. Tình, Thùng v. Quyền, Liêu v. Thị, Đinh v. Cả, Hoàng hữu Túc, Hà lưu Cát 7,00

Total . . . 134$,00

Châu de Ngạn-Sơn

Vers.t de 2$: M. T.T. Lương, Tri-châu 2,00

Vers.ts de 1$: M.M. Ng. k. Quyên, L.L. Kỷ, Hoàng đ. Khải, Trương khuân Kỷ, Lê Chanh 5,00

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Vers^{t} de 0$^{\#}$,60: M. Tr. v. Cào . . . . . 0$^{\#}$,60

Vers^{ts} de 0$^{\#}$,50: M. M. Dương ag. Hùng, Doanh, Thái Khoanh, Chu v. Ban, Chiêu Thìa Hiền, Cao ninh Trung, Nông v. Vinh, La v. Y. Hoàng dh. Phó 4,00

Vers^{t} de 0$^{\#}$,40: M. Trường a Lan 0,40

Vers^{ts} de 0$^{\#}$,20: M. M. Trần h. Bách, Tr. a Lung L. V. Sướng, V. v. Long, D. phúc Quý, Ng. v. Tinh, Tr. v. Canh, Ng. Lý Tuyên, Tr. v. Khắc, Kh. v. Cam, Th. Chang, Dg. V. Mạ, Ng. v. Quý, Nông dh. Cương, Ng. v. Chiêu, Lê ag. Minh, Bế dh. Thanh, Dg. ag. Dai, Hoàng v. Vân, Hg. v. Văn, Hg. v. Năm, Ng. V. Thịnh 4,40

Total . . . . 16$^{\#}$,40

Châu de Na-Ri

Vers^{t} de 3$^{\#}$: M. Cao trịnh Lý . . . . . 3$^{\#}$,00

Vers^{ts} de 2$^{\#}$: M. M. Lý t. Phôi, Hg. ng. Chân 4,00

Vers^{ts} de 1$^{\#}$: M. M. Ng. ch. Thức, Tr. bảo Lương, Hg v. Than, Ng. dh. Lê, Ng. cg. Đinh, H. v. Lộ, Vi v. Vương, Lạ v. Hoàng, Ng. v. Hải, Bế Quí, L. q. Chi, V. V. Mác, Ng. v. Yêu, Ngô v. Khang, D. dh. Huế, Ng. c. Quí, Ng. v. Sa, Ng. V. Rao . . 18,00

Vers^{t} de 0$^{\#}$,30: M. Bài v. Viên 0,30

Vers^{ts} de 0,$^{\#}$20: M. M. Hg. v. Thanh, Tr. ng. Hùng 0,40

Total . . . . 25$^{\#}$,70

Châu de Chợ-Rã

Vers^{t} de 7$^{\#}$: M. Bế cao Trung, Tri-châu . . . . . 7$^{\#}$,00

Vers^{ts} de 2$^{\#}$: M. M. Hg. v. Thông, H. v. Tuyên, H. v. Hoàng, Hg. v. Ba, Hg. v. Thanh, Hg. v. Phương, Ng. v. Bôn, Ma V. Cấp, T. v. Toàn 18,00

Vers^{t} de 1$^{\#}$,50: M. Dương v. Triệu 1,50

Vers^{ts} de 1$^{\#}$: M. M. Mai thế Đăng, Dg. v. Bằng, Tr. v. Nguyên, Ng. v. Thu, Tr. th. Hòa, Lg. v. Huy 6,00

Total . . 32$^{\#}$,50

Châu de Chợ-Đồn

Vers^{t} de 5$^{\#}$: M. Nông v. Chinh, Tri-châu . . . . . 5$^{\#}$,00

Vers^{ts} de 2$^{\#}$: M. M. Lg. v. Thu, Hg. v. Xuông 4,00

Vers^{ts} de 1$^{\#}$: M. M. Ng. dh. Thoan, D. ph. Giáo, Hà v. Thóe, Ng. dh. Tinh, D. ng. Lương, T. v. Trân, Hà v. Giang, Lý v. Tinh, D. v. Lộc, Lương v. Thây, H. v. Tuân 11,00

Vers^{ts} de 0$^{\#}$,50: M. M. M. ng. Lê, Ng. dh. Thạch, Ng. d. Miêu, Vi h. Hiên, Ng. v. Vi, M. Ng. Quế, H. v. Hat, Ng. d. Lương, L. v. Hiếu, Ng. v. Kú, Nông v. Tông, M. V. Lưu, Ng. d. Nông, Ng. t. Phương, H. v. Sam, H. v. Sĩ, H. v. Phan, V. v. Chu, H. d. Chang, Ch. v. Dương, M. v. Quân, D. ng. Phát, M. v. Long, M. dh. Lộc, V. dh. Vương, Ng. ng. Đăng, Hg. d. Lộc, Mai dh. Soàn, M. dh. Thành, Hg. ph. Lương, Bế dh. Thọ, Ma v. Soan, Dh. v. Thi, Bùi duy Nhương 17,00

Total . . . . 37$^{\#}$,00

Total général de la province de Bắc-Kạn . . . . . 306$^{\#}$,10

Province de Hanam

Personnel Annamite

Vers^{t} de 40$^{\#}$: M. Lê Nhiếp, Tuần-phủ . . . . . 40$^{\#}$,00

Vers^{t} de 30$^{\#}$: M. Tr. Tán Bình, An-sát 30,00

Vers^{ts} de 5$^{\#}$: Le Personnel indigène (Résidence) M. Phan tất Đạo 10,00

Vers^{t} de 3$^{\#}$: M. Tr. Lưu Vị 3,00

Vers^{ts} de 2$^{\#}$: M. Ng. v. Mẫn, Le 2^{d} du Tr^{al} 4,00

Vers^{ts} de 1$^{\#}$: M. M. Ng. ng. Chất, Phạm bùi Lâm, Vũ kim Minh 3,00

Vers^{t} de 0$^{\#}$,50: M. Ng. Đặng Tuyên 0,50

Total . . . . 90$^{\#}$,50

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Phủ de Lý-Nhân

Vers, t de 2$: M. Doãn Ngũng, tri-phủ . . . . . 2$,00

Vers ts de 1$: M. M. Vũ x. Tâm, Ng. đ. Lợi, Ng. đ. Thu, Ng. k. Bài, Ng. q. Chất, trường bách Sích, Village du Đồng Yên, Hoàng v. Âm 8,00

Vers, t de 0$,60: M. Ng. v. Quyền 0,60

Vers ts de 0$,50: M. M. Bùi đ. Xương, Ng. d. Mậm, Ng. du Liễn, Ng. bg. Ngọc, Tr. Ngân, Đỗ huy Tiếng, Ng. v. Sâm, Ng. v. Kiên, Ng. đ. Lợi, Tr. đh. Nhuận, Bùi đh. Thúc, Tr. v. Nhỏ, Ng. tâm thanh, Tr. qg. Liêm, Tr. q. Gi, Tr. nhuận Bé, Đào minh Hinh, Ngô v. Tăng, Tr. v. Đang, Tr. duy Chính, Tr. ng. Đốc, Tr. qg. Quỳnh, Sh. v. Cao, Đỗ duy Tiếp, Tr. v. Tiếu, Ng. v. Thúc, Ng. v. Thinh, Tr. đh. Bàn, Sh. v. Tinh, Ngô v. Tô, Ng. v. Vinh, Ph. ng. Hào, Lê duy Khẩn, Ng. đh. Vinh, Ng. v. Thị, Trl. bá Trọng, Vũ khắc Lý, Ng. v. Nghiêm, Ng. v. Huỳ, Trl v. Sương, Tr. v. Khiêm 20,00

Total . . . 30$,60

Huyện de Thanh-Liêm

Vers ts de 3$: M. M. Phó bá Thuận, tri-huyện, Đào Duyệt d Tri . . . 6$,00

Vers ts de 2$: M. M. Vũ x. Du, Vũ v. Thụy 4,00

Vers ts de 1$: M. M. Phạm qg. Long, Phạm qg. Cận, Ph. qg. Linh, Ph. qg. Doan, Ng. thuy Thuế, Ph. v. Việt, Ng. h. Tuyên, Bạch ng. Lan, Tr. bá Thanh, Trịnh x. Lương, Ng. đh. Nguyên, Ng. tất Đạt, Ng. v. Chương, Lại x. Uy, Đương v. Lương, Ngô xuân Thanh, Nd dg. Quang, Tr. đh. Thịnh, Lê v. Thai, Cả v. Sử, Ph. v. Giáo, Ng. đình Cát, Ph. v. Mỹ, Lê Trúc, Trường đh. Tập, Quách xuân Bát, Chùm Quyết, Đỗ doãn Cử, Ng. v. Thiều, Ng. v. Huệ 30,00

Vers ts de 0$,50: M. M. Ph. v. Tuyên, Hg. ph. Yên 1,00

Total . . . . 41$,00

Huyện de Kim-Bảng

Vers, t de 5$: M. Vũ Thiện Đạm, tri-huyện . . . . . 5$,00

Vers ts de 1$: M. M. Đỗ xuân Hoàn, Tr. duy Trinh,

Ng. v. Luyện, Lê ng. Thỏ, Lê doãn Chấp, Ng. v. Đang, Chu v. Quế, Tr. v. Nông, Vũ v. Doanh, Vũ v. Thác, Lại v. Thăng . . . . 11$,00

Vers ts de 0$,60: M. M. Ng. phú Quế, Ng. v. Ất, ... 1,20

Vers ts de 0$,50: M. M. Trịnh hữu Diễm, Ng. qg. Thiều, Ng. v. Khôi, Đỗ v. Hường, ... 2,00

Vers ts de 0$,30: M. M. Đương th. Thúc, Ph. kh. Trinh, Sh. v. Yên, Trg. v. Lân, Ng. duy Ngôi, Ng. ng. Khai, Ng. v. Đích . . . 2,10

Vers ts de 0$,20: M. M. Nhà đg. Tăng, Vũ hà Trường, Tr. v. Thúc, Tr. v. Thức, Phạm đ. Lâm, Đặng quang Chú, Ng. hữu Thành, Ng. v. Cời, Ng. đ. Long 1,80

Vers ts de 0$,10: M. M. Lý h. Trực, Ng. v. Đôi, Lê v. Thọ, Lê v. Thúc, Ng. duy Thuyết, Tr. v. Thi, Trl. ng. Hoàn, Ng. v. Uy, Vũ doãn Cảng, Vũ đức Nhuận, Ng. thế Lộc 1,10

Total . . . 24$,20

Huyện de Bình-Lục

Vers, t de 3$: M. Hoàng tích Thụy, tri-huyện . . . . . 3$,00

Vers ts de 2$: M. M. Ng. v. Mẫn, Tr. v. Thanh, Đào đh. Hỗ, Bàng ng. Thung, Ng. h. Chừng, Phạ. Điền, Tr. v. Thanh . . . 14,00

Vers ts de 1$: M. M. Ng. duy Tân, Tr. huy Vĩ, Ng. x. Châu, Đào đh. Côn, Tr. v. Chánh, Ng. v. Tâm, Ng. t. Thủ, Đào văn Trinh, Đặng đh. Đản, Hoàng v. Chã, Ngô v. Ngọc, Tr. v. Thành, Ng. đ. Tiến, Ng. v. Tiến, Ng. d. Đàn, Ng. Thụy, Ng. th. Bình, Ng. v. Thai, Ng. x. Quế, Ng. th. Xuân, Ng. Liễu, Ng. trí Thung, Ng. đ. Hàm, Tr. Thái, Tr. duy Côn, Tr. x. Tỉnh, Chu v. Thiệp, Ng. v. Đắc, Cao v. Hoan, ... 29,00

Vers ts de 0$,50: M. M. Ng. đh. Huân, Bùi đh. Xuân 1,00

Total . . . 47$,00

Huyện de Duy-Tiên

Vers, t de 10$: M. Phạm huy Loại, tri-huyện . . . . 10$,00

Vers, t de 5$: M. Ng. hữu Hậu, tri-huyện 5,00

Vers ts de 2$: M. M. Ng. Giang, Tr. đh. Đạm 4,00

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Vers ts de 1$,40: M. Bùi Viết Diêu . . . . . 1$,40

Vers ts de 1$,: M. M. Ng. d. Lưu, Ph. t. Lưu, D. m. Sưởng, Vũ v. Ân, Tr. v. Giỏi, Ph. Tài Đính, Tr. dh. Đạm, L. v. Sâm, Ng. v. Chính . . 9,00

Vers ts de 0$,70: M. M. Hg. v. Diêu, Hg. v. Nhã, Ng. v. Phúc . . . 2,10

Vers ts de 0$,60: M. M. Tr. n. Nhuận, Hg. d. Vinh, Ngô v. Cương, Đào m. Văn, Ngô v. Khoan, Đào t. Quyền, Ng. v. Tuân, Dh. v. Tỉnh, Ph. v. Tài, Vũ v. Áp, Tr. qg Chính, Tạ ng. Bạch 7,20

Vers ts de 0$,30: M. M. Ng. h. Quang, Ngh. v. Ba, Vũ v. Nguyện, Lê v. Nan, Ng. x. Nghị, Ng. d. Chính, Đào t. Mậu, Vũ v. Nguyện, Ng. v. Ân, Ng. v. Viên, Ng. d. Luân, Tr. t. Quế, Bùi v. Sục, Tr. d. Bốc, Hg d. Chính, Ngô v. Thiệp, Vũ Ph. Lương, Hg. h. Hưng, Chu v. Thạch, Chu dh. Hoàn, Đinh v. Chẳng, Ng. d. Chính, Ng. v. Thiều, Ng. Quỹ, Lg v. Biểu, Đào v. Thuyết, Ph. qg. Chủ, Mai v. Kiều, Lê b. Kiệm, Ng. v. Tiêu, Ph. v. Ngọ, Ng. d. Khôi, H. q. Bằng Lê v. Mạnh, Huỳ v. Hảo, Ph. v. Nghi, Ng. d. Tạo, Ng. b. Tuấn, Ph. v. Đốt, Ng. dq. Quang, Ch. v. Thưởng, Đỗ v. Nêu, Đào v. Nhiễm, Tạ duy Chu, D. trg. Tuấn, Ngô v. Lon, Tr. m. Đạo, Lê v. Lập, Chu t. Tiêu, Tr. v. Lê, Ngô v. Bảm, Ng. v. Đính, B. v. Tiêu, Ng. v. Át, Ng. v. Bút, Hg. v. Chính, Lê k. Nêu, B. v. Miêu, Hà k. Đàm, Lê v. Dần, Tr. v. Ân, Ng. v. Xuân 18,60

Total . . . . 37$,30

Divers:

Vers t de 3$,: M. Bùi mạnh Hợp . . . . . 3$,00

Total général de la Province de Hanam . . . 293$,60

Province de Phúc-Yên

Personnel Français

Vers t de 25$,: M. Delsalle, adteur délégué . . . . . 25$,00

Vers t de 5$,: M. Vincent, inspteur de la G. I. 5,00

Total . . . 30$,00

Personnel Annamite

Vers ts de 25$,: M. Bùi-huy-Tiến, Tuần-phủ, M. Nguyễn Doãn Thạc, An-sát . . . . . 50$,00

Vers ts de 5$,: M. Chu v. Mậu, Ecole des Garçons . . . . 10$,00

Vers ts de 2$,: M. M. Đỗ v. Hữ, Kiều v. Ngoạn, Ng. v. Bửi, Ng. v. Hoan, Personnel indigène (Délégation) 10,00

Vers ts de 1$,: M. M. Ng. h. Lê, Ng. h. Đàm, Dương-bách-Duyệt, Lê h. Dzuỏ, Ng. Cường Đàm, Ng. dh. Dziện, Hg. m. Lan, Ph. dh. Hợp, Ng. h. d Bân 9,00

Total . . . . 79$,00

Phủ de Đa-Phúc

Vers t de 3$,: M. Nguyễn Sán, Tri-phủ . . . . . 3$,00

Vers ts de 1$,: M. M. Ph. Dzu, Tr. t. Thuỵ, Đỗ v. Tuân, Ng. v. Trường, Ng. v. Khang, Ng. v. Đạo, Ng. v. Nha, Ph. v. Chính, Đỗ b. Bính, Đỗ v. Quí, Ng. d. Chạo, Ng. v. Thuyết, Đỗ bá Tiêu, Lê v. Quản, Ngh. Chính, Ng. v. Vy, Ng. v. Hoạt, Ng. v. Kim, Quách v. Tiến, Ng. công Huỳnh, Tr. v. Liêm, Ng. h. Hề, Ng. d. Lộc, Ng. v. Thủ, Ng. v. Dương, Ng. v. Vay, Liêu v. Gia, Đỗ v. Ba, Đỗ v. Chu, Ng. v. Vinh Ng. v. Chính, Ng. dh. Sâm, Ng. v. Thạc, Ng. v. Thủ 34,00

Total . . . 37$,00

Phủ de Yên-Lãng

Vers t de 5$,: M. Tr. hữu Chiêm, Tri-phủ . . . . . 5$,00

Vers t de 2$,: M. Ng. v. Cát 2,00

Vers ts de 1$,: M. M. Hoàng v. Tài, Hoàng v. Hết, Tr. v. Hán, Lê kh. Liêm, Ng. v. Phúc, Đỗ v. Bính, Ng. v. Trác, Ng. xuân Thu, Ng. v. Khang, Ng. h. Hiệu, Ng. dh. Công, Ng. v. Giảng, Bùi b. Lược, Ng. v. Cừ, Ng. v. Uyl, Hoàng qg. Hữ, Ng. như Thuỷ, Hoàng dh. Cầm, Ng. v. Seol Trường v. Minh, Trương thế Dực, Ng. v. Nhiệp, Ng. v. Chiêu, Ph. v. Hiếu, Bạch v. Các, Ng. v. Thuỵ, Vũ v. Cúy 27,00

Vers t de 0$,60: M. Bùi v. Tuân 0,60

Vers ts de 0$,50: M. M. Trần văn Uyên, Vũ v. Chung, Đỗ v. Minh, Nguyễn văn Luân, Nguyễn v. Thỏ, Lê v. Thông, Nguyễn văn Tiết, Ng. v. Thân, Ph. v. Minh, Lê v. Cúy, Bùi b. Chiêu, Ph. v. Mẽ, Ng. v. Lăng, Ng. v. Tín, Hoàng v. Cũng, Ph. v. Lan, Ngô v. Cuỷ, Đặng d. Đạo, Ph. huy Thân, Trần văn Dực, Lê văn Sâm, Dg. văn Thục 11,00

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Vers^{ts} de 0$^{\$}$,30: M. M. Ng. h. Y, Ng. đ. Chỉnh, B. v. Ty, Ngô v. Ái, Ng. v. Chú, Ng. v. Hữu, Đg v. Thụng, Lê phg. Cúc, Lê v. Khoa . . . . . 2$^{\$}$,70

Vers^{ts} de 0$^{\$}$,20: M. M. Đặng v. Lựu, Hà văn Càn, Dương v. Tuỳ, Bùi v. Chính 0,80

Total . . . 49$^{\$}$,10

Huyện de Kim-Anh

Vers^{ts} de 3$^{\$}$: M. M. Ng. khánh Trường, Ngô khắc Quản, Ng. Lai, Ng. Ước, Ng. Giảng, Tr. Trọng . . . . . 18$^{\$}$,00

Vers^{ts} de 2$^{\$}$: M. M. Ngô Hạt, Ng. Quế, Ng. Nhi, Tạ v. Chất, Ng. Sinh 10,00

Vers^{ts} de 1$^{\$}$: M. M. Lê kh. Hy, Lê ng. Hành, Lê h. Lập, Lê v. Huệ, Vũ v. Dốc, Tạ v. Thạch, Cao xa Văn, Ngô v. Hân, Ng. v. Nghĩa, Đg. v. Khang, Ng. kh. Minh, Ngô kh. Tuệ, Ng. v. Hiếu, Ng. v. Nghiêm, Đinh v. Vy, Ngô v. Ất, Ng. v. Viên 17,00

Total . . . 45$^{\$}$,00

Huyện de Đông-Anh

Vers^{t} de 7$^{\$}$: M. Đào trg. Hưởng, Tri-huyện . . . . . 7$^{\$}$,00

Vers^{ts} de 2$^{\$}$: M. M. Ngô mạnh Nghênh, Ng. thế Ty 4,00

Vers^{ts} de 1$^{\$}$: M. M. Ng. Dụng, Ng. n. Lung, Lê v. Vy, Vg. v. Trù, Ng. v. Toàn, Đ. trg Tỷ, Hg. t. Bằng, Ng. q. Huyên, Ngô q. Thước, Đào v. Dương, Tr. ng. Cầu, Trg. đg Dịch, Ngô đh. Giám, Ng. Côn, Ng. v. Dương, Ng. thế Chuyên, Ng. v. Khúc, Tr. v. Liệu, ... 18,00

Vers^{ts} de 0$^{\$}$,50: M. M. Ng. bá Tùng, L. v. Sài, Tr. v. Lương, Ng. h. Cần, Đ. v. Thừa, Hg. v. Luận, Tr. v. Tạo, Ng. v. Bền, Đh. v. Thanh, Ng. đh. Thi, Ng. duy Thụy, B. v. Nguyên, Lê gia Hòa, Ng. v. Kế, Vũ đh. Bích, Lê x. Thuần, Hg. v. Thiệt, B. q. Thích, Ng. v. Nghiêm, Ng. v. Đặng, Ng. v. Mỹ, Đh. v. Khanh, Ng. v. Thú, Ng. v. Thìn, Ng. v. Tân, Đh. v. Tinh, Lê v. Niêm, T. v. Tuyên, Ng. t. Ất, Ng. Cầu, Tường v. Tuệ, Hg v. Hưởng, Ng. v. Lâm, Dg. v. Dưỡng, Ng. d. Thẩm, Ng. v. Điền, Ng. q. Quì 18,50

Total . . . 47$^{\$}$,50

Total général de la P^{ce} de Phúc-Y . . . . 287$^{\$}$,60

Total général à reporter au prochain numéro . . 8471$^{\$}$,25

QUỐC-VĂN KHẢO-BIỆN

Tức là một bộ sách khảo-cứu về

VẬN-VĂN và TẢN-VĂN

đủ các lối

Hiện nay mới xuất-bản hai quyển đầu
QUYỂN NHẤT giá : **0 $ 15** — QUYỂN NHÌ giá : **0 $ 20**
Còn độ mười quyển nữa sẽ tiếp-tục ra sau.

Ai đã làm văn mà nhất là ai muốn tập viết quốc-văn cũng nên có một bộ « **QUỐC-VĂN KHAO-BIỆN** » này.

Succursale Hưu-Du-Hưng — Nam-Định

ĐOÀN-KÝ

HỰU-TAM-ĐỒNG

Bureau et Magasin 34, Rue des Voiles - Hanoi

Fabrication et réparation des pousse-pousse
Vente des articles de Véhicules
LIBRAIRIE — PAPETERIE
Gros et Détail

Chi-điểm : Hữu-du-Hưng Nam-Định

Hiệu bán, đóng và chữa xe
Bán đủ đồ dùng các hạng xe
BÁN BUÔN VÀ BÁN LẺ
Sách vở — Tạp hóa — Giấy bút

Đồng-cục : 34, Pl ổ hàng buồm Hanoi

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

DAC-BANG

72, Rue des Paniers, 72 — HANOI

QUINCAILLERIE — FERRONNERIE — OUTILLAGE

Fournitures générales pour les Travaux Publics, les mines, le bâtiment, l'Industrie et l'agriculture.

FABRIQUE DE :

SAVON — CRÉSYL — CIRE A PARQUET ET A CACHETER

GROS ET DÉTAIL

TELEPHONE Nº 341



CHEZ CHANSON & Cie

58, Rue Paul Bert — Hanoï

PHONOS & DISQUES VICTOR

Première Marque du Monde

PHONOS ELECTRIQUES

Disques de toutes Marques
Gramophone Odéon Fonotipia
Annamites & Chinois

Grand choix de pipes et de fumes-cigarettes

INSTRUMENTS DE MUSIQUE
Violons — Mandolines
Accordéons

VENTOUSES A POMPE
S'APPLIQUENT *SANS FEU*
Pour rhumes, bronchites, douleurs de reins, rhumatismes
(12 Ventouses posées en 1 minute)

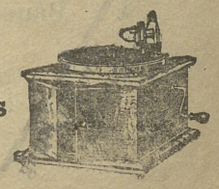

LỜI CON TRẺ

LÀ SÁCH SƯU-TẬP CÁC BÀI HÁT

Cốt để mở-mang trí-tuệ và luân-lý cho trẻ con

BÙI-HUY-CƯỜNG soạn

Sách này nhiều báo đã công-nhận là rất bổ-ích
Vì văn dản-dị và tư-tưởng lại vừa tầm với sức trẻ thơ
Có nhà báo đã phê-bình mấy câu rằng :
Ấu-trĩ-viên nên mua quyển sách này,
Nhà nào có con em nên mua quyển sách này.

Giá bán : **0$15**

GƯƠNG-THẾ-SỰ

Là 2 quyển thơ ngụ-ngôn
Quyển nhất hết đã lâu — Quyển nhì còn rất ít
Mỗi quyển dầy 50 trang, Giá : **0$20**

PHÚ-MỸ-HIỆU

TẠP-HÓA

Phố hàng Đào số 76, Hà-nội

Bán đủ các đồ vặt-vãnh cần dùng,
Giá nhất-định dễ mua
Buôn bán thực-thà có tiếng
Xin mời quý-khách chiếu-cố cho

NGUYỄN-BÁ-NGỌC

PROPRIÉTAIRE

Mon QUẢNG-TÂN-HƯNG

HANOI — 43, Bd Đồng-Khánh, 43 — **TONKIN**

FOURNITURE GÉNÉRALE DE BOIS

Atelier d'ébénisterie

MEUBLES DE STYLE

Grande fabrique de Nattes en jonc retors, jonc plat

Carpettes tissage artistique

TÉLÉPHONE Nº **325**

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

CẦN-BẠCH

Hiệu Trâu Vàng

Ở cuối phố Hàng-Đào số nhà 105 (HANOI) ngoài cửa có treo con trâu bằng gỗ thếp vàng

Hiệu tôi mới mở có bán vóc, nhiễu, the, lượt và hàng saïgon. Hiệu tôi suy-cầu trong sự buôn bán không gì bằng thật-thà và ăn lãi ít, cho nên hiệu tôi phải bán giá nhất-định không phải mặc-cả, thứ nào cũng đã đề giá sẵn, tiền nào của ấy, rất là phải chăng. Hiệu tôi còn muốn đua ganh với các cửa hàng, còn mong được tiếng khen với các quí-khách, và còn để các quí-khách nhớ lâu dài mãi mãi thời hiệu tôi phải giữ lòng tin với các quí-khách, mời các quí-khách lại mua dùm cho hiệu mới tôi.

Nay cẩn-bạch

HIỆU TRÂU VÀNG

ở cuối phố Hàng-Đào số nhà 105 (HANOI), ngoài cửa có treo con trâu bằng gỗ thếp vàng

---

LIBRAIRIE — CORDONNERIE — SELLERIE — CHAPELLERIE

吉 CAT-THANH 成

No 3, Rue du Chanvre HANOI

SUCCURSALE

2e Quartier à PHU-THO

Kính trình các quí-khách biết:

Hiệu tôi làm đủ các thứ đồ da như yên ngựa, giầy tây, giầy annam, valise, cặp sách, và bán các giấy, bút, mực tây, các thứ sách truyện quốc-ngữ, đồ tạp-hóa như các thứ mũ, khăn sếp, giây lưng, bít-tất, v. v.

Các quí-khách có lòng chiếu-cố xin nhận hiệu Cát-Thành số nhà 3 phố hàng Gai Hanoi, và Chi-điếm ở phố thứ Hai tỉnh Phú-thọ.

Hoặc các ngài rời gót ngọc đến mua cho, hay là gửi thơ về, bản-hiệu xin gửi theo lối lĩnh-hóa giao-ngân (contre remboursement) rất là cẩn-thận.

CÁT-THÀNH *kính-bạch*

FOYER DES ÉTUDIANTS ANNAMITES

Œuvre de développement moral de la jeunesse annamite strictement neutre aux points de vue politique et religieux

5, *Rue de Vọng-Đức*, Hanoi, Tonkin. — Téléphone 328

COMITÉ DE PATRONAGE

M.M. MONGUILLOT, Résident Supérieur au Tonkin.
ROBIN, Secrétaire Général du Gouvernement Général de l'Indo-
Le Docteur COGNACQ, Gouverneur de la Cochinchine, [chine,
BLANGUERNON, Inspecteur d'Académie, Directeur P. I. de l'Instruction Publique en Indochine,
MUS, Inspecteur des Écoles Normales.
L. L. E. E. HOÀNG-CAO-KHẢI, Ancien Kinh-Lược du Tonkin,
THÂN-TRỌNG-HUỀ, Ministre de la Guerre et de l'Instruction Publi-
PHẠM-VĂN-THỤ, Ministre des finances, [que,
HOÀNG-TRỌNG PHU, Tổng-Đốc de la province de Hà-Đông,
LÊ-TRUNG-NGỌC, Tổng-Đốc, Conseiller à la cour d'appel de Hanoï
TRẦN-VĂN-THÔNG, Tổng-Đốc, Conseiller à la Cour d'Appel de Hanoï

Président d'Honneur:
M. Louis MARTY, Administrateur des Services Civils.

SALLE DE LECTURE. — L'Illustration, Les Annales, Les Lectures pour tous, Je sais tout, La Nature, La Revue scientifique, La Revue Bleue, La Revue Mondiale, La Revue de Paris, La Revue Indigène, La Revue Métapsychique, La Revue Spirite, Lisez-moi, Le Message Théosophique, Le Temps, Le Chasseur Français, Les Annales Coloniales, Le Semeur.

La Revue Indochinoise, Les Pages Indochinoises, Le Bulletin de l'Ecole Française d'Extrême-Orient, Le Bulletin général de l'Instruction publique, La Revue du Tourisme, Le Bulletin de l'Amicale de l'Université, Le Bulletin de l'Enseignement mutuel, Le Nam-Phong Le Hữu-thanh, Le khoa-học-tạp-chí, France-Indochine, Le Courrier d'Haiphong, L'Indépendance Tonkinoise, L'Eveil Economique, Les Sports Indochinois, Le Trung-Bắc tân-văn, Le Khai-Hóa nhật-báo, Le Thực-Nghiệp dân-báo, La Tribune Indigène, La Voix Annamite, Le Trung-Hòa nhật-báo, Le Đông-Pháp thời-báo, le Nam-Kỳ Kinh-Tế, etc, etc...

SALLE DE JEUX — 200 jeux de Sociétés, Phonographes, Cinéma
SALLE DE CONSOMMATIONS. — RESTAURANT.
PENSION — (électricité, douches) nourriture compris 9 $ ou 13 $ 50 par mois (réservée aux membres).
BIBLIOTHEQUE de 1.000 volumes, prêtés aux membres (6 par semaine). Envoi de livres aux membres de l'intérieur sur dépôt d'une caution remboursable.
CONFÉRENCES de culture morale et générale.
EXCURSIONS guidées à des monuments historiques et à des établissements industriels.
ENTRETIENS FAMILIERS.
etc, etc...

Droit d'inscription : 0 $ 50. — Cotisation mensuelle : 0 $ 20.

Université Côte d'Azur. Bibliothèques

Giải nghĩa bức tranh mặt bìa

LÉGENDE DU DESSIN DE LA COUVERTURE

Nghi ngút khí linh tú ;
Ba cành cây cổ-thụ,
Tựa cảnh trong ba kỳ.
Một giải non sông cũ,
Vun giồng trải mấy thu.
Gốc rễ thực kiên cố.
Tốt thay gốc rễ ấy !
Tinh-hoa giời đất tụ.
Kính anh, tôn đứng thân ;
Luân-lý làm quy-củ.
Cây cao sát từng mây,
Cành lá cùng nương phụ,
Cành cao, cây vững vàng,
Chim đậu kể đàn lũ.
Hỡi hỡi bạn tuổi xanh !
Trăm chim bay về tổ.
Lồng-lộng mặt giời cao ;
Sắc cây thêm sáng tỏ.
Đại-Pháp đuốc văn-minh,
Rực-rỡ cõi Nam-thổ.

Un vigoureux banian s'élance vers le ciel.

Ses trois maîtresses branches ont pour noms: Annam, Tonkin, Cochinchine.

Ses fortes racines dans le sol sont le respect des ancêtres et des traditions,

Ses rameaux sont intimement enchevêtrés,

Ils abritent le nid vers lequel s'élance la jeunesse.

A l'horizon se lève radieux le soleil de la Civilisation française.

佳氣何鬱葱三枝連一樹譬若我三圻一帶山河古
培植幾經秋根深且蒂固美哉此根蒂精華所灌注
敬長與尊親奕葉保先築直幹凌雲霄枝葉相依附
上有安穩巢眾鳥得棲住越南諸青年不啻鳥斯聚
煌煌旭日升滿樹陽光普法國新文明照耀我南土

Imp. THUC-NGHIÊP
Hanoi

Le Directeur Gérant,
Signé : P. MONET

Université Côte d'Azur. Bibliothèques